

Theravāda
Phật Giáo Nguyên Thủy

Đức Thế Tôn
Và
45 năm Hoằng pháp độ sinh

Tập 7

Tỳkhuu Chánh Minh
Biên soạn

Những chữ viết tắt

-o-o-

A.	Āṅguttara nikāya (Tăng chi bộ kinh).
AA.	Āṅguttara Atthakathā (Sớ giải kinh Tăng chi).
Ap.	Apadāna (Ký sự).
ApA.	Apadāna Atthakathā (Sớ giải kinh Ký sự).
Beal.	Romanitic Legend of the Buddha (Tích truyện của Đức Phật) (Kegan Paul).
Buv.	Buddhavaṃsa (Phật Tông).
BuvA.	Buddhavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Phật Tông).
Cp.	Cariyapiṭaka (Hạnh Tạng)
Cv.	Cūḷavaṃsa (Tiểu sử).
CvA.	Cūḷavaṃsa Atthakathā (Sớ giải tiểu sử).
D.	Dīghānikāya (Kinh Trường bộ).
DA.	Dīghanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trường bộ).
Dhp.	Dhammapāda (Kinh Pháp cú).
DhpA.	Dhammapāda Atthakathā (Sớ giải kinh Pháp Cú).
Dv.	Dīpavaṃsa (Đào sử).
DvA.	Dīpavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Đào sử).
Dvy.	Divyāvadāna (Thiện nghiệp thí dụ).
Iv.	Itivuttaka (Kinh Như Thị thuyết).
IvA.	Itivuttaka Atthakathā (Sớ giải kinh Như thị thuyết).
J.	Jātaka (kinh Bốn sanh).
JA.	Jātaka Atthakathā (Sớ giải kinh Bốn sanh).
Lal.	Lalita Vistara (Phổ Diệu kinh).
M.	Majjhima nikāya (Kinh Trung Bộ).
MA.	Majjhima nikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trung Bộ).
Mhv.	Mahāvaṃsa (Đại sử).
Mil.	Milindapañhā (Milinda hỏi).
Mtu.	Mahāvastu (Đại Sự).
Pv.	Petavatthu (Ngạquý sự).
PvA.	Petavatthu Atthakathā (Sớ giải Ngạ quý sự).
S.	Saṃyuttanikāya (Kinh Tương ưng).
SA.	Saṃyuttanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ứng).
Sn .	Suttanipāta (Kinh Tiểu tụng)
SnA.	Suttanipāta Atthakathā (Sớ giải kinh Tiểu tụng).
Sp.	Samantapasādikā (Sớ giải Tạng Luật).
Thag .	Theragāthā (Kệ Trường lão Tăng).
ThagA.	Theragāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trường lão tăng).
ThigA.	Therīgāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trường lão ni).
Ud.	Udāna (Phật tự thuyết).
UdA.	Udāna Atthakathā (Sớ giải kinh Phật Tự thuyết).
Vin.	Vinaya (Luật Tạng).
Vv.	Vimānavatthu (Thiên cung sự).
VvA.	Vimānavatthu Atthakathā (Sớ giải Thiên cung sự).

Lời nói đầu

-o-o-o-

Từ đáy vực sâu vươn mình đứng dậy rồi đạt đến tột đỉnh quang vinh, tựa như cánh sen xanh từ đáy bùn nhơ, vượt qua lớp bùn tanh tưởi, thoát khỏi nước ao tù hạn hèn, tỏa rạng hương sắc trong ánh dương quang.

Cũng vậy, Đức Moggallāna (Mụckiềnliên) từ địa ngục khổ đau, nương tựa vào pháp lành Balamật (pāramī), thoát ra khỏi chốn tù đày, rồi cũng nương vào các hạnh lành này trở thành vị Thượng thủ Thịnh văn tay trái của Đức Thế Tôn Gotama, đệ nhất thân thông trong hàng Tăng lữ.

Một đời vẫy vùng ngang dọc, tam giới ra vào như chỗ trống không người. Cõi Phạm thiên thường lui tới như khách nhàn du viếng thăm miền đất lạ, chốn chư thiên đi về như kẻ tha hương thường về thăm quê xưa làng cũ.

Tay vươn ra lay động càn khôn, chân bước tới mây dấy tinh hà chuyển động, trái đất thu gọn trong lòng bàn tay, ngón chân làm rung chuyển điện ngọc Chiến thắng (Vejayanta), thiên nhân kinh hoàng, ngọc nữ khiếp đảm, thiên vương Sakka (Đế Thích) chẳng còn chút tự hào, lập lại lời Phật dạy không sót một từ, không sai một chữ.

Vươn tay ra đưa gã ác giới ra khỏi nơi trong sạch, trả lại nguồn thanh tịnh cho cộng đồng Tăng lữ, ngón chân khẽ chạm vào, tòa giảng đường mẹ Migāra (Migāramātupasāda) lung lay dường như muốn sụp đổ, Tăng chúng hải hùng không còn nao động.

Khê lay động thân mình, rồng chúa Nandopananda hung hăng phải cuống cuồng bỏ chạy, để rồi quỳ đánh lễ dưới chân xin tha mạng. Đứng yên lặng nhìn, rắn chúa Ahichatta cuống ngông phải cúi đầu khuất phục, tình nguyện làm lọng che chắn gió rét sương lạnh trong đêm của núi rừng thâm u bí hiểm.

Khê nhắc tay đưa người hữu duyên về vùng đất lành chân lý.

Âm thanh phát ra, Phạm thiên phải từ bỏ tà kiến ôm ấp từ trước.

Tia mắt hướng phương nào, Phạm thiên, thiên nhân cùng những chúng sinh kỳ hình dị tướng phải xuất hình lộ diện.

Có thể nắm chân núi Sineru (Tudi) như cầm chiếc lọng ngao du giữa hư không, xoay tít trái đất như xoay quả bóng tròn trên đầu ngón tay.

Đường xa vạn dặm gần lại trong gang tấc, chỉ một ít bột nướng đủ cứng đường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, *Dốc bánh* ấy còn ghi tích diệu kỳ.

Hiểu biết rất nhiều nhưng ít nói, điềm đạm thận trọng trong từng lời và cử chỉ. Luôn ẩn mình trong nếp sống cô liêu, đồng hành với người bạn đường cô tịch, giữa chốn kinh thành náo nhiệt mà dường như đang sống nơi rừng sâu núi thẳm, mỗi bước chân đi không gián đoạn tâm thiền.

Từng bước chân là pháp lành Như ý (iddhipāda).

Kết hợp hài hòa với trí tuệ và uy lực, tùy bối cảnh tế độ người hữu duyên bằng trí tuệ hay bằng thần lực, hoặc cả hai

Đó là khái lược chân dung của Đức Moggallāna, tất cả thành tựu từ nỗ lực rèn luyện bốn pháp Như ý.

Đó là những nét hào hùng hoành tráng của những trang Phật sử mà Đức Moggallāna tô điểm vào.

Nhưng than ôi! Bi thảm chen vào, đau thương choán chỗ, thần thông diệu kỳ đầy uy lực không thể cản ngăn quả ác nghiệp. Ngài bị đánh tan xác rồi viên tịch.

Kinh cảm thay cho ác nghiệp, chỉ một lần vấp ngã, hằng trăm kiếp chịu bi thương; chỉ một lần vấp ngã, hằng trăm kiếp chịu đọa đày.

Kinh sợ thay cho ái dục, chúng luôn làm mù quáng lương tri của những kẻ bị chúng bắt làm nô lệ. Chúng chìm sâu những kẻ dưới quyền vào vùng tăm tối, khó tìm ra lối thoát.

Thoát ra rồi vươn đến đỉnh cao tốt cùng là tấm gương dững mảnh rất khó tìm trong khắp cõi nhân thiên.

Kỳ tích không hề xuất hiện hai lần, Ngài là tấm gương trong sáng để hậu học noi theo, tự kiên trì nỗ lực vượt qua tất cả những chướng ngại, trói buộc.

Ngài là ánh đuốc soi đường để hậu học cẩn trọng trong hành động, lời nói và ý tưởng; lánh xa việc ác, thực hành thiện nghiệp.

Ngài là những vần thơ kiên nghị giúp hậu học trui rèn ý chí dững mảnh kiên cường, không hề khuất phục trước ác pháp, bằng nỗ lực chính mình để chiến thắng mọi ác pháp và ô nhiễm.

Ngài là cánh hoa sen ngạt ngào hương trong làn gió dịu hiền của khung trời Phật đạo.

Kính dâng lễ Đức Moggallāna với nguồn tâm ý kính thành và tri ân vô hạn.

Tỳkhuu Chánh Minh cẩn bút.

**Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Kính dành lễ Đức
Thế Tôn, Bậc Alahán Chánh Đẳng Giác.**

-o-o-o-

II - Đức Moggallāna (Muckiềnlên).

Không xa kinh thành Rājagaha (Vương xá) lắm⁽¹⁾, có ngôi làng Kolita cạnh bên làng Upatissa⁽²⁾, có gia tộc Balamôn Moggallāna là trưởng làng.

Chữ Moggallāna xuất phát từ ngữ căn *Mudgala* nghĩa là “nhà thiên văn”. Moggallāna là một tộc họ Balamôn cổ thuộc hệ “xem thiên văn”.

Làng Kolita là ngôi làng do Balamôn Kolita thành lập từ xa xưa, Balamôn Kolita thuộc tộc họ Moggallāna, trong làng hầu như không có người nghèo.

Vị trưởng làng Kolita trong thời Đức Phật hiện tiền được xem như “một tiểu vương”, nữ Balamôn trưởng làng là Moggallī.

Hai gia tộc trưởng làng Upatissa và Kolita giao du mật thiết từ 7 đời qua.

Vào ngày hài tử Upatissa chào đời, cũng là ngày bà Moggallī (còn được viết là Moggallānī) sinh ra một hài tử, hài tử này được đặt tên là Kolita.

Tuy cùng sinh ra một ngày nhưng có khả năng Kolita sinh sau Upatissa.

Hai cậu bé khi lớn khôn trở thành hai người bạn rất thân, không ai có thể tách lìa hai cậu bé, khi chơi đùa cũng như khi học tập cả hai luôn gắn bó và đồng tình với nhau. Ở đâu có Upatissa thì nơi đó có Kolita, ở đâu có Kolita thì nơi đó có Upatissa.

Tình bạn này không phải kéo dài chỉ trong giai đoạn thời gian nào đó, mà kéo dài đến trọn kiếp sống của hai người.

Khác với bà Rūpasārī có đến 7 người con, bà Moggallī chỉ có độc nhất một người con là Kolita

Điều đặc biệt là, tuy có vài ý thích khác nhau nhưng không vì thế mà tình bạn bị giao động, mỗi người đều có 500 tùy tùng. Thanh niên Upatissa có 500 kiệu vàng để di chuyển, còn thanh niên Kolita có 500 cỗ xe do ngựa thuần chủng Sindhu kéo đi.

Tính tình của Upatissa phóng khoáng và nhu hòa, trái lại tính của Kolita thì nghiêm khắc và thận trọng, nếu không muốn nói là bảo thủ.

Thanh niên Upatissa thì tháo vát tìm kiếm những gì chưa có, tìm hiểu những điều mới lạ, phát huy những sáng kiến, trái lại thanh niên Kolita thì gìn giữ phát triển những gì đã có, hai tính khí này thoạt nhìn thì trái ngược lẫn nhau nhưng thật ra lại bổ túc cho nhau rất mật thiết, nên không bao giờ hai người có bất đồng ý kiến hoặc sự bất bình nào với nhau dù đó là điều nhỏ nhặt nhất.

Trong một lễ hội Giraggasamajjā (*Sơn đình*) được tổ chức hằng năm ở thành Rājagaha (Vương xá), hai thanh niên Upatissa và Kolita tham dự lễ hội.

Hai vị cùng phát sinh kinh cảm trí (*saṃvegañāna*), cùng nhau từ bỏ gia đình sống đời sống xuất gia, được gọi là du sĩ Upatissa và du sĩ Kolita.

Về sau khi du sĩ Upatissa nghe được kệ ngôn về *Bốn sự thật* vẫn tắt của Đức Assaji là:

Ye dhammā hetuppabhavā; ye saṃ hetuṃ Tathāgato.

Tesañca yo nirodho ca; evaṃ vadī mahāsamano.

“*Các pháp sinh lên do có nhân; Đấng Như Lai chỉ rõ nhân ấy.*

Và nhân ấy diệt thì pháp ấy diệt; Bậc Đại Samôn đã dạy như thế”.

Du sĩ Upatissa chứng Thánh quả Dự lưu, rồi tìm đến du sĩ Kolita lập lại kệ ngôn trên, du sĩ Kolita chứng Thánh quả Dự lưu và hai vị cùng 250 tùy chúng của mình đi đến Veļuvana (rừng Trúc) xin Đức Thế Tôn được xuất gia trong Giáo pháp này.

(1)- SnA. i. 326; DhpA. i. 73; Mtu. iii. 56.

(2)- Nay thuộc tiểu bang Bihar, Ấn Độ.

Tất cả đều được xuất gia theo cách *Etha bhikkhavo* (Hãy đến đây này các Tỷkhu). Sau khi xuất gia, Ngài Upatissa được các Tỷkhu gọi là Sāriputta (con bà Sārī), còn Ngài Kolita được gọi là Moggallāna (con bà Moggallī) hay Mahāmoggallāna để phân biệt với các vị Moggallāna khác như: Sikkhamoggallāna, Gaṇakamoggallāna, Gopākamoggallāna ...

Khi xuất gia xong, Ngài Moggallāna (Muckiềnlên) đến trú ngụ trong làng Kallavālamutta, trong quốc độ Magadha (Makiệtđà) do quá nỗ lực hành pháp, Ngài mệt mỏi ngồi ngủ gục (pacalāyamāno), Đức Thế Tôn dùng thần thông xuất hiện trước mặt Ngài, dạy cách trừ diệt buồn ngủ như sau:

1'- Khi trú có tưởng (tức chú ý đến đề mục), buồn ngủ xâm nhập thì *chớ có tác ý đến đến nó, chớ có tưởng nhiều đến nó*⁽¹⁾.

2'- Nếu buồn ngủ chưa bị diệt, hãy quán xét pháp đã được nghe, đã được học thuộc lòng.

3'- Nếu buồn ngủ chưa bị diệt, hãy đọc tụng pháp một cách rộng rãi.

4'- Nếu buồn ngủ chưa bị diệt, hãy kéo hai lỗ tai, lấy tay xoa bóp tay chân.

5'- Nếu buồn ngủ chưa bị diệt, hãy đứng lên lấy nước rửa mắt, nhìn lên trời, nhìn các vì sao.

6'- Nếu buồn ngủ chưa bị diệt, hãy tác ý đến ánh sáng, hãy tưởng đến ban ngày.

7'- Nếu buồn ngủ chưa bị diệt, hãy đi kinh hành.

8'- Nếu buồn ngủ chưa bị diệt, hãy nằm như dáng nằm sư tử, về phía hông phải, hai chân gác lên nhau, ngủ với tác ý tưởng thức giấc. Sau khi thức giấc hãy thức giấc thật nhanh (tức là ngồi dậy thật nhanh).

Đức Thế Tôn chỉ ra nguyên nhân dẫn đến buồn ngủ là *liên hệ quá nhiều với các gia chủ*. Đức Thế Tôn dạy Đức Moggallāna rằng: *“Thật vậy, này Moggallāna, ta không tán thán các vị xuất gia có sự liên hệ với các gia chủ. Nhưng với các trú xứ (senāsanāni) ít tiếng ồn, ít tiếng động, thoát khỏi hơi thở của nhiều người (vijanavātāni), những chỗ ở cô độc xa vắng loài người, thích hợp cho đời sống thiên tịnh (paṭisallānasārubbāni), Ta tán thán sự liên hệ với những trú xứ như vậy”* (HT TMC d).

Tiếp theo, Đức Thế Tôn dạy Ngài Moggallāna pháp dẫn đến chứng đạt Thánh quả Alahán⁽²⁾.

Vào ngày thứ 8 kể từ khi xuất gia trong Giáo pháp này, Ngài Moggallāna chứng Thánh quả Alahán.

Tuần lễ kế tiếp sau đó Đức Thế Tôn huấn luyện thiên tịnh cho Ngài Moggallāna và Ngài chứng đạt 5 thắng trí thế gian⁽³⁾.

Trong tập Tương ưng kinh (IV), chương Moggallānasamyuttaṃ (Tương ưng Moggallāna), Ngài Moggallāna có giảng cho các Tỷkhu về các tầng thiên từ Sơ thiên đến Phi tướng phi phi tướng xứ thiên, luôn cả Vô tướng tâm định. Mỗi bài kinh Ngài Moggallāna đều nêu rõ:

“Nếu ai nói một cách chân chánh: “Vị đệ tử được Bạc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí”, người ấy sẽ nói về ta như sau: “Ta là người đệ tử được Bạc Đạo sư hỗ trợ, chứng được đại thắng trí” (HT. TMC d)⁽⁴⁾.

Đồng thời cho thấy rằng, khi Đức Moggallāna an trú tâm trong thiên quả, thì đó là Vô tướng tâm định⁽⁵⁾.

Mười lăm ngày sau, Ngài Upatissa chứng Thánh quả Alahán, đó là ngày trăng tròn tháng Māgha (tháng Giêng âm, theo lịchVN). Vào buổi chiều ngày trăng tròn của

(1)- Tức là thay đổi đề mục và dùng chú ý đến đề mục nhiều.

(2)- A.iv, 85. Chương 7 pháp. Kinh Ngủ gục (pacalāyamānasuttaṃ).

(3)- SA.ii, 235.

(4)- S.iv, 262.

(5)- Là an trú tâm trong tướng Vô thường. Nếu an trú tâm trong tướng khác thì gọi là Vô nguyện tâm định, an trú trong tướng Vô ngã gọi là Không tánh tâm định.

tháng Māgha, Đức Thế Tôn thành lập Tăng đoàn, Ngài ban cho Ngài Sāriputta (Xá lợi phất) địa vị “Đệ nhất thánh Thinh văn cánh tay phải”, Ngài Moggallāna địa vị “đệ nhất thinh văn cánh tay trái”.

***Tiền sự.**

Theo Bản Sớ giải kinh Pháp cú cũng như Bản Sớ giải kinh Tăng chi, cách đây 1 Atăngkỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, vào thời nhân loại có tuổi thọ là 100 ngàn tuổi, thế gian đang rực sáng với hào quang của Đức Phật Chánh giác Anomadassī.

Bấy giờ tiền thân của Đức Moggallāna là trưởng giả Sirivaḍḍhana, trưởng giả Sirivaḍḍhana là bạn của ẩn sĩ Sārada.

Dưới chân Đức Phật Anomasassī, ẩn sĩ Sārada ước nguyện thành “Thượng thủ thinh văn tay phải của Đức Chánh Giác trong tương lai”, nghĩ đến người bạn thân của mình là trưởng giả Sirivaḍḍhana, ẩn sĩ Sārada đi đến dinh của trưởng giả Sirivaḍḍhana khuyên trưởng giả nên ước nguyện là “Thượng thủ thinh văn tay trái của Đức Chánh giác tương lai”.

Nghe theo lời của ẩn sĩ Sārada, cùng với sự trợ giúp của ẩn sĩ Sārada, trưởng giả Sirivaḍḍhana cúng dường trọng thể đến Đức Phật Anomadassī cùng Tăng chúng trọn 7 ngày. Vào ngày thứ 7 sau khi Đức Phật Anomadassī và Tăng chúng thọ thực xong rồi, trưởng giả Sirivaḍḍhana đi đến đánh lễ dưới chân Đức Phật Anomadassī cùng Tăng chúng, cúng dường mỗi Ngài một bộ Tam y, rồi phát nguyện rằng:

- Bạch Thế Tôn, bạn của con là ẩn sĩ Sārada (hay Sarada) đã ước nguyện thành Thượng thủ thinh văn tay phải của Đức Chánh giác trong tương lai. Với phước lành con đã thực hành trong 7 ngày qua, xin cho con được trở thành Thượng thủ thinh văn tay trái của Đức Chánh giác tương lai, như bạn của con.

Đức Phật Anomadassī đưa Vị lai trí quán xét rồi tuyên bố rằng:

“Này các Tỳkhuu, sau 1 Atăngkỳ và 100 ngàn kiếp trái đất, kể từ kiếp này; ước nguyện của thiện gia tử này sẽ trở thành hiện thực trong thời của Đức Thế Tôn có hồng danh là Gotama (Cồ Đàm). Thiện gia tử này có tên là Kolita, là Thượng thủ thinh văn tay trái của Đức Thế Tôn ấy⁽¹⁾.”

Bản Sutta nipāta-atthakathā (Sớ giải kinh Tập) cũng ghi nhận tương tự như vậy⁽²⁾. Nhưng trong tập Apadāna (Ký sự) lại ghi nhận: Vào thời Đức Phật Anomadassī, tiền thân của Ngài Moggallāna là Long vương (nāgarāja) Varuṇa.

Có lần Đức Thế Tôn Anomadassī cùng các Tỳkhuu cư ngụ nơi núi Himavanta (Hymālapson), Long vương Varuṇa cùng các long nữ đến đánh lễ Đức Thế Tôn, các long nữ ca múa để cúng dường đến Đức Phật, chư thiên cũng hòa nhạc cùng các long nữ để cúng dường đến Đức Thế Tôn.

Như có Pāli sau:

374- Anomadassī bhagavā lokajetṭho narāsabho.

Vihāsi himavantamhi devasaṅghapurakkhato.

“Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc trưởng thượng của thế gian, Đấng Nhân Ngưu. Đã cư ngụ tại núi Hymālapson đứng đầu hội chúng chư thiên”.

375- Varuṇo nāma nāgarājā ahaṃ tadā.

Kāmarūpī vikubbāmi mahodadhi nivās’ahaṃ”

“Lúc bấy giờ tôi là Long vương có tên là Varuṇo. Tôi biến hóa thành dáng vóc theo như ý muốn. Tôi đã cư ngụ ở đại dương⁽³⁾.”

Rồi Long vương Varuṇa thỉnh Đức Thế Tôn Anomadassī cùng với 1.000 vị Tỳkhuu Alahán ngự đến “xứ rồng”.

(1)- DhpA. Câu số 11-12; AA. i. 84.

(2)- SnA. i. 326

(3)- ĐĐ Indacando (d). Thánh nhân ký sự (tập I). Ký sự trưởng lão Mahā Moggallāna.

Long vương Varuṇa cúng dường vật thực đến Đức Phật Anomadassī cùng 1.000 vị Tỳkhuu Alahán, tự thân Long vương đánh đàn cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Sau khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn Anomadassī tiên tri rằng: “Long vương Varuṇa sẽ là chúa chư thiên 77 lần, là vị vua cõi người 800 lần; là vua Chuyển luân vương 55 lần.

Vào thời Đức Phật Gotama, hậu thân Long vương Varuṇa từ địa ngục sinh lên nhân giới, tái sinh vào gia tộc Balamôn, có tên là Kolita, sẽ đạt được “đệ nhất thần thông trong giáo pháp của Đức Phật Gotama (CồĐàm). Như có Pāli sau:

382- Yo so saṅghaṃ apūjesi buddhañca lokayānaṃ;
tena cittappasādena devalokaṃ gamissati.

“Người nào đã cúng dường đến Đức Phật, Đấng Lãnh đạo thế gian và hội chúng; với sự tịnh tín ấy trong tâm, người ấy đi đến thế giới chư thiên”.

383- Sattasattatikkhattuñca, devarajjaṃ karissati;
Pathabyā rajjaṃ aṭṭhasataṃ, vasudhaṃ āvasissati.

“Người ấy sẽ cai quản thiên quốc 77 lần, và sẽ ngự trị 800 quốc độ thuộc đất liền ở trái đất”.

384- Pañcapanñāsakkhattuñca, cakkavattī bhavissati;
Bhogā asaṅkhiyā tassa, uppajjissanti tāvade.

“Người ấy sẽ trở thành Đấng Chuyển luân vương 55 lần. Trong thời gian ấy các của cải không thể ước lượng được sẽ sinh lên cho người đó”.

385- Aparimeyye ito kappe, okkākakulasambhavo;
Gotamo nāma gottena satthā loke bhavissati.

“Và vô lượng kiếp về sau này, có Bậc Đạo sư tên Gotama, xuất thân từ gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian”.

386- Nirayā so cavitvāna, manussataṃ gamissati;
Kolito nāma nāmena, brahmabandhu bhavissati.

“Sau khi mệnh chung từ địa ngục, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên (đồng đội Balamôn) với tên là Kolita”(Sđd).

Hỏi. Do quả ác nghiệp nào mà tiền thân Ngài Moggallāna phải rơi vào địa ngục ở kiếp áp chót?

Đáp. Có khả năng là quả của ác nghiệp khi tiền thân Ngài Moggallāna là ác ma Dūsi (Dūsīmāra), ác ma Dūsi nhập vào đứa bé, ném đá vào đầu của Đức Vidhura vị Thượng thủ tinh văn của Đức Phật Kakusandha (CâuLưiTôn).

Ác ma Dūsi đã rơi vào đại địa ngục có ba tên gọi: Lục xúc xứ địa ngục (Chaphassāyatanika), Cọc sắt địa ngục (Saṅkusamāhata) và Nấu sôi địa ngục (Paccattavedaniya)⁽¹⁾.

Trong kinh Hàng phục ác ma, Đức Moggallāna cho ác ma biết: Vào thời Ngài là ác ma Dūsi, Ngài có người chị là Kālī, ác ma hiện tại chính là con của Kālī.

Như vậy, chỉ mới trải qua hơn một kiếp sống ở cõi Tha hoá tự tại, tuổi thọ của thiên nhân cõi Tha hoá tự tại là 8.256 triệu năm (tính theo cõi nhân loại)⁽²⁾, tức là mới trải qua khoảng hơn 10 triệu năm.

Mặt khác, tuổi thọ chúng sinh thời Đức Phật Kakusandha là 40.000 năm, khi nhân loại lui sụt tuổi thọ đến 30.000 tuổi thì Đức Phật Konāgamana (Câu AHàmMâuNi) xuất hiện trong thế gian, khi tuổi thọ nhân loại lui sụt còn 20.000 năm, thì Đức Phật Kassapa xuất hiện. Đến thời của Đức Phật Gotama tuổi thọ nhân loại là 100 năm.

(1)- M.i, Kinh Hàng ma (Māratajjanīyasuttaṃ). Kinh số 50.

(2)- Xem A.i, 205. Kinh các lễ Uposatha. Đức Phật giảng cho bà Visākhā biết: Một ngày đêm cõi Tha hoá tự tại bằng 1.600 năm cõi nhân loại, 30 ngày đêm là 1 tháng, 12 tháng là một năm; tuổi thọ cõi Tha hoá tự tại là 1.600 năm (cõi ấy), tương đương với 8,256 triệu năm cõi nhân loại.

Đối chiếu cho thấy thời gian ác ma Dūsi rơi vào địa ngục phù hợp với những sự kiện được nêu trên.

Ngài Moggallāna có da màu xanh như bông sen xanh, truyền thuyết Tích Lan giải thích rằng: “Do vì Ngài bị đọa dưới địa ngục, rồi tái sinh làm người”.

Có Pāli sau đây.

58- Gajjitā kālameghova, nīluppalāsamāsādiso;

Iddhibalena asamo, moggallāno mahiddhiko.

“*Như sấm nổ trong đám mây đen; tương tự như hoa sen xanh hiện ra.*

Là Như ý lực tối thắng, Moggallāna có nhiều thần lực”⁽¹⁾.

Đoạn kinh văn trên nói đến Thần thông lực của Đức Muckiền liên, nhưng “hoa sen xanh” là chỉ cho thân của Ngài. Bản Sớ giải có ghi:

Nīluppalāsamāsādisoti nīlakuvalayasadisavaṇṇo:

“*Giống như hoa sen xanh hiện ra*” là màu sắc tương tự như đóa hoa sen xanh đậm”⁽²⁾.

***Sự chứng đắc Thánh quả Alahán của Đức Moggallāna.**

Thực hành pháp để thành tựu Thánh quả Alahán có bốn cách là:

- Thực hành pháp khổ, chứng đạt Thánh quả chậm.

- Thực hành pháp khổ, chứng đạt Thánh quả nhanh.

- Thực hành pháp an lạc, chứng đạt thánh quả chậm.

- Thực hành pháp an lạc, chứng đạt Thánh quả nhanh.

Trong bốn cách thực hành pháp trên, Đức Moggallāna thuộc dạng “thực hành pháp khổ, chứng đắc Thánh quả nhanh”⁽³⁾.

Trong bốn cách thực hành pháp này, Đức Thế Tôn có dạy:

- *Thực hành khổ, chứng đắc chậm.*

Là thực hành khó khăn, chứng Thánh quả chậm, được xem là thấp kém cả hai phương diện.

- *Thực hành khổ, chứng đạt Thánh quả nhanh.*

Là thực hành pháp khó khăn, chứng Thánh quả nhanh, được xem là thấp kém một phương diện.

- *Thực hành an lạc, chứng đắc Thánh quả chậm.*

Là thực hành pháp dễ dàng, chứng thánh quả chậm, được xem là thấp kém một phương diện (chỉ cho phương diện chứng Thánh quả chậm).

- *Thực hành an lạc, chứng đắc Thánh quả nhanh.*

Là thực hành pháp dễ dàng. chứng Thánh quả nhanh. Được xem là tối thắng cả hai phương diện⁽⁴⁾.

Nguyên nhân.

Đức Thế Tôn có giải thích ngắn gọn những nguyên nhân dẫn đến bốn cách thực hành trên là:

a- *Thực hành khổ chứng Thánh quả chậm.*

- Thực hành khổ. Là do có bản tính khát ái rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do khát ái (rāga) sinh khởi; có bản tính sân rất cường thịnh ... có bản tính si rất cường thịnh, luôn luôn cảm thọ khổ ưu do si sinh khởi.

- Chứng Thánh quả chậm. Là do năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền và tuệ quyền sinh khởi rất mềm yếu.

Do vậy, không chứng đạt được vô gián tâm định (ānantariyaṃ) để diệt trừ những ô nhiễm (āsava).

b- *Thực hành khổ, chứng Thánh quả nhanh.*

- Thực hành khổ. (như trên).

(1)- Buv.i, 58.

(2)- BvA.i,58.

(3)- A.ii, 154 (b).

(4)- A.ii, 154 (a).

- Chứng Thánh quả nhanh . Do năm quyền sinh khởi rất mạnh, người ấy đạt Vô gián tâm định nhanh chóng, diệt trừ được những ô nhiễm.

c- *Thực hành an lạc, chứng Thánh quả chậm.*

- Thực hành an lạc. Là do không có bản tính khát ái cường thịnh, nên cảm thọ khổ ưu do khát ái ít sinh khởi; không có bản tính sân cường thịnh ... không có bản tính si cường thịnh, nên cảm thọ khổ ưu do si ít sinh khởi.

- Chứng Thánh quả chậm. Là do năm quyền: Tín quyền, tấn quyền, niệm quyền, định quyền và tuệ quyền sinh khởi rất mềm yếu. Do vậy, không chứng đạt được vô gián tâm định (ānantariyaṃ) để diệt trừ những ô nhiễm.

d- *Thực hành an lạc, chứng Thánh quả nhanh.*

- Thực hành an lạc. (Như trên).

- Chứng Thánh quả nhanh. Do năm quyền sinh khởi rất mạnh, người ấy đạt Vô gián tâm định nhanh chóng, diệt trừ được những ô nhiễm⁽¹⁾.

***Đạt danh hiệu “đệ nhất về thần thông”.**

Đức Thế Tôn sau khi dùng *Song thông lực* nhiếp phục chúng dị giáo, Ngài suy nghĩ: “Chư Phật quá khứ sau khi nhiếp phục chúng dị giáo rồi, các Ngài sẽ làm gì?”, Đức Thế Tôn thấy rằng: “Chư Phật quá khứ ngự đến cung trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba), thuyết lên Tạng Abhidhamma (Thăng pháp) để tế độ vị thiên tử mà kiếp trước là “mẫu hoàng của Ngài”.

Sau khi thấy rõ thông lệ chư Phật quá khứ, Đức Thế Tôn đi đến cung trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba), thuyết lên Tạng Abhidhamma để tế độ vị Thiên tử Māyā ở cõi Trời Tusita (Đầusuất). Và Đức Thế Tôn đã an cư mùa mưa lần thứ 7 tại cung trời Tāvātimsa nơi tảng đá màu hồng Paṇḍukampala, tảng đá này dài rộng 60 dotuần, cao 15 dotuần⁽²⁾, là ngại vàng của vua Trời Sakka (ĐếThích).

Các cận sự nam nữ thành Sāvattī (Xávệ) chờ đợi Đức Thế Tôn suốt 3 tháng mùa mưa, khi gần mãn mùa an cư, các cận sự đi đến bạch với Đức Moggallāna rằng:

- Kính bạch Trưởng lão Moggallāna, bao giờ Đức Thế Tôn trở về nhân giới? Nếu chúng con không được trông thấy Đức Thế Tôn trở lại nhân giới, chúng con sẽ không rời khỏi nơi này.

Đức Moggallāna an trú tâm vào Tứ thiên Sắc giới, xuất thiên rồi nguyện rằng: “Tất cả những người nơi đây hãy thấy ta đi đến cõi trời Tāvātimsa”.

Rồi Ngài an trú tâm trở lại Tứ thiên Sắc giới, sau khi xuất thiên, Đức Moggallāna lặn vào trong đất (độn thổ), rồi nổi lên nơi chân núi Sineru (Tudi), núi Sineru nứt đôi để lộ ra con đường từ chân núi đến đỉnh núi ở giữa lòng núi, Đức Moggallāna theo con đường đó đi đến cõi trời Tāvātimsa, trời lên đỉnh núi, đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Tất cả mọi người đều nhìn thấy Ngài đang đi từ núi Sineru đến cõi trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba) như đang ở trước mặt mình.

Đức Moggallāna đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên hợp lễ, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Kính bạch Thế Tôn, đại chúng mong đợi Đức Thế Tôn trở về nhân giới, đại chúng sẽ không giải tán nếu như chưa được diện kiến Đức Thế Tôn.

- Nay Moggallāna, hiện nay Sāriputta (Xá lợi phất) an cư mùa mưa tại nơi nào?

- Kính bạch Thế Tôn, Tôn giả Sāriputta hiện đang an cư mùa mưa nơi cổng thành Saṅkassa.

- Vậy, nay Moggallāna, sau 7 ngày nữa kể từ hôm nay, Như Lai sẽ trở về nhân giới tại cổng thành Saṅkassa.

- Lành thay, lành thay, bạch Đức Thế Tôn.

Rồi Đức Moggallāna đánh lễ Đức Thế Tôn, trở về nhân giới theo lộ trình trước, thông báo cho các cư sĩ nam nữ biết:

(1)- A.ii, 149.

(2)- DA. ii, 482.

- Nay các cận sự, sau 7 ngày nữa Đức Thế Tôn sẽ trở về nhân giới tại cổng thành Saṅkassa.

Khi Đức Thế Tôn từ cung trời Tāvātimsa ngự về nhân giới nơi cổng thành Saṅkassa, Đức Moggallāna đưa hội chúng rộng 12 do tuần đến cổng thành Saṅkassa cung đón Đức Thế Tôn.

Sau khi giảng Pháp thoại đến đại chúng ở cổng thành Saṅkassa, Đức Thế Tôn cùng đại chúng trở về Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên) của trưởng giả Anāthapundika (Cấp cô Độc) cúng dường, gần thành Sāvatti (Xá vệ).

Nơi Giảng pháp đường của Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên), giữa đại chúng Tỳkhuu, Đức Thế Tôn tuyên bố rằng:

Etadaggaṃ, bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ iddhimantānaṃ yadidaṃ Mahā Moggallāno:

“Nay các Tỳkhuu, trong các Tỳkhuu đệ tử của ta, **thần thông tối thắng là Mahā Moggallāna**”⁽¹⁾.

*** Các năng lực thần thông.**

Sự tu tiến thiền tịnh (samādhībhāvanā) mang lại nhiều lợi ích, trong đó có việc chúng đắc thần thông (iddhi)⁽²⁾, như Đức Phật đã dạy:

238- So evaṃ samāhite citte parisuddhe pariyodāte anaṅgaṇe vigatūpakkilese mudubhūte kammaniye ÷hite āneñjappatte iddhividhāya cittaṃ abhinīharati abhininnāmeti. So anekavihiṭṭaṃ iddhividhaṃ paccanubhoti – ekopi hutvā bahudhā hoti, bahudhāpi hutvā eko hoti; āvibhāvaṃ tirobhāvaṃ tirokuṭṭaṃ tiropākāraṃ tiropabbataṃ asajjamaṇo gacchati seyyathāpi ākāse. Pathaviyāpi ummujjanimujjaṃ karoti seyyathāpi udaye. Udaye pi abhijjamaṇe gacchati seyyathāpi pathaviyā. Ākāse pi pallaṅkena kamati seyyathāpi pakkhī sakuṇo. Imepi candimasūriye evaṃmahiddhike evaṃmahānubhāve paṇiṇā parāmasati parimajjati. Yāva brahmalokāpi kāyena vasaṃ vatteti.

“Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, vị Tỳkhuu chú tâm hướng tâm đến các loại thần thông, một thân hoá hiện nhiều thân, nhiều thân hoá hiện một thân, biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già trên hư không như con chim; với bàn tay rời và chạm mặt trăng và mặt trời, những vật có đại uy lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên” (HT. TMC d) ⁽³⁾.

Thiên nhĩ thông (dibbasota), tha tâm thông (cetopariññāṇa), túc mạng thông (pubbenivāsānussati), Thiên nhãn thông hay sinh tử thông (cutūpapātāññāṇa).

Sách Thanh Tịnh Đạo⁽⁴⁾ có giải thích:

Muốn biến hoá nhờ năng lực thần thông như “một thân biến thành nhiều thân...”, thiền giả phải hoàn tất tám thiền chứng (từ Sơ thiền đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiền) với 8 biến xứ (kasina) là: Đất (paṭhavī), nước (āpo), lửa (tejo), gió (vāyo), xanh (nīla), vàng (pīta), đỏ (lohita), trắng (odāta) (mỗi biến xứ với 8 thiền chứng).

Với vị chúng đắc thần thông kiếp trước thì chỉ cần đạt đến Tứ thiền Sắc giới là có thể luyện thông được. Nếu vị chưa từng chúng đắc thần thông trong quá khứ, bắt buộc phải chúng đạt đến thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rồi quay trở về tầng Tứ thiền Sắc giới để luyện thông.

Hành giả cần phải điều phục tâm theo 14 cách:

1’- Thứ tự các biến xứ theo chiều thuận.

⁽¹⁾- A.i, 23. Pháp một chi. Phẩm “Người tối thắng” (Etadaggavaggo).

⁽²⁾- Chỉ cho 5 loại thần thông thế gian là: Thần thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, và Thiên nhãn thông.

⁽³⁾- D.i, kinh Samôn quả (Sāmaññaphalasuttaṃ), số 238.

⁽⁴⁾- Vsm. Chương XII. Thắng trí – Các năng lực thần thông.

Là nhập - xuất thiền (hàng trăm ngàn lần) từ *biển xứ đất* (paṭhavīkasina) tuần tự đến *biển xứ trắng* (odātakasina).

2'- *Thứ tự các biển xứ theo chiều nghịch.*

Là nhập - xuất thiền khởi đầu là *biển xứ trắng* rồi tuần tự ngược chiều đến *biển xứ đất*.

3'- *Thứ tự các biển xứ thuận - nghịch chiều*

Như nhập - xuất thiền từ *biển xứ đất* đến *biển xứ trắng*, rồi từ *biển xứ trắng* trở lui đến *biển xứ đất*.

4'- *Thứ tự thiên theo chiều thuận.*

Là nhập - xuất từ Sơ thiền tuần tự đến Phi tướng Phi phi tướng xứ thiền.

5'- *Thứ tự thiên theo chiều nghịch.*

Là nhập - xuất thiền từ Phi tướng phi phi tướng xứ thiền tuần tự trở lui đến Sơ thiền.

6'- *Thứ tự thiên theo chiều thuận - nghịch.*

Là nhập - xuất từ Sơ thiền tuần tự đến Phi tướng phi phi tướng xứ thiền, rồi từ Phi tướng phi phi tướng xứ thiền tuần tự trở lui lại Sơ thiền.

7'- *Bỏ tầng tầng thiên.*

Là bỏ tầng thiên nhưng không bỏ biển xứ.

Như vị ấy nhập Sơ thiền với biển xứ đất, xuất Sơ thiền, lập tức nhập ngay Tam thiền với biển xứ đất; rồi bỏ biển xứ đất nhập vào Không vô biên xứ thiền, xuất Không vô biên xứ thiền nhập nhập vào Vô sở hữu xứ thiền.

Tương tự như vậy với các biển xứ còn lại.

8'- *Bỏ băng biển xứ.*

Là bỏ biển xứ nhưng không bỏ tầng thiên.

Như vị nhập- xuất Sơ thiền với biển xứ đất, nhập - xuất Nhị thiền với biển xứ lửa, nhập - xuất Tam thiền với biển xứ xanh ...

9'- *Bỏ băng tầng thiên cùng biển xứ.*

Là băng ngang tầng thiên cùng với biển xứ.

Như nhập - xuất Sơ thiền với biển xứ đất, rồi nhập - xuất Tam thiền với biển xứ lửa, rồi dời bỏ biển xứ xanh nhập vào Không vô biên xứ thiền, xuất Không vô biên xứ thiền dời bỏ biển xứ đỏ nhập vào Vô sở hữu xứ thiền.

10'- *Đổi thiên chi.*

Là đổi tầng thiên nhưng không thay đổi biển xứ.

Như đặc Sơ thiền với biển xứ đất, cũng từ biển xứ đất chứng các tầng thiên khác.

11'- *Đổi biển xứ.*

Là đổi biển xứ nhưng không đổi tầng thiên.

Như nhập Sơ thiền với biển xứ đất, xuất Sơ thiền nhập lại Sơ thiền với biển xứ nước ...

12'- *Đổi thiên chi cùng biển xứ.*

Là thay đổi tầng thiên cùng với biển xứ.

Như nhập - xuất Sơ thiền với biển xứ đất, nhập xuất Nhị thiền với biển xứ nước, nhập - xuất Tam thiền với biển xứ lửa, nhập - xuất Tứ thiền với biển xứ gió, dời bỏ biển xứ xanh nhập vào Không vô biên xứ thiền, dời bỏ biển xứ vàng nhập vào Thức vô biên xứ thiền, dời bỏ biển xứ đỏ nhập vào Vô sở hữu xứ thiền, dời bỏ biển xứ trắng nhập vào Phi tướng phi tướng xứ thiền.

13'- *Nhận định rõ chi thiên.*

Là nhận định rõ ràng: Sơ thiền có 5 chi thiên: Tâm, tứ, hỷ, lạc, định.

Nhị thiền có 3 chi thiên: Hỷ, lạc, định.

Tam thiền có 2 chi thiên: Lạc và định.

Tứ thiền có hai chi thiên: Xã và định.

Bốn tầng thiên Vô sắc cũng có 2 chi thiên như Tứ thiền.

14'- *Nhận định rõ biển xứ.*

Là nhận định rõ: Đây là biển xứ đất, đây là biển xứ nước ...

***Mười loại Thần thông.**

Trong tập Paṭisambhidā magga (Đạo Vô ngại giải), Đức Sāriputta (Xá Lợi Phất) có nêu ra 10 loại thần thông, Ngài có giải thích:

Kā iddhi'ti? Itthithānaṭṭhāna iddhi.

“Điều gì là thần thông? Theo ý nghĩa **thành tựu** là thần thông”.

Thần thông (iddhi) có 10 loại là:

1’- Thần thông do chú nguyện (aditṭhānā iddhi).

a-Là một thân hóa ra nhiều thân.

Như Ngài Cūḷa Panthaka hóa ra ngàn vị Tỳkhuu giống như mình (sẽ trình bày ở những tập sau).

Đức Thế Tôn trong lần dùng song thông để nhiếp phục ngoại giáo, Ngài hoá ra một vị Chánh giác giống như Ngài, hai vị Phật (Hiện Phật và Hoá Phật) vẫn đáp như hai vị khác biệt nhau.

Đây là điểm khác biệt giữa vị Chánh Giác với vị Thánh Thinh Văn, vị Thánh Thinh Văn tuy hoá ra nhiều người, nhưng khi hiện thân nói thì các hoá thân cũng nói theo y như vậy, khi vị hiện thân im lặng thì các hoá thân im lặng.

**Nhiều thân gom lại thành một thân.*

Như Ngài Cūḷa Panthaka từ 1.000 thân gom lại thành một thân, nhưng nếu không làm như vậy, vị ấy vẫn trở lại thành một thân khi thời gian ấn định trôi qua.

**Hiện ra (āvibhāvaṃ).*

Là không bị ngăn che, không bị che đậy bởi bất cứ vật gì.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) trong bộ sách Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) có trưng dẫn: Thần thông này do chính Đức Thế Tôn làm ra.

Khi Đức Thế Tôn được nàng Cūḷa Subhaddā (Tiểu Hiền) con gái của trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc) thỉnh đến tư gia của nhà chồng của nàng ở Sāketa, cách thành Sāvatti (Xá Vệ) 7 do tuần để thọ thực cùng với 500 vị Tỳkhuu.

Vua Trời Sakka (Đế Thích) sai thiên thần kiến trúc là Vissakamma kiến tạo 500 chiếc kiệu vàng cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng theo đường hư không nối liền thành Sāvatti và thành phố Sāketa.

Đức Thế Tôn làm cho đại chúng hai thành phố thấy Ngài đi từ thành Sāvatti đến thành phố Sāketa, Ngài hạ thân xuống trung tâm của thành phố Sāketa.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn vệt đất để chúng sinh thấy được địa ngục Avīci (Atỳ), rồi Đức Thế Tôn vệt bầu trời để đại chúng thấy được cõi Phạm thiên.

Hoặc Đức Thế Tôn khiến cho đại chúng thấy Ngài ngự lên cõi trời Tāvatisa (Ba mươi Ba) với hai bước chân: Bước thứ nhất từ mặt đất Ngài đặt chân lên đỉnh Yugandhara (Trì song sơn), bước thứ hai Ngài đặt chân lên đỉnh Sineru.

Khi từ cung trời Tāvatisa trở về nhân giới, Đức Thế Tôn cũng làm cho đại chúng thấy hiện cảnh rõ ràng⁽¹⁾.

**Biến mất (tirobhāva).*

Là bị ngăn che, bị che đậy với bất cứ vật gì, bị đóng lại, bị lật úp lại.

Biến mất có hai cách: Tự mình biến mất và làm người khác biến mất.

- *Tự mình biến mất.* Như Đức Thế Tôn biến mất trước Phạm thiên Baka, cùng các Phạm chúng của Baka, nhưng âm thanh giảng pháp của Ngài vẫn vang lên⁽²⁾.

- *Làm người khác biến mất.*

Ngài Buddhaghosa trưng dẫn: Đức Thế Tôn che khuất Ngài Yasa, khiến cha Ngài Yasa không nhìn thấy Ngài Yasa.

⁽¹⁾- Vsm. Chương XII. Giải thích các năng lực thần thông (Iddividha niddesa), số 71..

⁽²⁾- M.i, Kinh Phạm thiên thỉnh kinh (Brahmanimantaṇikasuttaṃ), kinh số 49.

Hoặc Đức Thế Tôn vượt cả 2.000 dotuần bằng thần thông để tế độ vua Mahā Kappina, an trú đức vua vào quả Thánh quả Bất lai, 1.000 vị quan đại thần tùy tùng vào Thánh quả Dự lưu.

Rồi Đức Thế Tôn làm cho Hoàng hậu Anojā (vợ của vua Mahā Kappina) cùng 1.000 nữ nhân tùy tùng (vợ của các quan đại thần) tùy ngòi gần cũng không thấy được chồng mình (sẽ trình bày trong những tập sau).

Sau khi nghe pháp thoại, những nữ nhân này chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, các quan Đại thần chứng đạt Thánh quả Bất Lai, vua Mahā Kappina chứng Thánh quả Alahán⁽¹⁾.

Ngài Mahinda khi đến đảo Tích lan cũng sử dụng thần thông này, Ngài ngăn che không cho vua Devānampiyatissa của xứ Tích lan thấy những vị đi chung đoàn với Ngài⁽²⁾.

**Đi xuyên qua vách nhà, đi xuyên qua tường thành, xuyên qua núi không bị ngăn cản như là ở khoảng không (tirokuṭṭaṃ tiropākāraṃ tiropabbataṃ asajjamāno gacchati, seyyathāpi ākāse).*

Vị thành tựu *biến xứ hư không* (ākāsakasina), chú nguyện: “Vách nhà, tường thành, núi hãy trở thành trống rỗng như hư không”, vách nhà, tường thành hay núi bỗng trống rỗng như hư không, vị ấy đi vào nơi đó như người bình thường đi vào chỗ không có vách nhà, không có tường thành hay không có núi.

Sách Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) lại giải rộng như sau:

Có câu hỏi rằng: Vị ấy đang đi giữa khoảng trống, mà gặp phải ngọn núi khác, hay vách chắn khác thì phải làm sao? Vị ấy có phải nhập tứ thiên rồi chú nguyện trở lại không?

Đáp. Không có hại gì trong sự kiện này. Nếu vị ấy nhập Tứ thiên rồi chú nguyện trở lại thì giống như nhận sự hầu hạ trước mặt vị thầy nương nhờ (y chỉ sư), đó là điều không đáng làm⁽³⁾.

Với chú nguyện đầu tiên của vị ấy, không thể nào có núi hay vách chắn xuất hiện trong thời gian vị ấy chú nguyện.

Tuy nhiên, nếu có núi hay vách chắn, đó là do thần thông của vị khác tạo ra trước đó, thần thông này đang chiếm ưu thế, người có thần thông sau phải đi phía trên hay đi vòng qua núi hoặc vách chắn ấy⁽⁴⁾.

**Trôi lên, lặn xuống trong đất như là ở trong nước (pathaviyāpi ummujjanimujjaṃ karoti, seyyathāpi udake).*

Vị thành tựu *biến xứ nước* (āpokasina) chú nguyện: “Đất hãy trở thành nước”, và vị ấy lặn xuống, trôi lên trong đất như ở trong nước.

Sách Visuddhimagga có giải thích ý nghĩa này là: Không phải đất chỉ trở thành nước mà thôi, đất sẽ trở thành dầu, bơ hay sữa hoặc bất cứ chất lỏng nào theo chú nguyện của vị ấy. Và những thứ ấy là thật sự như thế, nếu là sữa thì thật sự là sữa ...

Nếu vị ấy muốn thân thấm ướt với chất lỏng ấy thì thân thấm ướt, nếu không muốn thì thân khô ráo.

Nếu vị ấy muốn là nước với vị ấy, thì đối với những người khác đất vẫn là đất, người khác có thể đi, cày bừa ... trên đất ấy.

Nếu vị ấy muốn: “Hãy là nước đối với chúng”, thì đất trở thành nước với tất cả những người ấy. Khi hết thời gian ấn định thì nước trở thành đất như cũ (sđd, số 94).

**Đi trên nước mà không chao động như là ở trên đất (udakepi abhijjamāne gacchati, seyyathāpi pathaviyaṃ).*

(1)- AA.i, 322; DhpA.ii, 124.

(2)- Mhv.

(3)- Vin.i, 58; Vin.ii, 274.

(4)- Vsm. Chương XII. Giải thích các năng lực thần thông (Iddividha niddesa), số 91..

Vị thành tựu *biển xứ đất* (paṭhavīkasina) chú nguyện: “Nước hãy trở thành đất”, vị ấy đi trên nước như đi trên đất.

Sách Visuddhimagga giải thích: Không phải chỉ là đất, mà còn là vàng, ngọc, đá quý hay bất cứ vật cứng nào mà vị ấy muốn.

Nếu vị ấy muốn: “Nước thành đất đối với ta”, thì đất ấy chỉ có với vị ấy, cá, rùa, tôm ... vẫn bơi lội trong đất ấy được.

Nếu vị ấy muốn: “Hãy thành đất với tất cả”, thì nước trở thành đất đối với tất cả. Hết thời gian ấn định thì đất ấy trở thành nước như cũ (sđd, số 97).

**Di chuyển, ngồi kiết già ở giữa hư không như loài chim có cánh (ākāsepi pallaṅkena kamati, seyyathāpi pakkhī sakuṇo).*

Vị thành tựu *biển xứ đất* (paṭhavīkasina) chú nguyện: “Hư không hãy trở thành đất”, vị ấy di chuyển, ngồi, nằm trên hư không như trên đất.

Sách Visuddhimagga giải thích rông như sau: Nếu vị ấy muốn di chuyển trong hư không, phải chứng đắc được Thiên nhãn thông, **vì sao?**

Đáp. Vì khi di chuyển trong hư không, vị ấy có thể gặp núi cao, cây ... hoặc các loài rồng hay Kim xí điểu (supanna)... nên vị ấy cần phải thấy trước những vật này.

Hoặc vị ấy có thể hạ thân xuống nơi công công như hồ tắm, bến nước, hố xí ... nên vị ấy cần phải thấy trước nơi vắng vẻ để hạ thân (sđd, số 101).

**Với bàn tay sờ chạm mặt trời, mặt trăng có đại uy lực.*

Vị có thần thông đạt được năng lực của ý; đang ngồi hoặc nằm, hướng tâm đến mặt trăng hoặc mặt trời “hãy ở trong tầm tay của ta”.

Bàn tay sờ chạm được mặt trời, mặt trăng như người không có thần thông dùng tay chạm vào vật thể chung quanh.

Sách Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) giải thích:

Thần thông này chỉ thành công nhờ thiên làm căn bản cho thẳng trí, không có đặc thiên với bất cứ biển xứ (kasina) đặc biệt nào (sđd, số 103).

Lại nữa, chẳng phải chỉ sờ chạm mặt trời, mặt trăng, vị ấy có thể biến chúng làm chỗ để chân, làm ghế ngồi, làm giường để nằm ... (sđd, số 118).

Thật ra, đây là loại thần thông tạo ra một *vật ảo* như vật thật và mặt trời hay mặt trăng được thu nhỏ như mắt thường nhìn thấy, do đó sức nóng mặt trời hay sức lạnh của mặt trăng không ảnh hưởng đến thân của vị ấy.

Cách tạo ra vật ảo này được Đức Thế Tôn thực hiện khi tế độ Hoàng hậu Khemā, hay tế độ nàng Rūpanandā. Đức Thế Tôn hoá ra một cô gái nhan sắc xinh đẹp hơn cả Hoàng hậu Khemā (hay nàng Rūpanadā), đang đứng hầu quạt cho Ngài, chỉ có Hoàng hậu Khemā (hay nàng Rūpanandā) trông thấy mà thôi (sẽ đề cập đến ở những tập sau).

Điều này cũng giống như người dùng kính hay chậu nước “soi mặt trời hoặc mặt trăng”, đem kính hay chậu nước làm chiếc gối gối đầu, hoặc đặt dưới chân...

**Bằng thân, vị ấy thể hiện sự tác động đến tận cõi Phạm thiên (Yāva brahmalokāpi kāyena vasaṃ vatteti).*

Sách Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) giải thích:

Trước tiên vị ấy phải thành tựu Thiên nhãn thông và Thiên nhĩ thông.

Với Thiên nhãn thông vị ấy thấy được cõi Phạm thiên ấy, với Thiên nhĩ thông vị ấy nghe được tiếng nói vị Phạm thiên.

Vị ấy chú nguyện: “*Hãy trở thành gần*”.

Cách 1. Vị ấy chuyển tâm cho phù hợp với thân, lấy tâm thiên căn bản (Tứ thiên Sắc giới) để lên thân xác của mình, khiến tâm vận hành chậm lại ngang với sự vận hành của thân (vì thân vận hành chậm hơn so với tâm).

Vị ấy an trú tâm vào *lạc tưởng* (sukhasaññā) và *khinh tưởng* (lahusaññā).

Lạc (sukha) ở đây nên hiểu là xả (upekkā) của Tứ thiên, vì xả này là lạc vi tế nhất.

Nhẹ (lahutā) là do thoát khỏi năm pháp chướng ngại (nīvaraṇa) cùng các pháp đối lập khởi đầu là tham...

Khi ấy thân của vị ấy nhẹ như bông, vị ấy đặt thân trên tâm, tâm hướng đến cõi Phạm thiên ấy lập tức trên cõi Phạm thiên ấy xuất hiện một thân hữu hình của vị ấy. Giống như người xạ thủ dương dây cung rồi buông tay, tiếng “tách” được phát ra từ sợi dây cung.

Thần thông này tạo ra một thân ảo giống như thân thật, gọi là *ý hoá thân* (hay *hoá tâm minh*)

Nếu hiện thân vị ấy ngồi thì ảo thân ngồi, vị ấy đứng thì ảo thân đứng ... Nếu vị ấy ở trên mặt đất thì ảo thân ở trên mặt đất.

Nếu muốn vị ấy tạo ra con đường giữa hư không với biển xứ đất rồi đi trên đó, thì ảo thân trên cõi Phạm thiên sẽ đi lại giữa khoảng không, hoặc ngồi giữa hư không ...

Với thiên nhân, thiên nhĩ vị ấy và thấy nghe vị Phạm thiên nói, vị ấy sẽ đàm luận với vị Phạm thiên bằng hiện thân, ảo thân của vị ấy sẽ lập lại y như hiện thân.

Cách 2. Vị ấy chuyển thân vận hành giống như vận hành của tâm, đưa tâm đặt lên thân, rồi an trú tâm vào tướng lạc và tướng nhẹ (như trên) .

Rồi vị ấy hướng tâm đến cõi Phạm thiên, lập tức trên cõi Phạm thiên ấy xuất hiện một thân hữu hình của vị ấy (sđd, số 132 – 133).

Điều chủ yếu ở đây là *chú nguyện* (adhittāna), do mãnh lực chú nguyện, thân hữu hình được mang đi như mũi tên do một cung thủ bắn ra, trên mũi tên là vật đính kèm như phong thư, cánh hoa

Thân thật xuất hiện ở cõi Phạm thiên, thân ấy phù hợp với sắc pháp sinh khởi và tồn tại nơi cõi ấy.

Như Đức Thế Tôn xuất hiện ở cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba) thuyết lên tạng Thăng Pháp, hay ở cõi Phạm thiên Quảng quả tế độ Phạm thiên Baka.

** Về xa trở thành gần.*

Sách Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo) có giải thích rộng:

- Mặc dù vật ở xa, vị ấy chú nguyện: *Hãy trở thành gần.*

Lập tức vật ấy trở nên gần theo ý muốn của vị ấy. Ai là người thực hiện điều này?

Chính Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn làm cho núi Yugandhara (Trì song sơn) gần với trái đất, gần với núi Sineru (Tudi), từ trái đất đến núi Yugandhara chỉ một bước chân của Ngài, từ núi Yugandhara đến núi Sineru cũng chỉ với một bước chân của Ngài.

Ngài Moggallāna cũng thực hiện *xa thành gần.*

Sau khi điểm tâm sáng xong, Ngài Moggallāna rút ngắn con đường dài 30 do tuần từ thành Sāvattī đến thành Saṅkassa, để đại chúng đến thành Saṅkassa nghênh đón Đức Thế Tôn từ cõi Trời Ba mươi Ba về nhân giới (sđd, số 122).

- Mặc dù vật ở *gần*, vị ấy chú nguyện thành *xa* thì vật thể kia sẽ ở xa vị ấy.

Ai đã làm gần thành xa?

Chính Đức Thế Tôn, Ngài làm cho Aṅgulimālā đang ở gần Ngài thành xa, khi Aṅgulimālā cầm gươm rượt theo Ngài⁽¹⁾.

- Mặc dù vật có *ít* vị ấy chú nguyện: “*Hãy thành nhiều*”, lập tức vật ấy trở thành nhiều.

Ai làm cho ít thành nhiều.

Chính Đức Moggallāna, Ngài làm cho bánh bột trét mật ong (trong câu chuyện trường giả Maccharikosiya sẽ giải ở phần sau) ít trở thành nhiều.

Đức Thế Tôn cũng thực hiện pháp thần thông *ít thành nhiều* này, khi Ngài cùng 500 vị Tỳkhuu dùng bát cháo lạt trộn rau của vợ chồng người nghèo khổ Kākavaliya⁽²⁾ như sau:

****Trường giả Kākavaliya.***

Trường giả Kākavaliya (hay Kākavalliya) là một trong năm người giàu nhất trong xứ Ấn cổ thời Đức Phật còn tại tiền.

(1)- M.ii, 99).

(2)- Bản Miến Điện viết là Kāḷavaliya

Cả năm vị trưởng giả này đều nằm trong xứ Magadha của vua Bimbisāra (Binhsa), đó là: Trưởng giả Jotiya (jotika), trưởng giả Jāṭila, trưởng giả Menḍaka, trưởng giả Kākavaliya và trưởng giả Puṇṇaka⁽¹⁾.

Giai thoại về trưởng giả Kākavaliya được tìm thấy trong bản Sớ giải *Uparipaṇṇāsa* ghi nhận tóm gọn như sau:

Trước khi có đại tài sản, ông Kākavaliya là một người nghèo khổ sống trong thành Rājagaha (Vương xá).

Khi Đức Phật trú ngụ ở nơi thành Rājagaha (có khả năng là hạ thứ hai của Đức Thế Tôn. Vì trưởng giả Anāthapindika viếng thăm Đức Thế Tôn nơi Sītavana (rừng Mát) vào hạ thứ hai, rồi Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên) được xây dựng vào hạ thứ ba của Đức Thế Tôn.

Trước đó, vua Pasenadi (Patumặc) có đến xin vua Bimbisāra (Binhsa) một trong 5 vị đại trưởng giả đang sống trong quốc độ Magadha (Makiệtđà). Như vậy, Kākavaliya trở thành vị Đại trưởng giả không thể sau mùa an cư lần thứ ba của Đức Thế Tôn.

Một hôm trong nhà Kākavaliya chỉ còn gạo đủ nấu lên bát cháo lạt, vợ Kākavaliya suy nghĩ: “Chồng ta đang đi tìm việc làm, bát cháo này để dành cho chồng ta, ta ăn lá rau cũng được”, bà tìm rau để trộn với cháo lạt ấy.

Bấy giờ, Đức Mahā Kassapa vừa xuất khỏi thiền Diệt thọ tướng, Ngài quán xét thế gian tìm người nghèo khổ để tế độ, hình ảnh vợ chồng Kākavaliya xuất hiện trong Thiên nhãn thông của Ngài, Đức Mahā Kassapa cầm lấy y bát đi đến đứng trước nhà của Kākavaliya. Vợ của Kākavaliya nhìn thấy vị samôn đang đứng trước nhà, ôm bát đang chờ vật thực cúng dường, bà suy nghĩ:

- Vợ chồng ta nghèo khổ do trong quá khứ không tạo phước lành bố thí, nay ta chỉ có bát cháo lạt trộn với rau, nếu vợ chồng ta dùng chỉ được đỡ lòng trong vài giờ. Nếu cúng dường đến vị Samôn này, trong tương lai vợ chồng ta sẽ hưởng nhiều quả an lạc.

Vợ Kākavaliya mạnh dạn dâng bát cháo trộn với rau duy nhất của hai vợ chồng vào bát của trưởng lão Mahā Kassapa, không giữ lại cho mình chút ít cháo nào cả.

Hành động bố thí này được gọi là *niravasena dāna* (bố thí với sự hy sinh).

Để làm tăng trưởng phước báu cho vợ chồng Kākavaliya, Đức Mahā Kassapa mang bát cháo trộn rau ấy về Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm) cúng dường đến Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn tuyên bố phần cháo này đủ cho 500 vị Tỳkhuu dùng và Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu thọ dụng món cháo vừa đủ.

Đức Mahā Kassapa bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, phước báu cúng dường cháo lạt trộn rau của vợ chồng Kākavaliya như thế nào?

- Nay Mahā Kassapa, với phước thiện này, 7 ngày nữa kể từ hôm nay, Kākavaliya sẽ trở thành một đại trưởng giả.

Kākavaliya đi đến Veḷuvana (rừng Trúc) tìm tàn thực của chư Tăng để dùng, đã nghe được lời tiên đoán của Đức Thế Tôn, tâm của Kākavaliya vô cùng hân hoan, vội vàng trở về nhà thuật cho vợ nghe lời tiên đoán của Đức Thế Tôn.

Bấy giờ trong thành Raajagaha có một tên trộm bị bắt, y bị xử tội đâm cọc vào mình, y bị đưa ra ngoài thành để chờ giờ xử tội.

Vua Bimbisāra (Binhsa) đi kiểm tra dân tình, đi đến nơi tên trộm bị trói vào cọc chờ giờ xử tội. Nhìn thấy vua Bimbisāra, tên trộm ngạo mạn rằng:

- Thưa Đại vương, trước khi chết tôi muốn ăn bữa ăn của đại vương có được không?

- Nay gã tử tội kia, được thôi, ta sẽ ban cho ngươi bữa ăn mà ta thường dùng.

Tên tử tội nói với những người hành quyết rằng:

⁽¹⁾ - Dhpa. i. 385; AA. i. 220.

- Các người nghe chưa, Đức vua hứa cho ta bữa ăn của Đức vua đấy. Nếu ta chưa được ăn bữa ăn ấy, các người chưa được hành quyết ta.

Vào buổi tối, bữa ăn tối của vua Bimbisāra (Bìnhhsa) được mang lên, đức vua chợt nhớ đến lời hứa ban trưa, với gã tử tội bị đâm cọc.

Nhưng ngoài thành Vương xá, những dạ xoa đi tìm vật thực lúc ban đêm rất nhiều, nên dân thành Vương xá ít ai dám ra khỏi thành vào ban đêm.

Vua Bìnhhsa ra lệnh tìm người mang vật thực ra cho tử tội, nhưng không một ai dám đảm nhận, vua treo giải thưởng 1.000 đồng vàng cho ai dám mang vật thực ra cho tử tội.

Chiêng đánh lần thứ nhất thông báo, không ai dám ra nhận 1.000 đồng vàng để mang vật thực ra cho tử tội, lần thứ hai tiếng chiêng đánh lên cũng không ai dám nhận mang vật thực ra cho tử tội, khi tiếng chiêng đánh lần thứ ba thì vợ của Kakāvaliya giả dạng nam nhân mang 5 loại vũ khí trên mình đi đến hoàng cung nhận vật thực mang đi cho tử tội, không hề có trạng thái sợ hãi.

Khi ra cổng thành bà bị dạ xoa Dīghataphala bắt lại, nói rằng:

- Hãy dừng lại, người giờ đây là vật thực của ta.

Không chút sợ hãi, bà Kākavaliya nói rằng:

- Này dạ xoa, người không được quyền bắt ta, vì ta là người của vua Bimbisāra (Bìnhhsa), có nhiệm vụ mang vật thực ra cho gã tử tội.

Dạ xoa này được xem như một dạ xoa chúa hay một thiên nhân, vì trú trên cây thốt nốt (tāla) nên được gọi là Dīghataphala.

Nghe vậy, dạ xoa chúa Dīghataphala nói rằng:

- Vậy người có thể là người báo tin cho ta chăng?

- Được, nhưng người cần ta báo tin gì?

- Người hãy báo tin cho mọi người biết rằng: “Ái nữ của thiên tử Sumana là nàng Kālī, vợ của chúa dạ xoa Dīghataphala vừa sinh con trai. Có 7 hủ châu báu được chôn nơi cội thốt nốt (tāla) này là thù lao của người.

- Tốt lắm, này dạ xoa.

Vợ của Kākavaliya trên đường đi đến gã tử tội đã la lớn rằng:

- Thiên nữ Kālī, con gái của thiên tử Sumana, vợ của chúa dạ xoa Dīghataphala vừa sinh được đứa con trai.

Thiên vương Sumana đang dự đại hội chư thiên, nghe thông báo mình có đứa cháu trai, hoan hỷ cho thiên tử tùy tùng đưa bà Kākavaliya đến, hỏi rằng:

- Này người kia, tin thiên nữ Kālī con gái thiên vương Sumana, vợ chúa dạ xoa Dīghataphala vừa sinh ra một bé trai, người có được từ đâu?

- Thừa Đại vương, tôi có được tin này là do chúa dạ xoa Dīghataphala nhờ tôi thông báo hộ.

- Ô ! Tốt đẹp thay cho người. Này người kia, có 7 kho báu ở dưới bóng cây cổ thụ này, ta ban cho người đấy.

Bà Kākavaliya mang vật thực đến cho gã tử tù ăn, khi gã tử tù ăn xong bà dùng khăn tay chùi miệng cho gã. Do xúc chạm với nữ nhân, gã tử tù nổi lên khát ái, y cắn chặt lấy tóc của bà Kākavaliya, bà Kākavaliya dùng gươm cắt đứt lọn tóc ấy.

Khi trở về trình diện vua Bimbisāra (Bìnhhsa) để lãnh thưởng 1.000 đồng vàng, vua Bìnhhsa hỏi:

- Này người kia, có chứng cứ gì cho thấy người đã mang vật thực đến gã tử tù?

- Thừa đại vương, có lọn tóc của tôi trong miệng của gã tử tù, gã tử tù đã cắn chặt lấy tóc của tôi, tôi dùng gươm cắt bỏ lọn tóc ấy.

- Nhưng này người kia, lọn tóc ấy có thể là của người khác.

- Thừa đại vương, trên đường mang vật thực đến gã tử tù, tôi gặp dạ xoa Dīghataphala, gặp thiên tử Sumana.

Rồi bà nói lại chuyện bà gặp hai vị thiên nhân ấy, vua Bimbisāra cho người đào dưới gốc cây thốt nốt và dưới bóng cây cổ thụ. Tất cả những châu ngọc quý báu được mang về hoàng cung đổ ra trước sân châu.

Vua Bimbisāra cho triệu tập các đại thần đến hỏi rằng:

- Trong thành Vương xá này có ai là chủ nhân những loại châu ngọc quý giá này chăng?

- Thưa Đại vương, không có đâu.

- Nay các đại thần, một người làm chủ những tài sản như thế này, ta phải làm sao với người ấy?

- Thưa đại vương, hãy phong cho người này địa vị trưởng giả, ban cho người này cây lọng trắng biểu tượng địa vị trưởng giả đến y.

- Lành thay, lành thay, này các đại thần.

Và Kākavaliya trở thành vị đại trưởng giả đứng hàng thứ tư trong 5 vị đại trưởng giả giàu nhất trong xứ Ấn cổ thời Đức Phật tại tiền⁽¹⁾.

Trở lại *chú nguyện thần thông*.

- Mặc dù vật có *nhieu*, vị ấy chú nguyện: “Hãy trở thành *ít*”. vật ấy đang nhiều trở thành ít.

Ai đã thực hiện điều này?

Chính Đức Mahā Kassapa. Khi Đức Thế Tôn trú ngụ gần thành Sāvatti (Xá-vệ), nơi Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên) của trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc) cúng dường. Vào ngày lễ Uposatha, Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhu đi vào thành Sāvatti để khát thực, trên đường đi, Đức Thế Tôn thấy 500 đứa trẻ mang theo 500 giỏ bánh đặt lên vai, cùng nhau hướng về vườn Ngưu Uyển (ngược chiều với Đức Thế Tôn).

Thấy Đức Thế Tôn, chúng đặt giỏ bánh xuống, đành lễ Đức Thế Tôn rồi mang giỏ bánh lên vai ra đi. Khi chúng đi qua, Đức Thế Tôn hỏi các Tỳkhu:

- Các người có thấy 500 đứa bé kia chăng?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Chúng mang 500 giỏ bánh, các người có muốn dùng bánh ấy chăng?

- Bạch Thế Tôn, chúng không có cúng dường bánh đến ai cả.

- Nay các Tỳkhu, chúng không cúng dường bánh đến Ta hay các người. Nhưng chúng sẽ cúng dường bánh đến vị Tỳkhu là chủ của chúng, đang đi phía sau. Ta và các người thọ dụng bánh ấy rồi hãy đi.

Đức Thế Tôn đi đến một cội cây cạnh vệ đường, Ngài ngồi nơi cội cây có bóng mát ấy, các Tỳkhu tùy tùng cũng đến ngồi quanh cội cây ấy.

Năm trăm đứa trẻ đi ngược chiều với tăng chúng, vừa nhìn thấy Đức Mahā Kassapa, chúng hân hoan đi đến đành lễ Ngài Mahā Kassapa, rồi cúng dường 500 giỏ bánh đến Ngài. Ngài Mahā Kassapa đưa bát ra nhận hết 500 giỏ bánh vào trong bát (tức là *nhieu làm thành ít*).

Rồi Ngài Mahā Kassapa mang bánh ấy dâng đến Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhu. Các vị Tỳkhu phàm đàm luận rằng:

- Các đứa bé này cúng dường cũng chọn mặt. Đức Thế Tôn cùng các vị Trưởng lão khác chúng không cúng dường, nhưng khi vừa gặp Ngài Mahā Kassapa chúng hân hoan cúng dường hết 500 giỏ bánh.

Nghe chư Tỳkhu đàm luận như thế, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhu, một vị Tỳkhu như Mahā Kassapa chư thiên và nhân loại đều ái mộ. Vị Tỳkhu như vậy, ai cũng hoan hỷ cúng dường tứ sự.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

217- *Sīladassanasampannaṃ dhammaṭṭhaṃ saccavedinaṃ.*

Attano kamma kubbānaṃ; taṃ jano kurute piyaṃ.

“Đủ giới đức, chánh kiến; trú pháp chứng chân lý.

⁽¹⁾- MA.ii, 818.

Tự làm công việc mình; được quần chúng ái kính” (HT TMC d).

Nghe xong kệ ngôn này, 500 đứa bé chứng quả Dự Lưu⁽¹⁾.

(Sách Visuddhimagga ghi nhận: Là 500 thiếu nữ).

Sách Visuddhimagga (Thanh Tịnh đạo) còn giải thích thêm là: Chẳng phải chỉ bấy nhiêu. Vị có thần thông với tâm tự tại như vậy, có thể làm vật *không ngọt* thành ra *ngọt*; vật *ngọt* thành *không ngọt* ...

Trường hợp *không ngọt thành ngọt* là do trưởng lão Mahā Amula ở Tích Lan thực hiện. Tương truyền, trưởng lão Mahā Anula thấy các Tỳkhuu ngồi cạnh sông Hằng (ở Tích lan) đang dùng đờn thuần là cơm trắng, là vật thực duy nhất có được sau khi đi bát, trưởng lão Mahā Anula chú nguyện: “*Nước sông Hằng hãy trở thành bơ*”.

Ngài bảo các Sadi lấy bát múc nước sông ấy mang đến các vị Tỳkhuu đang ngồi dùng cơm trắng. Và các vị Tỳkhuu ấy dùng cơm trắng với bơ ngọt (sđd, số 126).

2'- Thần thông do biến hóa (vikubbanā iddhi).

Là từ bỏ hình dáng thông thường hiện ra hình dáng khác như thành một thiếu niên, trung niên, lão niên, hay con rắn ...

Thần thông này do ai tạo ra? Do Đức Moggallāna hoá thân thành rồng chúa hay Kimxí điểu (supanna) để thu phục rồng chúa Nandopananda, hay do Tôn giả Devadatta hoá ra chàng thanh niên trên người có 5 con rắn độc đeo bám để thu phục thái tử Ajātasattu (Axàthê) ...

3'- Thần thông do ý tạo thành (manomayā iddhi).

Với ý vị ấy hóa hiện thân sai khác ttheo như ý muốn, hoặc hoá hiện nhiều ảo thân giống như hiện thân.

4'- Thần thông do trí sinh ra (ñāṇavipphārā iddhi).

**Do trí sẽ sinh khởi.*

Là chỉ cho trí đạo Alahán sẽ sinh khởi, như Ngài Saṅkicca bị lừa thiêu, Ngài Bakula bị cá nuốt vào bụng nhưng không chết.

Hay trường hợp cậu bé Bhūtapāla an toàn khi bị dạ xoa bắt lấy.

Đây là do trí đạo Alahán sẽ sinh khởi trong hiện kiếp của các vị ấy.

**Do trí đang sinh khởi.*

Do quán xét vô thường tướng từ bỏ được *thường tướng*; do quán xét khổ tướng từ bỏ được *lạc tướng*, do quán xét vô ngã tướng từ bỏ được *ngã tướng*.

Gọi là thần thông do trí đang sinh khởi.

**Do trí đã sinh khởi.*

Là dứt trừ trọn vẹn mọi ô nhiễm do chứng đắc Thánh quả Alahán, là thần thông do trí Alahán đạo đã sinh khởi.

5'- Thần thông do định sinh (samādhivipphārā iddhi).

Thành tựu từ định sinh có ba loại:

** Trước khi đắc định.* Như từ bỏ được “năm pháp chướng ngại” chứng đắc Sơ định; từ bỏ được “tâm (vitakka), tứ (vicāra)” chứng đắc được nhị định; từ bỏ “hỷ (pīti)”, chứng đắc được tam định ... từ bỏ được Vô sở hữu xứ, chứng đắc được định Phi tướng phi phi tướng xứ.

** Trong khi đắc định.* Như Đức Sāriputta đang an trú trong định Diệt thọ tướng, bình an khi bị dạ xoa Nanda đánh chùy vào đầu.

Đức Sañjīva; Đức Khānu Kondañña ...

** Sau khi đắc định.* Như nàng tín nữ Uttarā vô sự khi bị nàng Sirimā tạt đầu sôi vào người; nàng Sāmāvatī vô sự khi bị vua Udena bắn mũi tên vào người, mũi tên chạm vào luồng tâm từ của nàng, đã quay ngược lại vua Udena⁽²⁾.

Tức là sau khi an trú tâm vào đề mục Từ, xuất khỏi định, hướng tâm Từ đến người đối diện.

(1)- DhpA. Câu số 217,

(2)- DhpA. Câu số 21-22-23.

***Đức Sañjīva.**

Đức Sañjīva là Thượng thủ tinh văn tay trái của Đức Chánh giác Kakusandha⁽¹⁾, vị Thượng thủ tinh văn tay phải là Đức Vidhura.

Đức Sañjīva thường ẩn cư nơi thanh vắng để thiền tịnh; một hôm Ngài an trú trong định “diệt thọ tướng” nơi cội cây lớn, những người chăn bò, chăn thú, thợ rừng thấy Ngài ngồi yên bất động, ngỡ Ngài đã chết, họ tìm củi chất lên người Ngài rồi nổi lửa thiêu xác Ngài.

Sau 7 ngày, Đức Sañjīva xuất khỏi thiền diệt, Ngài đứng dậy rũ tro bụi bám vào y, rồi cầm y bát đi vào làng khát thực, những người chăn bò, chăn thú, thợ rừng đã tán thán rằng:

- Này các người, thật vi diệu thay, vị Samôn này chết ngồi nay sống lại.

Cũng do sự kiện này, từ đó Ngài được biết với danh hiệu Sañjīva⁽²⁾.

***Trưởng lão Khāṇu Koṇḍañña.**

Trưởng lão Koṇḍañña sau khi thọ trì đề mục thiền quán từ nơi Đức Thế Tôn, Ngài đi vào rừng hành đạo, nỗ lực hành pháp chứng đắc Thánh quả Alahán.

Trên đường trở về Đại tự Kỳ viên yết kiến Đức Thế Tôn để trình lên Đức Thế Tôn sự thành đạt của mình. Khi đi đến một khu rừng khác, trưởng lão Koṇḍañña đi vào rừng để nghỉ đêm, vì đi đường xa mệt mỏi Ngài thiền định cạnh tảng đá bằng phẳng.

Trong đêm có 500 tên cướp vừa đi đánh cướp một ngôi làng, chúng mang những chiến lợi phẩm thu được đi vào rừng, mỗi tên mang một gói đồ lớn.

Vì mệt mỏi chúng dừng chân nơi Ngài Koṇḍañña ngồi thiền tịnh bất động, để nghỉ mệt. Trong đêm tối chúng ngỡ Ngài là “gốc cây (khāṇu)”, nên chất đồ vật đánh cướp được “vào gốc cây”, rồi nằm lăn ra cạnh tảng đá để ngủ.

Vào sáng hôm sau, khi tỉnh giấc chúng nhặt những gói đồ của mình, chợt thấy Trưởng lão, ngỡ là phi nhân chúng kinh hoàng bỏ chạy, Trưởng lão gọi:

- Này các gia chủ đừng có sợ, ta là người không phải là ma quỷ.

Năm trăm tên cướp quay lại, quỳ đánh lễ xin sám hối Trưởng lão vì nhầm tưởng Trưởng lão là *gốc cây* (khāṇu).

Được trưởng lão tha lỗi, tên chánh đảng suy nghĩ: “Người bị 500 gói đồ lớn chất lên người với thời gian gần nửa đêm mà vô sự. Vị Samôn này là bậc có đại uy lực, là bậc có đại thần lực, ta nên xuất gia với vị này, vị này sẽ là thầy tế độ của ta”.

Tên chánh đảng ngộ ý xin được xuất gia với Ngài Koṇḍañña, các tên cướp khác cũng theo tên chánh đảng xin được xuất gia.

Và Ngài Koṇḍañña cho chúng xuất gia, thọ giới Sadi. Do sự kiện này, Ngài Koṇḍañña được gọi là Khāṇu Koṇḍañña (KiềuTrầnNhư gốc cây).

Đức Koṇḍañña dẫn 500 môn đệ về Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên) yết kiến Đức Thế Tôn, do duyên sự này Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

111- Yo ca vassasataṃ jīve; duppañño asamāhito.

Ekāhaṃ jīvitam seyyo; paññavantassa jhāyino.

“Ai sống một trăm năm; ác tuệ không thiền định.

Tốt hơn sống một ngày; có tuệ, tu thiền định” (HT. TMC d)⁽³⁾.

Nghe được kệ ngôn này, 500 vị tân Samôn chứng đắc Thánh quả Alahán.

6’-Thần thông thuộc bậc Thánh (ariyā iddhi).

Là vị Thánh an trú tâm trong *không ghê tởm* với vật đáng ghê tởm; *ghê tởm* với vật không đáng ghê tởm; *ghê tởm và không ghê tởm*.

Như Đức Mahā Kassapa không ghê tởm vắt cơm do người cùi cúng dường.

7’ Thần thông do quả của nghiệp (kammavipākajā iddhi).

(1)- D. ii. 4; J. i. 42; Bu. xxiii. 20.

(2)- M. i. 333. Kinh Hàng phục ác ma (kinh số 50); DA. ii. 417; MA. i. 522; PSA. 496

(3)- DhpA. Câu số 111.

Là của tất cả loài có cánh, của chư thiên nhớ lại nghiệp lành, một số nhân loại như như nô lệ Bījaka, tướng quân Alāta, công chúa Rujā (sẽ giải ở phần sau) nhớ lại tiền kiếp, của một số thuộc hàng đọa xứ (như peta).

8'- Thần thông do phước (puññavato iddhi).

Như vua Chuyển Luân đi trên hư không với bốn đạo binh chúng. Như gia chủ Jotika, gia chủ Menḍaka, gia chủ Jāṭila gia chủ Ghosita⁽¹⁾.

9'- Thần thông nhờ chú thuật (vijjāmayā iddhi).

Là sau khi đọc lầm nhảm chú thuật, thuật sĩ có thể đi trong hư không, hóa thành voi, cọp ...

10' - Thần thông do nỗ lực cùng với duyên trợ giúp (tattha tattha sammā payogapaccayā ijjhanatṭhena iddhi).

Như mục đích từ bỏ dục tham nhờ thành tựu xả ly; mục đích từ bỏ mọi ô nhiễm do thành tựu Alahán đạo⁽²⁾.

Trong 10 loại thần thông, có ba loại: Thần thông do chú nguyện, thần thông biến hoá và thần thông do ý là thật sự ám chỉ năng lực đặc biệt trong câu nói “*các loại thần thông (iddhividha)*”⁽³⁾.

Đây là loại thần thông do tu tập thiền tịnh.

Trong ba loại thần thông này cần phải hoàn tất:

a-Bốn tầng thiền Sắc giới.

Đây là chỉ cho vị đã thành tựu thần thông trong những kiếp quá khứ. Nếu chưa có thần thông trong quá khứ, bắt buộc phải đạt đến tầng thiền Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rồi trở lại tầng Tứ thiền Sắc giới làm nền tảng để luyện thần thông. **Vì sao?**

Đáp. Vì muốn luyện thần thông phải dùng biến xứ thuộc sắc pháp như: Đất, nước, gió, lửa, xanh, vàng, đỏ, trắng. Lại nữa, khi ấy tâm có được tám yếu tố: *Định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu uế (kilesa), nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bất động.*

- Gọi là *định tĩnh*. Là do năng lực Tứ thiền mà bậc Thánh gọi là *xả niệm thanh tịnh*.

- Gọi là *thuần tịnh*. Là do năng lực của *niệm* và *xả* vững vàng.

- Gọi là *trong sáng*. Chính là do năng lực thuần tịnh.

- Gọi là *không cấu uế*. (kilesa) Vì tâm không có lỗi lầm như tham, sân, nghi hoặc ...

- Gọi là *nhu nhuyễn*. Vì vị ấy khéo tu tập làm chủ được tâm.

- Gọi là *dễ sử dụng*. Vì tâm có được tính nhu nhuyễn.

- Gọi là *vững chắc*. Vì bền vững trong sự thuần tịnh.

- Gọi là *bất động*. Vì có được sự vững chắc. Như thế nào?

Vì tâm có **tín** mạnh nên bất động trước vô tín, có **tấn** mạnh nên bất động trước sự *giải đãi*, có **niệm** mạnh nên bất động trước sự *quên lãng*, có **định** mạnh nên bất động trước *lao chao* (phóng dật), có **tuệ** mạnh nên bất động trước mê si, có *chói sáng* nên bất động trước bóng tối của cấu uế tham, sân ...

Tám yếu tố này chỉ có trong Tứ thiền, đồng thời cũng là 8 yếu tố căn bản để luyện thần thông. Ba tầng thiền đầu (Sơ, Nhị, Tam thiền) gọi là *cận hành thần thông* vì dẫn đến thành tựu thần thông.

Cũng do điều này nên các vị Phạm thiên cõi Vô sắc không thể luyện thần thông.

b- Bốn nền tảng như ý (iddhi[āda]).

Là bốn con đường (pāda) dẫn đến thành tựu (iddhi), đó là:

- **Định** (samādhi) do nương vào **dục** (chanda) và **chuyên cần** (padhāna).

- **Định** do nương vào **tinh tấn** (virīya) và **chuyên cần**.

- **Định** do nương vào **tâm** (citta) và **chuyên cần**.

(1)- Điều kỳ diệu của những vị này sẽ được trình bày trong những tập sau.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Phân tích Đạo (tập II). Phẩm “Giải về thần thông” (Iddhikathā).

(3)- Vsm. Chương XII. Các năng lực thần thông”.

- **Định** do nương vào **trí** (vimamsā) và **chuyên cần**.

c- Tám bước.

-Vị ấy biết rõ: Định này do có dục hỗ trợ. Định là khác, dục là khác; định không phải là dục, dục không phải là định.

- Vị ấy biết rõ: Định này do tinh tấn hỗ trợ. Định là khác, tinh tấn là khác; định không phải là tinh tấn, tinh tấn không phải là định.

- Vị ấy biết rõ: Định này do tâm thuần tịnh hỗ trợ. Định là khác, tâm là khác; định không phải là tâm, tâm không phải là định.

- Vị ấy biết rõ: Định này do trí hỗ trợ. Định là khác, trí là khác; định không phải là trí, trí không phải là định.

d- Mười sáu căn bản của tâm.

1"- Tâm không chán nản, nên bất động trước giải đãi.

2"- Tâm không vui thích, nên bất động trước tán loạn (phóng dật).

3"- Tâm không bị cảnh lôi kéo, nên bất động trước tham dục.

4"- Tâm không chán ghét, nên bất động trước ác ý.

5"- Tâm yên lặng, nên bất động trước tà kiến.

6"- Tâm không vướng mắc, nên bất động trước dục tham.

7"- Tâm giải thoát, nên bất động trước năm dục: Sắc, thanh, hương, vị và xúc.

8"- Tâm không liên hệ đến cấu uế (kilesa), nên bất động trước cấu uế.

9"- Tâm rộng mở, nên bất động trước rào cản.

10"- Tâm thuần nhất, nên bất động trước sai biệt.

11"- Tâm có tín trợ giúp, nên bất động trước vô tín.

12"- Tâm có tấn trợ giúp, nên bất động trước biếng nhác.

13"- Tâm có niệm trợ giúp, nên bất động trước xao nhãng.

14"- Tâm có định trợ giúp, nên bất động trước tán loạn.

15"- Tâm có trí trợ giúp, nên bất động trước mê si.

16'- Tâm chói sáng, nên bất động trước bóng tối của vô minh.

A- Đức Phật và Ngài Moggallāna.

Tương tự như Đức Sāriputta, Đức Moggallāna được Đức Thế Tôn đặt vào cương vị “gương mẫu” trong hàng Tỳkhuu.

Saddho, bhikkhave, bhikkhu evaṃ sammā āyācamāno āyāceyya – ‘tādiso homi yādisā sārīputtamoggallānā’ti...

“Tỳkhuu có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: “Mong ta sẽ được như Sāriputta, Muckiễnkiễn”... (1).

Đức Thế Tôn dạy rằng: “Sāriputta như sinh mẫu, còn Moggallāna như dưỡng mẫu. Sāriputta có thể giảng giải, khai triển bốn thánh đế, hướng dẫn tu tập chứng quả Dự lưu, còn Moggallāna có thể hướng dẫn tu tập đạt đến Thánh quả Alahán bằng cách an trú tâm vào Như ý (iddhipātihāriya)(2).

Nghĩa là Đức Sāriputta có khuynh hướng về **trí**, còn Đức Moggallāna có khuynh hướng về **định**.

Đức Moggallāna rất thận trọng trong việc làm cũng như lời nói; điểm đặc biệt của Đức Moggallāna là *nghiêm khắc* với môn đệ, nhờ đó các vị đệ tử nhanh chóng thành đạt Thánh quả cao hơn, sự nghiêm khắc này nảy sinh do *ý thức được trách nhiệm* của Đức Moggallāna.

Có lần tại làng Cātumā trong rừng Āmalakī (Amalạc) của các Thích tử, Đức Sāriputta và Moggallāna dẫn về 500 Tỳkhuu đệ tử, các vị Tỳkhuu này làm ồn ào, nên Đức Thế Tôn ra lệnh tản xuất.

Rồi Đức Thế Tôn hỏi Đức Sāriputta:

- Nay Sāriputta, người đã nghĩ gì khi chúng Tỳkhuu bị Ta đuổi đi?

(1)- A.i, 88. Phẩm Hy cầu (Āyācanavaggo); A.ii, 164.

(2)- BuvA. 31.

- Bạch Đức Thế Tôn, khi chúng Tỳkhuu bị Đức Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: “Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được hiện tại an lạc trú. Chúng con nay cũng được ít bận rộn, sẽ được hiện tại an lạc trú”.

Đức Thế Tôn rầy Đức Sāriputta rằng:

- Nay Sāriputta, hãy chờ đợi, này Sāriputta, hãy chờ đợi. Nay Sāriputta, *chớ để tư tưởng như vậy khởi lên nơi người nữa*⁽¹⁾.

Rồi Đức Thế Tôn hỏi Đức Moggallāna:

- Nay Moggallāna, người đã nghĩ gì khi chúng Tỳkhuu bị Ta đuổi đi?

- Bạch Đức Thế Tôn, khi chúng Tỳkhuu bị Đức Thế Tôn đuổi, con nghĩ như sau: “Nay Thế Tôn sẽ được ít bận rộn, sẽ được hiện tại an lạc trú. Và nay con và Tôn giả Sāriputta sẽ lãnh đạo chúng Tỳkhuu.

- Lành thay, lành thay, Moggallāna. Nay Moggallāna, chỉ có Ta hay Sāriputta và Moggallāna lãnh đạo chúng Tỳkhuu được⁽²⁾.

Ý thức trách nhiệm: Thay Thế Tôn giáo huấn các vị Tỳkhuu trẻ, nên Đức Moggallāna thường khích lệ các vị Tỳkhuu nỗ lực hành pháp, như trong Theragāthā (Kệ ngôn trưởng lão Tăng) có ghi nhận:

1149- Āraññikā piṇḍapātikā; uñchāpattāgate ratā.

Dālemu maccuno senaṃ; ajjhattaṃ susamāhitā.

“Chúng ta người ở rừng; sống đồ ăn, khát thực.

Bằng lòng với miếng ăn; được bỏ rơi trong bát.

Phá nát ma, ma quân; nếu nội tâm khéo định”.

1150- Āraññikā piṇḍapātikā; uñchāpattāgate ratā.

Dhunāma maccuno senaṃ; naḷāgāraṃva kuñjaro.

“Chúng ta người ở rừng; sống đồ ăn, khát thực.

Bằng lòng với miếng ăn; được bỏ rơi trong bát.

Dọn sạch ma, ma quân; như voi nhà bằng lau”.

1151- Rukkhamūlikā sātatikā; uñchāpattāgate ratā.

Dālemu maccuno senaṃ; ajjhattaṃ susamāhitā.

“Chúng ta ở gốc cây; nhẫn nại, tâm kiên trì.

Bằng lòng với miếng ăn; được bỏ rơi trong bát.

Phá nát ma, ma quân; nếu nội tâm định tĩnh”.

1152- Rukkhamūlikā sātatikā; uñchāpattāgate ratā.

Dhunāma maccuno senaṃ; naḷāgāraṃva kuñjaro.

“Chúng ta ở gốc cây; nhẫn nại, tâm kiên trì.

Bằng lòng với miếng ăn; được bỏ rơi trong bát.

Dọn sạch ma, ma quân; như voi nhà bằng lau” (HT.TMC d)⁽³⁾.

Tính nghiêm khắc của Đức Moggallāna còn được thể hiện trong lần Đức Thế Tôn không đọc Huấn từ giải thoát.

Vào ngày lễ Uposatha (Bố tát), Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng hội họp ở Pubbārāma (chùa Đông Phương) để hành lễ Bố tát.

Đức Thế Tôn ngồi yên lặng cho đến khi đêm gần mãn, khi đêm gần mãn, Ngài Ānanda bạch với Đức Thế Tôn lần thứ ba rằng:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã qua, rạng đông đã khởi, mặt đêm đã sáng tỏ, chúng Tăng ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy đọc Huấn từ giải thoát cho các Tỳkhuu.

- Nay Ānanda, hội chúng không được trong sạch.

(1)- Theo Bản Số giải (MA.ii, 176). Ngài Sāriputta không biết bốn phạm của mình (bhārabhāva) là hướng dẫn các Tỳkhuu. Nên Đức Thế Tôn rầy là: “*Chớ có để tư tưởng như vậy khởi lên cho người nữa*”, còn Đức Moggallāna ý thức trách nhiệm của mình, nên được Đức Thế Tôn ngợi khen. Đôi lần Đức Sāriputta bị Đức Thế Tôn rầy, như trong lần tế độ ông Balamôn Dhanañjāni ...

(2)- M.ii. kinh Cātumā (số 67).

(3)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Moggallāna.

Tôn giả Moggallāna suy nghĩ: “Đề cập đến ai, Thế Tôn đã nói: “Này Ānanda, hội chúng không được trong sạch?”.

Với tâm của mình, Đức Moggallāna thấy được một vị Tỳkhuu ác giới, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến vị Tỳkhuu ấy, nói rằng: “Này hiền giả, hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy người. Người không thể chung sống với các Tỳkhuu”.

Nhưng vị Tỳkhuu ấy vẫn im lặng ngồi yên, sau khi nghe Đức Moggallāna nhắc nhở đến lần thứ ba.

Đức Moggallāna nắm tay vị Tỳkhuu ấy đưa ra khỏi cửa (tựa như nhắc một vật nhẹ đưa ra ngoài), đóng chốt cửa lại, rồi đi đến Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, người ấy đã bị con đuổi, hội chúng đã trong sạch. Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết lên Huấn từ cho các Tỳkhuu.

- Thật vi diệu thay, này Moggallāna. Thật kỳ diệu thay, này Moggallāna, cho đến khi bị nắm tay, kẻ ngu si kia mới đi⁽¹⁾.

Rồi Đức Thế Tôn dạy các vị Tỳkhuu rằng:

- Này các Tỳkhuu, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Uposatha nữa, Ta sẽ không tụng giới bốn Pāṭimokkha nữa. Bắt đầu từ hôm nay. Các người hãy làm Uposatha, các người hãy tụng giới bốn Pāṭimokkha.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích hợp với bài kinh *Tám điều vi diệu của biển*.

Sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, Đức Thế Tôn hoan hỷ nói lên kệ Udāna (Cảm hứng ngữ) như sau:

Channamativassati; vivaṭaṃ nātivassati.

Tasmā channaṃ vivaretha; evaṃ taṃ nātivassatī'ti.

“*Che kín, trời có mưa; mở rộng, trời không mưa.*

Do vậy, hãy mở rộng; cái gì bị che kín.

Như vậy trời không mưa” (HT. TMC d)⁽²⁾.

Một lần khác, Ngài trông thấy một tên trộm đang nằm nghỉ tại lối vào liêu thất của Ngài, lập tức Ngài đuổi tên trộm đi vì e ngại phiền lụy đến Ngài và sẽ ảnh hưởng đến uy tín của Tăng chúng.

Một lúc sau những người đuổi bắt tên trộm kéo đến, nhưng họ không tìm thấy tên trộm nơi ấy. Giả như Ngài không đuổi tên trộm đi, tên trộm bị bắt ngay chỗ trú ngụ của Ngài, nhóm dị giáo sẽ nhân đó loan tin rằng: “Môn đệ của Samôn Gotama chứa chấp bọn trộm cắp ...”, như thế uy tín của Tăng chúng bị tổn hại.

Và chuyện này được trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy: Moggallāna đã hành động hợp lý, nhân đó Đức Thế Tôn nói lên Bốn sự Pucimanda (chuyện cây Nimba)⁽³⁾.

Đức Moggallāna huấn luyện các môn đệ siêng năng thực hành bốn pháp *nền tảng như ý* (iddhipāda), nên phần đông hội chúng của Ngài rất giỏi về *thần thông*. Có lần, Đức Thế Tôn dạy các Tỳkhuu rằng: “*Này các Tỳkhuu, hội chúng của Moggallāna là hội chúng của thần thông*”⁽⁴⁾.

Các vị Tỳkhuu đối với Đức Sāriputta thì *vừa kính vừa mến*, còn với Đức Moggallāna thì *vừa kính vừa nể*.

Do có khuynh hướng thiên về **định** nên Đức Moggallāna ít giao tiếp với các gia chủ cận sự (do Ngài vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn, khi Ngài ngồi ngủ gục - xem ở trước).

Ngài Moggallāna có tự nhận xét mình trong tập Apadāna (Ký sự):

392- Pavivekamanuyutto samādhībhāvanārato.

Sabbāsava pariññāya viharāmi anāsavo.

(1)- A.iv, 204.

(2)- Ud.51. Chương V. Soṇavagga, kinh Bối tát (Uposathasuttaṃ)

(3)- JA. Pucimanda jātaka (chuyện cây Nimba). Số 311.

(4)- M.ii.

*“Được gắn bó với sự cô tịch, được thỏa thích trong sự tu tập về định.
Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc”⁽¹⁾.*

Mỗi khi đi du hành cùng với Đức Sāriputta, Đức Moggallāna kính trọng Đức Sāriputta như *người anh* vì Đức Moggallāna chứng Thánh quả Dự lưu nhờ nghe Đức Sāriputta lập lại kệ ngôn của Đức Assaji thuyết giảng.

Chính địa vị *Thượng thủ tinh văn tay phải*, được Đức Thế Tôn ban cho Ngài Sāriputta đã nói lên điều này. Có khả năng tuy hai vị sinh cùng ngày, nhưng Đức Sāriputta chào đời trước Đức Moggallāna.

Mặt khác, Đức Moggallāna có khuynh hướng an tịnh, nên mọi việc đều do Đức Sāriputta xử lý, và Đức Moggallāna tùy thuận theo.

Một lần khác, không cách xa Đức Thế Tôn bao nhiêu, Ngài Moggallāna ngồi thiền tịnh an trú tâm vào “thân hành niệm” để được hiện tại lạc trú.

Hiểu được ý nghĩa này, Đức Thế Tôn đã khen ngợi Ngài Moggallāna bằng kệ Udāna (Cảm hứng ngữ) rằng:

5- Sati kāyagatā upatṭhiti; chasu phassāyatanesu saṃvuto.
Satataṃ bhikkhu samāhito; jaññā nibbānamattano’ti.

“An trú, ghi nhận thân; phòng hộ sáu xúc xúc.

Tỳkhuru thường thiền tịnh; tự thấu rõ Nípàn”⁽²⁾.

Đức Thế Tôn rất tin tưởng Đức Moggallāna cả hai phương diện trí tuệ lẫn năng lực thân thông.

***Vê trí tuệ.**

Trong các vị Thánh Alahán đệ tử, Đức Sāriputta là *đệ nhất trí tuệ* thì Đức Moggallāna là *đệ nhị trí tuệ*, hai vị có thể đàm luận pháp cùng nhau mà các vị Thánh Alahán khác không thể nắm bắt trọn vẹn các ý nghĩa⁽³⁾.

Trước khi ngự lên cõi trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba) thuyết lên Tạng Abhidhamma (Thắng pháp) để tế độ thiên tử Māyā, Đức Thế Tôn dạy Ngài Moggallāna thuyết giảng pháp đến hội chúng rộng đến 12 do tuần, đang tề tựu ngoài thành Sāvatti (Xávệ), trong và ngoài Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên) , chờ đợi Đức Thế Tôn trở lại nhân giới (vì khi ấy Đức Sāriputta an cư mùa mưa ở cổng thành Saṅkassa).

Trưởng giả Cūla Anāthapiṇḍika (Tiểu Cấp cô độc) đảm nhận cung cấp vật thực cho đại chúng⁽⁴⁾.

Một lần khác, khi du hành trở về kinh thành Kapilavatthu (Catylavệ), Đức Thế Tôn trú ngụ trong Tự viện Nigrodha (cây Bàng) của các vương tử dòng Sakka (ThíchCa) cúng dường.

Bấy giờ một hội trường mới của những người Sakka (ThíchCa) vừa xây dựng xong, những người Sakka thỉnh Đức Thế Tôn là người đầu tiên sử dụng hội trường này, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Vào chiều tối khi hội trường được sửa soạn xong, ngọn đèn dầu lớn được treo giữa hội trường, những người Sakka ở Kapilavatthu (Catylavệ) thỉnh Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuru ngự đến hội trường.

Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuru đi đến hội trường, sau khi rửa chân đi vào hội trường, Đức Thế Tôn ngồi dựa vào cây cột ở giữa hội trường, mặt hướng về phía Đông, các vị Tỳkhuru sau khi rửa chân đi vào hội trường, ngồi phía sau Đức Thế Tôn, lưng dựa vào bức tường phía Tây, mặt hướng về phía Đông.

Những người Sakka ở Kapilavatthu, sau khi rửa chân đi vào hội trường, ngồi dựa vào bức tường phía Đông, mặt hướng về phía Tây với Đức Thế Tôn ở trước mặt.

⁽¹⁾- ĐĐ Indacando (d). Apadāna I (Thánh nhân ký sự I). Mahāmoggallānatherāpadānaṃ (Ký sự trưởng lão Mahāmoggallāna).

⁽²⁾ Ud.27. Chương Nanda (chương III), kệ ngôn số 5.

⁽³⁾- DhpA.iii, 227.

⁽⁴⁾- DhpA. Câu số 181.

Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp thoại đến hội chúng người Sakka đến hơn nửa đêm, rồi cho hội chúng người Sakka (ThíchCa) ra về.

Bấy giờ các Tỳkhuu vẫn còn tinh táo, Đức Thế Tôn dạy Moggallāna thay Đức Thế Tôn giảng pháp đến các Tỳkhuu.

Vâng lời Đức Thế Tôn, Moggallāna thuyết lên pháp thoại ***nhiễm dục lậu và không nhiễm dục lậu***.

Dứt lời pháp thoại Đức Thế Tôn tán thán Ngài Moggallāna, các Tỳkhuu hoan hỷ tín thọ lời dạy của Ngài Moggallāna⁽¹⁾.

***Vê thần thông.**

Với những việc cần phải dùng thần thông lực để tế độ người hữu duyên, Đức Thế Tôn thường giao phó cho Ngài Moggallāna, như:

1- Tế độ trưởng giả Kosiya keo kiệt (Maccharikosiya)⁽²⁾.

Cách thành Rājagaha (Vương xá) không xa là thị trấn Sakkara (còn được viết là Sakkhara). Nơi thị trấn này, có một trưởng giả (setṭhi) tên là Kosiya, tài sản của ông là 800 triệu tiền vàng, nhưng ông quá keo kiệt, không hề cho ai dù chỉ là một giọt dầu, nên thị dân gọi ông là Maccharikosiya (Kosiya keo kiệt).

Nguyên mấy ngày hôm trước trưởng giả Kosiya keo kiệt có đi vào Hoàng cung để yết kiến vua Bimbisāra (Binhsa), trên đường trở về, trưởng giả nhìn thấy một người nông dân đang ăn bánh bột có trét mật ong, trưởng giả Kosiya đột nhiên thèm ăn món ăn bình thường này lạ lùng.

Về đến nhà, trưởng giả Kosiya suy nghĩ “nếu ta nói thèm ăn bánh bột có trét mật ong, sẽ có nhiều người cùng ăn chúng với ta, như vậy rất hao tổn”.

Trưởng giả Kosiya cố đè nén sự thèm khát của mình, nhưng càng lúc sự thèm ăn bánh bột trét mật càng tăng cao, ông trở nên biếng nói, gương mặt có vẻ buồn rầu, rồi đi vào phòng riêng nằm ủ dột.

Bà trưởng giả vào chăm sóc cho chồng, thấy vậy hỏi rằng:

- Thưa ông, ông bệnh chi vậy?
- Ta nào có bệnh chi đâu.
- Vậy chuyện gì khiến ông phiền muộn? Có phải Đức vua quở trách ông không?
- Đức vua không có quở trách ta.
- Hay con trai, con gái hoặc gia nhân đã làm việc gì khiến ông buồn phiền?
- Không có chuyện chi cả.
- Hay là ông đang thèm khát món chi chẳng?

Nghe vợ hỏi, trưởng giả im lặng, sau cùng do bà trưởng giả gặng hỏi nhiều lần, trưởng giả Kosiya tỏ thật là: Thèm ăn bánh bột trét mật ong.

Bà trưởng giả nói:

- Ô! Chỉ có thể thôi sao? Vậy tôi sẽ làm món bánh đó để đãi tất cả dân trong thị trấn này.

- Sao bà lo cho nhiều người thế? Họ muốn ăn thì họ tự làm lấy mà ăn chứ?
- Vậy tôi làm bánh bột trét mật để đãi hết người trong nhà của chúng ta dùng.
- Bà giàu có quá nhỉ?
- Vậy tôi làm bánh bột trét mật cho thân tộc chúng ta dùng mà thôi.
- Bà lo cho họ làm gì?
- Thôi thì tôi làm bánh bột trét mật đủ vợ chồng mình dùng.
- Bà đâu có thèm bánh bột trét mật, bà dùng bánh bột trét mật này làm gì?
- Thôi được, tôi chỉ làm bánh bột trét mật đủ cho ông dùng thôi.

- Nhưng nếu bà làm bánh nơi này, sẽ có người đến xin bánh ăn, ta biết phải làm sao? Bà nên mang những vật liệu lên lâu 7 để làm bánh.

(1)- S.iv, 182.

(2)- Việc tế độ trưởng giả Kosiya keo kiệt, sớm lắm cũng phải từ hạ thứ tư của Đức Thế Tôn. Vì khi ấy đã có Đại tự Kỳ viên .

- Vàng, thưa ông.

Khi chuẩn bị đầy đủ bột, sữa tươi, mật ong, dầu mè, bà trưởng giả cho mang lên lầu 7, cho những nữ tỳ lui xuống, rồi cho mời trưởng giả Kosiya lên lầu 7.

Vào buổi hừng sáng, nơi Gandhakūṭi (Hương thất) ở trong Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên) cách thị trấn Sakkara 45 do tuần, Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thế gian, hình ảnh trưởng giả Maccharikosiya hiện ra trong võng trí của Ngài.

Đức Thế Tôn thấy được duyên lành Thánh quả Dự lưu của hai vợ chồng trưởng giả Kosiya keo kiệt.

Vào sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn cho gọi Ngài Moggallāna đến, dạy rằng:

- Nay Moggallāna, nơi thị trấn Sakkara cách đây 45 do tuần, có trưởng giả Kosiya keo kiệt muốn ăn bánh bột trét mật, nhưng sợ người thấy nên lên lầu 7 nướng bánh ăn. Nay Moggallāna, hãy đến tế độ trưởng giả Kosiya keo kiệt ấy, mang hai vợ chồng trưởng giả ấy đến đây, Như lai cùng đại chúng Tỳkhuu sẽ dùng bánh bột trét mật ấy.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Moggallāna theo đường hư không đi đến thị trấn Sakkara, Ngài ôm bát đứng trước cửa sổ lầu 7 của trưởng giả Kosiya.

Nhìn thấy Đức Moggallāna đang đứng trước cửa sổ, tay ôm bát xin ăn, trưởng giả Kosiya rung động tâm, nghĩ thầm rằng: “Ta đã sợ gặp những người đến xin bánh bột trét mật ăn, nên lên lầu 7 này. Vậy mà ông này cũng theo đến đây”.

Trưởng giả Kosiya nói rằng:

- Nay ông Samôn, hãy đi đi, không có bánh cho ông đâu.

Đức Moggallāna vẫn đứng yên lặng, trưởng giả Kosiya bực tức nói với giọng như muối ném vào trong lửa đỏ:

- Dù ông có đi qua lại làm thành con đường mòn giữa hư không, ông cũng không có bánh ăn đâu.

Đức Moggallāna liền đi kinh hành qua lại giữa hư không, ông trưởng giả lại nói:

- Dù ông có ngồi kiết già (pallaṅka - ngồi gác chéo hai chân lên nhau) ở giữa hư không, ông cũng không có bánh ăn đâu.

Đức Moggallāna liền ngồi kiết già ở giữa hư không, trưởng giả lại nói:

- Dù ông có đứng trước ngạch cửa sổ, ông cũng không có bánh ăn đâu.

Đức Moggallāna đi đến đứng trước ngạch của sổ, trưởng giả Kosiya lại nói:

- Dù ông có phun ra khói, ông cũng không có bánh ăn đâu.

Đức Moggallāna vận dụng thần thông lực khiến khói đen tuôn ra mù mịt cả lầu 7, khói đen xông vào mắt trưởng giả khiến ông bị xốn xang mắt, ông định thách thức Đức Moggallāna phun lửa ra, nhưng sợ cháy nhà, trưởng giả Kosiya suy nghĩ:

- Ông Samôn này gan lỳ thật, nếu không có bánh ông không chịu đi khỏi nơi đây. Thôi đành phải cho ông Samôn một cái bánh, để ông đi khỏi nơi đây vậy.

Trưởng giả Kosiya nói với vợ rằng:

- Nay bà, hãy nướng một cái bánh nhỏ, cho ông Samôn để ông đi khỏi nơi này đi.

Bà trưởng giả đổ chút ít bột vào khuôn, nướng bánh, nhưng chiếc bánh nở lớn choán đầy cả khuôn, trưởng giả Kosiya nghĩ “bà này múc bột quá nhiều”, tự thân ông đến múc một ít bột đổ vào khuôn, nhưng chiếc bánh thứ hai lại càng nở lớn hơn chiếc bánh thứ nhất, trưởng giả lại tiếc của nên múc ít bột hơn, nhưng rồi bánh lại nở to hơn cái trước (đây là thần lực làm cho *nhỏ thành lớn*).

Trưởng giả Kosiya càng giảm bớt bột thì bánh càng nở lớn hơn trước, trưởng giả Kosiya cảm thấy mệt mỏi nên nói với vợ rằng:

- Thôi cho ông Samôn một cái bánh đi.

Nhưng tất cả những cái bánh nướng dính chum với nhau thành một khối, bà trưởng giả nói với chồng rằng:

- Ông ơi, những cái bánh dính cứng vào nhau, tôi gỡ không ra.

- Bà để đó cho tôi.

Nhưng cả ông cũng gỡ không ra, hai ông bà trưởng giả một người nắm hai đầu chùm bánh cố sức tách chùm bánh ra, nhưng không thể tách rời ra được.

Một lát sau, hai người mệt nhoài, buông chùm bánh ra, cơn thèm khát bánh bột trét mật ong của trưởng giả cũng chấm dứt, ông nói với vợ rằng:

- Hãy cho ông Samôn chùm bánh này đi, ta không còn muốn ăn bánh này nữa.

Bà trưởng giả mang giỏ bánh đến cúng dường Đức Moggallāna, Đức Moggallāna nhận lãnh bánh, Ngài thuyết lên pháp thoại tán thán ân đức Tam bảo rồi nói đến hạnh lành bố thí, nhờ hạnh lành này sẽ phát sinh tài sản dồi dào, như trăng tròn trong đêm rằm.

Được nghe thời pháp thoại này, hai ông bà trưởng giả Kosiya phát sinh tâm tịnh tín, thỉnh Đức Moggallāna rằng:

- Kính thỉnh Ngài vào an tọa nơi lầu 7 này để thọ thực.

- Nay các gia chủ, Đức Thế Tôn cùng với 500 vị Tỳkhuu muốn thọ dụng bánh bột trét mật này. Đức Thế Tôn muốn hai gia chủ đến yết kiến Ngài.

- Bạch Ngài, Đức Thế Tôn đang ở đâu?

- Nay các gia chủ, Đức Thế Tôn hiện đang trú ngụ ở Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên) gần thành Sāvatti (Xávệ), cách đây 45 do tuần.

- Bạch Ngài, nơi đó quá xa, làm sao chúng con đi đến nơi ấy cho kịp bây giờ?

- Nay các gia chủ, nếu các gia chủ muốn đến đánh lễ Đức Thế Tôn, ta sẽ đưa đi.

- Lành thay, bạch Ngài.

Đức Moggallāna chú nguyện rằng: “Nơi đây là đầu cầu thang, chân cầu thang là cổng Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên)”, lập tức một cầu thang hiện ra như theo lời chú nguyện.

Đức Moggallāna cùng vợ chồng trưởng giả Kosiya theo cầu thang đến trước cổng Jetavanavihāra thời gian còn nhanh hơn từ lầu 7 xuống đất lúc bình thường.

Đức Moggallāna đưa vợ chồng trưởng giả đến đánh lễ Đức Thế Tôn, đồng thời báo tin rằng:

- Bạch Thế Tôn, đã đến giờ thọ thực, vật thực đã chuẩn bị sẵn sàng.

Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu ngự đến trai đường, vợ chồng trưởng giả Kosiya cúng dường bánh bột trét mật đến Đức Thế Tôn cùng các Tỳkhuu.

Đức Thế Tôn cùng 500 Tỳkhuu dùng bánh bột trét mật đến thỏa mãn, số bánh vẫn còn nhiều, vợ chồng trưởng giả Kosiya dùng bánh bột trét mật ấy. Số bánh còn lại phân phát cho những người dùng tàn thực trong Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), nhưng bánh vẫn không hết.

Số bánh còn thừa được mang ra đổ gần cổng Jetavanavihāra cao như một con dốc dài, nơi này được gọi là Kapallapūvapabbhāra (Dốc bánh chiêm hay Dốc bánh nướng), đến nay vẫn còn di tích này.

Sau khi đổ bánh dư thừa xong rồi, vợ chồng trưởng giả Kosiya đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi vào một bên hợp lễ.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại thích hợp với cơ tánh của vợ chồng trưởng giả Kosiya, nghe xong thời pháp thoại vợ chồng trưởng giả Kosiya chứng Thánh quả Dự lưu. Vợ chồng trưởng giả Kosiya đánh lễ Đức Thế Tôn, theo cầu thang từ cổng Jetavanavihāra trở về nhà.

Từ đó trưởng giả Kosiya không còn tính keo kiệt, trở thành người ủng hộ Phật pháp nhiệt thành.

Hôm sau, nơi Giảng pháp đường trong Jetavanavihāra, các Tỳkhuu đàm luận về sự “tế độ trưởng giả Kosiya keo kiệt” kỳ diệu của Đức Moggallāna.

- Nay chư hiền, thần lực của Tôn giả Moggallāna thật là kỳ diệu, tế độ trưởng giả Kosiya có được niềm tin trong Giáo pháp này, mà không thiệt hại gì đến tài sản của trưởng giả ấy.

Đức Thế Tôn với Thiên nhĩ thông thanh tịnh siêu nhân, nghe được sự luận bàn của các Tỳkhuu, Ngài ngự đến Giảng pháp đường, ngồi vào pháp tọa được soạn sẵn, hỏi các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, các người đang bàn luận về đề tài gì? Vấn đề gì được khởi lên nơi đây?

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn đề tài đang bàn luận, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, ví như con ong chỉ hút mật hoa, không làm hại cánh hoa. Vị Tỳkhuu khéo huấn luyện, sẽ không làm mất niềm tin, không làm thiệt hại tài sản của người gia chủ, không gây khó nhọc đến gia tộc người gia chủ, như con trai Như Lai là Moggallāna vậy.

Và Đức Thế Tôn đã thuyết lên kệ ngôn:

49 -Yathāpi bhamaro pupphaṃ; vaṇṇagandhamahethayaṃ.

Paleti rasamādāya; evaṃ gāme munī care.

“Ví như ong lấy mật; không hại sắc hương hoa.

Vị samôn hành khất; vào làng lại trở ra” (HT. TMC dịch).

Dứt kệ ngôn nhiều vị Tỳkhuu chứng đạt Thánh quả nhất là Thánh quả Dự lưu.

Tiếp theo, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, thườ quá khứ tiền thân của Moggallāna đã từng thu phục tiền thân của trưởng giả Kosiya này

Và Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Illisa (còn viết là Illisa)⁽¹⁾.

***Thị trấn Sakkara** (hay Sakkhara).

Là thị trấn của dân Sakka (Thích Ca), Đức Phật và các Tỳkhuu có lưu trú ở đây. Chính ở đây, Đức Ānanda có bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, một nửa Phạm hạnh này là thiện bạn hữu (kalyānamittatā), thiện hữu đồng hành (kalyānasahāyatā), thiện thân tình (kalyāsampavankatā).

Đức Thế Tôn rầy Đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, chớ có nói vậy. Nay Ānanda, chớ có nói vậy. Nay Ānanda, toàn bộ phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện đồng hành, thiện thân tình.

Nay Ānanda, với Tỳkhuu thiện bạn hữu, thiện đồng hành, thiện thân tình; thời được chờ đợi là *tu tập Thánh đạo 8 chi phần được viên mãn*⁽²⁾.

***Bốn sự Illisa** (Trưởng giả Illisa).

Thườ xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), trong thành có một trưởng giả rất keo kiệt tên là Illisa, tài sản của ông là 800 triệu tiền vàng, nhưng ông vừa gù, vừa lé lại vừa què.

Bảy đời tổ phụ của trưởng giả Illisa là người thực hành *bố thí hạnh*, đến đời trưởng giả Illisa, trưởng giả Illisa cho đốt bỏ *Bố thí đường*, đuổi tất cả những người nghèo khổ ra đi.

Chính bản thân ông cũng không dám thọ dụng tài sản ấy, tài sản của ông giống như hồ nước bị đạxa chiếm lấy, không một ai có thể dùng nước hồ ấy.

Một hôm, trên đường đến yết kiến Đức vua trở về, thấy người nông phu uống rượu với cá khô, ông chợt thèm uống rượu với cá khô.

Sau một thời gian tự kềm chế, ông sai tên nô lệ trong nhà ra quán mua một đồng rượu và giấu rượu trong lùm cây gần mé sông để ông uống không ai thấy.

Lúc bấy giờ, cha của Illisa tái sinh là Thiên chủ Sakka (Đếthích), biết được con mình là người bần tiện, nên xuống nhân giới để giáo hóa con.

Thiên chủ Sakka hóa thân thành Illisa, đi vào Hoàng cung xin hiến tất cả tài sản của mình cho Đức vua, nhưng Đức vua Brahmadata từ chối.

Illisa (giả) xin được đem ra bố thí, Đức vua chấp thuận.

Illisa (giả) cho mở tất cả kho ra, rao truyền rằng: Ai cần vật gì hãy lấy theo ý.

(1)- DhpA. Câu số 49; JA. Chuyện số 78.

(2)- S.v, 2.

Bà trưởng giả Illisa cùng gia nhân tưởng tưởng Illisa say rượu nên có hành động hào phóng đó, nhưng không một ai phản đối cả.

Trong số những người được hưởng lộc bất ngờ, có một nông dân từng đánh xe cho Illisa, người này chất lên cỗ xe bò của mình những món quý giá lấy được từ nhà của trưởng giả, trên đường về nhà y hân hoan ca hát tán thán Illisa.

Nghe người khen ngợi mình, Illisa từ trong lùm cây bước ra và ngạc nhiên thấy tài sản của mình bị chỡ đi, ông tìm cách cản ngăn nhưng bị người đánh xe đánh ngã.

Illisa lật đật về nhà nhưng bị ngăn lối, Illisa sầu khổ đến yết kiến Đức vua; nghe ông phân trần, vua cho điều tra và biết có hai Illisa giống nhau như hai giọt nước, không thể phân biệt ai thật, ai giả.

Khi mời vợ của Illisa cùng các gia nhân ra nhận diện, mọi người đều đứng bên Illisa (giả), nói rằng:

- Thưa Đại vương, đây là trưởng giả Illisa thật, còn Illisa kia là giả.

Illisa (thật) sầu khổ thưa rằng:

- Thưa đại vương, người thợ cạo tóc cho tôi, có thể nhận biết “ai là thật, ai là giả”.

- Nay Illisa, vì sao người thợ cạo tóc có thể nhận biết ai thật, ai giả được?

- Thưa Đại vương, vì trên đầu của tôi có mục ruồi, chỉ có người thợ cạo và tôi biết mà thôi.

Nhưng vua Trời Sakka kịp thời hóa ra một nốt ruồi trên đầu giống Illisa (thật).

Quá đau khổ, Illisa ngã ra bất tỉnh; vua Trời Sakka hiện nguyên hình và nói với Illisa rằng:

-Này Illisa, ta chính là cha của người kiếp trước, gia tài là của ta không phải của người, vì người không tạo ra, người chỉ là người thừa hưởng. Kiếp trước ta nhờ hạnh bố thí nên tái sinh là vua trời Sakka. Truyền thống bố thí tốt đẹp của gia tộc 7 đời đã bị người phá vỡ.

Thiên chủ Sakka dạy Illisa làm việc tốt và nên hào phóng, bằng không Illisa sẽ bị lưỡi tầm sét của Indra giáng xuống đầu.

Nghe lời khuyên, Illisa trở nên người hành thiện.

Nhận diện tiền thân.

Illisa nay là trưởng giả Kosiya keo kiệt, thiên chủ Sakka nay là Đức Moggallāna, người thợ cạo tóc nay là Đức Thế Tôn ⁽¹⁾.

2- Đi gọi Uggasena ⁽²⁾.

Uggasena là con trai độc nhất của một đại trưởng giả trong thành Rājagaha (Vương xá). Vào lúc bấy giờ khoảng 6 tháng hay một năm, một đoàn diễn kịch xiếc có khoảng 500 diễn viên thường đến thành Rājagaha biểu diễn nghệ thuật “nhào lộn giữa hư không” cùng những tiết mục khác để Đức vua cùng dân chúng thành Rājagaha thưởng thức. Đoàn diễn kịch xiếc này lưu diễn 7 ngày đêm nơi kinh thành.

Trong đoàn xiếc có một nàng diễn viên trẻ là con gái của chủ đoàn xiếc, cô vừa xinh đẹp lại có biệt tài “nhào lộn giữa hư không” để biểu diễn những vũ khúc điêu luyện. Cô cho bắt một tấm ván ngang qua hai thanh tre cao, rồi trên tấm ván ấy nàng biểu diễn “những vũ khúc ở giữa hư không” với những động tác uyển chuyển, mềm mại tràn đầy nghệ thuật.

Trong một lần đi xem đoàn diễn kịch xiếc biểu diễn nghệ thuật, thanh niên Uggasena phát sinh ái luyện cô diễn viên “nhào lộn giữa hư không”.

Về đến nhà, Uggasena luôn mơ tưởng đến hình dáng của nàng diễn viên xinh đẹp, bỏ cả ăn uống. Khi cha mẹ hỏi, Uggasena thú thật tâm trạng mình.

Là một gia đình vọng tộc, cha mẹ Uggasena không muốn kết thân với gia đình người chủ đoàn diễn kịch xiếc, vì đó thuộc giai cấp thấp kém so với giai cấp của gia đình Uggasena.

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 78.

⁽²⁾- Việc tế độ Uggasena xảy ra vào khoảng thời gian hạ thứ ba và thứ tư của Đức Thế Tôn.

Nhưng Uggasena bỏ ngoài tai những lời khuyên giải của cha mẹ cùng thân quyến, chỉ nói rằng: “Nếu ta không được nàng ấy làm vợ, chắc ta phải chết thôi”.

Cuối cùng, người chủ đoàn diễn kịch xiếc được mời đến, cha mẹ Uggasena trao cho chủ đoàn diễn kịch xiếc một số tiền vàng lớn nói rằng:

- Nay ông, ông hãy nhận số tiền vàng này, ông hãy gả con gái ông cho con trai chúng tôi là Uggasena, hãy để con gái ông ở lại đây.

- Thưa ông bà, tôi không thể gả con gái tôi cho con trai ông bà được. Cả đoàn diễn kịch của tôi chỉ trông cậy vào mình nó, không có nó, đoàn diễn kịch xiếc này sẽ bị thất thu, sẽ không thể tồn tại được.

- Nay ông, xin ông đừng làm thế, con trai tôi nếu không cưới được con gái ông, nó sẽ chết mất.

Suy gẫm giây lâu người chủ đoàn diễn kịch xiếc nói:

- Tôi sẽ gả con gái tôi cho cậu Uggasena, nếu như cậu Uggasena bằng lòng theo đoàn diễn kịch xiếc của chúng tôi đi lưu diễn.

Và Uggasena bằng lòng điều kiện này, từ bỏ gia tộc danh tiếng cùng với đại tài sản để chạy theo tiếng gọi của khát ái.

Uggasena cùng với đoàn diễn kịch xiếc dong ruổi giang hồ, lang bạt qua các làng mạc, thị trấn, kinh thành cùng với những vùng quê xa xôi của vùng biên địa.

Uggasena vì không có nghiệp nghệ gì nên chủ đoàn xiếc phân công chàng có phận sự “mang cỏ đến cho những con vật trong đoàn xiếc ăn”, hay chất những tặng phẩm lên những cỗ xe, dọn dẹp những vật dụng trong đoàn xiếc ...

Nói gọn hơn, Uggasena giống như một phụ việc trong đoàn xiếc.

Một năm trôi qua, nàng diễn viên ưu tú hạ sinh một bé trai, một hôm nàng cùng con đùa giỡn. Nhìn ra ngoài thấy Uggasena đang mang cỏ đến cho bò ăn, rồi chất những tặng phẩm vào bên trong xe, nàng cảm thấy thương chồng vô cùng, suy nghĩ rằng: “Chỉ vì thương mến ta mà chàng đã từ bỏ gia tộc cao sang, cùng với đại tài sản. Bằng lòng cùng ta trôi giạt khắp nơi, chịu đựng cực khổ với đoàn diễn kịch xiếc này”.

Nàng hát trên cột chông với tình thương mến rằng:

“Hỡi này con trai, con của người giữ xe, con của người chất hàng, con của người chẳng biết làm chi cả”.

Nghe câu hát của vợ, Uggasena hổ thẹn, hỏi rằng:

- Nay nàng, có phải nàng hát trên ta đấy chẳng?

- Thưa anh, thật sự là như vậy mà.

- Nếu nàng nói thế, ta sẽ bỏ đoàn trở về nhà của ta.

- Thưa anh, sự ra đi của anh có làm thiệt hại gì cho đoàn đâu, sự ở lại của anh có giúp ích gì cho đoàn đâu. Không có anh vẫn có người thay thế được những công việc của anh kia mà.

Uggasena suy nghĩ: “Vì sao nàng này tự hào như thế? À thì ra nàng tự hào về sắc đẹp của mình, đồng thời nghĩ rằng: Không ai có thể sánh bằng nàng về nghệ thuật *nhào lộn ở giữa hư không*, không ai có thể thay thế nàng về công việc của nàng, còn ta thì người khác có thể thay thế những việc mà ta đang làm. Ta sẽ chứng tỏ cho nàng thấy rằng không ai có thể thay thế ta, nếu ta lìa bỏ đoàn này ra đi”.

Lập ý như vậy rồi, Uggasena đi đến người chủ đoàn diễn kịch xiếc, nói rằng:

- Thưa cha, con muốn học *nghệ thuật nhào lộn ở giữa hư không* của cha.

- Nay con, tốt thôi. Vậy con hãy cố gắng rèn luyện đi.

Uggasena cố tâm rèn luyện nghệ thật *nhào lộn ở giữa hư không*, chẳng bao lâu Uggasena thành tựu nghệ thuật này, xem ra Uggasena có phần điêu luyện hơn cả vợ.

Theo đường lưu diễn, đoàn diễn kịch xiếc lại trở về kinh thành Rājagaha, đoàn diễn kịch xiếc thông báo khắp kinh thành rằng: “Sau 7 ngày kể từ hôm nay, thanh niên Uggasena sẽ biểu diễn *nghệ thuật nhào lộn ở giữa hư không*. Đại chúng hãy đến xem thanh niên Uggasena trình diễn nghệ thuật điêu luyện này”.

Vào ngày thứ 7, khi đại chúng tụ hội nơi quảng trường rộng lớn để xem thanh niên Uggasena biểu diễn, Uggasena cho bắt miếng ván gác trên hai thanh tre cao 60 hắc tay (# 30 m), chàng vận mặc y phục gọn gàng, trang điểm thật xinh đẹp như một thiên thần, đi qua lại trên tấm ván để chuẩn bị cho buổi diễn.

Vào hừng sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thế gian, tìm người hữu duyên nên tế độ, hình ảnh Uggasena lọt vào trong võng trí của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn thấy được duyên lành Thánh quả Alahán của Uggasena, đồng thời nương theo đó có 84 ngàn chúng sinh chứng đạt Thánh đạo từ Dự lưu trở lên.

Vào sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu ngự vào thành Rājagaha khất thực, Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu đi đến quảng trường của Uggasena đang biểu diễn nghệ thuật.

Bấy giờ Uggasena sau khi ra hiệu cho đại chúng chú ý, chàng biểu diễn nghệ thuật *nhào lộn giữa hư không* 7 vòng, rồi rơi xuống đứng vào miếng ván đặt trên hai cây tre cao 60 hắc tay một cách nhẹ nhàng như chiếc lá rơi, đây nghệ thuật.

Đại chúng chưa kịp vỗ tay tán thán thì Đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngự đến, Đức Thế Tôn vận thần lực khiến cho đại chúng bị hấp lực của Ngài cuốn hút, đại chúng bỏ rơi Uggasena quay sang chú ý, chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng đang từ từ tiến đến quảng trường.

Uggasena đứng trên tấm ván cao 30 m buồn rầu nghĩ rằng: “Nghệ thuật nhào lộn giữa hư không của ta rèn luyện thật công phu, mỗi năm ta chỉ đến đây biểu diễn có một lần, nhưng đại chúng chẳng màng quan tâm đến. Chỉ chú tâm chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn cùng chư Tăng, thì ra nghệ thuật này chẳng có ích lợi chi cả”.

Với tâm mình, Đức Thế Tôn biết được sự suy nghĩ của Uggasena, Ngài bảo trưởng lão Moggallāna rằng:

- Này Moggallāna hãy bảo Uggasena rằng: “Này Uggasena hãy biểu diễn nghệ thuật nhào lộn ở giữa hư không đi”.

Vâng theo lời Đức Thế Tôn, Trưởng lão Moggallāna theo đường hư không đi đến trước thanh niên Uggasena, nói rằng:

Īṅha passa naṭaputta; uggasena mahabbala;

Karohi raṅgaṃ parisāya; hāsayassu mahājana’nti.

“Đến đây nhìn người nhào lộn; Uggasena đại thần lực.

Người làm cho phấn khởi, vui thích đến đại chúng đi”.

Nghe Đức Moggallāna nói như vậy, thanh niên Uggasena hân hoan trong tâm rằng: “Ồ! Đức Thế Tôn muốn xem nghệ thuật nhào lộn ở giữa hư không của ta”.

Đứng yên trên tấm ván cao 30 m, thanh niên Ugasena đáp lời Đức Moggallāna:

Īṅha passa mahāpañña; moggallāna mahiddhika;

Karomi raṅgaṃ parisāya; hāsayāmi mahājana’nti.

“Xin nhìn đây bậc đại trí; Ngài Moggallāna đại thần lực.

Tôi làm cho phấn khởi, vui thích đến đại chúng”.

Từ trên tấm ván, Uggasena phóng lên hư không nhào lộn đến 14 vòng rồi quay trở lại tấm ván một cách nhẹ nhàng đầy nghệ thuật,

Đức Thế Tôn phóng âm thanh vi diệu giảng rằng:

- Này Uggasena, lẽ thường người trí thường bỏ rơi sự luyến ái các uẩn, bỏ rơi cả ba thời quá khứ, hiện tại lẫn vị lai.

Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

347- *Muñca pure muñca pacchato; majjhe muñca bhavassa pārāgū;*

Sabbattha vimuttamānaso; na punaṃ jātijaraṃ upehiṣi’ti.

“Bỏ quá khứ, hiện, vị lai; đến bờ kia cuộc đời.

Ý giải thoát tất cả; chớ vướng lại sinh, già” (HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

⁽¹⁾- Dhp. Câu 347.

Thanh niên Uggasena đang đứng yên trên tấm ván, đưa trí quán xét lời dạy của Đức Thế Tôn, chứng đạt Thánh quả Alahán cùng với Tuệ phân tích ngay tại chỗ đứng ấy, ngoài ra có 84 ngàn chúng sinh khác cũng chứng đạt Thánh quả.

Từ độ cao 30 m, Ngài Uggasena phóng xuống đất, đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn, Ngài Uggasena xin Thế Tôn được xuất gia trong Giáo pháp này. Đức Thế Tôn đưa bàn tay phải ra nói rằng “*hãy đến đây, này Tỳkhuu*” (ehi bhikkhu), lập tức râu tóc của Uggasena rụng hết, trên thân xuất hiện tám món phụ tùng của bậc xuất gia, tuy mới xuất gia nhưng Ngài Uggasena có tướng như vị Trưởng lão có trăm tuổi đạo.

Vào buổi chiều, nơi Giảng Pháp đường trong Veļivanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), các Tỳkhuu ngồi đàm luận cùng nhau, hỏi tân Tỳkhuu Uggasena rằng:

- Này hiền giả Uggasena, khi từ trên cao 30 m phóng xuống đất, hiền giả có sợ hay không?

- Thừa chư hiền, tôi không còn sợ hãi nữa.

Các vị Tỳkhuu phàn cho rằng Ngài Uggasena khoe pháp bậc cao nhân, nên trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, vị Tỳkhuu đã cắt hết mọi dây trói buộc như Uggasena con trai của Như Lai, vị ấy không còn phải lo sợ chi cả.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

397 - Sabbasaṃyojanaṃ chetvā; yo ve na paritassati.

Saṅgātigam viṣaṃyuttam; tamahaṃ brūmi brāhmaṇa'nti.

“Đoạn hết các kiết sử; không còn gì lo sợ.

Không dấm trước buộc ràng; Ta gọi Bàlamôn”(HT. TMC dịch)⁽¹⁾.

Kệ ngôn mang Thánh quả đến cho nhiều người trong hội chúng.

Vào hôm sau, cũng nơi Giảng pháp đường các Tỳkhuu lại bàn luận rằng:

- Này chư hiền, một người có duyên lành chứng đạt Thánh quả Alahán, nhưng trước đó lại bỏ cha mẹ, lẩn tài sản để đi theo cô gái diễn viên có tài nhào lộn giữa hư không. Chẳng biết do duyên nghiệp gì nhỉ?

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, Ngài giải nghi cho hội chúng bằng tiền nghiệp quá khứ của Ngài Uggasena như sau:

***Tiền nghiệp.**

Thuở quá khứ, vào thời Đức Phật Kassapa (CaDiếp) đã viên tịch, Bảo tháp tôn thờ Xá Lợi Đức Phật Kassapa được làm bằng vàng ở kinh thành Bārāṇasī (Balanại).

Các thiện gia tử trong ngoài thành Bārāṇasī thường mang vật thực đến Bảo tháp đang được xây dựng để cúng dường đến chư Tăng, đồng thời góp công sức vào việc kiến tạo Bảo tháp.

Có đôi vợ chồng trẻ cũng mang vật thực đến Bảo tháp để góp công sức kiến tạo Bảo tháp, trên đường đi, hai vợ chồng gặp được vị Thánh Tăng Alahán đang đi khất thực, người vợ nói với chồng rằng:

- Này anh, Ngài của chúng ta đang đi khất thực. Trong xe của chúng ta có nhiều vật thực, vậy chúng ta hãy cúng dường vật thực đến Ngài.

- Lành thay, lành thay. Này em thân.

Vợ chồng thiện gia tử ấy cúng dường vật thực đến vị Thánh Tăng Alahán, rồi hai người đánh lễ dưới chân vị Thánh Alahán nguyện rằng:

“Bạch Ngài, với phước báu cúng dường vật thực đến Ngài, xin cho chúng con chứng đạt an lạc pháp mà Ngài đã chứng đạt”.

Vị Thánh Tăng Alahán đưa Vị lai trí quán xét, Ngài thấy được “ước nguyện này sẽ trở thành hiện thực trong thời Đức Phật Gotama”, nên Ngài hoan hỷ mỉm cười.

Thấy Ngài Thánh Tăng Alahán mỉm cười, người vợ nói với chồng rằng:

⁽¹⁾- Dhp. Câu số 397.

- Này anh, Ngài của chúng ta mỉm cười giống như người diễn viên xiếc cười với người ái mộ mình vậy.

Người chồng không kịp suy nghĩ, nói theo vợ rằng:

- Này em, thật là như vậy.

Rồi vợ chồng đi đến nơi đang xây dựng Bảo tháp, góp công sức vào việc kiến tạo Bảo tháp.

Mệnh chung, hai người tái sinh về cõi Trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba), vào thời Đức Phật hiện tiền, người chồng tái sinh vào một gia tộc đại trưởng giả trong thành Rājagaha (Vương xá) là Uggasena.

Còn người vợ năm xưa, do có lời khinh suất với vị Thánh Alahán, nên tái sinh vào gia đình người chủ đoàn diễn kịch xiếc, tiền thân của Ngài Uggasena cũng do khinh suất đồng ý với vợ, nên kiếp này từ bỏ cả cha mẹ lẫn tài sản để theo cô nữ diễn viên xinh đẹp, có tài nhào lộn ở giữa hư không.

Nhờ phước cúng dường vật thực cũng như ước nguyện chân chánh, Ngài Uggasena chứng đạt Thánh quả Alahán.

Nói về nàng diễn viên xinh đẹp, khi hay chồng xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, nàng suy nghĩ:

“Con đường của chồng ta đi chính là con đường mà ta phải đi”.

Nàng giao con lại cho cha mình và xin phép cha được xuất gia theo chồng.

Và nàng được xuất gia trong Ni đoàn, nàng tinh tấn thực hành pháp chẳng bao lâu sau nàng chứng đạt Thánh quả Alahán⁽¹⁾.

3- Giải cứu vương tử Sīlavā⁽²⁾.

Khi Thái tử Ajātasattu (Axàthê) nghe lời xúi giục của Tôn giả Devadatta (Đềbàđạtđa), giết cha là vua Bimbisāra (Binhsa) để chiếm ngôi vua.

Vua Ajātasattu rất úy kỵ người anh khác mẹ của mình là Vương tử Abhaya (Vô Quý), một vương tử khác mà vua Ajātasattu rất kiêng dè, đó là vương tử Sīlavā (Hữu Giới), một người em cùng cha khác mẹ với mình.

Vua Ajātasattu muốn sát hại vương tử Sīlavā trước, rồi sau đó sẽ tìm cách hạ sát vương tử Abhaya, nhưng vương tử Sīlavā có kiếp này là kiếp sống cuối, nếu chưa chứng Thánh quả Alahán thì chưa thể chết được.

Với tâm mình, Đức Thế Tôn biết được ý định của vua Ajātasattu, nên dạy Đức Moggallāna đến thành Vương xá mang vương tử Sīlavā đến Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), tránh cho vua Ajātasattu tạo thêm thêm ác trọng nghiệp.

Đức Moggallāna tay cầm lấy y bát, từ nơi kinh thành Sāvatti (Xávệ) Ngài theo đường hư không đến thành Rājagaha, đứng đợi vương tử Sīlavā ở bên vệ đường.

Bấy giờ, vương tử Sīlavā đang trên đường du ngoạn trong thành Rājagaha, vừa trông thấy Đức Moggallāna từ xa, vương tử Sīlavā liền xuống voi, đi đến đảnh lễ Đức Moggallāna. Đức Moggallāna thuyết lên pháp thoại thích hợp với cơ tánh của vương tử Sīlavā, nghe được thời pháp của Đức Moggallāna vương tử Sīlavā phát sinh niềm tin, muốn được xuất gia trong Giáo đoàn của Đức Thế Tôn.

Ngài Moggallāna dùng thần thông mang vương tử Sīlavā đến Jetavanavihāra, nơi đây vương tử được xuất gia, thọ giới Tỳkhuu.

Ngài Sīlavā tinh cần hành pháp, chẳng bao lâu thành đạt Thánh quả Alahán, Ngài Sīlavā trú ngụ trong quốc độ Kosala (Kiềutátla), vua Ajātasattu cho sát thủ đến ám sát Ngài Sīlavā, Ngài Sīlavā thuyết pháp đến những sát thủ, như sau:

608- Sīlamevidha sikkhetha; asmim loke susikkhitam.

Sīlam hi sabbasampattim; upanāmeti sevitam.

“Ở đây hãy học giới; khéo học tập ở đời.

(1)- DhpA. Câu số 348.

(2)- Việc này xảy ra vào năm Đức Thế Tôn 72 tuổi, sau khi vua Bimbisāra (Binhsa) mệnh chung không lâu, tức là vào hạ thứ 38 của Đức Thế Tôn.

Giới thành đạt toàn diện; đưa đến mọi thành công”.

609- Sīlaṃ rakkheyya medhāvī; patthayāno tayo sukhe;

Pasaṃsaṃ vittilābhañca; pecca sagge pamodanaṃ.

“Bậc trí hãy hộ giới; nếu kỳ vọng ba lạc⁽¹⁾.

Được danh vọng tài sản; sau chết, hưởng thiên lạc”.

610- Sīlavā hi bahū mitte; saññamenādhigacchati;

Dussīlo pana mittehi; dhaṃsate pāpamācaram.

“Người trì giới tự chế; được nhiều người bạn (tốt).

Kẻ ác giới hành ác; mất mát các bạn bè”.

611- Avaṇṇaṇca akittiñca; dussīlo labhate naro.

Vaṇṇaṃ kittiṃ pasaṃsañca; sadā labhati sīlavā.

“Người ác giới chỉ được; ác danh, không tài sản.

Bậc trì giới luôn được; khen danh xưng, tán thán”.

612- Ādī sīlaṃ patitṭhā ca; kalyāṇānañca mātukaṃ.

Pamukhaṃ sabbadhammānaṃ; tasmā sīlaṃ visodhaye.

“Khởi đầu, an trú giới; giới là mẹ thiện pháp.

Giới đứng đầu mọi pháp; vậy hãy trong sạch giới”.

613- Velā ca saṃvaraṃ sīlaṃ; cittassa abhihāsaṃ.

Titthañca sabbabuddhānaṃ; tasmā sīlaṃ visodhaye.

“Giới hạn chế, phòng ngừa; làm sáng chói tâm từ.

Là đầu bếp chư Phật; vậy hãy trong sạch giới”.

614- Sīlaṃ balaṃ appaṭimaṃ; sīlaṃ āvudhamuttamaṃ.

Sīlamābharaṇaṃ seṭṭhaṃ; sīlaṃ kavacamabbhutaṃ.

“Giới sức mạnh vô song; giới binh khí tối thượng.

Giới, trang sức đệ nhất; giới, áo giáp hy hữu”.

615- Sīlaṃ setu mahesakkho; sīlaṃ gandho anuttaro.

Sīlaṃ vilepanaṃ seṭṭhaṃ; yena vāti disodisaṃ.

“Giới, đầu cầu cường đại; giới, hương thơm vô thượng.

Giới, hương thoa đệ nhất; nhờ giới, bay bốn phương.

616- Sīlaṃ sambalamevaggamaṃ; sīlaṃ pātheyyamuttamaṃ.

Sīlaṃ seṭṭho ativāho; yena yāti disodisaṃ.

“Giới, tư lương cao nhất; giới, hành trang tối thượng.

Giới, vận tải đệ nhất; nhờ giới đi bốn phương.

617- Idheva nindaṃ labhati; peccāpāye ca dummano.

Sabbattha dummano bālo, sīlesu asamāhito.

“Đây, kẻ xấu bị trách; sau chết, sinh đọa xứ.

Kẻ ngu, không đình giới; ưu tư khắp các chỗ”.

618- Idheva kittiṃ labhati; pecca sagge ca summano.

Sabbattha sumano dhīro; sīlesu susamāhito.

“Đây, bậc tốt được khen; sau chết, sinh thiên giới.

Kẻ trí, khéo định giới; hân hoan khắp các chỗ”.

619- Sīlameva idha aggamaṃ; paññavā pana uttamo.

Manussesu ca devesu; sīlapaññāṇato jaya’nti.

“Ở đây, giới tối cao; nhưng trí tuệ tối thượng.

Giữa loài người loài trời; bậc giới tuệ thắng lợi” (HT. TMC d)⁽²⁾.

Nghe xong thời pháp thoại này, tất cả sát thủ đều phát sinh kinh cảm, xin được xuất gia trong giáo pháp của Đức Thế Tôn⁽³⁾.

(1)- Là ba sự an lạc: Nhân lạc, thiên lạc và Thánh lạc.

(2)- Thag. Phẩm 12 kệ. Kệ ngôn trường lão Sīlavā.

(3)- ThagA. i, 536.

4- Giúp bà Visākhā xây dựng Pubbārāma (chùa Đông phương).

Theo lời thỉnh cầu của bà đại tín nữ Visākhā Đức Thế Tôn dạy Đức Moggallāna cùng 500 Tỳkhuu giúp bà Visākhā xây dựng Pubbārāma.

Nhờ năng lực thần thông của Đức Moggallāna việc xây dựng Pubbārāma được thuận lợi và nhanh chóng⁽¹⁾.

5- Làm rung chuyển Migāramātupāsāda (Giảng đường mẹ Migāra).

Một thời Đức Thế Tôn trú trên lầu Giảng đường mẹ của Migāra (Migāramātupāsāda) (một tên gọi khác của Đông Phương tự), do bà đại tín nữ Visākhā kiến tạo cúng dường đến Đức Thế Tôn và Tăng chúng.

Bấy giờ các Tỳkhuu trẻ trú ngụ dưới lầu, gây ồn ào náo nhiệt do phóng dật, kiêu mạn, không định tĩnh.

Đức Thế Tôn dạy Ngài Moggallāna:

- Này Moggallāna, hãy làm các Tỳkhuu này hoảng sợ.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Ngài Moggallāna thi triển thần thông lực, với ngón chân cái Ngài khẽ chạm vào Giảng đường mẹ của Migāra, làm rung chuyển cả Giảng đường, như con thuyền chạm phải sóng lớn, khiến các Tỳkhuu trẻ kinh hoàng.

Đức Thế Tôn đi đến các Tỳkhuu trẻ, sau khi ngồi vào nơi được soạn sẵn, Đức Thế Tôn hỏi các Tỳkhuu trẻ rằng:

- Này các Tỳkhuu, vì sao các người kinh hoàng, lông tóc dựng ngược chúng đứng về một bên vậy?

Các Tỳkhuu trẻ bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, thật vi diệu thay. Bạch Thế Tôn, thật kỳ diệu thay. Giảng đường mẹ của Migāra được xây dựng kiên cố, lại rung chuyển, chấn động mạnh.

- Này các Tỳkhuu, đây là do thần lực của Moggallāna.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết giảng lên Pháp thoại *nền tảng như ý* (iddhipāda)⁽²⁾.

Ngoài bài kinh được ghi nhận trong tập Tương Ứng kinh nói trên, trong Suttanipāta (Kinh Tập) có ghi nhận bài kinh Uṭṭhāna (Đứng dậy) cũng do sự kiện trên, Đức Thế Tôn dạy các Tỳkhuu ấy rằng:

331- Uṭṭhahatha nisīdatha; ko attho supitena vo.

Āturānañhi kā niddā; sallaviddhāna ruppataṃ.

“Hãy đứng dậy, ngồi dậy; với người mộng ích gì.

Kẻ bệnh ngủ làm gì; khi mũi tên phiên lụy⁽³⁾.

332- Uṭṭhahatha nisīdatha; daḷhaṃ sikkhatha santiyā.

Mā vo pamatte viññāya; maccurājā amohayittha vasānuge.

“Hãy đứng dậy, ngồi dậy; hãy kiên trì học tập.

Đạt cho được an ổn; đừng để cho thần chết.

Biết người là phóng dật; mê hoặc, chinh phục người”.

333- Yāya devā manussā ca; sitā tiṭṭhanti atthikā.

Tarathetaṃ visattikaṃ; khaṇo vo mā upaccagā.

Khaṇātītā hi socanti; nirayamhi samappitā.

“Chư thiên và loài người; sống⁽⁴⁾ y chỉ tầm cầu.

Hãy vượt ái dục này; chớ để thời khắc qua.

Khi thời khắc đã qua; bị sâu khổ địa ngục”.

334- Pamādo rajo pamādo; pamādānupatito rajo.

Appamādena vijjāya; abbahe sallamattanoti.

“Phóng dật là bụi nhơ; bụi do phóng dật khởi.

(1)- DhpA. Câu số 53.

(2)-S.v, 269.

(3)- Ruppatti

(4)- Sitā.

Với mình không phóng dật; tự mình rút mũi tên” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

Theo Suttanipāta – Atthakathā (Sớ giải Kinh Tập), thần lực này do Đức Moggallāna an trú tâm vào *biển xứ nước* (āpokasina), khiến đất nâng đỡ Giảng đường mẹ Mirāga trở nên mềm như bùn non, nên ngón chân cái của Ngài Moggallāna chạm nhẹ vào, làm rung chuyển cả Giảng đường ⁽²⁾.

Trong Theragāthā (Kệ ngôn trường lão Tăng), liên hệ đến sự kiện *làm rung chuyển Giảng đường mẹ của Migāra*, Đức Moggallāna có nói lên kệ ngôn:

1201- Yo ve buddhena codito; bhikkhusaṅghassa pekkhato.

Migāramātupāsādaṃ; pādaṅguṭṭhena kampayi.

“Được khuyến bảo bởi vị; đã tu tập tự ngã.

Mang thân này tối hậu; với ngón chân ta làm.

Rung chuyển cả lâu đài; Migāramātu”. (HT TMC d)⁽³⁾.

***Bôn sự Komāyaputta** (Ấn sĩ Komāyaputta).

Duyên sự.

Khi Đức Moggallāna thi triển thần lực, làm rung chuyển Giảng đường mẹ của Migāra, những Tỳkhuu trẻ kinh hoàng chạy ra khỏi Giảng đường, và người ta đã nhìn thấy sự thô thiển của các Tỳkhuu.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bôtát sinh làm con của Balamôn Komāya, nên Ngài được gọi là Komāyaputta.

Khi cha mẹ qua đời, Bôtát bố thí hết tài sản rồi xuất gia làm ấn sĩ tu tập nơi núi Tuyết. Trong vùng này có một số ấn sĩ đang trú ngụ, nhưng họ là những “ấn sĩ hời hợt”, không hành pháp nghiêm túc, sau khi tìm trái cây rừng để dùng, thời gian còn lại dùng để đùa giỡn, trêu ghẹo nhau, họ có nuôi con khỉ để làm trò vui cho họ.

Thời gian sau, những “ấn sĩ hời hợt” này xuống làng để tìm muối, dấm cùng các gia vị. Bôtát đi đến trú xứ của họ, con khỉ ra làm trò, Bôtát khoát tay, rồi dạy khỉ bài học. Sau đó, khỉ luôn giữ phẩm hạnh tốt và cư xử đúng đắn.

Nhận diện tiền thân.

Các “ấn sĩ hời hợt” nay là các Tỳkhuu thô thiển, Bôtát Komāyaputta nay là Đức Thế Tôn⁽⁴⁾.

***Bôn sự Vighāsa** (Món tàn thực).

Duyên sự.

Trong số những Tỳkhuu trẻ nói trên, có 7 Tỳkhuu thích dùng những vật thực ngon.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī, có 7 anh em ở trong ngôi làng của xứ Kāsi.

Nhận thấy những tai hại của lòng tham dục, nên từ bỏ gia đình xuất gia sống đời ấn sĩ ở tại Mejjhārañña.

Bảy ấn sĩ này tự cho mình là “những người dùng tàn thực” (ám chỉ là người ít ham muốn), nhưng thực tế họ là những người “thích lạc thú”, không chuyên tâm tu tập, chỉ làm theo thói quen “thích vật chất”.

Thiên chủ Sakka (Đếthích) hóa thành con kết đi đến 7 ấn sĩ, nói lên kệ ngôn tán thán “người dùng tàn thực”, bảy ấn sĩ vui thích, cho rằng “kết tán thán chúng ta”.

Nhưng kết nói “các người chỉ thích lạc thú, không phải là những người dùng tàn thực”, các người chỉ là “những người sống vô ích, chỉ ăn vật thực dư thừa”, họ hỏi:

- Nếu chúng ta không phải là “người dùng tàn thực”, vậy ai là “người dùng tàn thực”?

(1)- Sn57. Kinh Đứng dậy (Uṭṭhāna sutta).

(2)- SnA. i., 336.

(3)- Thag. Kệ ngôn Trường lão Moggallāna, số 1201. (Bản dịch của HT TMC, kệ ngôn mang số 1164).

(4)- JA. Chuyện số 299.

- Là những người sống bằng vật thực được người khác bố thí, và chuyên tâm tu tập, kiên trì thực hành pháp.

Nhận diện tiền thân.

Bảy ẩn sĩ dùng tàn thực nay là 7 vị Tỳkhuu thích lạc thú. Thiên chủ Sakka nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

***Vùng đất Mejjhārañña.**

Vùng đất này trước đây là một vương quốc thịnh vượng có tên là Mejjha, vua trị vì quốc độ này cũng có vương hiệu là Mejjha.

Các Bàlamôn ở Vương quốc Mejjha đã vu khống ẩn sĩ hiền trí là Mātanga, rồi những thị vệ của vua Mejjha đã sát hại ẩn sĩ Mātanga, nên chư thiên nổi giận làm mưa tro nóng tiêu diệt cả quốc độ Mejjha, quốc độ Mejjha trở nên vùng rừng rậm hoang vu, nên được gọi là Mejjhārañña.

***Bôn sự Mātanga (Ẩn sĩ Mātanga).**

Duyên sự.

Vào mùa nóng, Trưởng lão Piṇḍola Bhāradvāja thường du hành theo đường hư không từ Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên) đến kinh thành Kosambi (Kiêuthườngđi), trú trong vườn Ngự Uyển của vua Udena để tránh nóng ban ngày.

Nguyên tiền thân của Ngài Piṇḍola Bhāradvāja từng là vua cai trị quốc độ Vamsa, có kinh thành là Kosambi này.

Khi thành tựu Thánh quả Alahán, Ngài Piṇḍola Bhāradvāja thường đến vườn Ngự Uyển này để an trú tâm trong thiền quả Alahán an hưởng quả định lạc, đồng thời tránh cái nóng khắc nghiệt.

Một hôm, Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đến vườn Ngự Uyển của vua Udena, Ngài ngồi nơi cội Sālā có tàn nhánh rộng đang trở hoa, an trú tâm vào thiền quả Alahán.

Bấy giờ vua Udena cùng đoàn cung phi đi vào vườn Ngự Uyển du ngoạn, vua Udena sau khi uống rượu đã gối đầu lên cánh tay của một nàng cung phi để ngủ.

Khi vua ngủ say, các nàng cung phi đi du ngoạn trong vườn để tìm hoa kết thành vòng hoa trang điểm cho vua Udena, các nàng nhìn thấy Ngài Piṇḍola Bhāradvāja đang thiền tịnh nơi cội cây Sālā đang trở đầy hoa, các nàng đi đến ngồi xuống chung quanh Trưởng lão. Trưởng lão Piṇḍola Bhāradvāja thuyết lên pháp thoại đến các cung phi.

Vua Udena tỉnh ngủ, thấy vắng vẻ, hỏi nàng cung phi mà vua đã gối đầu lên cánh tay, rằng:

- Các nàng cung phi kia đi đâu rồi?

- Thưa Đại vương, các nàng thấy đại vương say ngủ nên đi dạo trong vườn rồi.

Vua Udena cùng nàng cung phi đi tìm các cung phi, thấy các nàng ngồi chung quanh vị Samôn, kính cẩn nghe pháp thoại từ nơi vị Samôn ấy.

Sự ganh tỵ sinh khởi trong tâm vua Udena rằng:

- Các nàng cung phi này chưa bao giờ cung kính ta như cung kính vị Samôn này.

Vua Udena giận dữ đi đến nơi Trưởng lão Piṇḍola Bhāradvāja quát tháo:

- Hãy đi ra khỏi nơi đây ngay, này ông Samôn đầu trọc kia. Ta sẽ cho bày kiến đồ cắn nát thân ông.

Vua Udena truyền đem đến một thúng đầy kiến lớn có màu đỏ, đổ ập vào người Trưởng lão Piṇḍola Bhāradvāja, Trưởng lão bay lên hư không, thuyết giáo đến vua Udena, rồi trở về Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), hạ thân xuống cửa Hương thất của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn hỏi rằng:

- Này Bhāradvāja, người từ đâu về vậy?

- Bạch Thế Tôn, con từ vườn Ngự Uyển của vua Udena trở về,

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 393.

Rồi Ngài Piṇḍola Bhāradvāja trình lên Đức Thế Tôn sự kiện trên, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Bhāradvāja, đây không phải là lần đầu tiên vua Udena vô cớ nổi giận lăng mạ bậc xuất gia, thuở quá khứ cũng có lần như vậy rồi.

Theo lời thỉnh cầu của Ngài Piṇḍola Bhāradvāja, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Mātāṅga.

Bản Sớ giải kinh Tương ưng và kinh Bốn sự có ghi rằng: Khi vua Udena đi tìm kiến đồ trên cây *Asoka* (Vô ưu)⁽¹⁾, kiến đồ rớt lên người và cắn vua Udena. Các cung phi giả vờ bắt kiến, nhưng thả thêm kiến lên để cắn vua Udena, vì các cung phi này ghét vua Udena đã hung bạo với Trưởng lão Piṇḍola Bhāradvāja⁽²⁾.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bồ tát sinh vào một gia tộc thôn trưởng của một làng nô lệ (caṇḍālagāma) ở ngoài thành Bārāṇasī, Ngài được đặt tên là Mātāṅga.

Khi trưởng thành Mātāṅga lâu thông ba tạng Veda (Vệ đà), danh tiếng lan rộng khắp vùng, nổi tiếng là bậc hiền trí.

Trong kinh thành có nàng con gái một đại trưởng giả danh tiếng, nàng có tên gọi là Diṭṭhamaṅgalikā (Hảo Kiến nữ - nhìn thấy nữ nhân này là được may mắn).

Cứ một hoặc hai tháng nàng Diṭṭhamaṅgalikā đi vào Ngự Uyển để du ngoạn cùng với đông đảo tùy tùng.

Một hôm hiền trí Mātāṅga đi vào thành Bārāṇasī, hôm ấy cũng là ngày nàng Diṭṭhamaṅgalikā cũng đi du ngoạn trong vườn Ngự Uyển.

Thấy kiệu của nàng Diṭṭhamaṅgalikā, hiền trí Mātāṅga lánh sang vệ đường để nhường đường, đứng im phăng phắc. Sau bức rèm, nàng Diṭṭhamaṅgalikā thấy thấp thoáng bóng người nên hỏi rằng: “Ai đang đứng đó?”. Gia nhân trả lời rằng:

- Thừa cô chủ, đó là một gã nô lệ (caṇḍāla).
- Ta đã gặp xui xẻo rồi.

Nàng dùng nước thơm rửa mặt, rồi cho kiệu quay trở về, không đi du ngoạn nữa.

Nhóm người tùy tùng của nàng Diṭṭhamaṅgalikā tức giận, mắng Mātāṅga:

- Đây tên nô lệ hèn hạ kia, chỉ vì người mà chúng ta mất đi buổi tiệc rượu từ cuộc du ngoạn này mang đến.

Họ xông đến đánh đá túi bụi vào người Mātāṅga, cho đến khi Ngài ngã xuống bất tỉnh, rồi bỏ đi.

Khi Mātāṅga hồi tỉnh, suy nghĩ: “Ta vô cớ bị nhóm người này hành hung tàn nhẫn, ta phải cưới cho được nàng Diṭṭhamaṅgalikā để diệt trừ sự kiêu mạn cùng với tục lệ mê tín này”.

Mātāṅga đi đến trước cửa nhà nàng Diṭṭhamaṅgalikā nằm trước cửa nhà bất động; khi người nhà của nàng Diṭṭhamaṅgalika ra hỏi:

- Nguyên nhân gì mà người nằm tại đây?.
- Ta vô cớ bị người của nàng Diṭṭhamaṅgalika đánh đập đến bất tỉnh, ta phải đòi cho được món nợ này.

Sau khi tra xét biết đúng sự thật là như thế, ông bà trưởng giả hỏi:

- Đây anh, anh muốn chúng ta đền bù như thế nào?
- Nàng Diṭṭhamaṅgalikā phải làm vợ ta để không còn kiêu mạn và tin những điều phi lý.

- Đây anh, điều này không được đâu.

-Hoặc ta được nàng Diṭṭhamaṅgalikā, hoặc là ta chết tại nơi đây.

Sự kiện này lan rộng khắp kinh thành Bārāṇasī, cư dân trong thành khiển trách gia tộc trưởng giả danh tiếng này.

(1)- Còn được dịch là “bông Trang”.

(2)- SA. iii. 26; JA. iv. 375.

Ngày một, ngày hai, ngày ba trôi qua Mātāṅga vẫn nằm im bất động, gia đình trường gia lo sợ rằng:

- Gã nô lệ này quyết lấy cái chết để gây tai họa đến gia đình chúng ta. Nếu gã chết ở đây, vua sẽ trừng phạt ta và sẽ tịch thu cả sản nghiệp này. Chúng ta đành phải làm theo ý gã vậy.

Và nàng Diṭṭhamaṅgalika đành phải đáp ứng yêu cầu của Mātāṅga, vào ngày thứ bảy nàng Diṭṭhamaṅganika trang điểm xinh đẹp, đi đến Mātāṅga nói rằng:

- Nay anh, xin anh hãy đứng dậy, chúng ta cùng về nhà của anh.

- Ta bị người nhà nàng đánh đập tàn nhẫn, lại không ăn uống cả 7 ngày, ta không đủ sức để đi về nhà, nàng hãy cõng ta trên lưng về nhà.

Nàng Diṭṭhamaṅgalikā đành phải làm theo lời của Mātāṅga, nàng cõng Mātāṅga trên lưng đi khắp thành Bārāṇasī (Balanại), rồi ra cổng thành đến làng nô lệ của Mātāṅga.

Nhưng Mātāṅga không hề xâm phạm đến nàng, gìn giữ nàng theo nghi thức giai cấp của nàng.

Vài ngày sau, Mātāṅga suy nghĩ :“Nếu ở trong gia đình ta không thể mang vinh quang đến Diṭṭhamaṅgalika được. Vậy ta hãy xuất gia”.

Ngài bảo Diṭṭhamaṅgalikā rằng: “Nàng hãy ở nhà, đừng lo âu chi cả; ta sẽ vào rừng tìm phương kế sinh sống, nàng hãy đợi ta về”.

Mātāṅga ra lệnh cho gia nhân không được xao nhãng việc phục vụ nàng Diṭṭhamātāṅga.

Hiền trí Mātāṅga đi vào rừng xuất gia làm ẩn sĩ, nỗ lực hành pháp, chỉ sau 7 ngày Ngài chứng được 8 thiên chứng cùng 5 pháp thân thông.

Ẩn sĩ Mātāṅga suy nghĩ: “Giờ đây ta có thể mang vinh quang cùng với sự bảo vệ đến nàng Diṭṭhamaṅgalikā được rồi”.

Ẩn sĩ Mātāṅga trở về nhà, thấy Ngài trong phẩm mạo Samôn, nàng Diṭṭhamaṅgalika òa khóc lớn lên rằng:

- Vì sao anh bỏ em đi xuất gia, vì sao anh sống đời khổ hạnh nơi rừng sâu như thế?

- Nay nàng, nàng đừng buồn phiền việc này, nay ta có thể mang vinh quang đến nàng. Nàng có dám tuyên bố trước đại chúng rằng: “Chồng ta không phải là nô lệ Mātāṅga, chồng ta chính là Đại phạm thiên Mātāṅga?”.

- Thưa anh, được.

- Khi được hỏi “chồng nàng hiện ở đâu?”, nàng hãy nói rằng “chồng ta đã về cõi Phạm thiên rồi”, nếu họ hỏi “bao giờ vị ấy về?”, nàng nói “bảy hôm nữa chồng ta về, chồng ta xuyên qua mặt trăng của đêm rằm, cho mọi người trông thấy, rồi đến với ta”.

- Vâng, thưa anh.

Rồi ẩn sĩ Mātāṅga đi về núi Tuyết trú ẩn, nàng Diṭṭhamaṅgalikā làm theo lời dặn của chồng.

Nguồn tin: “Nàng Diṭṭhamaṅgalikā là vợ của Đại phạm thiên Mātāṅga, bảy ngày nữa, Đại Phạm thiên Mātāṅga sẽ thị hiện trước đại chúng, Ngài từ trăng tròn đi ra để mọi người chiêm bái”, nhanh chóng lan truyền khắp trong ngoài thành Bārāṇasī (Balanại) và đại chúng chờ đợi ngày ấy.

Vào ngày trăng tròn của tháng, khi trăng lên giữa đỉnh trời, ẩn sĩ Mātāṅga hóa thân thành vị Đại phạm thiên với hào quang sáng rực át cả ánh sáng mặt trăng, từ một góc trời một vầng hào quang sáng rực từ từ tiến đến mặt trăng, nuốt cả mặt trăng vào trong ấy, tỏa rạng hào quang khắp kinh thành Bārāṇasī rộng 12 dotuần, rồi từ trong vầng sáng ấy hiện ra vị Đại phạm thiên, vị Đại phạm thiên đi vòng quanh kinh thành Bārāṇasī ba vòng (Balanại), đại chúng cúng dường hương hoa đến Ngài vô số.

Đại phạm thiên đi đến ngôi làng nô lệ, đại chúng kéo nhau đến ngôi làng nô lệ ngoài thành Bārāṇasī.

Khi đến ngôi nhà của Mātāṅga, vị Đại phạm thiên biến mất, ẩn sĩ Mātāṅga bước vào ngôi nhà được trang hoàng lộng lẫy, ngồi vào bảo tọa được soạn sẵn.

Khi ấy nàng Diṭṭhamaṅgalikā (Hảo kiến nữ) trong trong thời nguyệt kỳ, ẩn sĩ Mātāṅga lấy ngón tay trở chạm vào bụng nàng, rồi nói rằng:

- Nàng này, nàng đã thụ thai. Con trai nàng sẽ hưởng phú quý tột đỉnh, nước rửa chân của nàng sẽ được dùng để rải trên người của vị Tân vương vào ngày lễ “đăng quang vương vị” trong cõi Jambudīpa (Diêmphùđề), nước nàng tắm sẽ là linh dược trị các chứng bệnh cho đại chúng, mang đến niềm lành cho đại chúng.

Kẻ nào muốn đánh lễ dưới chân nàng phải dâng cho nàng một trăm đồng vàng, kẻ nào muốn được đứng gần nàng phải dâng cho nàng một ngàn đồng vàng, kẻ nào muốn nghe lời chúc tốt đẹp của nàng phải dâng cho nàng 100 ngàn đồng vàng, kẻ nào muốn nhìn thấy nàng phải dâng cho nàng 1 đồng vàng.

Nàng hãy tỉnh giác, giữ mình cho cẩn thận, chớ để cho ý bị ô nhiễm, đây là lời dạy của ta.

Sau lời giáo huấn, ẩn sĩ Mātāṅga đứng dậy theo đường hư không đi vào mặt trăng đang chiếu khắp kinh thành Bārāṇasī.

Đại chúng sùng bái Đại phạm thiên, tụ tập trước ngôi nhà của nàng Diṭṭhamaṅgalikā trọn đêm.

Sáng ra, họ mời nàng ngự lên kiệu làm bằng vàng, trang hoàng thật xinh đẹp, họ tranh nhau để được đội chiếc kiệu lên đầu, đưa vào thành Bārāṇasī. Cư dân ngoài thành lẫn trong thành đều muốn nhìn “dung mạo vợ Đại phạm thiên”, họ phải nộp một đồng vàng, muốn đánh lễ nàng phải nộp 100 đồng vàng, muốn được nàng chúc phúc lành phải nộp 100 ngàn đồng vàng.

Chiếc kiệu vàng được đưa đi ba vòng thành Bārāṇasī cùng với lời tán tụng: “Đây là Hoàng hậu của vị Đại phạm thiên” của đại chúng.

Trong ngày hôm ấy, nàng phát sinh 180 triệu đồng vàng, đại chúng xây dựng cho nàng Diṭṭhamaṅgalikā một ngôi điện thờ rộng lớn và xinh đẹp như một cung điện cao 7 tầng, nàng ngụ nơi đó.

Nơi Kim điện này nàng sinh hạ một hài tử, các Bàlamôn danh tiếng đặt cho hài tử tên là Mandavya Kumāra (Vương tử Điện thờ), vì được sinh ra trong điện thờ.

**Trùng phạt vua Mandavya.*

Khi vương tử Mandavya trưởng thành, chàng lâu thông ba tạng Veda (Vệđà), được đại chúng tôn làm vua cai trị kinh thành Bārāṇasī.

Nhưng vua Mandavya có khuynh hướng thích làm lễ tế đàn, thường cúng dường đến 16 ngàn Bàlamôn tà kiến.

Nơi núi Tuyết, ẩn sĩ Mātāṅga thấy con trai của nàng Diṭṭhamaṅgalikā là Manvyā Kumāra đang đi vào con đường sai lạc, hiện đang làm đại tế đàn, cúng dường đến 16 ngàn Bàlamôn tà kiến ở cổng thành thứ tư của kinh thành Bārāṇasī.

Ẩn sĩ Mātāṅga theo đường hư không đến hồ Anotatta (hồ Lạnh) tắm rửa, súc miệng rửa mặt, rồi đến cao nguyên Manosilā phơi khô mình, vận mặc y cũ rách, theo đường hư không đến kinh thành Bārāṇasī, hạ thân xuống nơi Đại tế đàn ở cổng thành thứ tư.

Vua Mandavya đang phân phối vật thực đến 16 ngàn Bàlamôn, chợt nhìn thấy ẩn sĩ Mātāṅga đang ôm bát đứng trong hội chúng, cho rằng Đại tế đàn này đã bị hư hỏng vì một “lão Samôn trọc đầu”.

Vua Mandavya tức giận, lăng mạ ẩn sĩ Mātāṅga rằng: “Hỡi kẻ hạ tiện kia, lão từ đâu đến? Lão là kẻ hạ tiện bị bỏ rơi, không ai thừa nhận, lão là một con quý hơn là một con người”.

Ẩn sĩ Mātāṅga giáo giới Mandavya rằng:

- Nay vua Mandavya, hạ tiện hay cao sang không phải do hình dáng hay dòng dõi. Người có tham, sân, si, ngã mạn là hạ tiện; người không tham, không sân, không si, không tự cao, tự hào là bậc cao sang.

Tức tối vua Mandavya sai gia nhân đánh đập rồi tẩn xuất “lão Samôn đầu trọc” ra khỏi Đại tế đàn, nhưng ẩn sĩ Mataga đã bay lên hư không, hạ thân xuống cổng thành thứ ba, đi vào kinh thành tìm vật thực, rồi đến nơi vắng người để thọ thực.

Với thần lực của mình, ẩn sĩ lưu lại dấu chân trên đường đi khát thực đến nơi mình thọ thực.

Khi vua Mandavya lẳng mạp, sai gia nhân đánh đập và tẩn xuất ẩn sĩ Mātanga, chư thiên trong thành Bārāṇasī tức giận, liền trừng phạt vua Mandavya, làm cho tay chân cứng đờ, đầu bị nghiêng sang một bên, 16 ngàn Balamôn cũng bị trừng phạt, ngã lăn trên mặt đất, mắt trợn trừng sùi bọt mồm, tay chân quờ quạng trong không khí.

Tin dữ đưa đến bà Diṭṭhamaṅgalikā, khi biết chuyện, bà suy nghĩ: “Con ta đã xúc phạm đến bậc có đại thần lực, hẳn là ẩn sĩ Mātanga rồi. Nhưng bậc có từ tâm này chỉ trừng phạt mà không làm hại, chắc chắn Ngài sẽ lưu lại dấu vết để ta tìm đến Ngài”.

Bà cho người đi tìm xem có hiện tượng gì lạ trong kinh thành Bārāṇasī không? Họ cho biết “có một vị Samôn đi khát thực ở cổng thứ ba thành Bārāṇasī, có lưu lại dấu chân”. Bà Diṭṭhamaṅgalikā theo dấu chân tìm đến nơi ẩn sĩ Mātanga, Ngài đang thọ thực gần xong bữa, vừa thấy bà Diṭṭhamaṅgalikā, ẩn sĩ Mātanga ngưng thọ thực, úp chiếc nắp bát lên trên.

Bà Diṭṭhamaṅgalikā dâng nước rửa tay được rót từ chiếc bình vàng mà bà mang theo, khi ẩn sĩ rửa tay xong bà thưa rằng:

- Thưa ẩn sĩ có đại thần lực, Maatanga, con tôi là Mandavya đã xúc phạm đến Ngài, chỉ vì nó thiếu trí, không biết được ân đức cao thượng của bậc xuất gia, nhất là bậc có đại thần lực, đại uy lực như Ngài. Tôi là mẹ của nó, tôi xin đánh lễ Ngài và sám hối tội lỗi mà nó đã xúc phạm đến Ngài.

Kính bạch đại ẩn sĩ có thần lực, xin Ngài hãy từ bi cứu mạng cho con trai tôi, nó cũng chính là đứa con mà Ngài đã ban cho tôi.

- Nay nàng Diṭṭhamaṅgalikā, ta không có trừng phạt Mandavya cùng 16 ngàn Balamôn tà kiến. Chính các thiên nhân trong thành Bārāṇasī đã làm điều ấy.

- Thưa ẩn sĩ Mātanga, bậc có đại thần lực, bậc có đại uy lực. Ngài có thể giải cứu cho Mandavya cùng 16 ngàn Balamôn được mà.

- Nay nàng Diṭṭhamaṅgalikā, ta sẽ cho nàng linh dược để giải cứu cho con nàng cùng với các Balamôn ấy.

Ẩn sĩ Mātanga lấy một ít nước đổ vào bình bát hòa với cháo cùng vật thực còn sót lại trong bát. Nói với bà Diṭṭhamaṅgalikā rằng:

- Hãy lấy một nửa vật thực này đưa vào miệng Mandavya, số còn lại hoà với nước, đổ vào miệng các Balamôn kia.

Tất cả đều được giải cứu, 16 ngàn Balamôn vì dùng tàn thực của kẻ nô lệ, nên bị các Balamôn khác khai trừ khỏi tộc họ Balamôn.

Mười sáu ngàn Balamôn cảm thấy tủi nhục nên cùng nhau bỏ kinh thành Bārāṇasī, đến sống ở vương quốc Mejjha.

**Tế độ ẩn sĩ Jātīmanta.*

Nơi thị trấn Vettavatī của vương quốc Mejjha có một ẩn sĩ Balamôn tên là Jātīmanta, vì nằm cạnh bờ sông Vettavatī nên thị trấn có tên gọi là Vettavatī.

Ẩn sĩ Balamôn Jātīmanta rất tự hào về giai cấp Balamôn của mình, Jātīmanta cất một thảo am cạnh bờ sông Vettavatī để trú ngụ; ẩn sĩ Mātanga muốn giáo hóa Balamôn Jātīmanta về đức tính khiêm nhường, dẹp trừ tính ngã mạn về giai cấp Balamôn của ẩn sĩ Jātīmanta.

Ẩn sĩ Mātanga cất một thảo am ở gần đó, ở phía trên thảo am của Jātīmanta, nơi thượng nguồn sông Vettavatī.

Nhân lúc ản sĩ Jātīmanta đi tắm sông, ản sĩ Mātāṅga cũng xuống sông tắm, sau khi xia răng, Ngài thả chiếc tắm xia răng trôi theo dòng nước, Ngài cố ý cho chiếc tắm dính vào búi tóc của Balamôn Jātīmanta. Balamôn tức tối rằng:

- Đồ quý quái này từ đâu trôi xuống đây?

Ản sĩ Jātīmanta lội ngược dòng sông lên thượng nguồn, thấy ản sĩ Mātāṅga đang tắm, ông hỏi:

- Chiếc tắm này phải của người chẳng?

- Đây Balamôn, đúng vậy, tôi mới vừa xia răng và thả nó trôi trên sông.

- Người thuộc dòng dõi nào?

- Tôi thuộc dòng nô lệ (caṇḍāla).

- Vậy người không được tắm ở phía trên ta, người phải xuống hạ nguồn tắm. Ta sẽ tắm nơi đây.

- Được rồi, này Balamôn.

Ản sĩ Mātāṅga theo dòng nước lội xuống hạ nguồn sông để tắm, Balamôn Jātīmanta ném chiếc tắm xuống nước, với ý nghĩ “vật hạ lưu trả về cho kẻ hạ lưu”, rồi ông ngụp lặn dưới nước để “tẩy uế”.

Với thần lực của mình, ản sĩ Mātāṅga làm cho chiếc tắm trôi ngược dòng nước, dính vào búi tóc của ản sĩ Jātīmanta như trước.

Tức tối, Jātīmanta nguyên rủa ản sĩ Mātāṅga rằng:

“Nếu người còn ở đây, vào ngày thứ bảy, đầu người sẽ bể làm 7 mảnh”.

Ản sĩ Mātāṅga suy nghĩ: “Người này sẽ bị “lời nguyên rủa” của mình quay ngược lại. Nếu ta bỏ mặc, không cứu y thì ta không giữ được công hạnh của mình, nhưng ta phải giáo huấn y không còn kiêu hãnh về dòng dõi của mình nữa”.

Vào ngày thứ 7, ản sĩ dùng thần lực che án mặt trời, khiến cư dân nơi thị trấn Vettavatī kinh hãi, dân chúng kéo đến hỏi ản sĩ Jātīmanta:

- Thưa Tôn giả, có phải chính Ngài ngăn cản mặt trời chẳng?

- Việc này không phải ta làm, có một lão ản sĩ Caṇḍāla ở phía trên sông Vettavatī.

Có lẽ việc này do lão ấy làm đấy.

Cư dân thành Vettavatī đến hỏi ản sĩ Mātāṅga:

- Thưa Tôn giả, có phải chính Ngài đã che án mặt trời chẳng?

- Đây các cư dân, đúng vậy. Chính ta đã che án mặt trời.

- Vì sao Tôn giả làm như thế?

Ản sĩ Mātāṅga nói rõ duyên sự về “lời nguyên rủa”, rồi Ngài nói rằng:

- Đây các cư dân, nếu để mặt trời ló dạng, tia nắng mặt trời chạm vào đầu của Jātīmanta, đầu Jātīmanta sẽ bể thành 7 mảnh. Vì tâm thương xót Jātīmanta, nên ta dùng thần lực che án mặt trời.

- Nhưng nếu không có mặt trời thì làm sao chúng tôi có thể sinh sống được.

- Vậy Jātīmanta phải xin lỗi ta.

Nhưng Jātīmanta thà chết chứ không chịu xin lỗi ản sĩ Mātāṅga, thấy vậy ản sĩ Mātāṅga nói:

- Hãy đem đến cho ta một cục đất, đặt cục đất ấy lên đầu của Jātīmanta, Jātīmanta phải xuống trầm mình dưới nước, khi tia nắng đầu tiên của mặt trời chạm vào cục đất, làm bể cục đất thì Jātīmanta thoát khỏi tai nạn.

Nhưng Jātīmanta thà chết chứ không chịu làm theo lời ản sĩ Mātāṅga, cư dân thành Vettavatī, trói chặt lão, dìm xuống sông Vettavatī và hòn đất bị tia nắng mặt trời chạm vào bể thành 7 mảnh.

Bản Saṃyutta – Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ưng) chi tiết có khác chút ít là: “Do ản sĩ Mātāṅga tình cờ đập trúng búi tóc của Jātīmanta, nên Jātīmanta bực tức thốt lên lời nguyên rủa trên”⁽¹⁾.

***Sông Vettavatī.**

⁽¹⁾- SA.ii, 176.

Là con sông chảy ngang qua kinh thành Vettavatī. Theo sách Milindapañhā (Milinda hỏi), Vettavatī là một trong 10 con sông phát nguyên từ đỉnh núi Himavanta (Hymālapson), có thể đó là sông Vetravatī nói trong Metadūgha của Kālidāsa và là sông Betuva hiện nay ở Bhopal (Vidīsa cổ)⁽¹⁾.

**Ấn sĩ Mātāṅga mệnh chung.*

Sau khi hàng phục tính kiêu mạn về dòng dõi Balamôn của Jātīmanta. Với Thiên nhân thông siêu nhân, ấn sĩ Mātāṅga thấy 16 ngàn Balamôn đang xúi giục vua Mejjha đi vào con đường Đại tế đàn để mưu cầu lợi lộc, ấn sĩ đi đến kinh thành Mejjha để giáo huấn họ.

Vừa thấy ấn sĩ Mātāṅga, nhóm Balamôn này kinh sợ, bảo nhau rằng:

- Lão ấn sĩ này chỉ ở đây hai ngày thôi, lão sẽ làm chúng ta mất nơi nương tựa ngay. Chúng ta phải tìm cách trục xuất lão ra khỏi kinh thành này.

Họ vào Hoàng cung thưa với vua Mejjha rằng:

- Thưa Đại vương, có một gã phù thủy giả dạng ấn sĩ, chuyên khoác lác, lừa bịp. Gã phù thủy ấy đã đến đây, kinh thành này sẽ nguy hại vì lão phù thủ giả dạng ấn sĩ ấy. Đại vương hãy ra lệnh tấn xuất gã phù thủy ra khỏi kinh thành Mejjha, nhờ đó kinh thành mới được an ổn.

Tin lời 16 ngàn Balamôn, vua Mejjha cho thị vệ đi tìm ấn sĩ Mātāṅga để tấn xuất Ngài ra khỏi kinh thành Mejjha.

Nhóm thị vệ tìm thấy ấn sĩ Mātāṅga đang thọ thực cạnh giếng nước cũ, được nghe nói đây là “lão phù hủ”, nên nhóm thị vệ sợ Ngài trả thù, thay vì tấn xuất theo lệnh vua, họ dùng kiếm chém chết ấn sĩ Mātāṅga.

Mệnh chung, ấn sĩ Mātāṅga tái sinh về cõi Phạm thiên.

Tương truyền, đây là ác nghiệp khi trước của ấn sĩ Mātāṅga đến thời trở quả, nên Ngài không thể vận dụng thần thông để thoát thân.

Trước khi gặp nàng Diṭṭhamāṅgalikā, Mātāṅga hành nghề huấn luyện chồn *Mongoose* (một giống chồn ở Ấn Độ cổ), trong quá trình huấn luyện, Ngài đã đánh đập, làm khổ những con chồn, có những con chồn đã chết.

Và ác quả của việc làm này đến thời trở quả nên Ngài bị sát hại, năng lực thần thông không giúp gì được Ngài.

Thiên nhân trong thành Mejjha tức giận, tạo ra những cơn mưa lửa đỏ thiêu rụi cả kinh thành Mejjha, quốc độ Mejjha trở thành vùng hoang vu có tên gọi là Mejjhārañña.

Nhận diện tiền thân.

Vua Mandavya nay là vua Udena, ấn sĩ Mātāṅga nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

Trong Bản Suttanipāta-atthakathā (Sớ giải Kinh Tập), tiền thân của vua Udena được gọi là *Sopākajīvika*, cùng với những tình tiết khác biệt như kinh thành Bandhumatī được thay thế cho thị trấn Vettavatī⁽³⁾.

6- Đức Phật dạy Đức Sāriputta và Đức Moggallāna.

* Đến Kīṭagiri tấn xuất nhóm Tỳkhu Assaji – Punabbasuka ra khỏi Kīṭagiri.

* Mang 500 tân Tỳkhu Vajji theo Tôn giả Devadatta chia rẽ Tăng trở về.

7- Thu phục rồng chúa (nāgarāja)⁽⁴⁾ Nandopananda.

Nhưng nổi tiếng nhất là việc thu phục rồng chúa Nandopananda của Đức Moggallāna.

Câu chuyện.

Một thời Đức Thế Tôn ngụ ở Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên) của trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc) cúng dường.

⁽¹⁾- Mil, p. 114.

⁽²⁾- JA. Chuyện số 497.

⁽³⁾- SnA.i, 184 – 193; xem thêm Mil. 123.

⁽⁴⁾- Chử Nāgarāja, các vị Tiên bối thường dịch là “rồng chúa”, một số sách sau này dịch là “rắn chúa”. Chúng tôi giữ nguyên cách dịch của các vị Tiên bối là “rồng chúa” hoặc “long vương” – Ns.

Ngày hôm trước, trưởng giả Anāthapiṇḍika có thỉnh Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu đến tư gia của ông để thọ thực.

Vào hừng sáng hôm ấy, theo thông lệ Đức Thế Tôn đưa trí để tìm người hữu duyên nên tế độ, hình ảnh của rồng chúa Nandopananda lọt vào võng trí của Đức Thế Tôn, Ngài đưa trí quán xét thấy được rằng: “Rồng chúa Nandopananda có tà kiến, không tin vào Tam bảo, nương vào sự kiện thu phục được rồng chúa Nandopananda, Như Lai giải thích về *thành tựu ước nguyện do năng lực phước*, chúng sinh thành đạo rất nhiều.

Nhưng trong hàng Thánh đệ tử của Đấng Như Lai, ai là người có năng lực thu phục được rồng chúa Nandopananda?”

Đức Thế Tôn thấy rằng: “Chỉ có Moggallāna có khả năng thu phục rồng chúa hung hăng có đại thần lực này”.

Sáng ngày, Đức Thế Tôn bảo Ngài Ānanda thông báo cho 500 vị Tỳkhuu biết:

- Nay các hiền giả, Đức Thế Tôn bảo các hiền giả cùng với Đức Thế Tôn đến nhà của gia chủ Anāthapiṇḍika để thọ thực.

Cũng vào sáng hôm ấy, rồng chúa Nandopananda cùng tùy tùng có thần lực và những long nữ xinh đẹp đến vùng đất trống vắng người, hóa hiện ra những lâu đài lộng lẫy, cùng nhau mở yến tiệc để vui chơi.

Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu thay vì đi đến nhà trưởng giả Anāthapiṇḍika, Ngài cùng chư Tỳkhuu theo đường hư không đến cung trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba) trước. Đức Thế Tôn cùng chư Tăng theo đường hư không, đi trên những lâu đài của rồng chúa Nandopananda, nhìn thấy Đức Thế Tôn cùng chư Tăng đi ngang qua lâu đài của mình, rồng chúa Nandopananda tức giận rằng:

- Nhóm Samôn này thật dai dột, không biết uy lực của ta, họ muốn đến cung trời Tāvātimsa thì cứ đến, nhưng đừng đi ngang qua những lâu đài của ta, bụi dưới chân của họ rơi vào vật thực, làm ô nhiễm vật thực của ta đang dùng, ta sẽ cho họ biết uy lực của rồng chúa Nandopananda. Ta sẽ chặn đường không cho họ đi đến cõi trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba).

Rồng chúa Nandopananda bay đến núi Sineru (TuDi), dùng đuôi quấn quanh núi Sineru bảy vòng, dùng đầu che án cung trời Tāvātimsa.

Đột nhiên thấy trời đất tối sầm, không có ánh sáng mặt trời chiếu rọi, Ngài Raṭṭhapāla đi đến Đức Thế Tôn bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, vì sao trời đất bỗng nhiên tối sầm lại như vậy?

- Nay Raṭṭhapāla, vì rồng chúa Nandopananda tức giận, dùng đuôi quấn quanh núi Sineru bảy vòng, dùng đầu che án cung trời Tāvātimsa, ngăn chặn đường đi, không cho chúng ta đến cung trời Tāvātimsa.

- Như vậy, bạch Thế Tôn, cho phép con đi thu phục rồng chúa hung dữ này.

- Thôi vừa đủ rồi, này Raṭṭhapāla, việc này không phải là phận sự của người.

Nghe vậy, các vị Thánh đệ tử khác như Ngài Bhaddiya, Ngài Rāhula⁽¹⁾ ... xin phép Đức Thế Tôn đi thu phục rồng chúa Nandopananda, nhưng Đức Thế Tôn đều từ chối. Bấy giờ Đức Moggallāna suy nghĩ:

- Đức Thế Tôn muốn ta thu phục rồng chúa hung hăng này.

Ngài đi đến trước Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, con xin phép Thế Tôn đi thu phục rồng chúa Nandopananda hung hăng này.

- Lành thay, lành thay, này Moggallāna. Hãy thu phục rồng chúa Nandopananda hung dữ, Như Lai chúc người được thành công như ý.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

(1)- Trong đoàn Tỳkhuu có Ngài Rāhula (Lahāula), như vậy sự kiện này xảy ra vào hạ thứ 14 hay hạ thứ 15 của Đức Thế Tôn. Ngài Rāhula thọ giới Tỳkhuu năm 20 tuổi, năm 21 tuổi Ngài viên tịch nơi cung trời Ba mươi Ba.

Đức Thế Tôn ngồi kiết già giữa hư không, chung quanh có các Thánh đệ tử đứng hầu chung quanh, chứng kiến cuộc thư hùng sắp diễn ra giữa Đức Moggallāna với rồng chúa Nandopananda.

Đức Moggallāna suy nghĩ: “Núi chúa Sineru cao, rộng 84 ngàn do tuần mà Rồng chúa Nandopananda quấn quanh 7 vòng, tự cho là mình có đại uy lực lắm rồi. Ta hãy cho Rồng chúa này biết đại uy lực của vị Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn”.

Đức Moggallāna hóa thân thành rồng chúa khác, quấn quanh mình rồng chúa Nandopananda 14 vòng, đầu rồng chúa này lớn hơn đầu rồng Nandopananda gấp trăm lần, che kín đầu rồng Nandopananda, đầu rồng chúa Nandopananda không thể thoát ra, ví như chiếc quạt nhỏ bị chiếc quạt lớn cả trăm lần che khuất. Đại long xiết mạnh vào thân rồng Nandopananda.

Rồng chúa Nandopananda bị sức mạnh ép sát vào người, càng lúc càng tăng dần, nó khổ sở vô cùng.

Càng lúc nó càng bị nghẹt thở do sức ép bên ngoài càng tăng dần, nó có cảm giác xương cốt như muốn vụn vỡ, gãy lìa, trong khi nó không thể cử động được.

Rồng chúa Nandopananda liền phun khói, Đức Moggallāna cũng phun khói, luồng khói của rồng chúa Nandopananda bị luồng khói của Đức Moggallāna vây kín đẩy lui lại, hai luồng khói quay lại tấn công vào rồng chúa Nandopananda.

Luồng khói của rồng chúa không gây phiền hà đến Đức Moggallāna, trái lại luồng khói của Đức Moggallāna vây kín rồng chúa khiến nó ngạt thở.

Rồng chúa Nandopananda nổi giận phun lửa ra đốt cháy địch thù, Đức Moggallāna nhập vào hỏa giới, phóng ra ngọn lửa đẩy lui ngọn lửa của rồng chúa Nandopananda, ngọn lửa của Nandopananda quay trở lại đốt rồng chúa.

Thân hình của rồng chúa bị chính ngọn lửa của mình thiêu đốt, nóng nảy vô cùng, thân hình của nó giống như ngọn đuốc đang bốc cháy.

Rồng chúa Nandopananda suy nghĩ: Người này là ai mà có đại thần lực, đại uy lực hơn ta cả trăm ngàn lần vậy?. Hỏi rằng

- Đây Đại nhân, người là ai? Ngài từ đâu đến đây?.

- Đây rồng chúa Nandopananda, Ta là đệ tử tay trái của Đức Chánh Giác, tên ta là Moggallāna. Ta từ thành Sāvatti đến đây.

- Ô! Thì ra Ngài là bậc Đại Samôn, nhưng vì sao Ngài hành hạ tôi như thế này, Việc này không phải là việc làm của bậc Samôn.

- Đây rồng chúa Nandopananda, Ta không hề làm hại hay làm khổ chúng sinh khác do tâm sân hận. Ta đến đây với tâm bi mẫn, muốn giáo hóa người, người hãy từ bỏ tâm ác độc, hãy đưa tâm thoát khỏi tội lỗi và tà kiến. Người hãy quay trở về con đường thánh thiện đi.

- Vâng thưa Ngài Đại Samôn, nhưng Ngài làm khổ tôi như vậy là không đúng.

Nghe vậy, Đức Moggallāna thu thần lực, hiện thân là vị Tỳkhuu đứng trước rồng chúa Nandopananda, dạy rằng:

- Đây rồng chúa Nandopananda, dù người có đại thần lực, nhưng người cũng chỉ là loài thú; nếu người không phục thiện, người phải luân chuyển mãi trong cảnh giới thú hoặc rơi vào cảnh giới thấp hơn.

Rồi Đức Moggallāna đi kinh hành trong miệng, lỗ tai, lỗ mũi của rồng chúa Nandopananda, rồng chúa khổ sở nói rằng:

- Thưa Ngài Đại Samôn, Ngài nói có tâm bi mẫn muốn tế độ tôi, nhưng Ngài đi kinh hành trong miệng, mũi, lỗ tai của tôi; làm tôi vô cùng khổ sở.

Nghe rồng chúa nói như vậy, Đức Moggallāna xuất hiện trước mặt rồng chúa nói rằng: “Đây rồng chúa, chính vì người hung dữ không biết cung kính Đức Phật, Giáo pháp, Tăng chúng nên ta cần phải giáo hóa người. Ta chẳng có giận hờn chi người mà phải làm khổ người. Chính sự bất kính của người đối với Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, người sẽ phải chịu khổ gấp trăm, gấp ngàn, gấp trăm ngàn lần hơn thế nữa về sau, chứ chẳng phải chỉ có bấy nhiêu thôi.

Khi rỗng chúa há miệng ra, Đức Moggallāna đi thẳng vào miệng rỗng, rồi đi kinh hành lên xuống, qua lại trong bụng nó, từ miệng đi vào dạ dày, rồi từ dạ dày đi ngược ra miệng, lên lỗ mũi, lỗ tai ...

Đức Thế Tôn biết rỗng chúa Nandopananda đang kinh hoàng trước thần lực của Moggallāna, để sách tấn các Tỳkhuu và làm sinh khởi niềm tin của rỗng chúa Nandopananda, Đức Thế Tôn nói với Ngài Moggallāna rằng:

- Nay Moggallāna, người đừng quên rằng rỗng chúa này có đại uy lực.

- Bạch Thế Tôn, con không hề biếng nhác trong việc rèn luyện thuần thực bốn pháp *nền tảng như ý* (iddhipāda).

Bạch Thế Tôn, đừng nói một rỗng chúa hung dữ này, cho dù có trăm, có ngàn hay có trăm ngàn rỗng chúa hung dữ như thế, con vẫn thu phục dễ dàng, để rỗng chúa này không còn tính hung hăng nữa.

Rỗng chúa suy nghĩ: “Người này bất ngờ đi vào bụng ta nên ta không kịp nhai nghiền. Khi y trở ra ta sẽ nhai nghiền y giữa hai hàm răng”, rỗng chúa nói với Đức Moggallāna rằng:

- Thưa Ngài Đại Samôn, Ngài hãy đi ra đi, đừng đi qua lại làm khổ tôi như thế.

Rỗng chúa Nandopananda há miệng ra, biết được ý ác độc của rỗng chúa, Đức Moggallāna đi kinh hành từ trong miệng ra ngoài, giữa những chiếc răng nhọn như những lưỡi kiếm sắc bén. Rỗng chúa muốn nhai nghiền Đức Moggallāna, nhưng không thể làm như ý, hai hàm răng của rỗng chúa như cứng đờ.

Đức Moggallāna xuất hiện trước rỗng chúa Nandopananda mà rỗng chúa không biết Ngài ra khỏi miệng lúc nào, rỗng chúa Nandopananda suy nghĩ: “Đây chỉ là thần lực của vị đệ tử mà như thế, còn nói gì đến Bạc Đạo sư của vị ấy”.

Tuy kinh sơ uy lực của Đức Moggallāna, nhưng rỗng chúa Nandopananda chưa thật sự phục tùng, đồng thời chưa từ bỏ tính hung dữ, rỗng chúa bất ngờ thổi mạnh làn hơi độc vào người Đức Moggallāna, làn hơi này có thể lật tung ngọn núi Tuyết, nó độc vô cùng có thể tiêu diệt tất cả sinh chúng cùng thảo mộc trên quả địa cầu.

Lập tức Đức Moggallāna nhanh chóng nhập xuất từ Sơ đến Tứ thiên, xuất khỏi Tứ thiên, thi triển thần lực, *gom toàn bộ hơi độc* lại làm tan biến chúng tức khắc, ngay cả chéo y của Ngài cũng không lay động.

Khả năng nhập thiên rồi xuất thiên, thi triển thần thông lực của Đức Moggallāna nhanh nhất trong hàng Thánh đệ tử, nên Đức Thế Tôn thấy rõ: “Chỉ có Moggallāna có đủ năng lực thu phục rỗng chúa Nandopananda, không để lại bất kỳ một di hại nào.

Do vậy, Đức Thế Tôn chỉ chấp nhận cho Đức Moggallāna đi thu phục rỗng chúa Nandopananda, từ chối lời xin đi thu phục rỗng chúa Nandopananda của các vị Thánh tinh văn khác”.

Thấy làn hơi *dững mãnh như cuồng phong* của mình bỗng tan biến, rỗng chúa Nandopananda kinh sợ, nghĩ thầm: “Vị Samôn này có uy lực vô cùng, cố tranh tài với Ngài chắc chắn sẽ gặp nhiều tai hại thôi. Tốt nhất ta hãy trốn thoát, kẻo bị Ngài tóm lấy”.

Nghĩ vậy, rỗng chúa Nandopananda tháo mình ra khỏi núi Sineru bỏ chạy; lập tức Đức Moggallāna hóa thân thành Kim xí điểu (Supanna) rượt theo bắt rỗng chúa, tiếng vỗ cánh của Kim xí điểu kêu vang như sấm nổ, một lần vỗ cánh đã bay xa hàng chục dotuần.

Kim xí điểu là khắc tinh của loài rỗng, nên vừa trông thấy Kim xí điểu, rỗng chúa Nandopananda kinh hãi, thu mình thật nhỏ trốn trong kẹt đá, nhưng Đại bàng vỗ cánh quạt tảng đá văng xa, khiến rỗng chúa không còn chỗ ẩn trốn.

Rỗng chúa hóa thân thành một thanh niên Balamôn quỳ trước Đức Moggallāna bạch rằng:

- Kính bạch bậc có đại uy lực, bậc có đại thần lực, tôi xin quy phục Ngài. Xin Ngài đừng làm hại đến tôi.

Đức Moggallāna mang rông chúa Nandopananda đến Đức Thế Tôn, rông chúa xin quy ngưỡng Tam Bảo đến trọn đời.

Sau khi thu phục rông chúa Nandopananda, Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng đến nhà của trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc) để thọ thực.

Trưởng giả Cấp cô Độc bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, vì sao Ngài đến muộn như thế?
- Nay gia chủ, có một cuộc chiến giữa Moggallāna và rông chúa Nandopananda.
- Bạch Thế Tôn, trong cuộc chiến này, ai là người thắng, ai là người bại.
- Nay gia chủ, Moggallāna thắng, còn rông chúa Nandopananda bại.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika được nghe Đức Moggallāna thu phục được rông chúa Nandopananda từ Đức Thế Tôn. Trưởng giả vô cùng hoan hỷ, đã cúng dường trọng thể đến Đức Thế Tôn và 500 vị Tỳkhuu liên tiếp 7 ngày⁽¹⁾.

Tập Divyāvadāna (Thiện nghiệp thí dụ)⁽²⁾ của Bắc Truyền nói rằng: “Nandopananda là cặp rông song sinh, thân hình dính liền nhau, con lớn có tên là Nanda, con nhỏ có tên là Upananda, khi ghép lại Nanda + upananda = Nandopananda” (chữ a+ u = o).

Thần thông được Đức Moggallāna thực hiện trong cuộc thử hùng này gồm ba loại:

*Khi Ngài hóa thành rông chúa, Kim xí điều là *biến hóa thông*.

*Khi Ngài đi kinh hành trong miệng của Rông chúa Nandopananda, giữa hai hàm răng nhỏ như lưỡi kiếm sắc bén; hai hàm răng của rông chúa cứng đờ bất động, phóng gọn lửa đẩy lùi ngọn lửa của rông chúa Nandopananda là *chú nguyện thông*.

*Khi Ngài tu gom toàn bộ “hơi độc, làm tan biến sức mạnh của làn hơi thổi mạnh của rông chúa”, là *ý hoá thông*.

Nhưng cho dù thi triển loại thần thông nào, đều phải dựa vào sự thành tựu Tứ thiên Sắc giới, phải nhập - xuất từ Sơ định lần lượt đến Tứ định, rồi chú nguyện điều mình muốn. Và khả năng này thì Đức Moggallāna nhanh nhất trong hàng Thánh Alahán thịnh văn.

Thần lực của rông chúa Nandopananda là *thần thông do nghiệp sinh*.

Vào chiều hôm ấy tại Giảng pháp đường trong Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên), các Tỳkhuu bàn luận với nhau về đề tài “chuyện rông chúa Nandopananda”.

Do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết giảng về sinh chủng rông, đồng thời nói lên “thần lực của chúng do nhân nào?”.

“Này các Tỳkhuu, có 4 sinh chủng rông (nāga). Thế nào là bốn?”

- Loại rông sinh ra từ trứng (aṇḍajā nāgā).
- Loại rông sinh ra từ thai bào (jalābujā nāgā).
- Loại rông sinh ra ở nơi ẩm thấp (saṃsedajā nāgā).
- Loại rông hóa sinh (opapātikā nāgā).

Này các Tỳkhuu, đây là bốn loại sinh chủng rông”.

Trong bốn loại sinh chủng rông này, loại hóa sinh là thù diệu nhất rồi đến loại sinh từ nơi ẩm thấp⁽³⁾, kế đến là loại thai sinh cuối cùng là loại sinh ra từ trong trứng⁽⁴⁾.

Một số rông có sinh chủng là hóa sinh, thấp sinh, thai sinh và noãn sinh có thể gìn giữ Uposathasīla (Bất sát giới). Có vị Tỳkhuu hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì? Ở đây một số rông sinh ra từ trứng, giữ Uposatha (Bất sát)?

- Này Tỳkhuu, một số rông từ trứng sinh ra, suy nghĩ như sau: Trước đây chúng ta làm ác hạnh về thân, ác hạnh về lời, ác hạnh về ý. Do những ác hạnh về thân, những

⁽¹⁾- ThagA. ii, 188; JA.v, 126. Vsm. Chương XII, số 116. Xem thêm Đại trưởng lão Thông Kham (soạn dịch). Lịch sử Đức Phật Cồ Đàm.

⁽²⁾- Dvy. p. 395.

⁽³⁾- Như những con rắn biển to lớn.

⁽⁴⁾- S.iii, 240.

ác hạnh về lời, những ác hạnh về ý ấy; sau khi thân hoại mệnh chung, chúng ta sinh cộng trú với loài rồng sinh ra từ trứng.

Nếu nay chúng ta làm thiện hạnh về thân, thiện hạnh về lời, thiện hạnh về ý. Như vậy, khi thân hoại mệnh chung, chúng ta có thể sinh lên cõi vui trong thế gian này⁽¹⁾.

(Tương tự như thế với loài rồng sinh ra từ thai bào, loài rồng sinh ra nơi ẩm thấp, loài rồng hóa sinh).

Một vị Tỳkhuu khác hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây một số chúng sinh sau khi thân hoại mệnh chung, được cộng trú với loài rồng sinh ra từ trong trứng?

- Nay Tỳkhuu, một số chúng sinh làm ác hạnh về thân, ác hạnh về lời, ác hạnh về ý. Chúng nghe nói như sau: “Loại rồng từ trứng sinh ra, được thọ mạng lâu dài, dung sắc thù thắng, hưởng thụ nhiều lạc”.

Chúng suy nghĩ như sau: “Ôi! Mong rằng sau khi thân hoại mệnh chung, ta được cộng trú với loài rồng sinh ra từ trong trứng”.

Sau khi thân hoại mệnh chung, chúng được sinh cộng trú với loài rồng sinh ra từ trong trứng.

Nay Tỳkhuu, do nhân này, do duyên này, ở đây một số chúng sinh sau khi thân hoại mệnh chung, được cộng trú với loài rồng sinh ra từ trong trứng⁽²⁾.

(Tương tự như vậy với các sinh chủng rồng còn lại).

Một vị Tỳkhuu bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây một số chúng sinh, sau khi thân hoại mệnh chung, được sinh cộng trú với loài rồng (có thần lực) sinh ra từ trong trứng?

- Nay Tỳkhuu, ở đây có loại chúng sinh được nghe nói như sau: “Loại rồng từ trứng sinh ra, được thọ mạng lâu dài, dung sắc thù thắng, hưởng thụ nhiều lạc”.

Chúng suy nghĩ như sau: “Ôi! Mong rằng sau khi thân hoại mệnh chung, ta được cộng trú với loài rồng sinh ra từ trong trứng có thần lực”.

Chúng bố thí các loại đồ ăn, sau khi thân hoại mệnh chung, chúng được sinh cộng trú với loài rồng có thần lực, sinh ra từ trong trứng.

Nay Tỳkhuu, do nhân này, do duyên này, ở đây một số chúng sinh sau khi thân hoại mệnh chung, được cộng trú với loài rồng (có thần lực) sinh ra từ trong trứng⁽³⁾.

(Tương tự như vậy với các sinh chủng rồng còn lại).

8'- Tế độ Cố vấn đại thần Aggidatta⁽⁴⁾.

Bàlamôn Aggidatta (Kýđắc) là Cố vấn đại thần (purohita) của vua Mahākosala, khi vua Pasenadi (Patunặc) nối vương nghiệp, vua Pasenadi suy nghĩ: Đây là vị Cố vấn đại thần của cha ta. Ta hãy giữ vị ấy trong chức vụ Cố vấn đại thần.

Tương truyền, khi hài tử sinh ra, những ngọn lửa đang cháy nổ tí tách, nên hài tử được đặt tên là Aggidatta (lửa đã cho)

Khi Aggidatta đến viếng thăm, vua Pasenadi đứng dậy nghinh tiếp một cách kính trọng, thỉnh Aggidatta ngồi ngang hàng với mình, rồi bạch hỏi rằng:

- Thưa Ngài Aggidatta, xin Ngài hãy ngồi vào nơi này.

Cố vấn đại thần Aggidatta suy nghĩ: “Đức vua Pasenadi rất tôn kính ta, nhưng ta không thể làm vua hài lòng mãi mãi được.

Mặt khác, vua còn trẻ còn ta đã già, hai nếp suy nghĩ có sai biệt nhau, phải là người đồng trang lứa mới có tư tưởng phù hợp với nhau. Vậy ta nên sống đời sống xuất gia là tốt nhất”.

Đại thần Aggidatta xin vua Pasenadi cho mình được xuất gia, vua Pasenadi năn nỉ nhiều lần rằng:

(1)- S.iii, 241.

(2)- S.iii, 243.

(3)- S.iii, 244.

(4)- Việc tế độ Bàlamôn Aggidatta xảy ra trong khoảng thời gian từ hạ thứ 2 đến hạ thứ 4 của Đức Thế Tôn.

- Thừa Ngài Aggidatta, xin Ngài chớ xuất gia.

Nhưng Aggidatta quyết định xuất gia, sau cùng vua Pasenadi đành chịu theo ý của vị Đại thần Aggidatta.

Sau khi bố thí hết tài sản của mình trọn 7 ngày, Bàlamôn Aggidatta xuất gia làm du sĩ, có 10 ngàn thanh niên Bàlamôn tình nguyện xuất gia theo Aggidatta làm đệ tử.

Đạo sư Aggidatta cùng 10 ngàn môn đệ du hành khắp ba quốc độ Aṅga, Magadha, Kuru, rồi du sĩ Aggidatta cùng 10 ngàn môn đệ dừng chân ở vùng thanh vắng u mặc, cạnh một dòng sông để ẩn cư.

Đạo sư Aggidattang dạy đệ tử rằng:

- Nay các con, khi một ý nghĩ dục tâm về sắc, thanh, hương, vị, xúc sinh khởi. Hãy tự giác đến bờ sông múc một nôi cát, đem đến đổ ở nơi này.

- Vâng, thưa thầy.

Ẩn sĩ Aggidatta cùng 10 ngàn môn đệ trú ẩn nơi ấy, nhiệt tâm hành Phạm hạnh với đề mục “từ, bi, hỷ, xả”.

Đống cát từ từ nở rộng và dâng cao như một ngọn đồi nhỏ, một con rắn chúa có thần lực có tên là Ahichatta trú ngụ nơi đống cát lớn ấy.

Rắn chúa có tên là Ahichatta vì khi nó phùng mang ra, tựa như cái *lọng lớn*, đây là loại rắn chúa hóa sinh ở nơi ẩm thấp. Rắn chúa Ahidatta sinh ra, lớn lên từ nơi đống cát ẩm ướt ấy.

Dân chúng ba quốc độ Aṅga, Magadha cùng Kuru được nghe danh tiếng của ẩn sĩ Aggidatta, thường mang lễ vật đến cúng dường Tôn sư Aggidatta cùng 10 ngàn du sĩ môn đệ vào ngày Uposatha (Bố tát).

Đạo sư Aggidatta thường rao giảng đến những người ấy rằng:

- Các người hãy nương tựa nơi rừng, núi, đồi, miếu, những nơi thanh vắng, để tâm được thanh tịnh. Nhờ đó các người sẽ giải thoát được đau khổ.

Một hôm vào hùng sáng, nơi Hương thất trong Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên), Đức Thế Tôn đưa Phật trí quán xét thế gian để tìm người có duyên lành nên tế độ.

Hình ảnh của Bàlamôn Aggidatta cùng 10 ngàn môn đệ lọt vào võng trí của Ngài, Đức Thế Tôn thấy được duyên lành Thánh quả Alahán của những vị ấy.

Vào buổi chiều hôm ấy, Đức Thế Tôn cho gọi Ngài Moggallāna đến dạy rằng:

- Nay Moggallāna, người có thấy nhóm du sĩ Aggidatta đang trú ngụ nơi vùng biên địa của ba nước Aṅga, Magadha và Kuru chăng?

- Bạch Đức Thế Tôn, con có thấy.

- Nay Moggallāna, họ muốn tìm cầu pháp giải thoát, nhưng đã đi sai đường. Nay Moggallāna, hãy đến tế độ họ.

- Bạch Thế Tôn, nhóm du sĩ ấy quá đông, làm thế nào con có thể tế độ được họ? Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngự đến nơi đây sẽ thu phục đại chúng ấy dễ dàng hơn.

- Nay Moggallāna, hãy đến nơi ấy trước, Như Lai cũng sẽ đến nơi ấy.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Từ Jetavanavihāra, Đức Moggallāna theo đường hư không đến nơi trú ẩn của du sĩ Aggidatta cùng 10 ngàn môn đệ.

Đức Moggallāna suy nghĩ: “Nhóm du sĩ này rất đông, họ tản mạn khắp vùng rừng núi, rất khó tập trung họ lại để thu phục. Vậy ta hãy gom họ lại”.

Đức Moggallāna tạo ra cơn mưa đá, khiến các du sĩ đang tản mạn bên ngoài vội kéo về nơi trú ẩn được tập trung chung quanh nơi ẩn trú của Đạo sư Aggidatta. Khi dứt cơn mưa đá, Đức Moggallāna đi đến tự viện của nhóm du sĩ, đi đến tịnh thất của Đạo sư Aggidatta, gọi rằng:

- Nay Aggidatta.

Nghe tiếng gọi ngay tên tộc của mình, ẩn sĩ Agidatta sinh khởi kiêu mạn rằng: “Trong thế gian này, không ai dám gọi tên ta. Người này là ai? Sao dám gọi tên ta như thế?”, nên đáp lại với giọng không hài lòng rằng:

- Ai đó?

- Này Balamôn, là ta.
- Này người kia, người cần gì?
- Này Balamôn, ta cần chỗ nghỉ đêm, ông hãy dọn cho ta một chỗ nghỉ đêm đi.
- Này ông, nơi đây không có chỗ nghỉ, mỗi tịnh thất chỉ một người nghỉ và tất cả đều có người nghỉ cả rồi.

- Này Balamôn, lẽ thường người xuất gia đến chỗ ngụ của bậc xuất gia, người thường đến chỗ người thường, bậc cao quý đến chỗ bậc cao quý, bò đến chỗ của bò. Này Balamôn, hãy dọn cho ta một chỗ nghỉ, ông chớ đối xử với ta như thế.

- Ông là bậc xuất gia thật sao? Vậy những tư cụ samôn của ông đâu?

- Thật vậy, này Aggidatta. Ta là bậc xuất gia, ta vẫn có những tư cụ Samôn, nhưng mang chúng đi du hành thì cồng kềnh bất tiện, ta cất chúng ở chỗ riêng, ta chỉ mang theo những tư cụ samôn được cất giữ trong tâm mà thôi.

Balamôn Aggidatta nghe Ngài Moggallāna lại gọi tên tộc của mình, nên phân nộ rằng:

- Vậy ông không mang theo tư cụ Samôn theo sao?

- Này Aggidatta, người chớ có sân hận như vậy, đời sống Phạm hạnh không có sân hận. Hãy cho ta chỗ trú ngụ qua đêm đi.

- Nơi đây không có chỗ ngụ cho người.

- Vậy nơi nào có chỗ ngụ cho ta?

- Chỗ ngụ của người chính là đồi cát cao đó.

- Được thôi, này Balamôn, Ta sẽ nghỉ đêm nơi ấy.

Balamôn Aggidatta chợt hồi tâm, suy nghĩ rằng: “Tuy người này gọi thẳng tên ta, không cung kính ta. Nhưng lời y nói ẩn tàng những lý lẽ thâm sâu. Y cũng là bậc xuất gia, ta là bậc xuất gia mà làm hại bậc xuất gia, đó là điều không tốt”.

Balamôn Aggidatta vội nói rằng:

- Nhưng này người kia, người không thể trú ngụ nơi đồng cát ấy đâu?

- Này Balamôn, vì sao thế?

- Vì nơi đồng cát ấy có con rắn chúa Ahichatta hung dữ, nó có đại thần lực chiếm cứ rồi.

- Nhưng đồng cát ấy là của ai?

- Là của chúng ta.

- Vậy ông hãy cho ta đồng cát ấy để làm chỗ trú ngụ qua đêm đi.

- Nhưng này ông, nơi ấy có con rắn chúa Ahichatta hung dữ lắm.

- Không sao cả, chỉ cần ông cho ta đồng cát ấy là được.

- Thôi được, nếu ông muốn ngụ nơi đồng cát ấy thì tùy ý ông.

Đức Moggallāna đi đến đồi cát, rắn chúa Ahichatta thấy Đức Moggallāna, nó nổi cơn hung ác rằng:

- Ông Samôn này không biết uy lực của ta, ông muốn xâm chiếm lãnh thổ của ta ư? Ta sẽ cho ông biết sức mạnh của ta.

Rắn chúa từ trong hang bò ra ngẩng cao đầu, phùng mang ra rồi phun khói độc vào người Đức Moggallāna.

Đức Moggallāna suy nghĩ: “Rắn chúa Ahichatta suy nghĩ “chỉ có ta mới phun hơi khói được, không ai có thể làm được như ta”, nên nó hung dữ. Ta sẽ cho nó biết uy lực của ta”.

Lập tức Đức Moggallāna phun khói ra đối kháng, luồng khói của Đức Moggallāna bao vây luồng khói của rắn chúa Ahichatta, rồi tấn công vào người rắn chúa, rắn chúa Ahichatta lại phun khói đối kháng lại, nhưng lúc nào cũng bị luồng khói của Đức Moggallāna bao vây, hai luồng khói bốc cao lên trời xanh như hai cột khói đen, nhưng không gây tác hại đến chúng sinh nào cả, chỉ có rắn chúa bị vây hãm trong chính luồng khói của mình.

Không thể chịu đựng sự ngột ngạt do chính luồng khói của mình gây ra, rắn chúa Ahichatta càng giận dữ, nó phun lửa ra để đốt cháy “ông thầy tu”.

Đức Moggallāna nhập vào “hỏa giới”, phóng ra luồng lửa đẩy ngọn lửa của rắn chúa Ahichatta quay trở lại đốt cháy rắn chúa Ahichatta.

Rắn chúa nỗ lực phun lửa để đối kháng, hai luồng lửa bốc sáng xông lên tận trời xanh, làm sáng rực cả một vùng.

Nhìn thấy luồng lửa bốc cao cháy rực giữa khoảng trời xanh, các du sĩ môn đệ cùng đạo sư Aggidatta bàn luận cùng nhau rằng:

- Rắn chúa đã thiêu chết vị Samôn kia rồi, thật đáng thương cho vị Samôn ấy. Nhưng y chết là do nghiệp của y, vì y chẳng chịu nghe theo lời chúng ta.

Rắn chúa Ahidatta càng nỗ lực phun lửa đối kháng thì ngọn lửa của Đức Moggallāna càng mạnh lên, tấn công vào người rắn chúa Ahichatta càng lúc càng mạnh mẽ.

Bị ngọn lửa thiêu đốt rất cả mình, rắn chúa có cảm giác thân nóng dần, dường như lửa chuẩn bị thiêu sống nó. Kinh hoàng rắn chúa Ahichatta suy nghĩ: “Nếu ta ngoan cố chống cự với vị Samôn có đại thần lực này, chắc chắn ta phải chết thôi. Ta hãy quy phục vị ấy, đó là điều tốt nhất”.

Rắn chúa Ahichatta lên tiếng rằng:

- Kính thưa vị Samôn đại thần lực, tôi xin quy phục Ngài. Xin Ngài đừng làm hại đến tôi.

Biết rắn chúa Ahichatta đã kinh hoàng, tâm đã quy phục, Đức Moggallāna thu hồi thần lực, luồng lửa đỏ thấp dần, thấp dần rồi rụi tắt trả lại thế gian màn đêm dày đặc.

Đức Moggallāna đi đến đỉnh đồi cát, Ngài ngồi kiết già (pallaṅka) trên đỉnh đồi, an trú tâm trong thiền tịnh, rắn chúa Ahichatta hóa thân khoanh tròn đóng cát, phùng mang trên đầu của Ngài, để che chắn sương lạnh, gió đêm của núi rừng âm u bí mật của vùng biên địa.

Vào hừng sáng đạo sư Aggidatta cùng các du sĩ môn đệ đi đến đóng cát với ý nghĩ: “Chúng ta sẽ chứng kiến vị Samôn mệnh chung như thế nào? Có còn lưu lại vết tích gì chẳng? Sức mạnh ngọn lửa của rắn chúa này thật khủng khiếp”.

Đến nơi, họ thấy trên đỉnh đồi vị Samôn vẫn ngồi an nhiên thiền tịnh, đạo sư Aggidatta gọi lớn rằng:

- Này ông Samôn, ông có còn sống không đấy?

- Này Aggidatta, ta vẫn còn sống.

- Vậy rắn chúa Ahichatta đâu rồi?

- Người không thấy rắn chúa Ahichatta đang quấn quanh đóng cát và che chắn sương lạnh, gió đêm cho ta đấy sao?

Nghe Đức Moggallāna nói vậy, đạo sư Aggidatta nhìn lại, thấy sự thật như lời của vị Samôn (vì thân rắn chúa quá lớn, nhất thời đạo sư cùng môn đệ không lưu ý, nên không nhận định rõ).

Các du sĩ đồng thanh tán thán rằng:

- Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay. Rắn chúa Ahichatta có đại uy lực đã bị vị Samôn thu phục.

Nơi Hương thất trong Jetavanavihā Đức Thế Tôn thấu rõ mọi việc, Ngài suy nghĩ: “Đây là thời điểm Đấng Như Lai ngự đến đồi cát ấy”.

Đức Thế Tôn biến mất khỏi Hương thất, xuất hiện nơi đồi cát, từ nơi hư không Ngài hạ thân xuống đồi cát.

Thấy Đấng Đạo sư ngự đến, Đức Moggallāna từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến đánh lễ Đức Đạo sư.

Thấy vậy, Đạo sư Aggidatta hỏi rằng:

- Thưa vị Samôn có đại thần lực, vị Samôn này còn cao quý hơn Ngài nữa sao?

- Này Aggidatta, đây là Bạc Đạo sư của ta. Ta chỉ là đệ tử của Ngài mà thôi.

Đức Thế Tôn ngồi kiết già ở giữa đỉnh đồi cát, mặt hướng về đại chúng của Bàlamôn Aggidatta, Đức Moggallāna đứng hầu ở phía sau lưng về phía cánh trái của Đức Thế Tôn.

Bàlamôn Aggidatta cùng 10 ngàn môn đệ đứng vây quanh đồng cát, chấp tay đánh lễ Đức Thế Tôn và tán thán rằng:

- Uy lực của vị đệ tử mà còn như thế, thì nói gì đến uy lực Bạc Đạo sư của vị ấy.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Aggidatta, người giáo huấn môn đệ cùng các tín chủ của người như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, con giáo huấn đại chúng rằng: *Các người hãy nương tựa nơi rừng, núi, đên, miếu, những nơi thanh vắng, để tâm được thanh tịnh. Nhờ đó các người sẽ giải thoát được đau khổ.*

- Nay Aggidatta, nương tựa vào những nơi ấy không thể làm cho tâm thoát ly phiền não, không thể làm cho tâm gột rửa được những ô nhiễm.

Nay Aggidatta, người nào nương tựa vào ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng; người ấy có thể gột rửa mọi ô nhiễm, người ấy có thể giải thoát mọi đau khổ.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên liên tiếp 5 kệ ngôn:

188- Bahum ve saraṇaṃ yanti; pabbatāni vanāni ca.

Ārāmarukkhacetyāni; manussā bhayatajjitā.

“Loài người sợ hoảng hốt; tìm nhiều chỗ nương nhờ⁽¹⁾.

Hoặc rừng rậm, núi non; hoặc vườn cây, đên tháp”.

189- Netam kho saraṇaṃ khemaṃ; netam saraṇamuttamaṃ.

Netam saraṇamāgamaṃ; sabbadukkhā pamuccati.

“Nương nhờ ấy không ổn; không (phải) nương nhờ tối thượng.

Nương nhờ các chỗ ấy; không thoát khỏi mọi khổ đau”.

190- Yo ca buddhañca dhammañca; saṅghañca saraṇaṃ gato.

Cattāri ariyasaccāni; sammappaññāya passati.

“Ai nương nhờ Đức Phật; Chánh pháp và Đức Tăng.

Ai dùng chánh tri kiến; thấy được bốn Thánh đế”.

191- Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ; dukkhassa ca atikkamaṃ.

Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ; dukkhūpasamagāmiṇaṃ.

“Thấy khổ và khổ tập; thấy sự khổ vượt qua.

Thấy Thánh đạo tám ngành; đưa đến khổ não tận”.

192- Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ; etaṃ saraṇamuttamaṃ.

Etaṃ saraṇamāgamaṃ; sabbadukkhā pamuccati.

“Thật nương nhờ an ổn; thật nương nhờ tối thượng.

Có nương nhờ như vậy; mới thoát mọi khổ đau” (HT. TMC d).

Dứt pháp thoại, mười ngàn du sĩ và Aggidatta chứng Thánh quả Alahán cùng với Tuệ phân tích. Tất cả đều quỳ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, xin được xuất gia trong Giáo pháp này, Đức Thế Tôn đưa bàn tay phải ra, gọi rằng: *Etha bhikkhavo*: Nay các Tỳkhuu, hãy đến đây thực hành Phạm hạnh; lập tức râu, tóc các du sĩ rụng xuống trở thành vị Samôn có đầy đủ các tư cụ của bậc Samôn.

Hôm ấy cũng vào ngày Uposatha (Bố tát), các cư dân mang lễ phẩm đến cúng dường các du sĩ, nhìn thấy Đức Thế Tôn và các tân Tỳkhuu, họ phân vân: “Ai là bậc đạo sư của ai?”.

Rồi họ suy nghĩ: “Có lẽ đạo sư Aggidatta là thầy của Samôn Gotama, vì Samôn Gotama đến viếng đạo sư Aggidatta”.

Hiểu được sự phân vân của đại chúng, Đức Thế Tôn dạy Ngài Aggidatta rằng:

- Nay Aggidatta, hãy đoạn nghi cho đại chúng đi.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Ngài Aggidatt bay lên cao bằng cây thốt nốt (tālā) rồi hạ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, nói rằng: Bạch Thế Tôn, Ngài là bậc Đạo sư của con, con là đệ tử của Ngài”.

⁽¹⁾- Chữ saraṇaṃ, HT TMC dịch là “quy y”. Nhưng xét mạch văn thấy chữ “quy y” bất ổn, chúng tôi xin mạn phép sửa là “nương nhờ” – Ns.

Lần thứ 2 cao bằng 2 cây thốt nốt lần thứ 7 cao bằng 7 cây thốt nốt, rồi hạ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, nói rằng: Bạch Thế Tôn, Ngài là bậc Đạo sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Đại chúng hân hoan rằng:

- Đạo sư Aggida nay trở thành đệ tử của Samôn Gotama, chúng ta sẽ nương nhờ nơi Đức Đạo sư này.

Và đại chúng xin quy ngưỡng Đức Phật, Giáo pháp và Tăng chúng ⁽¹⁾.

9'- Tế độ Đại phạm thiên tà kiến.

Một thời Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Đại tự Kỳviên của trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc) cúng dường, gần thành Sāvatti (Xávệ).

Bấy giờ, một Đại phạm thiên khởi lên ác tà kiến: “Không một Samôn hay Balamôn nào có thể đến đây”.

Với tâm mình, Đức Thế Tôn biết được ý nghĩ của Đại phạm thiên ấy, Ngài biến mất khỏi Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), xuất hiện ở cõi Phạm thiên ấy, ngồi kiết già (pallaṅka) ở giữa hư không, bên trên đầu của Đại phạm thiên ấy, toàn thân Ngài tỏa sáng hào quang.

Đức Moggallāna suy nghĩ: “Bậc Đạo sư đang ở đâu?”. Với thiên nhãn Ngài thấy Đức Thế Tôn đang ở Phạm thiên giới, lập tức Ngài biến mất ở cõi nhân loại, xuất hiện ở cõi Phạm thiên, ngồi kiết già ở giữa hư không về phía Đông, bên trên Đại phạm thiên, dưới Đức Thế Tôn, toàn thân tỏa sáng hào quang.

Tiếp theo Đức Mahā Kassapa⁽²⁾ xuất hiện ở nơi ấy, ngồi kiết già ở giữa hư không về phía Nam, bên trên Đại phạm thiên, dưới Đức Thế Tôn, toàn thân tỏa hào quang rực sáng.

Rồi đến Đức Mahā Kappina⁽³⁾ xuất hiện ở Phạm thiên giới, ngồi kiết già ở giữa hư không về phía Tây, bên trên Đại phạm thiên, dưới Đức Thế Tôn, toàn thân tỏa hào quang rực sáng.

Kế đến là Đức Anuruddha⁽⁴⁾, xuất hiện ở Phạm thiên giới, ngồi kiết già ở giữa hư không về phía Bắc, bên trên Đại phạm thiên, dưới Đức Thế Tôn, toàn thân tỏa hào quang rực sáng.

Đức Moggallāna nói lên kệ ngôn hỏi Đại phạm thiên rằng⁽⁵⁾:

Ajjāpi te āvuso sā diṭṭhi; yā te diṭṭhi pure ahu.

Passasi vītivattantaṃ; brahmaloke pabhassara'nti.

“Này hiền giả, hôm nay; người còn giữ tà kiến.

Như tà kiến của người; đã gìn giữ thời xưa.

Người có thấy hào quang; siêu việt Phạm thiên giới”.

(Đại phạm thiên).

Na me mārīsa sā diṭṭhi; yā me diṭṭhi pure ahu.

Passāmi vītivattantaṃ; brahmaloke pabhassaraṃ;

Svāhaṃ ajja kathaṃ vajjaṃ; ahaṃ niccomhi sassato'ti.

“Này thân hữu, nay tôi; không còn giữ tà kiến.

Như tà kiến của tôi; đã gìn giữ thời xưa.

Tôi có thấy hào quang; siêu việt phạm thiên giới.

Làm sao tôi chấp nhận; tôi là thường, là hằng” (HT. TMC d).

Sau khi làm tâm của Đại phạm thiên ấy giao động, Đức Thế Tôn cùng các vị Thánh đệ tử trở về nhân giới.

(1)- DhpA. Câu số 188 – 192.

(2)- Vị “đệ nhất hạnh Đâuđà”.

(3)- Vị “Đệ nhất Giáo giới Tỳkhu”.

(4)- Vị “Đệ nhất về thiên nhãn”.

(5)- Trong Tập Tương Ưng kinh không nêu tên là Phạm thiên Baka, chỉ ghi nhận đơn thuần là vị *Đại phạm thiên*, trong tập Số giải kinh Tương Ưng thì ghi nhận: Đại Phạm thiên Baka. Trong chương Tương ưng Phạm thiên (Brahmasaṃyuttaṃ) của tập Tương ưng kinh I, có một bài kinh nói riêng về Phạm thiên Baka (S.i, 142).

Đại phạm thiên sai một Phạm thiên tùy tùng xuống nhân giới hỏi Đức Moggallāna rằng:

- Thừa Tôn giả Moggallāna, Đức Thế Tôn có những đệ tử khác có đại thần lực, đại uy đức như Tôn giả Moggallāna, Tôn giả Mahā Kassapa, Tôn giả Mahā Kappina, Tôn giả Anuruddha không?

Đức Moggallāna đáp rằng:

Tevijjā iddhipattā ca; cetopariyāyakovidā.

Khīṇāsavā arahanto; bahū buddhassa sāvakā'ti.

“*Chúng ba mình, thần lực; khéo đọc hiểu tâm người.*

Bậc lậu tận Lahán; đệ tử Phật rất nhiều”(HT. TMC d).

Phạm thiên tùy tùng trở về Phạm thiên giới, trình lại với Đại phạm thiên ấy. Đại phạm thiên ấy hoan hỷ tín thọ lời dạy của Đức Moggallāna⁽¹⁾.

10'- Đức Moggallāna bị bệnh.

Có lần Đức Moggallāna lâm trọng bệnh, Đức Thế Tôn ngự đến nơi cư ngụ của Ngài Moggallāna. Đức Thế Tôn thuyết giảng đến Ngài Moggallāna về “Bảy pháp giác chi” là:

- Niệm giác chi (satibojjhaṅga).
- Trạch pháp giác chi (dhammānavicayabojjhaṅga).
- Tấn giác chi (viriyabojjhaṅga),
- Hỷ giác chi (pītibojjhaṅga).
- Khinh an giác chi (passadhibojjhaṅga).
- Định giác chi (samādhibojjhaṅga).
- Xả giác chi (upekkhābojjhaṅga).

Bảy giác chi (*bojjhaṅga*) là nghiệp không đen trắng, quả không đen trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt⁽²⁾.

Nghe xong thời pháp thoại này, Ngài Moggallāna dứt cơn bệnh.

B- Đức Moggallāna với các bậc đồng phạm hạnh.

Ngoài trách nhiệm hướng dẫn các vị Tỳkhuu nỗ lực thực hành Phạm hạnh để đạt đến cứu cánh giải thoát khỏi sinh tử luân hồi như đã trình bày ở trên, Đức Moggallāna thường đàm luận cùng các bậc đồng Phạm hạnh về Giáo pháp, để các Tỳkhuu trẻ học tập. Như :

1-Với Đức Sāriputta (Xá lợi phất).

Hai vị Sāriputta và Moggallāna ngoài tình phạm hạnh, còn là tình bạn rất thắm thiết từ thuở ấu thơ cho đến trọn kiếp sống này.

Đức Moggallāna thường đi du hành với Đức Sāriputta, nhưng mọi việc đều do Đức Sāriputta chủ trì, Đức Moggallāna tùy thuận theo.

Như có lần trú ngụ ở Sāketa, trong rừng Kantakī, hai Ngài đi đến viếng Tôn giả Anuruddha (Analuật) vào buổi chiều. Ngài Sāriputta hỏi Ngài Anuruddha:

**Thực hành như thế nào để trở thành bậc Hữu học (sekkhā)?*

Ngài Anuruddha đáp: Do tu tập một phần Tứ niệm xứ⁽³⁾.

**Thực hành như thế nào để trở thành bậc Vô học (asekkhā)?*

Ngài Anuruddha đáp: Do tu tập trọn vẹn Tứ niệm xứ⁽⁴⁾.

Trong khi hai vị cao đức vẫn đáp, Đức Moggallāna ngồi im lặng lắng nghe.

Lần khác, khi du hành cùng Đức Sāriputta đến Dakkhināgiri (Nam sơn), chư Tăng được nữ gia chủ Veḷukantakī cúng dường, rồi một cuộc đàm luận pháp giữa Đức Sāriputta với nữ gia chủ Veḷukantakī khởi lên, Đức Moggallāna cũng ngồi im lặng lắng nghe.

(1)- S.i, 144.

(2)- A.ii, 236.

(3)- S.v, 174.

(4)- S.v, 175..

Tuy nhiên, Đức Moggallāna đôi lần cũng hỗ trợ Đức Sāriputta, hỏi những câu hỏi để Đức Sāriputta giảng rộng thêm để làm sáng tỏ giáo pháp.

*Như trong kinh *Không ố nhiễm* (Anaṅgasutta), Ngài Moggallāna hỏi Đức Sāriputta: Vì sao trong bốn hạng người:

*Hai hạng người:

- Hạng có ô nhiễm, không tự biết có ô nhiễm.
- Hạng không có ô nhiễm, không tự biết không có ô nhiễm. Là thấp kém?.

*Hai hạng người:

- Hạng có ô nhiễm, tự biết có ô nhiễm.
- Hạng không có ô nhiễm, tự biết không có ô nhiễm. Là thù thắng?

Đức Sāriputta giảng giải rộng ý nghĩa này với ví dụ hai chiếc bát:

- Chiếc bát nhơ bẩn không được lau chùi, lại bị ném vào nơi bụi bặm khiến chiếc bát càng thêm nhơ bẩn. Ví như người ô nhiễm, không tự biết có ô nhiễm.

- Chiếc bát trong sáng không được lau chùi, lại bị ném vào chỗ bụi bặm nên chiếc bát trở nên nhơ bẩn. Ví như người không ô nhiễm, nhưng không tự biết không có ô nhiễm.

Nên hai hạng người này là thấp kém.

- Chiếc bát nhơ bẩn nhưng thường được lau chùi, lại được đặt nơi không bụi bặm, chiếc bát trở nên trong sáng. Ví như hạng người có ô nhiễm, nhưng tự biết mình có ô nhiễm.

- Chiếc bát trong sáng được lau chùi thường xuyên lại được đặt nơi không bụi bặm, chiếc bát càng trong sáng. Ví như hạng người không có ô nhiễm, tự biết mình không có ô nhiễm.

Hai hạng người này là thù thắng.

Ngài Moggallāna nói rằng:

“Có lần Ngài đi khất thực trong thành Rājagaha (Vương xá), đến nơi Samīti con người làm xe, đang đèo vành xe, rồi một *tà mạng ngoại đạo* Paṇḍuputta trước là con người đèo xe, đang đứng một bên.

Du sĩ Paṇḍuputt khen ngợi Samīti như hiểu ý mình, khi ông khởi lên ý nghĩ “nên đèo đường cong này, các mắc gỗ này ...” thì Samīti làm đúng như thế”.

Tiếp theo Đức Moggallāna nhận xét về bản chất của các ô nhiễm (aṅganāni) là tham, sân, si, ác, bất thiện, tham dục sẽ dẫn đến đau khổ.

Sự xem xét chính mình và diệt trừ ô nhiễm, sẽ đưa đến an lạc ⁽¹⁾.

*Trong kinh *Gulissāni*, Đức Sāriputta giảng pháp của vị *Tỳkhuu ở rừng*.

Đức Moggallāna hỏi: “Những pháp này phải được chấp trì và thực hành nơi vị Tỳkhuu ở rừng, còn những vị Tỳkhuu sống gần làng thì sao?”.

Sở dĩ Đức Moggallāna hỏi như vậy, vì với tâm mình Ngài thấy tâm một số Tỳkhuu suy nghĩ: “Đây là những pháp dành cho vị Tỳkhuu ở rừng, không phải có cho vị Tỳkhuu sống gần làng”.

Và Đức Sāriputta hiểu được ý nghĩa này, Ngài đáp rằng:

“Các pháp này vị Tỳkhuu sống ở rừng cần phải chấp trì, thì còn nói gì đến các vị Tỳkhuu sống gần làng”⁽²⁾.

*Có lần hai Ngài sống trong khu rừng Trúc (Veluvana), nơi nuôi dưỡng những con sóc (Kalandakanivāpa), Đức Sāriputta đi đến viếng Đức Moggallāna. Thấy sắc mặt Đức Moggallāna trong sáng tươi tỉnh, Đức Sāriputta hỏi:

- Này tôn giả Moggallāna, các quyền của tôn giả thật thanh tịnh, sắc mặt thật trong sáng. Có phải hôm nay tôn giả Moggallāna an trú với sự an trú tịnh lạc?.

- Thưa hiền giả Sāriputta, hôm nay tôi an trú với sự *an trú thô thiện* (olāriken vihāraṃ)⁽¹⁾. Tôi có được một cuộc pháp thoại.

(1)- M.i. Bài kinh số 5.

(2)- M.ii. Kinh số 69.

- Tôn giả Moggallāna có được cuộc đàm luận chánh pháp với ai?.
- Thừa hiền giả Sāriputta, tôi có được cuộc pháp thoại với Đức Thế Tôn.
- Thừa tôn giả Moggallāna, Đức Thế Tôn ở xa. Hiện nay Đức Thế Tôn an trú ở Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), gần thành Sāvatti. Tôn giả đi đến Đức Thế Tôn bằng thần thông, hay Đức Thế Tôn đi đến tôn giả bằng thần thông?
- Thừa hiền giả Sāriputta, tôi không đi đến Đức Thế Tôn bằng thần thông, Đức Thế Tôn cũng không đi đến tôi bằng thần thông. Với Thiên nhãn thông và Thiên nhĩ thông tôi có cuộc pháp thoại với Đức Thế Tôn.

Rồi Đức Moggallāna thuật lại cuộc pháp thoại với Đức Thế Tôn; Ngài Moggallāna hỏi Đức Thế Tôn về pháp *“tinh cần tinh tấn”* (āraddhaviriya).

Đức Sāriputta tán thán Đức Moggallāna như núi Hymālapson trái dài, còn mình chỉ là đồng sạn nhỏ đặt cạnh núi ấy.

Đức Moggallāna cũng tán thán Đức Sāriputta như ruộng muối lớn, còn mình chỉ là nhúm muối nhỏ cạnh ruộng muối ấy và không quên lập lại lời Đức Thế Tôn tán thán Đức Sāriputta⁽²⁾.

Một lần khác, Ngài Moggallāna trình bày khuynh hướng của mình khi Ngài Sāriputta hỏi:

- Nay hiền giả Moggallāna, vị Tỳkhuu nào có thể làm cho khu rừng Sùng bò (Gosiṅgavana) này chiếu sáng?.

- Nay hiền giả Sāriputta, vị Tỳkhuu đàm luận về Abhidhamma (Thắng pháp), sẽ làm cho rừng Sùng bò này chiếu sáng⁽³⁾.

Ngoài kệ ngôn của Đức Moggallāna tán thán Đức Sāriputta, được Đức Sāriputta ghi nhận trong tập Kệ ngôn trưởng lão Tăng” (Theragāthā)⁽⁴⁾, khi hay tin Đức Sāriputta viên tịch, Ngài Moggallāna bàng hoàng, nói lên kệ ngôn:

1167 -Tadāsi yaṃ bhimsanakam, tadāsi lomahaṃsanam.

Anekākārasampanne; sāriputtamhi nibbutē.

“Ôi! thật hãi hùng thay; ôi! lông tóc dựng ngược.

Bậc đủ nhiều đức tánh; Sāriputta viên tịch”.

1168- Aniccā vata saṅkhārā; uppādavayadhammino.

Uppajjitvā nirujjhanti; tesam vūpasamo sukho.

“Các hành là vô thường; có sinh phải có diệt.

Sau khi sinh, chúng diệt; nhiếp chúng là an lạc” (HT. TMC đ)⁽⁵⁾.

2- Với Đức Ānanda.

Đức Thế Tôn thường du hành sau ba tháng an cư mùa mưa, gia chủ Anāthapiṇḍika rất buồn, vì nơi Jetavanavihāra vắng bóng Đức Thế Tôn.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika đến ngõ ý với Ngài Ānanda, xin Đức Thế Tôn một biểu tượng, để hàng cư sĩ tín thành, nhìn vào đó tưởng nhớ đến ân đức của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy: Nên trồng trước cổng Jetavanavihāra cây Bồ đề (Bodhi), xuất xứ từ cây Bồ đề mẹ ở Bodhigayā (Bồ đề đạo tràng).

Ngài Ānanda nhờ đến thần lực của Đức Moggallāna, Ngài Moggallāna theo đường hư không đến Bodhigayā (Bồ đề đạo tràng), hứng được trái Bồ đề vừa rụng xuống, rồi theo đường hư không trở về Đại tự Kỳviên, trao hạt Bồ đề cho Ngài Ānanda. Và cây Bồ đề con ấy được trồng trước cổng Jetavanavihāra, cây Bồ đề con này còn được gọi là Bồ đề Ānanda⁽⁶⁾.

(1)- Cội là “**thô**” vì thuộc sắc pháp, còn danh pháp gọi là “**tê**”. Đức Moggallāna đang rèn luyện thiên nhãn và thiên nhĩ, nên thuộc phần thô.

(2)- S.ii, 275.

(3)- M.i. Kinh số 33.

(4)- Xem Thag. Kệ ngôn trưởng lão Sāriputta.

(5)- Thag. Kệ ngôn của Đức Moggallāna. Trong bản dịch của HT. TMC, là kệ ngôn số 1158 – 1159; trong bản Pāli mà chúng tôi có được thì mang số 1167 – 1168..

(6)- JA. vi, 229.

3-Với Tôn giả Poṭhila (hay Poṭṭhila).

Tương truyền trưởng lão Poṭhila từng là Giảng sư suốt 7 đời Phật Chánh giác quá khứ, trong thời hiện tại Ngài cũng là vị Giảng sư danh tiếng, lâu thông kinh điển, có hội chúng là 500 người.

Một hôm, Đức Thế Tôn thấy được duyên lành của trưởng lão Poṭhila, Ngài suy nghĩ: “Tỳkhuu này không có tâm nghĩ đến sự giải thoát khỏi sinh tử khổ luân hồi. Như Lai sẽ làm cho Tỳkhuu này động tâm”.

Khi trưởng lão Poṭhila đến đánh lễ Đức Thế Tôn, Ngài thường gọi: “Hãy đến đây này *Poṭhila rōṅg không* (tucchā Poṭhila)”.

Nhiều lần như vậy, trưởng lão Poṭhila suy nghĩ: “Ta thông thuộc kinh điển của Đức Thế Tôn, lại có hội chúng là 500 người, vì sao Đức Thế Tôn gọi ta là *Poṭhila rōṅg không*?”.

Khi suy gẫm, trưởng lão Poṭhila hiểu ra rằng: “Thì ra, vì ta chưa chứng đạt một Thánh quả nào cả, nên Đức Thế Tôn gọi ta là *Poṭhila rōṅg không*, ta vẫn phải trôi lăn trong biển sinh tử khổ. Ta cần phải nỗ lực hành pháp để chứng đạt Thánh quả Alahán, thoát khỏi sinh tử luân hồi”.

Khi phát sinh tâm kinh cảm, trưởng lão Poṭhila quyết định: “Ta sẽ vào rừng để thực hành Samôn pháp”.

Ngài Poṭhila lặng lẽ cầm y bát, từ giả kinh thành Sāvattthi (Xávệ), từ bỏ hội chúng 500 người, vượt đường dài 120 do tuần (visamyojanasatam), đến khu rừng là nơi trú ngụ của 30 vị trưởng lão thực hành *hạnh ở rừng*.

Ngài Poṭhila đi đến đánh lễ vị trưởng lão cao hạ nhất trong đoàn, bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài từ bi tế độ con.

Thật sự các vị Trưởng lão trú ngụ nơi ấy đều là bậc Thánh Alahán, vị trưởng lão suy nghĩ: Vị này dựa vào sở học của mình, tâm còn nhiều kiêu khí, ta hãy rèn luyện cho vị ấy không còn kiêu khí.

- Này hiền giả, hiền giả là ai? Vì sao đến nơi này?

- Bạch Ngài, con là Poṭhila. Con đến đây để thực hành Samôn pháp. Xin Ngài từ bi chỉ giáo cho con.

- Ô! Thì ra đây là vị Giảng sư danh tiếng. Này hiền giả Poṭhila, hiền giả là một Giảng sư danh tiếng, chính tôi đây còn có điều cần phải học hỏi nơi hiền giả. Vì sao hiền giả lại nói như thế.

- Bạch Ngài, xin các Ngài đừng nói thế. Xin Ngài từ bi tế độ con.

- Này hiền giả Poṭhila, vậy hiền giả hãy đến học tập nơi vị Tỳkhuu phó trong đoàn này đi.

Vị trưởng đoàn giới thiệu đến vị phó đoàn, cứ như thế trưởng lão Poṭhila đi từ vị này đến vị khác để cầu học pháp *thiền tịnh*.

Cuối cùng Ngài Poṭhila đi đến vị trẻ nhất trong đoàn, đó là vị Sadi bảy tuổi, bảy giờ vị Sadi Alahán 7 tuổi đang ngồi vá y ở nơi thiền tịnh ban ngày .

Không chút tự ái, Ngài Poṭhila đi đến vị Sadi, chấp tay cung kính bạch rằng:

- Thưa bậc thiện trí thức, xin hãy từ bi tế độ cho tôi.

- Thưa Ngài Giáo thọ sư, vì sao Ngài lại nói thế, Ngài là bậc Giảng sư danh tiếng, tuổi lại cao, Ngài là bậc đa văn quảng kiến. Chính tôi còn phải tìm Ngài để học hỏi những điều mà tôi chưa hiểu biết.

- Thưa bậc thiện trí thức, xin đừng nói thế. Xin hãy chỉ giáo cho tôi đi.

- Thưa Ngài Giáo thọ sư, Ngài có bằng lòng làm theo lời của tôi chăng?

- Vâng, thưa bậc thiện trí thức.

- Vậy, thưa Ngài Giáo thọ sư, Ngài hãy để nguyên y phục này, lội xuống ao kia đi.

Vị Thánh Sadi biết Ngài Poṭhila đang vận mặc tam y đặc giá, nhưng vẫn bảo như thế. Vị Sadi vừa dứt lời thì Ngài Poṭhila đã nhảy xuống ao, y phục hoàn toàn bị đắm ướt, vị Sadi nói rằng:

- Được rồi, thưa Ngài Giáo thọ sư, Ngài hãy đến đây.

Rồi vị Thánh Alahán Sadi dạy rằng:

- Thưa Ngài Giáo thọ sư, ví như gò mỗi có sáu ngõ, có con rắn mỗi chui vào đó; muốn bắt con rắn mỗi, người ta bịt kín năm ngõ, sẽ bắt được con rắn mỗi ở ngõ thứ sáu mà nó chui ra. Cũng vậy, với sáu cửa của thân, Ngài phải bế 5 cửa: Mắt, tai, mũi, lưỡi và thân môn chỉ còn lại ý môn, Ngài hãy định tâm vào ý môn.

Nghe vị Sadi giảng giải, tâm của Ngài Poṭhila vụt bật sáng như ngọn đèn tắt được ngọn lửa mỗi vào, Ngài Poṭhila nói rằng:

-Thưa bậc trí giả, bấy nhiêu đó đủ rồi.

Cách xa nơi ấy 120 dotuần, Đức Thế Tôn thấu rõ mọi sự, Ngài suy xét rằng: “Tỳkhuu này tự mình chứng đạt Thánh quả Alahán được chăng?”, Đức Thế Tôn thấy rằng: “Vị Tỳkhuu này cần được trợ duyên”.

Từ nơi Hương thất, Đức Thế Tôn phóng hào quang đến trước Ngài Poṭhila, nói lên kệ ngôn rằng:

282- Yogā ve jāyatī bhūri; ayogā bhūrisaṅkhayo.

Etam dvedhāpatham ñatvā; bhavāya vibhavāya ca.

Tathāttānam niveseyya; yathā bhūri pavaḍḍhati.

“Tu thiên trí tuệ sinh; bỏ thiên trí tuệ diệt.

Biết con đường hai ngã; hướng đến lợi và hại.

Hãy tự mình nỗ lực; khiến trí tuệ tăng trưởng” (HT. TMC d).

Dứt kệ ngôn, Ngài Poṭhila chứng đạt Thánh quả Alahán⁽¹⁾.

Trong thời Tôn giả Poṭhila còn say mê với hội chúng, quên đi phận sự chính của mình là *giải thoát khỏi khổ luân hồi*, chưa động tâm bởi lời dạy *Poṭhila rỗng không* của Đức Thế Tôn.

Đức Moggallāna có khuyến giáo Ngài Poṭhila với hai kệ ngôn, nhưng Ngài Poṭhila bỏ ngoài tai, như sau:

1183- Neso passati saddhammaṃ; saṃsārena purakkhato.

Adhogamaṃ jimhapaṭham; kummaggamanudhāvati.

“Người không thấy diệu pháp; dẫn đầu về luân hồi.

Chạy theo đường tà đạo; đường cong không nên đi”.

1184- Kimīva mīhasallitto; saṅkhāre adhimucchito.

Pagāḷho lābhasakkāre; tuccho gacchati poṭṭhilo.

“Như con sâu dính phân; say mê theo các hành.

Đắm sâu vào lợi danh; trống rỗng hỡi Poṭhila” (HT TMC d)⁽²⁾.

4- Với Đức Lakkhaṇa.

Một hôm, Đức Lakkhaṇa cùng với Đức Moggallāna từ trên núi Gijjhakūṭa (Kên kên) đi xuống để vào thành Rājagaha (Vương xá) khát thực.

Đức Lakkhaṇa thấy Đức Moggallāna mỉm cười. Đức Lakkhaṇa hỏi:

- Đây hiền giả Moggallāna, do nhân chi duyên chi mà hiền giả mỉm cười?

- Đây hiền giả Lakkhaṇa, hãy mang câu hỏi này hỏi trước Đức Thế Tôn.

Vào buổi chiều, nơi Veluvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), Đức Lakkhaṇa lập lại câu hỏi ấy. Trước Đức Thế Tôn, Ngài Moggallāna trình bày:

- Bạch Đức Tôn, vì con thấy nhiều *ma đối* (peta) có hình dáng khủng khiếp đang bị trừng phạt lơ lửng giữa hư không.

Tiếp theo Ngài Moggallāna trình bày hình dáng của những con ma đối (peta) này. Đức Thế Tôn xác nhận có những hạng ma đối như thế, Ngài đã thấy chúng khi ở nơi cõi Bodhi (Bồ đề), nhưng chưa có ai nhìn thấy chúng nên Đức Thế Tôn không tuyên thuyết. Nay có Ngài Moggallāna nhìn thấy chúng, Đức Thế Tôn tuyên bố “có hạng chúng sinh như thế ấy”⁽³⁾.

(1)- DhpA. Câu số 282.

(2)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Moggallāna.

(3)- S.ii, 254; Vin.iii, 104.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: Đức Lakkhaṇa là một trong 1.000 vị Uruvelā Kassapa, Ngài Lakkhaṇa chứng Thánh quả Alahán khi nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh *Giải về lửa* (Ādittapariyādesanā).

Ngài được gọi là *Lakkhaṇa* vì có thân hình xinh đẹp như vị Phạm thiên (*brahmasemena*). Ngài Lakkhaṇa không phải không thấy được ma đói (*peta*), vì Ngài là vị Alahán lục thông, chỉ vì Ngài không lưu ý đến (*anāvajjento*)⁽¹⁾.

Được biết, khi Đức Moggallāna thuật việc thấy các *ma đói* đến các vị Tỳkhuu, các Tỳkhuu phàn cho rằng “Ngài khoe pháp bậc cao nhân (*uttarimanussadhamma*)”, nhưng Đức Thế Tôn tuyên bố Ngài Moggallāna vô tội⁽²⁾.

5- Thị giả Kakudha.

Đức Moggallāna có hai thị giả có cùng tên là Kakudha.

a- *Kakudha* (1).

Đây là vị Phạm thiên có viếng Đức Thế Tôn ở rừng Añjana nơi thị trấn Sāketa, Phạm thiên Kakudha bạch hỏi: “Ngài có hoan hỷ hay có sầu muộn không?”.

Đức Thế Tôn đáp: “Ta đã vượt khỏi chỗ người đời đắm say và hoàn toàn giải thoát”⁽³⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: Ngài Kakudha này là đệ tử cũng là thị giả của Đức Moggallāna. Lúc sinh thời Ngài Kakudha nỗ lực hành pháp và mệnh chung khi vừa xuất khỏi thiên định, tái sinh về Phạm thiên giới⁽⁴⁾.

b- *Kakudha* (2).

Ngài là một Thích tử thuộc dòng Koliya, sống ở quốc độ Koliya, là đệ tử cũng là thị giả của Đức Moggallāna.

Sau khi mệnh chung, Ngài tái sinh thành chư thiên “ý hóa thân (*manomaya*)”, có hình dáng to lớn bằng hai hay ba thừa ruộng thông thường trong xứ Magadha (Makiệtđà), vì vị này có ý muốn “thân của ta không giống người khác”, nên thân của vị ấy “không phải là vị ấy, cũng không phải là người khác”.

Thiên tử Kakudha biết được ý của Tôn giả Devadatta: “Ta sẽ cai quản hội chúng Tỳkhuu Tăng”.

Thiên tử Kakudha đến báo cho thầy mình là Đức Moggallāna biết ý định của Tôn giả Devadatta.

Đức Moggallāna trình lên Đức Thế Tôn điều này, và nói rằng:

- Theo kinh nghiệm của con, thiên tử Kakudha nói đúng theo sự thật.

Đức Thế Tôn bảo Đức Moggallāna *hãy giữ kín điều này*⁽⁵⁾.

c- *Kakudha* (3).

Kakudha là tên một nam cư sĩ của Đức Thế Tôn, nam gia chủ này sống ở Nādikā. Trong chuyến du hành cuối cùng, khi đến làng Nādikā, Tôn giả Ānanda có hỏi Đức Thế Tôn về sinh thú của gia chủ Kakudha sau khi ông mệnh chung, Đức Thế Tôn dạy:

- Gia chủ Kakudha đã diệt trừ *năm sợi dây trói buộc bậc thấp*, sinh về Phạm thiên giới, từ đó viên tịch, không trở lại đời này nữa⁽⁶⁾.

6- Với Tôn giả Vaddhamāna.

Ngài là người Licchavī, sinh trưởng trong thành Vesālī, ban đầu Ngài theo nhóm Tỳkhuu Mettiya-bhummajakā, nhóm Tỳkhuu này xúi giục Tỳkhuu ni Mettiyā (vợ cũ của Tỳkhuu Mettiya) vu khống Ngài Dabbamallaputta đã “quan hệ tình dục” với mình.

(1)- SA.ii, 159.

(2)- Vin. iii. 105.

(3)- S.i, 54.

(4)- SA.i, 89.

(5)- ĐĐ Indacando (d). Luật Tiểu phẩm II. Chương chia rẽ hội chúng, số 350 – 351.

(6)- D.ii. 92. Kinh Mahā Parinibbāna (Đại viên tịch).

Khi sự việc được rõ ràng là Ngài Dbbamallaputta bị vu khống, Đức Thế Tôn ban lệnh tẩn xuất Tỳkhuu ni Mettiyā ra khỏi Ni đoàn, đồng thời ban lệnh “úp bát” (*pattanikkujjana*)⁽¹⁾ gia chủ Vaḍḍhamāna.

Khi Đức Ānanda thông báo điều này đến gia chủ Vaḍḍhamāna, ông đã ngất xỉu, sau đó ông cùng gia đình đến sám hối tội lỗi với Đức Thế Tôn; Đức Thế Tôn dạy “sám hối tội lỗi trước Tăng chúng” và lệnh phạt được thu hồi⁽²⁾.

Sau việc này, gia chủ Vaḍḍhamāna trở nên thuần thành nơi Tam bảo, ông rất hoan hỷ khi được phục vụ Đức Phật và chư Tăng.

Rồi gia chủ Vaḍḍhamāna xin được xuất gia trong Giáo đoàn.

Khi xuất gia, Ngài trở nên lười biếng, bị hôn trầm chi phối và được Đức Moggallāna nhắc nhở:

1171- Sattiyā viya omaṭṭho; ḍayhamānova matthake.

Bhavarāgappahānāya; sato bhikkhu paribbaje'ti.

“Như bị kiểm rơi xuống; như trên đầu lửa cháy.

Diệt trừ tham ái hữu; với niệmvị Tỳkhuu xuất gia”⁽³⁾.

Ngài Vaḍḍhamāna xúc động, nỗ lực hành pháp chứng đắc Thánh quả Alahán, hồi tưởng lại, Ngài dùng kệ ngôn trên tuyên bố lên chánh trí của mình.

Nhưng trong tập Theragāthā – atthakathā (Sớ giải Kệ ngôn trưởng lão Tăng) ghi nhận “kệ ngôn trên là do Đức Thế Tôn thuyết cho trưởng lão Vaḍḍhamāna (số 40)”.

7- Trưởng lão Khitaka.

Ngài sinh trưởng vào một gia tộc Balamôn trong thành Sāvattihī, được nghe mọi người tán thán năng lực thần thông của Đức Moggallāna.

Gia chủ Khitaka suy nghĩ: “Rồi ta cũng sẽ được như trưởng lão Moggallāna”.

Gia chủ Khitaka xin xuất gia trong Tăng đoàn, nhờ nỗ lực hành pháp, chẳng bao lâu Ngài chứng đạt Thánh quả Alahán Lục thông.

Khi thành tựu quả vị giải thoát, trưởng lão Khitaka suy nghĩ: “Giờ đây ta không còn việc gì phải làm, phận sự Samôn ta đã làm xong. Vậy ta hãy tế độ những người hữu duyên”.

Với tha tâm thông cùng thần túc thông, trưởng lão Khitaka tế độ rất nhiều chúng sinh hữu duyên với Ngài. Khi các Tỳkhuu hỏi Ngài Khitaka rằng:

- Nay hiền giả Khitaka, có phải hiền giả dùng thần thông?

Trưởng lão Khitaka trả lời bằng kệ ngôn rằng:

104- Lahuko vata me kāyo; phutṭho ca pītisukhena vipulena.

Tūlamiva eritaṃ mālutena; pilavatīva me kāyo'ti.

“Thân ta thật nhẹ nhàng; cảm xúc hỷ lạc lớn.

Như bông thổi trước gió; thân ta nhẹ trôi bay”⁽⁴⁾ (HT. TMC d)⁽⁵⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Padumuttara (Liên Hoa), tiền thân của Ngài Khitaka là một chúa Dạ xoa. Có lần chúa dạ xoa dẫn đoàn tùy tùng của mình đến đánh lễ Đức Phật Padumuttara, Đức Thế Tôn Padumuttara thuyết lên pháp thoại an trú chúa dạ xoa cùng tùy chúng “nương nhờ vào Tam bảo”.

Vào 80 kiếp trái đất trước, hậu thân chúa dạ xoa là vua Chuyển luân với vương hiệu Sumanāgala⁽⁶⁾. Ngài có thể là trưởng lão Supāricariya nói trong *Apadāna*⁽⁷⁾.

***Trưởng lão Khitaka khác.**

(1)- Nghĩa là “không nhận vật cúng dường” của Ngài Vaḍḍhamāna.

(2)- Vin. ii, 124.

(3)- Yhag. Kệ ngôn trưởng lão Moggallāna.

(4)- Pilavati.

(5)- Thag. 15. Kệ ngôn trưởng lão Khitaka (số 104).

(6)- ThagA. i. 209.

(7)- Ap.i, 181.

Một trưởng lão khác cũng được gọi là Khitaka (hay Nikhita), Ngài sinh ra trong quốc độ Kosala (Kiềutátla) thuộc gia tộc Balamôn.

Một lần nọ được nghe Đức Thế Tôn giảng pháp, Ngài Khitaka hoan hỷ xin được xuất gia trong Giáo đoàn của Đức Thế Tôn.

Sau khi xuất gia, Ngài Khitaka thực hành hạnh *trú ở rừng*, Ngài nỗ lực hành Samôn pháp, chẳng bao lâu thành đạt Thánh quả Alahán.

Nếm được hương vị giải thoát Nípàn lạc, trưởng lão Khitaka đi đến các vị Tỳkhuu sống ở rừng để khích lệ, sách tấn các vị ấy phấn khởi.

Trưởng lão Khitaka nói lên hai kệ ngôn, trước tiên là khích lệ các Tỳkhuu nỗ lực thực hành pháp và nói lên Thánh trí mà mình đã chứng đạt được.

191- Kassa selūpamaṃ cittaṃ; ÷hitaṃ nānupakampati.

Virattaṃ rajaniyesu; kuppaniye na kuppati.

Yassevaṃ bhāviṭaṃ cittaṃ; kuto taṃ dukkhamessati.

“Tâm ai như tảng đá; đứng vững không giao động.

Hỡi những vật khả ái; tâm không có tham ái.

Đối vật làm giao động; tâm không có giao động.

Tâm ai tu tập vậy; từ đâu khổ sẽ đến?”.

192- Mama selūpamaṃ cittaṃ; ÷hitaṃ nānupakampati.

Virattaṃ rajaniyesu; kuppaniye na kuppati.

Mamevaṃ bhāviṭaṃ cittaṃ; kuto maṃ dukkhamessatī’ti.

“Tâm ta như tảng đá; đứng vững không giao động.

Hỡi những vật khả ái; tâm không có tham ái.

Đối vật làm giao động; tâm không có giao động.

Tâm ta tu tập vậy; từ đâu khổ đến ta?” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

8- Với trưởng lão Tissa.

Tôn giả Tissa là con trai của bà Hoàng Amitā, em gái của vua Suddhodana (Tịnh Phạn). Vua Sīhahanu có 7 người con, năm vương tử là: Suddhodana, Dhotadana, Sakkodana, Sukkadana, và Amitodana; hai công nương là Amitā và Pamitā.

Công nương Amitā (là cô của Bôtát Siddhattha) kết hôn với vua Suppabuddha (Thiện giác) sinh ra vương tử Devadatta và công nương Bhaddakaccānā.

Theo Theragāthā-atthakathā (Sớ giải kệ ngôn trưởng lão Tăng) và Majjhimanikāya – Atthakathā (Sớ giải kinh Trung bộ) thì bà Amitā cũng là mẹ của Tôn giả Tissa này⁽²⁾, như vậy Tissa là em họ đồng thời cũng là em vợ với Bôtát Siddhattha⁽³⁾.

Tôn giả Tissa xuất gia trong Giáo đoàn của Đức Thế Tôn vào lúc tuổi khá cao, tuy sống ở rừng nhưng tôn giả Tissarất tự hào về giòng dõi Khattiya (Sátđếly) của mình. Tôn giả Tissa thường cầu kinh và bắt bẻ các vị Tỳkhuu khác, do nghĩ mình là em họ với Đức Thế Tôn.

Theo bản Dhammapāda-atthakathā (Sớ giải kinh Pháp cú), khi tôn giả Tissa xuất gia vào Tăng đoàn, nhằm thời kỳ Giáo pháp hưng thịnh, nên lợi đặc phát sinh sung mãn, tôn giả Tissa thọ dụng đầy đủ thân thể đầy đà nên các vị Tỳkhuu thường gọi là Thullatissa (Tissa đầy đà).

Tôn giả Tissa thường đáp y khéo giặt giũ, dẫn cho thẳng nếp, ngồi chễm chệ ở giữa Giảng pháp đường nơi Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên).

Có lần, nhiều vị Tỳkhuu từ phương xa về yết kiến Đức Thế Tôn, đi vào Giảng pháp đường nhìn thấy tôn giả Tissa, ngỡ là vị trưởng lão cao hạ, nên đến xoa bóp tay chân cho tôn giả Tissa, tôn giả yên lặng để các Tỳkhuu ấy phục vụ mình, một vị Tỳkhuu hỏi : « Bạch tôn giả, tôn giả được bao nhiêu hạ? »

(1)- Thag. 25. Kệ ngôn trưởng lão Khitaka (số 191 – 192).

(2)- ThagA. i. 105; MA. i. 289.

(3)- Theo cách gọi của người miền Nam VN, là em cô cậu với Bôtát Siddhattha (SĩĐạtTa)

- Ta chưa có hạ nào cả, tuy lớn tuổi nhưng ta vừa mới xuất gia.

Vị Tỳkhuu trẻ trong nhóm đã nặng lời rằng :

- Nay ông sư già, ông không biết phận sự Samôn, ông mới xuất gia mà ngã mạn như thế, ông không biết kính lễ bậc cao hạ hơn ông, ông để cho những bậc cao hạ hơn mình phục vụ mình, đó là sự vô lễ.

Rồi vị Tỳkhuu trẻ búng tay khinh thường tôn giả Tissa, tôn giả Tissa cảm thấy dòng dõi Khattiya (Sátđếly) của mình bị xúc phạm, tức tối hỏi :

- Các người đến đây làm gì ?

- Chúng ta đến yết kiến Đức Thế Tôn.

- Nhưng các người không biết ta là ai à ? Ta sẽ nhổ tận gốc dòng họ các người.

Rồi tôn giả Tissa khóc than đi đến Đức Thế Tôn, thấy vậy Đức Thế Tôn hỏi :

- Nay Tissa, vì sao người sầu khổ như thế ?

- Bạch Thế Tôn, những Tỳkhuu phương xa đến đây đã mắng nhiếc con.

- Nay Tissa, vì sao các Tỳkhuu ấy mắng nhiếc người ?

Bấy giờ các vị Tỳkhuu phương xa cũng đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi vào nơi hợp lễ, tôn giả Tissa thuật lại sự kiện vừa xảy ra lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy rằng :

- Nay Tissa, đối với vị cao hạ hơn người, người phải đứng dậy tiếp rước y bát, người phải đánh lễ và hành phận sự phục vụ các vị cao hạ hơn mình.

Nay Tissa, chính người là người có lỗi, người phải sám hối các vị Tỳkhuu ấy.

- Bạch Thế Tôn, nhưng các ông ấy đã mắng nhiếc con, con không sám hối lỗi với các ông ấy.

- Nay Tissa, người không nên như thế, người nên sám hối lỗi với các Tỳkhuu.

- Bạch Thế Tôn, con không sám hối với các ông ấy đâu.

Các Tỳkhuu khách tặng bạc với Đức Thế Tôn rằng :

- Bạch Thế Tôn, vị Tỳkhuu Tissa này thật ương ngạnh.

- Nay các Tỳkhuu, đây không phải là lần đầu tiên Tissa ương ngạnh như thế, trong quá khứ cũng từng ương ngạnh như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại bốn sự như sau:

**Bốn sự tiền thân tôn giả Tissa.*

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), có đạo sĩ Devila tu tập trong dãy núi Hymālapson.

Có lần đạo sĩ Devila xuống thành Bārāṇasī để tìm dấm muối, đến cổng thành đạo sĩ hỏi thăm những đứa trẻ để tìm nơi trú ngụ qua đêm, những đứa trẻ chỉ một lò gốm. Đạo sĩ Devila tìm đến lò gốm, xin chủ lò gốm cho trú ngụ qua đêm, chủ lò gốm nói :

- Lò gốm rộng rãi, chúng tôi không có làm ban đêm, Ngài cứ tùy tiện tìm chỗ nghỉ.

Rồi người chủ lò gốm cho quét dọn sạch sẽ lò gốm, một đạo sĩ khác có tên là Nārada cũng từ núi Hymālapson xuống thành Bārāṇasī để tìm dấm muối, đạo sĩ Nārada cũng đến lò gốm tìm chỗ trú ngụ qua đêm. Chủ lò gốm nói :

- Thưa ngài, có một vị đạo sĩ đã đến trước xin ngụ qua đêm rồi. Nếu vị ấy hoan hỷ cho Ngài trú ngụ thì Ngài được trú ngụ qua đêm nơi lò gốm này.

Đạo sĩ Nārada tìm gặp đạo sĩ Devila đang ngồi nghỉ trong lò gốm, nói rằng:

- Bạch Ngài, Ngài hoan hỷ cho tôi tạm ngụ nơi này qua một đêm được không ?

- Thưa Ngài, lò gốm này rộng rãi, Ngài hãy tìm một nơi trú ngụ qua đêm đi.

Đạo sĩ Nārada đi vào phía trong lò gốm, nhường phía trước cho đạo sĩ Devila, hai vị đạo sĩ trò chuyện cùng nhau đến khuya, rồi tắt đèn đi ngủ.

Trước khi đi nghỉ, đạo sĩ Nārada ghi nhận chỗ nằm của đạo sĩ Devila cùng cửa lò gốm, bất ngờ trong đêm lò gốm hầm nóng vì kín gió, đạo sĩ Devila bỏ chỗ nằm, đi ra nằm ngang cửa lò để mát mẻ.

Gần cuối đêm, đạo sĩ Nārada muốn ra ngoài để giải quyết những bức bách cơ thể, đạo sĩ lần bước ra cửa lò sau khi né tránh chỗ nằm của đạo sĩ Devila mà ông đã ghi

nhận, nhưng đạo sĩ Nārada đã vô tình đập lên búi tóc của đạo sĩ Devila, đạo sĩ Devila hỏi: Ai vậy ?

- Thưa Ngài, là tôi.

Tức tối đạo sĩ Devila mắng rằng :

- Này giả đạo sĩ kia, vì sao ngươi dám đập vào búi tóc của ta ?

- Thưa Ngài, thật tình tôi không biết Ngài ra đây nằm, xin Ngài tha thứ lỗi của tôi.

Do cơ thể bức bách, đạo sĩ Nārada đi vội ra ngoài không màng lưu ý đến đạo sĩ Devila đang càu nhàu. Đạo sĩ Devila suy nghĩ: «Nếu ta nằm nơi cũ, hẳn trở vào sẽ đập lên đầu ta nữa », đạo sĩ Devila nằm xoay ngược đầu lại.

Sau khi giải quyết bức bách cơ thể xong, đạo sĩ Nārada quay trở vào lò gốm, đạo sĩ suy nghĩ : «Khi này ta đi hướng này, đã đập trúng búi tóc của đạo sĩ Devila, ta hãy đi vào hướng khác là tốt hơn ».

Đạo sĩ Nārada đi vào theo hướng đối nghịch với hướng đi ra, bất ngờ lại đập trúng cổ của đạo sĩ Devila. Tức tối, đạo sĩ Devila đã mắng chửi đạo sĩ Nārada thậm tệ, mặc cho đạo sĩ Nārada phân trần là: Do vô ý vì trong lò gốm quá tối.

Không dẫn được nóng giận, đạo sĩ Devila nguyên rủa rằng :

Sahassaramsi satatejo ; suriyo tamavinodano.

Pāto udayanto suriye, muddhā te phalatu sattadhānṃ

«Ngàn tia sáng cùng trăm ngọn lửa; mặt trời xua tan bóng tối.

Đầu ngươi bề bở ánh sáng mặt trời; khi mặt trời ló dạng ».

Đạo sĩ Nārada nói:

- Thưa Ngài, tôi vô ý chứ chẳng phải cố tình, Ngài không nghe lời tôi phân trần, đã mắng chửi tôi lại nguyên rủa như vậy. Nhưng mặt trời vốn sáng suốt, là bậc có đại uy lực, có đại thần lực; vị ấy sẽ làm nút đầu người nào có lỗi.

Đạo sĩ Nārada vốn là bậc có đại thần thông, sau khi nói như vậy, Ngài đưa trí quán xét xem ai sẽ bị nút đầu? Với thắng trí, đạo sĩ Nārada thấy rằng: Đạo sĩ Devila sẽ nút đầu khi chạm vào tia sáng đầu tiên của mặt trời.

Với tâm bi mẫn đạo sĩ Nārada dùng thần lực che án mặt trời.

Cư dân trong thành Bārāṇasī không thấy mặt trời xuất hiện, họ kinh sợ kéo nhau đến Hoàng cung kêu van với đức vua, đức vua tự thẩm xét, thấy mình không có lỗi chi do thân hay lời nói cùng với ý ác độc cả. Đức vua suy nghĩ : « Vì sao mặt trời không xuất hiện? Việc này có lẽ do các đạo sĩ làm ra ». Đức vua hỏi rằng:

- Có bậc xuất gia nào đang cư ngụ trong thành Bārāṇasī này chẳng?

Cư dân thành Bārāṇasī cho biết có hai đạo sĩ đang trú ngụ nơi lò gốm. Nghe vậy, đức vua cho đốt đuốc cùng đại quân đi đến lò gốm, gặp được đạo sĩ Nārada, sau khi đánh lễ đạo sĩ Nārada, đức vua bạch hỏi rằng :

- Thưa ẩn sĩ, Ngài có biết vì sao mặt trời không ló dạng hay không?

- Thưa đại vương, tôi biết.

- Thưa ẩn sĩ, vì sao vậy ?

Đạo sĩ Nārada thường thuật lại sự kiện đêm qua đến đức vua, rồi nói rằng :

- Thưa đại vương, khi tia sáng đầu tiên của mặt trời chạm vào đầu của Devila, đầu của Devila sẽ bị nút ra. Vì lòng bi mẫn tôi không muốn đạo sĩ Devila bị tai hại, nên tôi dùng thần lực che án mặt trời.

- Nhưng thưa ẩn sĩ, nếu mặt trời không xuất hiện thì cư dân sẽ không thể sinh sống được. Có cách nào làm cho đạo sĩ Devila an toàn khi mặt trời xuất hiện chẳng ?

- Thưa Đại vương, đạo sĩ Devila phải xin lỗi tôi thì sẽ được an toàn.

Nhưng đạo sĩ Devila cương quyết không xin lỗi đạo sĩ Nārada cho dù ông bị nút đầu mà chết.

Đức vua cho người nắm lấy đạo sĩ Devila, dè cổ Devila mọp đầu dưới chân của đạo sĩ Nārada để xin lỗi, nhưng Devila vẫn ngoan cố không nói lời xin lỗi.

Thấy vậy, đạo sĩ Nārada nói:

- Devila đã ngoan cố như vậy thì thôi, nhưng thưa đại vương, để cứu mạng cho Devila, đại vương hãy cho người mang đến đây cục đất. Hãy đặt cục đất ấy lên đầu Devila, Devila phải trằm mình dưới nước ló cục đất ấy lên, tia sáng đầu tiên của mặt trời sẽ chạm vào cục đất ấy khiến cục đất ấy nứt ra và Devila được an toàn.

Đức vua làm theo lời dạy của đạo sĩ Nārada và Devila được an toàn.

Nhận diện tiên thân.

Đức vua nay là Ngài Ānanda, đạo sĩ Devila nay là tôn giả Tissa, đạo sĩ Nārada nay là Đức Thế Tôn.

Sau khi nói lên Bốn sự, Đức Thế Tôn dạy rằng :

- Nay Tissa, Tỳkhuu nào ôm ấp trong tâm rằng : Nó đã đánh tôi, mắng tôi, đánh tôi áp chế tôi, cướp của tôi thì sự căm thù trong tâm người ấy không lắng dịu. Tỳkhuu nào không có ý nghĩ ấy, sự căm thù trong tâm người ấy sẽ không còn.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn :

3- Akkocchi maṃṃ avadhi maṃṃ; ajini maṃṃ ahesi me.

Ye ca taṃ upanayhanti; veraṃ tesaṃ na sammati.

Nó mắng tôi, đánh tôi; áp chế tôi, cướp tôi.

Người nào cố chấp niệm ấy; hận lòng người chẳng nguôi.

4- Akkocchi maṃṃ avadhi maṃṃ; ajini maṃṃ ahesi me.

Ye ca taṃ nūpanayhanti; veraṃ tesūpasammati.

Nó mắng tôi, đánh tôi; áp chế tôi, cướp tôi.

Người nào không chấp niệm ấy; hận lòng tự khắc nguôi. (HT. TMC d)⁽¹⁾.

Một lần khác, tôn giả Tissa với gương mặt đầm đìa nước mắt đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn hỏi :

- Nay Tissa, vì sao người sầu khổ với gương mặt đầm đìa nước mắt vậy ?

- Bạch Thế Tôn, các Tỳkhuu đã nhiếc mắng và nhạo báng con.

- Nay Tissa, vì người ham nói, dành nói tất cả, không chịu lắng nghe người khác nói. Như vậy không xứng đáng với người, là con nhà lương gia đã xuất gia trong Giáo pháp vì niềm tin, lại ham nói, dành nói tất cả, không chịu lắng nghe người khác nói.

Nay Tissa, như vậy là xứng đáng cho người là con nhà lương gia đã xuất gia trong giáo pháp này do niềm tin. Nay Tissa, hãy ít nói, nói đúng thời và yên lặng lắng nghe người khác nói.

Rồi Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

Kim nu kujjhasi mā kujjhi; akkodho tissa te varaṃ.

Kodhamānamakkhavinayatthañhi; tissa brahmacariyaṃ vussatī'ti.

Sao người lại phẫn nộ ? Chớ có nên phẫn nộ.

Không phẫn nộ Tissa; thật tốt đẹp cho người.

Hãy nhiếp phục phẫn nộ; kiên mạn và xan tham.

Hỡi Tissa hãy sống; sống đời sống phạm hạnh. (HT. TMC d)⁽²⁾.

Tuy được Đức Thế Tôn nhắc nhở như vậy, nhưng tôn giả Tissa vẫn không chừa bỏ nói nhiều, do bị kiên mạn về dòng dõi Khattiya của mình chi phối, Đức Moggallāna đã khuyến giáo rằng:

1169- Sukhumaṃ te paṭivijjhanti; vālaggaṃ usunā yathā.

Ye pañcakkhandhe passanti; parato no ca attato.

“Ai thấu rõ vi tế; như tên đâm vào tóc.

Ai thấy rõ năm uẩn; là khác không phải ta”.

1170- Ye ca passanti saṅkhāre; parato no ca attato.

Paccabyādhiṃsu nipuṇaṃ; vālaggaṃ usunā yathā.

Ai thấy rõ các hành; là khác không phải ta.

Thấu rõ thật vi tế; như tên đâm vào tóc⁽¹⁾.

(1)- DhpA. Câu số 3-4.

(2)- S.ii, 281. Tương ưng Tỳkhuu (Bhikkhusaṃyuttaṃ), kinh Tissa (Tissasuttam.).

Một lần khác, tôn giả Tissa đang ngủ trưa, miệng há hốc ra. Với thiên nhân Đức Thế Tôn nhìn thấy, Đức Thế Tôn xuất hiện trước tôn giả Tissa, đánh thức tôn giả Tissa dậy, khiển trách Ngài Tissa với kệ ngôn rằng :

39- Sattiyā viya omaṭṭho; dayhamānova matthake.

Kāmarāgappahānāya; sato bhikkhu paribbaje'ti.

“Như bị kiếm chém xuống; như bị lửa cháy trên đầu.

Vị Tỳkhuu xuất gia; chánh niệm, đoạn tham dục” (HT. TMC d)⁽²⁾.

Tôn giả Tissa vô cùng xấu hổ, suy nghĩ về sự lười nhác của mình, tôn giả đau khổ vì không trừ được sự hôn trầm, tôn giả thú nhận sự nặng nề cơ thể của mình, dẫn đến sự lười biếng hành pháp Samôn với các bậc đồng phạm hạnh.

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về sự bất lực hành pháp của Tôn giả Tissa, Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳkhuu đưa tôn giả Tissa đến Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn giảng pháp thoại thích hợp đến tôn giả Tissa, sách tấn tôn giả Tissa thực hành pháp⁽³⁾, cuối thời pháp tôn giả Tissa chứng Thánh quả Alahán⁽⁴⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật Tissa, tiền thân của Ngài Tissa là một cận sự thường xuyên quét dọn và đốt lá Bồ đề ở sân một Bảo tháp. Vị ấy là trưởng lão Bodhisammajjaka được đề cập trong tập Apadāna (Ký sự).

Trong tập Ký sự có đề cập đến 20 quả phước của việc quét dọn và đốt bỏ lá Bồ đề rơi rụng, làm sạch sẽ khuôn viên bảo tháp là :

- Sinh về cảnh giới chư thiên hay nhân loại.
- Sinh vào gia tộc Balamôn hay Khattiya (Sátđếly).
- Có sắc đẹp, sạch sẽ, được đầy đủ các bộ phận chính và phụ của cơ thể, thân hình được phát triển, có cơ thể tròn vẹn không bị khiếm khuyết.
- Dầu là người hay chư thiên, đều có màu da vàng như kim loại được đốt nóng.
- Trong bất cứ cõi nào (người hay chư thiên) bụi bặm hay cấu đất không bám vào thân thể.
- Luôn có được làn da mềm, mịn , bóng bẩy, tinh tế và thanh nhã.
- Mồ hôi không tiết ra cho dù là tiếp chạm với gió nóng, sức nóng của ngọn lửa.
- Bệnh cùi, mụn nhọt hay các bệnh ngoài da không có.
- Các tật bệnh không có nơi cơ thể.
- Không có kẻ thù.
- Không thiếu hụt tài sản.
- Không có sợ hãi đối với lửa, đối với vua, đối với kẻ cướp.
- Có tùy chúng phù hợp theo tâm ý của vị ấy.
- Khi là người, sống trọn tuổi thọ vào thời ấy.
- Có nhiều thân hữu trong hay ngoài nơi cư ngụ.
- Khi còn luân hồi chư thiên, người, Càn thất bà (gandhabba), Atula, đạ xoa thường hộ trì.
- Nhận được danh tiếng dù là nhân loại hay là chư thiên.
- Chứng đắc được Níp bàn⁽⁵⁾.

Những Tôn giả Tissa khác.

*** Tôn giả Tissa (1).**

Tôn giả Tissa là một vị trưởng lão trong thành Sāvatti (Xá vệ). Có lần tôn giả Tissa an cư mùa mưa nơi tự viện ở vùng quê, mãn mùa an cư tôn giả Tissa phát sinh một tấm vải dài 8 hắc tay (hattha).

(1)-Thag. Kệ ngôn trưởng lão Moggallāna.

(2)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Tissa.

(3)- S.iii, 106. Kinh Tissa (Tissa sutta).

(4)- ThagA. i, 105.

(5)- Ap.ii. Ký sự trưởng lão Bodhisammajjaka.

Tôn giả Tissa trở về Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), mang tấm vải y gửi cho người chị, chị tôn giả suy nghĩ: “Tấm vải này không thích hợp với em của ta”, bà dùng dao cắt tấm vải ra thành từng mảnh nhỏ rồi bỏ vào cối giã nhuyễn, sau đó se lại thành sợi rồi gửi thợ dệt, dệt thành tấm vải mịn dài 9 hắc tay.

Tôn giả Tissa tìm được kim chỉ, cùng với vài vị sadi trẻ biết may y đến nhà người chị, nói rằng:

- Nay chị, hãy cho tôi lại tấm vải y, tôi sẽ may y.

Người chị đưa tấm vải y ra, tôn giả Tissa không nhận nói rằng:

- Nay chị, đây không phải là vải y của tôi, vải y của tôi thô xấu hơn và ngắn hơn chỉ dài có 8 hắc tay thôi.

- Thưa Ngài, đây là vải y của Ngài đấy, Ngài hãy nhận tấm vải y ấy đi.

Nhưng tôn giả Tissa không nhận, người chị trình bày mọi việc đến tôn giả Tissa, bấy giờ tôn giả Tissa mới nhận tấm vải y mịn ấy.

Tôn giả Tissa mang y về Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên) cùng các vị Sadi cắt tấm vải ra may thành tấm y, chị tôn giả Tissa cúng dường vật thực đến các vị sư làm y. Khi bộ y được may xong, chị tôn giả Tissa lại cúng dường vật thực đến các vị sư cùng tôn giả Tissa.

Nhìn tấm y mới nhuộm màu trong sáng, đồng thời rất mịn, tôn giả Tissa hoan hỷ nghĩ rằng: “Mai ta sẽ mặc chiếc y này”.

Bất ngờ, trong đêm ấy tôn giả trúng phải độc phong, trong lúc sắp mệnh chung tâm tôn giả Tissa chợt nhớ đến bộ y mới chưa mặc. Mệnh chung tái sinh làm con rận nằm trong bộ y mới.

Sau khi hỏa táng thi hài của tôn giả Tissa, các vị Tỳkhuu chia nhau những vật dụng của tôn giả Tissa như bát, y ... chiếc y mới được các vị Tỳkhuu đem ra cho bắt thăm để ai có phần sẽ nhận tấm y này.

Con rận trong lá y chạy lảng xăng kêu rằng:

- Các ông này cướp y của tôi.

Trong Hương thất nơi Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), Đức Thế Tôn với Thiên nhĩ thông nghe được tiếng kêu la của con rận, bảo Đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, hãy bảo các Tỳkhuu giữ chiếc y mới của Tissa lại, bảy ngày sau hãy chia nhau.

Đức Ānanda làm theo lời dạy của Đức Thế Tôn; sau 7 ngày con rận chết tái sinh về cõi Tusita (Đầusuất). Qua ngày thứ tám, Đức Thế Tôn cho phép các Tỳkhuu chia nhau bộ y mới của tôn giả Tissa.

Nơi Giảng pháp đường, các Tỳkhuu bàn luận với nhau rằng: “Vì sao Đức Thế Tôn bảo sau 7 ngày mới được chia tấm y mới của tôn giả Tissa?”

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, hỏi rằng:

- Nay các Tỳkhuu, các người bàn luận với nhau về đề tài nào? Vấn đề gì đang được khởi lên tại nơi đây?

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về đề tài đang luận bàn, Đức Thế Tôn dạy:

- Nay các Tỳkhuu, vì Tỳkhuu Tissa mệnh chung tái sinh làm con rận trong lá y, khi các Tỳkhuu định chia nhau tấm y mới, con rận chạy lảng xăng trong lá y mới kêu lớn rằng: “*Các ông này cướp y của tôi*”.

Nếu các người chia nhau tấm y, con rận phát sinh tâm oán hận, mệnh chung nó phải rơi vào địa ngục, nên Như Lai bảo các người ngưng lại sau 7 ngày hãy chia y. Sau 7 ngày con rận mệnh chung, tái sinh về cõi Tusita (Đầusuất), nên ngày thứ tám Như Lai cho phép các tỳkhuu được chia lá y mới.

Các Tỳkhuu bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, đáng kính sợ thay cho sức mạnh của ái (tañhā).

- Nay các Tỳkhuu, thật vậy ái đáng kính sợ đối với chúng sinh. Nay các tỳkhuu, như rỉ sét sinh ra từ sắt nhưng ăn mòn ngay cả sắt, làm hư hoại sắt trở thành vô dụng. Cũng vậy, ái sinh ra nơi chúng sinh lại dẫn dắt chúng sinh rơi vào khổ cảnh.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

241 - *Ayasā'va malam samuṭṭhitam, tatutṭhāya tameva khādati.*

Evam atidhona-carīnam; sāni kammāni nayanti duggatiṃ.

“Như sét do sắt sinh; trở lại ăn thân sắt.

Ác nghiệp tự mình tạo; dẫn mình đến cõi ác” (Ht. TMc d)⁽¹⁾.

***Trưởng lão Tissa (2).**

Trong thời Đức Phật tại tiền, Ngài sinh vào một gia tộc Bàlamôn trong thành Vương xá Rājagaha), được đặt tên là Tissa. Khi trưởng thành, Ngài thông thạo ba tạng Veda, trở thành vị thầy của 500 thanh niên Bàlamôn, danh tiếng của Ngài được lan rộng trong kinh thành Vương xá.

Khi Đức Thế Tôn cùng 1.000 vị Tỳkhu Uruvelā Kassapa ngự đến kinh thành Vương xá, trong buổi giảng pháp thoại đến vua Bimbisāra (Binh-sa), Bàlamôn Tissa tháp tùng theo vua Bimbisāra đến viếng Đức Thế Tôn.

Cảm phục trước oai nghi cùng đức độ của Đức Thế Tôn, Bàlamôn Tissa khởi niềm tin, xin xuất gia trong Giáo đoàn.

Sau khi xuất gia Ngài Tissa trú ở trong rừng, nơi cội cây Sālā, vào ngày Ngài chứng Thánh quả Alahán Tam minh, những cành Sālā nở rộ hoa để cúng dường Ngài, nơi Ngài ngồi thiền tịnh những cánh hoa Sālā rục rỏ như chiếc lọng che mát cho Ngài. Và nhờ đó danh tiếng của Ngài Tissa càng được rộng mở.

Một số Tỳkhu thiên về lợi lộc đã ganh tỵ với trưởng lão Tissa vì thấy trưởng lão được trọng vọng và được đại chúng mến mộ.

Trưởng lão Tissa biết được các vị Tỳkhu ganh tỵ với mình về danh vọng, để giáo giới các vị ấy, trưởng lão Tissa nói lên sự nguy hiểm của danh vọng, đồng thời nêu lên sự thoát ly của Ngài đối với danh vọng ấy.

Trưởng lão Tissa nói lên hai kệ ngôn sau:

153- *Bahū sapatte labhati; muṇḍo saṅghāṭipāruto.*

Lābhī annassa pānassa; vatthassa sayanassa ca.

“Vị trọc đầu đắp y; được nhiều kẻ thù oán.

Khi nhận đồ ăn uống; vải mặc và chỗ nằm”.

154- *Etamādinavaṃ ñatvā, sakkāresu mahabbhayaṃ.*

Appalābho anavassuto; sato bhikkhu paribbaje'ti.

“Biết nguy hiểm như vậy; biết có sợ hãi lớn.

Trong cung kính cúng dường; vị Tỳkhu xuất gia.

Nhận ít, không tham đắm; luôn luôn giữ chánh niệm” (HT. TMC d)⁽²⁾.

Khi mãn tuổi thọ, trưởng lão Tissa viên tịch, vào ngày trưởng lão Tissa viên tịch, hoa Sālā lại nở rộ và đại chúng dùng hoa Sālā kết thành mái che trên hoả đài.

Tiền sự.

Cách đây 1.800 kiếp trái đất trở về trước, vào thời Đức Phật Piyadassī, tiền thân của Ngài Tissa là một ẩn sĩ trú ẩn trong khu rừng Sālā.

Ẩn sĩ khi đi dạo trong rừng, nhìn thấy Đức Thế Tôn Piyadassī đang an trú trong định diệt thọ tưởng nơi cội Sālā, sinh khởi tâm hoan hỷ, ẩn sĩ kiến tạo một mái che nắng cho Đức Phật bằng những cánh hoa Sālā xinh đẹp cúng dường đến Đức Phật, ẩn sĩ cầm lọng bằng những cánh hoa Sālā xinh đẹp để che mát cho Đức Thế Tôn trọn 7 ngày.

Do thiện nghiệp này, ẩn sĩ trở thành vị thiên chủ suốt 30 kiếp trái đất, 67 lần là vua Chuyển luân và trải qua 1.800 kiếp trái đất kể từ khi tạo thiện nghiệp này, hậu thân của ẩn sĩ không hề biết đến khổ cảnh.

Trưởng lão Tissa chính là trưởng lão Sālamaṇḍapiya được nói trong tập Apadāna (Ký sự) ⁽¹⁾.

(1)- DhpA. Câu số 241.

(2)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Tissa, câu 153 – 154.

*** Trưởng lão Tissa (3).**

Tương truyền vị trưởng lão Tissa này, sau khi xuất gia thọ giới Tỳkhuu, Ngài giữ gìn giới hạnh thật thanh nghiêm.

Vào một lần an cư mùa mưa, trưởng lão Tissa suy nghĩ: “Ta sẽ thực hành Samôn pháp trong ba tháng an cư mùa mưa này”, sau khi học đề mục nghiệp xứ từ Đức Thế Tôn, trưởng lão Tissa đi tìm núi rừng thanh vắng để thực hành đời sống Phạm hạnh, Ngài tìm được một hang núi thích hợp để trú ngụ ba tháng mùa mưa.

Nơi hang động ấy có một nữ thiên nhân trú ngụ, nữ thiên nhân suy nghĩ: “Vị Tỳkhuu này là bậc có giới hạnh thanh nghiêm, ta không thể ngụ trên cao hơn Ngài, phải xuống nơi thấp hơn, như vậy thật là bất tiện cho mẹ con ta. Có lẽ vị ấy chỉ ngụ đây trong một đêm mà thôi”.

Hôm sau, trưởng lão Tissa đi vào làng khất thực, một cận sự nữ trông thấy trưởng lão phát sinh sự thương mến như thương người con của mình, cô thỉnh trưởng lão về nhà cúng dường vật thực đến trưởng lão, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, xin Ngài hãy nhận vật thực nơi đây trọn ba tháng an cư mùa mưa.

Trưởng lão Tissa suy nghĩ:

- Có được người hộ độ, ta sẽ an tâm thực hành Samôn pháp được rồi.

Trưởng lão Tissa im lặng nhận lời.

Nữ thiên nhân thấy trưởng lão quay trở về hang động, suy nghĩ rằng:

- Chắc có ai thỉnh Ngài ở lại, có lẽ mai Ngài sẽ lên đường.

Nửa tháng sau, nữ thiên nhân thấy trưởng lão cứ sáng đi khất thực trưa lại về hang động thực hành Samôn pháp, nàng theo dõi hành động cùng lời nói của trưởng lão, không hề thấy Ngài có gì vi phạm, nữ thiên nhân suy nghĩ:

- Có lẽ vị tỳkhuu này cư trú nơi hang động trọn ba tháng mùa mưa.

Nữ thiên nhân tìm một duyên cớ để khiển trách về giới hạnh của trưởng lão, để có cớ xua đuổi trưởng lão ra khỏi trú xứ này.

Nữ thiên nhân biết trưởng lão thường nhận vật thực nơi nhà nàng tín nữ hộ độ trưởng lão, nên nhập vào con trai của nàng nữ hộ độ ấy, làm cho đứa bé mất trọn tròng, khoé miệng nước bọt trào ra, thân đứa bé giật lên từng hồi như bị động kinh, khiến đứa bé vô cùng đau khổ.

Nàng tín nữ hộ độ kinh hoàng than khóc rằng:

- Vì sao con tôi bị như vậy?

Nữ thiên nhân hiện thân nói rằng:

- Ta muốn bắt đứa bé này theo ta, nàng muốn ta tha cho con nàng, nàng phải nghe theo lời ta.

- Vâng thưa thiên nhân, tôi phải làm gì?

- Ta chẳng cần nàng cúng tế chi cả, nàng hãy xin vị trưởng lão mà nàng hộ độ cho thuốc trị bệnh đến con nàng đi.

- Thưa thiên nhân, tôi không thể xin thuốc trị bệnh từ vị ấy được đâu, vì Ngài giữ giới rất thanh nghiêm.

- Nếu vậy nàng hãy xin nước rửa chân của vị ấy, gọi đầu đứa bé là được.

- Vâng, thưa thiên nhân.

Khi trưởng lão Tissa đến nhà nàng tín nữ nhận vật thực cúng dường, nàng tín nữ xin rửa chân của trưởng lão để tắm gội cho con trai, trưởng lão Tissa cho nàng tín nữ hộ độ nước rửa chân của mình.

Khi Ngài về đến hang động, nữ thiên nhân hiện thân nói rằng:

- Nay vị Samôn hành nghề thầy thuốc kia, hãy ra khỏi hang động này đi.

- Nàng là ai đến đây?

- Ta là thiên nhân ngụ trong hang động này.

⁽¹⁾- Ap.ii, Ký sự trưởng lão Sālamaṇḍapiya.

Trưởng lão Tissa suy nghĩ: “Nữ thiên nhân này bảo ta hành nghề thầy thuốc, nhưng ta đâu có hành nghề này”.

Ngài đưa tâm quán xét lại giới hạnh của mình, thấy không hề bị vi phạm, nên nói rằng:

- Đây thiên nhân, ta không có hành nghề thầy thuốc.

- Đây samôn, có phải hôm nay ông cho người nữ hộ độ nước rửa chân để tắm gội cho đứa bé chẳng?.

- Thật sự là như vậy, này nữ thiên nhân.

- Đây ông samôn, đó là ông đang hành nghề thầy thuốc. Đứa bé bị phi nhân nhập, ông cho nước rửa chân để trị bệnh phi nhân nhập của nó.

- Đây nữ thiên nhân, người cho đó là hành nghề thầy thuốc sao?

- Đúng như vậy, này ông Samôn.

Trưởng lão Tissa đưa tâm quán xét lại giới hạnh của mình lần nữa, thấy rằng mình vô tội, tâm Ngài hân hoan về ân đức Giới của mình, nhân đó Ngài triển khai thiên quán chứng đắc Thánh quả Alahán ngay tại chỗ đứng ấy.

Trưởng lão Tissa nói rằng:

- Đây nữ thiên nhân, người có tâm ác xấu, quấy nhiễu đến các bậc xuất gia. Người hãy đi đi, chớ có quay lại đây nữa.

Trưởng lão Tissa nói lên kệ ngôn:

Visuddho vata me vāso; nimmalam maṃ tapassinam.

Mā tvam visuddham dūsesi; nikkhama pavanā tuva’nti.

“Ta trú nơi trong sạch; ta tinh cần không nhớ bẩn.

Người quấy nhiễu bậc trong sạch; người hãy ra khỏi nơi này”.

Nữ thiên nhân cảm thấy thân bị nóng ran như bị sức nóng khủng khiếp rơi xuống thân, kinh hoàng bỗng con chạy trốn khỏi nơi ấy.

Khi mãn mùa an cư, Trưởng lão Tissa trở về Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên) yết kiến Đức Thế Tôn. Trước khi vào đánh lễ Đức Thế Tôn, Ngài gặp các bậc đồng phạm hạnh, qua những lời thăm hỏi thân hữu, Ngài Tissa có thuật lại sự kiện này đến các vị Tỳkhuu.

Các vị Tỳkhuu hỏi trưởng lão Tissa rằng:

- Đây hiền giả Tissa, khi nữ thiên nhân vu khống hiền giả, hiền giả có giận hờn chi chẳng?

- Thưa các hiền giả, tôi không có giận hờn chi cả.

Cho rằng trưởng lão Tissa nói không thật, các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc này. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Đây các Tỳkhuu, con Đấng Như Lai nói đúng theo sự thật.

Và Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

404-Asaṃsaṭṭham gahaṭṭhehi, anāgārehi cūbhayaṃ.

Anokasārimappiccham; tamahaṃ brūmi brāhmaṇa’nti.

Không liên hệ cả hai; xuất gia và thế tục.

Sống độc thân ít dục; ta gọi Bàlamôn” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

* **Trưởng lão Tissa** (4).

Khi Đức Thế Tôn ngụ nơi kinh thành Vesāli (Quảng Nghiêm), Ngài hứa với Ma vương: Sau bốn tháng nữa Như Lai sẽ viên tịch”.

Khi Đức Thế Tôn thông báo tin này đến các Tỳkhuu, 700 vị Tỳkhuu cư ngụ trong xứ Vesāli gần bên Đức Thế Tôn phát sinh kinh cảm.

Các vị Tỳkhuu chia thành từng nhóm, ngồi bàn luận với nhau về sự viên tịch của Đức Thế Tôn, về sự vô thường của các pháp hữu vi ... thường hỏi nhau rằng: “*Chúng ta phải làm sao đây?*”.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 404.

Có vị Tỳkhuu tên là Tissa suy nghĩ: “Được biết bốn tháng nữa Đức Thế Tôn viên tịch, riêng ta chưa chứng đạt được Thánh quả nào trong Giáo pháp này. Vậy ta hãy nỗ lực hành pháp để chứng đạt Thánh quả Alahán trước khi Đức Thế Tôn viên tịch”.

Rồi Ngài Tissa tìm nơi thanh vắng, thực hành pháp cả bốn oai nghi: Đi, đứng, nằm và ngồi, không thân cận, trò chuyện với các vị Tỳkhuu.

Các vị Tỳkhuu hỏi Ngài Tissa rằng:

- Này hiền giả Tissa, vì sao hiền giả lại làm như thế?

Nghe hỏi như vậy, Ngài Tissa chẳng màng đáp lời, Ngài lảng lạng đi nơi khác tìm chỗ hành Samôn pháp.

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, tôn giả Tissa không có tâm thương kính Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn cho gọi Ngài Tissa đến hỏi rằng:

- Này Tissa, vì sao ngươi làm như thế?

Ngài Tissa trình lên Đức Thế Tôn về sự suy nghĩ của mình, Đức Thế Tôn khen ngợi rằng:

- Lành thay, lành thay, này Tissa. Này các Tỳkhuu, Tỳkhuu nào thương kính Như Lai hãy thực hành như Tỳkhuu Tissa này.

Này các Tỳkhuu, người cúng dường trọng thể đến Như lai như: Vật thực, hương hoa ... không gọi là cúng dường Như lai cao thượng.

Người thực hành Phạm hạnh theo lời Như Lai dạy, người ấy gọi là cúng dường cao thượng đến Như Lai.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

205- Pavivekarasam pitvā; rasam upasamassa ca.

Niddaro hoti nippāpo; dhammapīrasam piva'nti.

“Đã nếm vị độc cư; được hưởng vị nhàn tịnh.

Không sợ hãi, không ác; nếm được vị pháp hỷ” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

***Trường lão Tissa (5).**

Ngài là vị vua xứ Sovīra có kinh thành là Roruva (còn gọi là Roruka), là một người bạn chưa một lần gặp mặt của vua Bimbisāra (Binhsa).

Roruva là một kinh thành cổ xưa do Bàlamôn tài trí Mahā Govinda (có tên là Jotipāla) lập ra cho vua xứ Sovīra, theo lời yêu cầu của vua Reṇu.

Trong thời vua Reṇu, vua trị vì xứ Sovīra có tên là Bharata⁽²⁾.

Ông Cummingham xác định Sovīra nay là Eder, một quận trong tỉnhGujerat, trên đầu vịnh Cambay⁽³⁾.

Những người thương buôn từ quốc độ Soviira mang thương phẩm đến kinh thành Rājagaha buôn bán, có trình lên vua Bimbisāra về vua Tissa của mình.

Vốn là người thích giao du rộng rãi, nên vua Bimbisāra viết thư kết bạn với vua Tissa, đồng thời gửi những tặng phẩm quý của vương quốc Magadha (Makiệtđà) đến vua Tissa qua những người thương buôn.

Đáp lại, vua Tissa cũng viết thư kết giao với vua Bimbisāra, đồng thời gửi những tặng phẩm quý của kinh thành Roruka đến vua Bimbisāra.

Khi trở thành môn đệ của Đức Thế Tôn, vua Bimbisāra muốn phổ biến Phật pháp đến các vùng xa, nên gửi đến vua Tissa đời sống của đức Phật được vẽ lên tám tranh, đồng thời vua Bimbisāra ghi chép vào chiếc đĩa bằng vàng bài pháp lý duyên sinh (Paṭiccasamuppāda) của Đức Thế Tôn.

Vô cùng hoan hỷ với những tặng vật này, vua Tissa sau khi chiêm nghiệm *lý duyên khởi*, Ngài quyết định xuất gia, tự cạo tóc, đắp y, tay cầm bát đất lia bỏ kinh

(1)- DhpA. Câu số 205.

(2)- D.ii, 235. KinhMahā Govinda.

(3)- Anct. Geog. of India, p. 569 f.; Sauvīra được xác định là Sophir hay Ophir; cf. Hopkins, *Great Epic*, 373, 474.

thành Roruka đi đến thành Rājagaha trú ngụ trong hang Sappasonḍika (hang Đầu rần). Khi thấy được duyên lành chín muồi của Ngài Tissa, Đức Thế Tôn ngự đến hang Sappasonḍika, thuyết pháp đến Ngài Tissa, tế độ Ngài chứng đắc Thánh quả Alahán.

Khi hồi tưởng lại sự thành đạt của mình, trưởng lão Tissa nói lên kệ ngôn:

97- Hitvā satapalaṃ kaṃsaṃ; sovaṇṇaṃ satarājikaṃ.

Aggaḥiṃ mattikāpattaṃ; idaṃ dutiyābhisecana'nti.

“Từ bỏ trăm bình bát; bằng đồng vàng quý giá.

Ta cầm lấy bình bát; làm bằng đất sét thường.

Đây là lần thứ hai; Ta làm lễ quán đảnh”⁽¹⁾.

Tiền sự.

Vào thời Đức Phật, tiền thân Ngài Tissa là người thợ đóng xe thuyền, có cúng dường đến Đức Thế Tôn Vipassī⁽²⁾ một chiếc ghế bằng gỗ trầm hương.

Từ kiếp đó trở đi cho đến hiện tại, tiền thân Ngài Tissa không hề biết đến khổ cảnh. Vào kiếp trái đất thứ 57, hậu thân của người đóng xe thuyền đã bốn lần được làm vua Chuyển Luân có tên là Santa, với vương hiệu là Nimmita⁽³⁾.

Ngài chính là trưởng lão Phaladāyaka được nói đến trong tập Apadāna⁽⁴⁾.

***Trưởng lão Tissa (6).**

Ngài là con một đại trưởng giả danh tiếng trong thành Kosambi (Kiêuthườngđi). Sau khi xuất gia thọ giới Tỳkhuu trong tăng đoàn, Ngài được gọi là Kosambivāsī Tissa (Tissa ở Kosambi).

Trải qua mùa an cư đầu tiên ở thành Kosambi, khi mãn mùa an cư, người hộ độ của Ngài cúng dường đến Ngài tam y cùng những lễ phẩm như: Sữa chua, mật, đường ... nhưng Ngài Tissa không nhận, nói rằng:

- Đây gia chủ, ta không có sadi để giữ lấy lễ phẩm này. Đây gia chủ, người hãy nhận lại những lễ phẩm ấy đi.

- Bạch Ngài, nếu vậy Ngài hãy nhận hài tử này đi. Ngài hãy cho hài tử này xuất gia sadi để phục vụ cho Ngài.

Người gia chủ ấy dâng đứa con trai 7 tuổi của mình đến Ngài Tissa. Vị Sadi ấy có túc duyên tốt đẹp, khi Ngài Tissa cạo tóc cho hài tử, Ngài dạy hài tử quán tưởng về thể trược: Tóc (kesā), lông (lomā), móng (nakhā), răng (danta), da (taco).

Khi đầu vừa cạo tóc xong thì hài tử chứng đắc thánh quả Alahán. Ngài Tissa cùng tân Sadi ở lại tự viện nửa tháng rồi lên đường đến Jetavanavihāra ở gần thành Sāvatti để yết kiến Đức Thế Tôn.

Trên đường về, hai thầy trò đi vào một tự viện để trú ngụ qua đêm, vì lo sửa soạn chỗ ngụ cho thầy, khi chỗ trú của Ngài Tissa ổn định thì trời đã tối, vị Sadi không còn thời gian để thu xếp chỗ ngụ của mình.

Đến giờ hầu thầy, vị Sadi đến ngồi cạnh thầy để chờ thầy sai bảo, Ngài Tissa nói rằng: Đây Sadi, con tìm được chỗ ngụ cho mình chưa?

- Bạch thầy, vì trời xế chiều con không đủ thời gian thu dọn chỗ ngụ của mình.

- Vậy con hãy ở chung liêu thất với ta. Là khách tăng chúng ta không nên đòi hỏi, phải chấp nhận ở nơi Tăng xá thôi.

Còn là phạm nhân nên Ngài Tissa đến giờ nghỉ thì nằm xuống ngủ. Vị Sadi suy nghĩ: “Đêm nay là đêm thứ ba ta đã ngụ chung thất với Thầy tế độ, nếu ta nằm xuống ngủ đến sáng. Như vậy thầy ta sẽ phạm luật”.

Vị Sadi ngồi an trú tâm trong thiền tịnh, khi trời sắp sáng Ngài Tissa thức giấc, bảo Sadi rằng:

- Đây Sadi, hãy đi ra ngoài nghỉ đi.

(1)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Tissa (số 97).

(2)- Kể từ hiện kiếp này trở về trước là 91 kiếp trái đất.

(3)- ThagA. i.199.

(4)- ĐĐ Indacando (d). Thánh nhân ký sự tập I (Apadāna I), số 148.

Ngài Tissa dùng cây quạt để đánh thức Sadi dậy vì ngỡ Sadi nằm nghỉ bên chiếu dưới, bất ngờ đầu quạt chọc trúng vào mắt của Sadi, khiến bể tròng mắt, bị đau buốt nhưng Sadi nhẫn nại chịu đựng, khi nghe thầy bảo “này Sadi hãy đi ra ngoài”, vị Sadi đứng lên một tay bịt mắt đi ra ngoài liêu thất.

Vào buổi sáng, vị Sadi mang nước nóng cùng cây chà răng đến cho thầy Tế độ, với một tay Sadi dâng cây chà răng cho thầy. Ngài Tissa khiển trách rằng:

- Sadi này thật không biết lễ phép, dâng cây chà răng đến thầy mà dâng một tay.

Sadi thưa rằng:

- Bạch thầy, con vẫn biết làm như vậy là vô lễ, nhưng tay kia của con không rảnh.
- Này sadi, vì sao tay kia không rảnh.

Vị Sadi thuật lại tai nạn vừa xảy ra vào rạng sáng, nghe xong Ngài Tissa kinh động tâm rằng:

- Than ôi ! Ta đã tạo một ác nghiệp nặng rồi.

Ngài Tissa liền từ chỗ ngồi bước xuống, ngồi thụp xuống dưới chân Sadi, tay chấp lên trán bạch rằng:

- Thưa bậc chân nhân (sappurisa), Ngài hãy thứ tội cho tôi. Vì tôi vô ý làm việc này chứ không cố ý.

Vị Sadi nói:

- Bạch thầy, trong việc này thầy không có lỗi, con cũng không có lỗi. Tất cả là lỗi của luân hồi. Con sẽ giữ kín việc thầy xin lỗi con, thầy hãy an tâm.

Ngài Tissa nghe vị Sadi nói thế tâm Ngài cảm thấy dễ chịu, nhưng rồi phát sinh kinh cảm trí đối với các pháp hành. Ngài Tissa tự mang hết hành lý, luôn cả những vật dụng của vị Sadi.

Khi đi đến Jetavanavihāra, hai thầy trò đi thẳng đến Gandhakūṭi (Hương thất) của Đức Thế Tôn, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Theo thông lệ của bậc Chánh Giác, Đức Thế Tôn niềm nở hỏi vị khách Tăng.

- Này Tỳkhuu, người hành đạo có tốt đẹp chăng? Vật thực có đầy đủ chăng? Người sống có được an lạc chăng?

Sau khi trả lời những câu hỏi thân hữu của Đấng Như Lai, Ngài Tissa trình lên Đức Thế Tôn về tư cách đức độ của vị Sadi, Ngài Tissa bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, khi con xin Sadi thứ lỗi, Sadi đã nói: “*Bạch thầy, trong việc này thầy không có lỗi, con cũng không có lỗi. Tất cả là lỗi của luân hồi. Con sẽ giữ kín việc thầy xin lỗi con, thầy hãy an tâm*”.

Bạch Thế Tôn, từ trước đến giờ con chưa thấy một vị Sadi nào như thế cả.

- Này Tỳkhuu, bậc Alahán không còn sâu thẳm, giận hờn chi cả. Thân, ngữ, ý của vị Thánh Alahán đều được an tịnh.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

96- Santam tassa manam hoti; santā vācā ca kamma ca.

Sammadaññā vimuttassa; upasantassa tādino.

“*Người tâm ý an tịnh; lời an, nghiệp cũng an.*

Chánh trí, chơn giải thoát; tịnh lạc là vị ấy” (HT. TMC d).

Nghe xong kệ ngôn trường lão Tissa chứng thánh quả Alahán⁽¹⁾.

***Trường lão Tissa (7).**

Tương truyền trường lão Tissa thường xuyên đến nhà người thợ ngọc để nhận vật thực. Hai vợ chồng người thợ ngọc có tâm cung kính trường lão Tissa như cha của mình, đã chăm sóc trường lão rất chu đáo.

Một hôm người của vua Pasenadi mang đến cho anh thợ ngọc một viên ngọc Māṇi, nói rằng: “Này anh, anh hãy mài dũa cho xinh đẹp, xỏ vào bên trong sợi dây, để làm vật trang điểm cho Đức vua”.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 96.

Khi ấy anh thợ ngọc đang ngồi xắt thịt, tay còn lấm máu thịt, vội đưa tay nhân viên ngọc, đặt vào hộp ngọc đặt trước mặt trưởng lão Tissa rồi đi vào trong rửa tay.

Con ngỗng trong nhà anh thợ ngọc, đánh hơi mùi máu đến tìm vật thực, nhìn thấy viên ngọc có mùi máu nó ngỡ là cục thịt, bất ngờ vươn cổ ra nuốt viên ngọc vào bụng, trưởng lão Tissa ngăn cản không kịp.

Anh thợ ngọc trở ra thấy mất viên ngọc Māṇi, hỏi trưởng lão Tissa rằng:

- Bạch Ngài, viên ngọc Māṇi con đặt trong hộp đâu rồi?

Trưởng lão Tissa suy nghĩ: “Nếu ta nói ra, chắc chắn con ngỗng sẽ phải chết”, nên trưởng lão nói rằng:

- Đây gia chủ, viên ngọc ở quanh đây thôi.

Anh thợ ngọc hỏi gia đình rằng:

- Trong nhà này có ai lấy viên ngọc Māṇi của Đức vua cất không?

Người nhà đều trả lời là: Không có lấy cất. Anh thợ ngọc nói với vợ rằng:

- Có lẽ trưởng lão đã lấy viên ngọc ấy.

Người vợ nói:

- Đây anh, từ trước đến giờ chúng ta chưa thấy trưởng lão vi phạm lỗi lầm gì. Anh chớ có nói như vậy?

- Nơi đây chỉ có trưởng lão, người nhà chúng ta không có ai lấy, thì chỉ còn trưởng lão là người lấy.

Mặc cho người vợ khuyên can, anh thợ ngọc hỏi trưởng lão Tissa rằng:

- Bạch Ngài, Ngài có lấy viên ngọc, Ngài hãy trả lại cho con.

- Đây gia chủ, ta không có lấy viên ngọc.

- Nơi đây không có ai cả, nếu Ngài không lấy viên ngọc thì ai lấy?

Trưởng lão Tissa im lặng, giận dữ khởi lên, anh thợ ngọc lấy dây trói trưởng lão, dùng gậy đánh vào người trưởng lão từ đầu đến mình, tra khảo trưởng lão tìm cho được viên ngọc. Máu từ người trưởng lão Tissa tuôn chảy, nhưng trưởng lão im lặng chịu đựng, đuối sức trưởng lão Tissa ngã nằm xuống đất.

Con ngỗng đánh hơi mùi máu đi đến tìm thức ăn, quanh quần dưới chân anh thợ ngọc. Trong cơn giận dữ, anh thợ ngọc đá mạnh vào con ngỗng, khiến nó văng ra kêu to một tiếng rồi tắt thở, rớt xuống nằm im.

Trưởng lão Tissa thấy con ngỗng nằm im, hỏi rằng:

- Đây gia chủ, con ngỗng đã chết chưa?

- Chết rồi, ông cũng chết như nó thôi, nếu ông không trả cho ta viên ngọc.

- Nhưng ta hỏi, con ngỗng thật sự chết chưa?

- Nó chết rồi.

- Vậy thì, này gia chủ, chính con ngỗng ấy nuốt viên ngọc vào bụng đấy.

Tìm được viên ngọc trong bụng con ngỗng, người thợ ngọc xin sám hối với trưởng lão Tissa, Ngài nói rằng:

- Đây gia chủ, ông không có lỗi chi cả, chỉ là lỗi của luân hồi, là nghiệp quả luân hồi, Ta tha thứ lỗi cho ông đấy.

- Nếu Ngài tha thứ lỗi cho con, xin Ngài hãy thường xuyên đến nhà con thợ thực như trước đi.

- Đây gia chủ, đó là lỗi của ta trước đây. Ta không nên thường xuyên thợ thực ở một nơi. Từ nay về sau ta chỉ dùng vật thực do khất thực có được mà thôi.

Trưởng lão Tissa nói lên hạnh Dhutaṅga (Đầu đà) “đi khất thực” để sống:

Paccati munino bhattaṃ; thokaṃ thokaṃ kule kule.

Piṇḍikāya carissāni; atthijaṅghabalaṃ mamāti.

“Ăn sī với vật chín trong bát; từng chút, từng chút một.

Đi khắp nơi tìm vật thực; Ta có đôi chân khoẻ này”.

Con ngỗng chết tái sinh vào thai bào, chẳng bao lâu sau trưởng lão Tissa viên tịch vì trận đòn thô bạo của anh thợ ngọc.

Anh thợ ngọc mệnh chung tái sinh về địa ngục, riêng người vợ có tâm diệu hiền đối với trưởng lão Tissa, mệnh chung tái sinh về thiên giới.

Một lần nọ, các Tỳkhuu trong Giảng pháp đường nơi Jetavanavihāra, đàm luận về đề tài này, thắc mắc rằng:

- Nay chư hiền, trưởng lão Tissa khi mệnh chung sẽ đi về đâu? Con ngỗng tái sinh về nơi nào ...

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường để đoạn nghi cho Tăng chúng, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, một số chúng sinh mệnh chung tái sinh vào thai bào, kẻ ác tái sinh vào địa ngục, người hiền tái sinh về thiên giới. Bậc không còn ô nhiễm sẽ viên tịch.

Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

126- Gabbhameke uppajjanti; nirayaṃ pāpakammino.

Saggaṃ sugatino yanti; parinibbanti anāsavā.

“Một số sinh thai bào. kẻ ác sinh địa ngục.

Người thiện lên cõi trời; Vô lậu chứng Nípàn” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

***Trưởng lão Tissa (8).**

Vào thời Đức Phật tại tiền, trong thành Sāvatti (Xá-vệ) có một thanh niên tên là Tissa, con của một trưởng giả.

Thanh niên Tissa được nghe giáo pháp của Đức Thế Tôn, phát sinh niềm tin, xuất gia trong Giáo pháp này.

Thời gian sau, thân trưởng lão Tissa nổi lên những mụn ngứa khắp mình, ban đầu mụn nhỏ như hạt mè, nhưng rồi lan dần lớn bằng hạt, rồi bằng trái táo, bằng trái Amalāc (āmalaka), bằng trái dứa, bằng trái Beluva.

Khắp thân trưởng lão đầy ghẻ lở loét, mủ máu tuôn chảy từ những mụn ghẻ lở ấy, toát ra mùi hôi hám, nên trưởng lão có biệt danh Pūtigatta Tissa (Tissa thân hôi thối).

Về sau, xương của trưởng lão Tissa bị mục gãy, không thể đi đứng được. Các y ngoài, y trong của trưởng lão dính đầy mủ máu tanh tươi, khô cứng lại như ổ tàng ong, các đệ tử Tỳkhuu hay Sadi của trưởng lão không chịu nổi phải bỏ đi.

Trưởng lão Tissa nằm một chỗ không có người chăm sóc.

Vào một buổi gần sáng, hình ảnh của trưởng lão Pūtigatta Tissa lọt vào võng trí của Đức Thế Tôn .

Sáng hôm ấy Đức Thế Tôn rời Hương thất đi dạo trong Jetavanavihāra, rồi đi đến phòng nấu nước (aggisāla), tự thân nấu bình nước lớn.

Khi nước sôi, Đức Thế Tôn tự thân mang bình nước nóng đi đến nơi nằm của trưởng lão Pūtigatta Tissa, các vị Tỳkhuu thấy Đức Thế Tôn đi đến nơi nằm của trưởng lão Pūtigatta Tissa cùng đi theo Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn đưa tay vào đầu giường của Pūtigatta toan kéo ra thì các vị Tỳkhuu trẻ đã tranh nhau làm việc ấy.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳkhuu tắm rửa cho trưởng lão Pūtigatta Tissa, giặt những chiếc y của trưởng lão sạch sẽ.

Khi thân được tắm rửa, sạch những mủ máu, lại được đắp chiếc y sạch sẽ, tâm của trưởng lão Pūtigatta Tissa cảm thấy hân hoan nhẹ nhàng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay Tỳkhuu, một khi tâm thức lìa bỏ thân này rồi thì thân này trở nên vô dụng như khúc gỗ mục, không có lợi ích chi cả.

Tiếp theo Đức Thế Tôn nói lên kệ ngôn:

41- Aciraṃ vatayaṃ kāyo; pathaviṃ adhisessati.

Chuddho apeta viññāno; niratthaṃ va kalīgaraṃ'ti.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 126.

“Không lâu đâu xác này; trên đất sẽ nằm ngay.
Với thức bị vứt bỏ; như gỗ mục hết xài” (HT. TMC d).

Nghe dứt kệ ngôn trường lão Pūtīgatta Tissa chứng Thánh quả Alahán, đưa tâm quán xét thấy tuổi thọ của mình sắp mãn. Trường lão Pūtīgatta Tissa xin phép Đức Thế Tôn viên tịch, rồi Ngài mệnh chung.

Khi Ngài Pūtīgatta mệnh chung, vào buổi chiều hôm ấy, trong Giảng pháp đường của Jetavanavihāra, các Tỳkhuu bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, Tỳkhuu Pūtīgatta Tissa mệnh chung, tái sinh về cảnh giới nào?

- Nay các Tỳkhuu, Tỳkhuu Tissa đã viên tịch.

- Bạch Thế Tôn, người có duyên lành đầy đủ chứng đắc Thánh quả Alahán, Vì sao thân lại hôi thúi?. Vì sao xương bị gãy ra phải nằm yên bất động?

- Nay các Tỳkhuu, đó là do ác nghiệp trong quá khứ mà Tỳkhuu Pūtīgatta Tissa đã tạo ra.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuật lại tiền sự của Ngài Pūtīgatta Tissa như sau:

Tiền sự.

Vào thời Giáo pháp của Đức Phật Kassapa (CaDiếp), tiền thân của Ngài Pūtīgatta Tissa là thợ săn chim. Khi bẫy được chim, y dâng đến các vị lãnh chúa, khi còn dư y đem bán cho những gia đình giàu có.

Khi bán chim không hết, y sợ làm thịt chim để dành thì thịt chim không còn tươi, thu hoạch sẽ bị tổn giảm. Y bẻ gãy những cánh chim cùng chân chim để chúng tuy còn sống nhưng không thể bay hay chạy thoát được, rồi hôm sau đem bán số chim ấy.

Khi bẫy được chim nhiều, ngoài số lượng bán ra, y bảo người nhà làm thịt chim, nướng lên để y dùng.

Có lần, khi y sắp dùng cơm với thịt chim nướng; một vị Thánh Tăng Alahán đi khất thực đứng trước nhà của y, y phát sinh tâm tịnh tín suy nghĩ:

- Ta đã sát hại rất nhiều con chim, tự mình dùng thịt chúng cũng nhiều. Hôm nay ta được gặp Ngài ở đây, đó là phước duyên của ta. Ta hãy cúng dường Ngài bữa cơm mà ta sắp thọ dụng.

Sau khi cúng dường cơm cùng chim nướng vào bát của vị Thánh Alahán, y quỳ đảnh lễ dưới chân của Ngài bạch rằng:

- Bạch Ngài, với phước lành cúng dường vật thực đến Ngài. Xin cho con chứng đạt Thánh quả an lạc mà Ngài đã chứng đạt.

Vị trường lão Alahán phúc chúc rằng: “*Xin cho người hãy đạt thành ý nguyện*”.

Do tiền nghiệp ấy, nên Ngài Pūtīgatta nhận lấy ác quả là: Mình hôi thúi, tay chân bị xương mục gãy lìa nằm yên bất động.

Do cúng dường vật thực đến vị Thánh Alahán với tâm nguyện chứng Thánh quả Alahán an lạc, nên Ngài Pūtīgatta Tissa chứng Thánh quả Alahán khi sắp lâm chung.

Đức Thế Tôn dạy các Tỳkhuu hóa táng thi hài của trường lão Pūtīgatta Tissa, gom Xá lợi của Ngài lại rồi an trí vào Bảo tháp để tôn thờ⁽¹⁾.

***Trường lão Tissa (9).**

Cách thành Sāvatti (Xá vệ) không xa, có một thị trấn sung túc, trong thị trấn có thanh niên tên là Tissa, là con của một nhà giàu có trong thị trấn.

Thanh niên Tissa được nghe Giáo pháp của Đức Phật, xin xuất gia trong giáo đoàn. Vì trùng tên Tissa với nhiều vị trường lão nên vị Tỳkhuu này được gọi là Nigamavāsī Tissa (Tissa ở thị trấn) để dễ phân biệt.

Trường lão Tissa chỉ đi khất thực trong thị trấn của mình, không đi đến nơi nào khác. Thậm chí những cuộc cúng dường trọng thể đến các Tỳkhuu của bà đại tín nữ

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 41.

Visākhā, trưởng giả Anāthapiṇḍika ... trưởng lão Nigamavāsī Tissa cũng không tham dự.

Các vị Tỳkhuu cho rằng trưởng lão Tissa ái luyện thân tộc nên không thể rời thị trấn của mình. Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn vấn đề này, Đức Thế Tôn cho gọi trưởng lão Nigamavāsī Tissa đến hỏi rằng:

- Nay Tissa, có thật chăng? Nghe nói rằng người ái luyện trú xứ là nơi mình sinh ra, nên không thể bỏ trú xứ ấy đi nơi khác.

- Bạch Thế Tôn, con không tiếp cận thân mật với thân tộc, con luôn giữ hạnh độc cư. Con nghĩ “vật thực dùng để nuôi mạng, giúp ta thực hành Samôn pháp”, nên con đi khát thực tìm đủ vật thực thọ dụng để nuôi mạng mà thôi, con được vật thực như thế nào thì dùng như thế đó, không khen hay chê loại vật thực mà mình tìm được. Bạch Thế Tôn, con nghĩ: “Ta không cần phải đi đâu xa để tìm vật thực nuôi mạng sống, ở nơi này cũng đủ rồi”, do vậy con ở trong thị trấn này, không phải con ái luyện trú xứ là nơi mình được sinh ra.

Đức Thế Tôn khen ngợi rằng:

- Lành thay, lành thay, này các Tỳkhuu, vị Tỳkhuu này ít ham muốn và biết đủ. Đó là hạnh lành của Như Lai thuở xưa.

Các Tỳkhuu thỉnh Đức Thế Tôn nói lên tiền sự. Đức Thế Tôn thuyết rằng:

Tiền sự.

Thuở quá khứ trong dãy Himalaya (Hymālapson) có khu rừng Udumbara (rừng cây bông vải) ở cạnh bờ sông Hằng. Trong rừng, có ngàn con két (suvaka) cư ngụ, con két chúa giữ hạnh biết đủ rất trong sạch.

Trên cây vải chỗ két chúa ngụ, khi trái hết sạch, két chúa ăn những lá non hay vỏ cây rồi đến sông Hằng uống nước, chứ không tìm vật thực ở những cây vải khác.

Do hạnh biết đủ trong sạch của két chúa, khiến ngai vàng của vua trời Sakka (Đế Thích) nóng ran lên, vua trời Sakka dùng thiên nhân quán xét để tìm nguyên nhân khiến ngai vàng của mình nóng ran.

Khi biết được hạnh biết đủ của két chúa khiến ngai vàng của mình nóng ran, vua trời Sakka thử két chúa. Vua trời Sakka khiến cây vải chết khô, gãy lìa từ cành nhỏ đến cành lớn rồi thân cây gãy ngang chỉ còn gốc cây khô.

Những luồng gió thổi vào những lỗ hổng thân cây làm rơi những mạt cây. Két chúa vẫn ăn mạt cây rồi đến sông Hằng uống nước, quay trở về ngụ ở cội cây ấy, không tìm đến cây udumbara (cây bông vải) khác trú ngụ.

Khi thấy rõ hạnh biết đủ và ít ham muốn của két chúa, vua trời Sakka hoan hỷ, nghĩ rằng: “Ta sẽ kết bạn với két chúa này”.

Vua trời Sakka hóa ra thiên nga chúa, cùng thiên hậu Sujātā đi đến rừng Udumbara, đậu trên cây bông vải khác, trò chuyện cùng két chúa, hỏi két chúa rằng:

Santi rukkhā haritapattā; dumāneka phalā bahū.

Kasmā nu sukkhe kolāpe; suvassa nirato manoti.

“Có những cây xanh lá, vô số cây nhiều quả.

Xá chi cội mục khô; mà chúa két mến lạ”(Đại trưởng lão Pháp Minh d).

Két chúa đáp rằng:

- Ta đã từng ngụ và ăn quả của cây bông vải này nhiều năm, cho dù bây giờ nó hết trái, trở nên mục nát nhưng ta vẫn không nỡ rời bỏ nó.

Cảm động trước sự biết đủ, hạnh ít ham muốn cùng sự biết ơn của két chúa, vua trời Sakka hoá phép làm cây bông vải hồi sinh, cây bông vải luôn xanh tốt đồng thời trở quả quanh năm.

Nhận diện tiên thân.

Vua trời Sakka nay là Ngài Ānanda, két chúa nay là Đức Thế Tôn.

Sau khi nói lên Bốn sự, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, biết đủ và ít ham muốn là hạnh lành của Ta thuở xưa. Tỳkhuu Tissa này học tập được những hạnh lành ấy, thật xứng đáng là Tỳkhuu.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

32- Appamādarato bhikkhu; pamāde bhayadassi vā.

Abhabbo parihānāya; nibbānasseva santike.

“Tỳkhuu mên chuyên cần; hoặc thấy sợ phóng dật

Không thể bị sa chân; Nípàn đến gần thật” (HT. TMe d)

Nghe dứt kệ ngôn trưởng lão Nigamavāsī Tissa chứng đạt Thánh quả Alahán cùng với Tuệ phân tích ⁽¹⁾.

***Trưởng lão Tissa (10).**

Một vị Tỳkhuu có tên là Tissa, được các bậc đồng phạm hạnh gọi là Āraddhavipassaka Tissa (Tissa người khởi sự quán xét).

Có lần khi đi khất thực Ngài Tissa nhìn thấy một cánh hoa sen nở xinh đẹp, sau đó Ngài nghe cô hầu gái hát lên bài hát, mô tả con người chết như cánh hoa sen nở xinh đẹp dưới ánh mặt trời, rồi tàn rụi.

Kết hợp hai sự kiên trên, trưởng lão Tissa quán tưởng về sự chết, chứng đắc Thánh quả Alahán khi đi trên đường khất thực⁽²⁾.

***Trưởng lão Tissa (11).**

Trưởng lão này có tên là Padhānika Tissa (Tissa người tinh tấn). Vào thời sắp an cư mùa mưa, trưởng lão cùng 500 vị Tỳkhuu môn đệ đến xin phép Đức Thế Tôn tìm nơi thanh vắng để an trú trong mùa mưa và thực hành Samôn pháp.

Tất cả các Tỳkhuu này thọ nhận đề mục hành thiền từ Đức Thế Tôn.

Các vị Tỳkhuu đi đến khu rừng thanh vắng để an cư mùa mưa, trưởng lão Padhānika Tissa nói rằng:

- Nay chư hiền, chúng ta may mắn được Đức Thế Tôn ban cho đề mục thiền tịnh. Nay các hiền giả, chúng ta hãy chuyên cần thực hành Samôn pháp.

Tuy nhắc nhở các vị Tỳkhuu như thế, trong khi các Tỳkhuu thực hành thiền tịnh thì Ngài Padhānika Tissa lại nằm ngủ.

Vào canh đầu các vị Tỳkhuu đi kinh hành hay thiền tịnh, đến canh giữa các vị đi vào chỗ ngụ riêng để ngủ. Trưởng lão Tissa tỉnh giấc đi đến chỗ ngụ của các Tỳkhuu, khiển trách rằng:

- Các vị trở vào chỗ ngụ riêng với ý nghĩ “sẽ nghỉ” đây ư? Hãy nhanh chóng trở ra hành pháp Samôn đi.

Rồi Ngài Padhānika Tissa trở vào chỗ ngụ riêng của mình để ngủ. Các vị Tỳkhuu đi kinh hành, thiền tịnh đến hết canh giữa, đi vào chỗ ngụ riêng để ngủ, khi ấy Ngài Tissa thức giấc, lại đi đến chỗ ngụ riêng của các Tỳkhuu khiển trách, bắt buộc các vị Tỳkhuu ra hành pháp. Rồi vị ấy trở vào chỗ ngụ để ngủ tiếp.

Trưởng lão Padhānika Tissa thường làm như vậy, các vị Tỳkhuu thân xác mệt mỏi, không thể định tâm trên đề mục được vì bị phóng dật hay hôn trầm chi phối.

Các Tỳkhuu bàn luận cùng nhau rằng:

- Thầy Giáo thọ (ācariya) của chúng ta rất tinh tấn trong thiền tịnh. Ngài hành pháp như thế nào nhỉ? Chúng ta hãy rình xem.

Khi biết rõ sự việc trưởng lão Tissa thường đi ngủ sau khi bắt các vị Tỳkhuu hành thiền tịnh, các vị Tỳkhuu bàn luận với nhau rằng:

- Nay các chư hiền, chúng ta bị tổn hại rồi, vị Giáo thọ sư của chúng ta chỉ dạy suông mà thôi. Bản thân vị ấy chẳng có hành pháp Samôn chi cả.

Cả 500 vị Tỳkhuu vất vả như thế, nhưng không ai chứng đắc pháp thượng nhân chi cả. Mãn mùa an cư, tất cả đề trở về Jetavanavihāra để đánh lễ Đức Thế Tôn. Sau những lời thăm hỏi của Đức Thế Tôn đối với những vị Tỳkhuu từ phương xa đến, các Tỳkhuu bạch trình lên Đức Thế Tôn về sự kiện xảy ra trong mùa an cư. Đức Thế Tôn dạy rằng:

(1)- DhpA. Câu số 32.

(2)- SnA. ii, 397.

- Nay các Tỳkhuu, chẳng phải hiện tại Tỳkhuu Padhānika Tissa làm tổn hại các người, trong quá khứ Tỳkhuu ấy đã từng làm tổn hại các người như thế.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên bốn sự Akālarāvīkukkuṭa (gà trống gáy phi thời), bắt đầu bằng kệ ngôn:

Amātāpītasamvaddho; amācāriyakule vasaṃ.

Nāyaṃ kalamakālaṃ vā; abhijāmīti kukkutoti.

“Không cha mẹ nuôi dạy dỗ; giáo thọ sư ở trong nhà.

Lúc đúng hay không đúng; gà trống này không biết rõ”.

Bốn sự Akālarāvīkukkuṭa.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), Bôtát sinh ra trong một gia tộc Balamôn ở phương Tây bắc.

Khi trưởng thành, Ngài vượt qua biên giới, học thông thạo nghiệp nghệ của dòng dõi Balamôn, trở thành vị Giáo thọ sư danh tiếng, Ngài dạy học cho 500 thanh niên Balamôn.

Các thanh niên Balamôn có nuôi con gà trống, nó gáy rất đúng giờ giấc, khi nghe gà gáy, các thanh niên thức giấc học bài.

Khi gà trống chết, các thanh niên Balamôn tìm con gà trống khác thay thế. Một thanh niên Balamôn đi vào rừng kiếm củi, bắt được con gà trống sống trong nghĩa địa ở trong rừng.

Vì sống trong nghĩa địa, con gà trống không biết gáy đúng giờ, có khi nó gáy quá sớm, có khi nó gáy quá muộn, khiến các thanh niên Balamôn học tập không có kết quả, nên họ đã vụn cổ con gà chết.

Không nghe con gà gáy, Bôtát hỏi 500 thanh niên môn đệ, họ thưa rằng:

- Thưa thầy, con gà trống ấy gáy không đúng thời, có khi nó gáy quá sớm chúng con thức dậy học bài, nhưng không thể học được vì quá buồn ngủ. Có khi nó gáy quá muộn, chúng con thức giấc trễ không thể học bài kịp. Do vậy chúng con đã vụn cổ nó chết rồi.

Bôtát lấy việc này làm đề tài, Ngài nói lên kệ ngôn trên.

Nhận diện tiền thân.

Con gà trống gáy phi thời nay là Tỳkhuu Padhāna Tissa, 500 thanh niên Balamôn nay là 500 vị Tỳkhuu, vị Giáo thọ sư nay là Đấng Như Lai ⁽¹⁾.

Nhưng trong bản Sớ giải kinh Bốn sinh, duyên sự là: “Có vị Tỳkhuu không biết thời nào học pháp, thời nào hành pháp, thời nào là phục vụ thầy Tế độ hay thầy Giáo thọ... Vị ấy gây xáo trộn sinh hoạt của các vị Tỳkhuu, vào thời nghỉ ban đêm, vị ấy tụng học pháp ... gây náo nhiệt khiến các Tỳkhuu không thể ngủ yên.

Sau khi nói lên Bốn sự *con gà trống gáy phi thời*, tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

159- Attānaṃ ce tathā kayirā; yathāññamanusāsati.

Sudanto vata dametha; attā hi kira duddamo.

“Hãy tự làm cho mình; điều mình dạy cho người.

Khéo tự điều, điều người; khó thay tự điều phục” (HT. TMC d).

Nghe xong thời pháp thoại này, 500 vị Tỳkhuu chứng Thánh quả Alahán⁽²⁾.

***Trường lão Tissa (12).**

Ngài là bạn của trường lão Tissa-Metteyya (trường lão này cũng có tên là Tissa, họ của Ngài là Metteyya, nhưng thường được các vị đồng Phạm hạnh gọi là Metteyya để phân biệt với người bạn có tên là Tissa của Ngài, đôi khi Ngài được gọi là Tissametteyya).

Khi hai người đến viếng thăm Đức Thế Tôn ở Jetavanavihāra, nghe được pháp thoại từ Đức Thế Tôn, hai vị xin xuất gia trong Tăng đoàn.

(1)- JA. Chuyện số 119. Gà trống gáy phi thời (Akālarāvīkukkuṭa).

(2)- DhpA. Câu số 159.

Ngài Metteyya cùng với thầy tế độ sống trong rừng, Ngài nỗ lực hành pháp chẳng bao lâu chứng đạt Thánh quả Alahán. Riêng Tôn giả Tissa sống gần thành Sāvatti nơi Jetavanavihāra.

Khi người anh mệnh chung, tôn giả Tissa trở về quê nhà, những người trong thân tộc đã khuyến dụ tôn giả Tissa quay về đời sống thế tục.

Trong một chuyến theo Đức Thế Tôn đi du hành, khi đến quê hương của Tissa, Ngài Metteyya đưa Tissa đến yết kiến Đức Thế Tôn, Ngài Metteyya hỏi Đức Thế Tôn về sự nguy hại của người đắm say trong dục lạc nhất là dâm dục.

Đức Thế Tôn thuyết lên bài kinh Tissametteyya⁽¹⁾, nghe dứt bài kinh Ngài Tissa chứng Thánh quả Dự lưu, rồi xin xuất gia trở lại trong Tăng đoàn.

Nhờ nỗ lực hành pháp, Ngài Tissa về sau trở thành bậc Thánh Alahán trong Giáo pháp này⁽²⁾.

***Trưởng lão Tissa (13).**

Ngài sinh ra trong một gia tộc trưởng giả trong thành Sāvatti (Xá-vệ), vì cha của Ngài là trưởng của tộc họ, nên Ngài được gọi là Kuṭumbikaputta Tissa (Tissa con trưởng tộc).

Khi nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp thoại, Ngài từ bỏ gia tài 450 triệu đồng vàng, trở thành vị Tỳkhuu trú trong rừng.

Vợ của người em trai Ngài (là người thừa hưởng tài sản 450 triệu đồng vàng) e ngại Ngài trở về với đời sống gia đình, sẽ thu hồi lại gia sản 450 triệu đồng vàng, thuê nhóm côn đồ 500 tên đi sát hại Ngài.

Chúng tìm gặp Ngài Tissa trong rừng, định sát hại Ngài, Ngài xin giữ mạng sống một đêm để hành pháp, chúng e ngại Ngài nhân đêm tối trốn thoát.

Ngài Tissa biết ý bọn chúng, Ngài dùng đá đập gãy xương chân để cho chúng thấy rằng Ngài không thể chạy trốn được.

Trong đêm ấy, Ngài Tissa cố chịu đựng khổ thọ, lấy giới hạnh mà mình thọ trì, thực hành quán tưởng ân đức Giới, Ngài vượt qua được khổ thọ, rồi phát triển thiền minh sát chứng đạt Thánh quả Alahán⁽³⁾.

***Trưởng lão Tissa (14).**

Theo Dhammapāda-atthakathā (Sớ giải kinh Pháp cú), Ngài được gọi là Padhānakammika Tissa (Tissa người thực hành tinh tấn), nhưng Bản Jātaka-atthakathā (Sớ giải kinh Bốn sự), Chuyện cây Varaṇa thì Ngài có tên là Kuṭumbikaputta Tissa.

Có 500⁽⁴⁾ thanh niên con nhà gia thế trong thành Sāvatti (Xá-vệ), sau khi xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Sau năm năm sống nương tựa vào thầy Tế độ và thầy Giáo thọ để học tập Luật, khi sắp vào thời an cư mùa mưa, 500 vị Tỳkhuu xin phép thầy Tế độ cùng thầy Giáo thọ cho phép các vị vào rừng để thực hành Samôn pháp.

Khi nhận đề mục thiền tịnh từ Đức Thế Tôn, một số đi vào rừng an cư mùa mưa để thực hành Samôn pháp, một số thì ở lại kinh thành Sāvatti, trong đó có Ngài Padhānakammika Tissa.

Những vị đi vào rừng hành pháp, nhờ nỗ lực tinh cần, trong mùa an cư ấy tất cả đều chứng Thánh quả Alahán.

Khi mãn mùa an cư, các Ngài trở về Jetavanavihāra, đánh lễ và trình lên Thánh quả mà mình đã đạt được.

Khi còn cách kinh thành Sāvatti độ một do tuần, các Ngài vào một thôn trang để tìm vật thực, một cận sự nam trông thấy các Ngài hoan hỷ cúng dường vật thực đến

(1)- Sn. 160. Kinh Tissametteyya (Tissametteyyasuttaṃ)

(2)- SnA. ii. 535; NidA. 184.

(3)- MA.i, 188; DA.iii, 747; Vsm. 48.

(4)- Sớ giải kinh Bốn sự. Chuyện Varaṇa ghi nhận là 30 vị.

các Ngài, sau khi nghe kinh phúc chúc từ các Ngài, cân sự nam ấy thỉnh các Ngài nhận vật thực vào ngày mai.

Sau khi thọ thực xong, các Ngài lên đường đến thành Sāvatti, khi cất y bát xong rồi, vào buổi chiều các Ngài đến yết kiến Đức Thế Tôn, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi vào nơi hợp lễ.

Theo thông lệ của Đấng Chánh Giác, Ngài tiếp đón các khách Tăng với lời thăm hỏi thân hữu và các vị Thánh Alahán trình lên Đức Thế Tôn sự chứng đắc Thánh quả của mình, Đức Thế Tôn tán thán sự tinh cần hành pháp của các Ngài.

Trưởng lão Padhānakammika Tissa cũng có mặt trong buổi hội kiến của Đức Thế Tôn cùng các vị Tỳkhuu đồng hành với mình khi trước, khi nghe các vị đã làm xong phận sự Samôn, thành tựu được cứu cánh giải thoát, Ngài Tissa suy nghĩ:

“Đức Thế Tôn tiếp đón các vị khách Tăng niềm nở và tán thán các vị, riêng ta Đức Thế Tôn im lặng, chỉ vì ta chưa chứng đắc thánh quả. Trong đêm nay ta hãy nỗ lực hành pháp để đạt được Thánh quả Alahán như các vị Tỳkhuu bạn của ta lúc trước”.

Đoàn tăng khách sau khi trình bày đến Đức Thế Tôn về kết quả hành pháp của mình xong rồi, các Ngài bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, trên đường trở về Jetavanavihāra, chúng con được một gia chủ thỉnh ngày mai đến tư gia ấy nhận vật thực. Bạch Thế Tôn, mai chúng con sẽ lên đường sớm để đi đến đó.

- Nay các Tỳkhuu, các người hãy làm những gì thấy là thích hợp với mình.

Đêm ấy, Ngài Tissa nỗ lực hành pháp cho đến gần sáng, do mệt mỏi nên phát sinh hôn trầm, tuy vậy Ngài Tissa vẫn cố gắng đi kinh hành. Do buồn ngủ, nên Ngài Tissa trượt chân té xuống tảng đá bằng phẳng ở cuối đường kinh hành, bị gãy xương đùi.

Vị ấy kêu thét lên đau đớn, các vị Tỳkhuu khách nhận ra tiếng kêu của Tissa là bạn cũ của mình, nên đốt đèn lên tìm thuốc băng bó vết thương cho Ngài Tissa. Khi mọi việc tạm ổn thì mặt trời đã lên cao, các Ngài không còn thời gian đến tư gia của người cận sự nam cho đúng giờ thọ thực.

Thấy các Tỳkhuu khách còn trong tự viện, Đức Thế Tôn hỏi :

- Nay các Tỳkhuu, các người không đến làng để nhận vật thực sao?

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn việc đêm qua, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, không phải đây là lần đầu Tissa tinh cần không đúng thời, gây trở ngại cho các người. Trong quá khứ cũng có lần như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các vị Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Varāṇa.

***Bốn sự Varāṇa** (Chuyện cây Varāṇa).

Thuở xưa, tại quốc độ Gandhāra, Bô tát là Giáo sư của 500 thanh niên Balamôn ở kinh thành Takkasilā.

Một hôm Bô tát bảo 500 Balamôn đệ tử đi vào rừng tìm củi khô mang về, trong nhóm có một thanh niên lười nhác, y đi đến cây Varāṇa lớn, nghĩ rằng: “Cây này lớn chắc chắn có nhiều củi khô, ta hãy ngủ một giấc, khi thức dậy sẽ leo lên cây bẻ củi khô ném xuống, nhặt lấy củi khô mang về”.

Y trải áo ngoài nằm xuống ngủ, các trò khác khi tìm củi khô bó lại mang về, đi ngang qua cây Varāṇa thấy y còn ngủ, lấy chân đánh thức y dậy, rồi bỏ đi về.

Y thức giấc thấy đã xế chiều, vội vàng leo lên cây bẻ củi khô, do vội vàng y kéo một nhánh tươi đến gần mặt đất bẻ, nhánh củi tươi bị gãy, phần còn lại nơi thân cây đánh bật trở lại trúng vào mắt y.

Một tay bụm lấy mắt, một tay kia y bẻ vội những nhánh củi tươi ném xuống, rồi bó lại mang về ném lên trên những bó củi khô.

Hôm ấy, một gia đình ở làng bên có mời vị Giáo sư cùng môn đệ đến nhà để họ làm lễ cúng dường. Vị Giáo sư bảo:

- Nay các con, mai các con hãy đi đến làng bên để tế lễ, đường xa các con không thể không ăn sáng, vậy hãy nấu cháo ăn trước khi lên đường. Khi tế lễ xong, mang phần của ta và của các con trở về.

- Vâng thưa thầy.

Sáng sớm hôm sau, các thanh niên đánh thức người nữ tỳ, bảo cô nấu cháo gấp cho họ. Người nữ tỳ lại nhặt lấy bó củi của người biếng nhác, vì bó củi này nằm trên cùng, nhưng do củi tươi nên không thể bắt lửa, người nữ tỳ phải vất vả thổi ngọn lửa, khi trời sáng nồi cháo vẫn chưa có.

Năm trăm thanh niên Balamôn đành phải bỏ dở cuộc tế lễ.

Vị giáo sư thấy trời đã trưa mà các môn đệ chưa đi, nên hỏi lý do. Các thanh niên Balamôn trình lại thầy lý do mà họ không thể lên đường.

Nghe vậy, vị Giáo sư nói rằng:

- Chính việc lười nhác của kẻ ngu si, đã đem đến sự tổn hại như vậy.

Vị Giáo sư nói lên kệ ngôn:

71- Yo pubbe karaṇīyāni; pacchā so kātumicchati.
Varuṇakattṭhabhañjova; sa pacchā manutappatīti.

“Ai có việc làm trước; về sau mới chịu làm.

Như bẻ củi Varuṇa; nó chịu khổ về sau”.

Nhận diện tiền thân.

Vị môn sinh lười nhác nay là Ngài Tissa, các thanh niên siêng năng nay là các Tỳkhuu Alahán, vị giáo sư nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Rồi Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, kẻ không thức giấc trong thời cần thức giấc, kẻ lười nhác sẽ không chứng đạt được thiền tịnh hay Đạo quả.

Ngài nói lên kệ ngôn:

280- Utṭhānakālamhi anuṭṭhahāno; yuvā balī ālasiyaṃ upeto.

Saṃsannasaṅkappamano kusīto; paññāya maggaṃ alaso na vindati.

“Khi cần không nỗ lực; tuy trẻ mạnh nhưng lười.

Chỉ tiêu trầm nhu nhược; sao có trí ngộ đạo” (HT. TMC d)⁽²⁾.

***Tỳkhuu Tissa (15).**

Ngài là con của người gác cổng thành ở vùng quê, theo nhóm người thợ mộc đi phiêu lưu. Khi đi đến thành Sāvattṭhi, vị ấy xin xuất gia trong Giáo pháp này.

Tỳkhuu Tissa thường hay chê những loại vật thực cúng dường đến chư Tăng, cho dù đó là vật thực của những đại thí chủ như: Trưởng giả Anāthapiṇḍika, bà Visākḥā, hay của 50 triệu Thánh thính văn cư sĩ trong thành Sāvattṭhi.

Nếu vào trong phước xá nhận vật thực, vị ấy chê vật thực quá nguội, vật thực quá nóng... Nếu thí chủ đặt vào bát ít thì khiển trách rằng: *Sao quá ít*; nếu đặt vào bát nhiều vật thực thì chê rằng: *Có lẽ nhà này không còn chỗ cất giữ vật thực.*

Nhưng khi được hỏi đến gia tộc mình, Tỳkhuu Tissa tán thán gia tộc mình rằng: *“Ngôi nhà quyến thuộc của tôi là giếng nước, tha hồ chư khách Tăng từ phương xa đi đến”.*

Các vị Tỳkhuu trẻ suy nghĩ: *“Chúng ta hãy tìm hiểu gia tộc của Tỳkhuu Tissa này”.* Hỏi Tỳkhuu Tissa rằng:

- Nay hiền giả Tissa, quyến thuộc của hiền giả ở nơi nào?

- Ở nơi này, làng này ...

Các Tỳkhuu trẻ đi đến làng ấy, biết được lai lịch của Tỳkhuu Tissa chỉ là con người gác cổng thành.

Khi trở về Jetavanavihāra, các Tỳkhuu trẻ trình lên các vị trưởng lão. Các vị trưởng lão trình lên Đức Thế Tôn việc này. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, chẳng phải hiện tại Tỳkhuu Tissa này khoác lác, trong quá khứ cũng từng như thế rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Kaṭāhaka.

⁽¹⁾-JA. Chuyện số 71.

⁽²⁾- DhpA. Câu số 280.

***Bốn sự Kaṭāhaka** (Nô lệ Kaṭāhaka).

Khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanaị), Bôtát bấy giờ là một đại trưởng giả trong thành Bārāṇasī.

Vào ngày vợ Bôtát sinh con, người nữ tỳ trong nhà cũng sinh một người con trai, hai trẻ cùng lớn lên, con của người nữ tỳ phục vụ cho con trai của Bôtát như ông chủ, nhờ đó y cũng biết đọc biết viết.

Khi trưởng thành, y trở thành một thanh niên đẹp trai lại có tài ăn nói, y được cử làm quản lý trong gia tộc của Bôtát, được gọi là Kaṭāhaka (người nhận lãnh).

Kaṭāhaka suy nghĩ: “Ta không thể nào làm quản lý cho gia tộc này suốt đời được”. Kaṭāhaka giả mạo thư của Bôtát gửi cho một trưởng giả vùng biên địa, nội dung trong thư là gửi con trai Kaṭāhaka đến cưới con gái trưởng giả.

Y lén lấy dấu của gia tộc Bôtát đóng vào phong thư giả hiệu ấy.

Vị trưởng giả vùng biên địa hoan hỷ gả con gái mình cho Kaṭāhaka. Khi toại nguyện rồi, Kaṭāhaka trở nên kiêu mạn, luôn luôn vọng ngôn chê khen những món ăn, chỉ trích lối sống ngoài biên địa.

Nghe được chuyện không tốt đẹp này, Bôtát lên đường ra vùng biên địa xem rõ thực hư như thế nào. Nghe tin chủ giếng thăm vùng của mình, Kaṭāhaka kinh sợ, ra đón chủ ở giữa đường, tận tình phục vụ Bôtát như nô lệ đối với chủ nhân khi xưa. Kaṭāhaka thưa với Bôtát rằng:

- Thưa chủ, chủ cần tài sản bao nhiêu, con sẽ dâng đến chủ. Xin chủ đừng làm mất danh tiếng của con.

- Nay Kaṭāhaka, chớ có sợ hãi, không có gì nguy hại đến người từ lời nói của ta đâu.

Sau thời gian ngắn trú ở nơi ấy, Bôtát thấy Kaṭāhaka ngoài tính khoe khoang và hay chỉ trích ra, Kaṭāhaka không có gì là xấu xa cả.

Nhân dịp này, Bôtát dạy cho vợ Kaṭāhaka câu kệ ngôn, dặn rằng:

- Nay con, khi ta trở về kinh thành, chồng con có chê khen món ăn, con hãy đọc bài kệ này lên.

125- Bahumpi so vikattheyya; aññaṃ janapadaṃ gato.

Anvāgantvāna dūseyya; bhuñja bhoge kaṭāhakā'ti.

“Nó nói nhiều, khoác lác; khi đi đến xứ sở khác.

Vị ấy sẽ trở lại; Kaṭāhaka hãy ăn đi”.

Nghe vợ đọc kệ ngôn, Kaṭāhaka suy nghĩ: “Có lẽ chủ ta nói cho vợ ta biết lai lịch của ta rồi”.

Từ đó, Kaṭāhaka trở nên nhu thuận, không còn khoe khoang khoác lác nữa.

Nhận diện tiền thân.

Kaṭāhaka nay là Tỳkhu Tissa này⁽¹⁾.

Sau khi thuật lại bốn sự, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhu, nếu ai cảm thấy không hổ thẹn khi nhận vật thực cúng dường, nhưng không thực hành pháp. Người ấy sẽ không sinh khởi Đạo quả.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên hai kệ ngôn:

249- Dadāti ve yathāsaddhaṃ; yathāpasādanaṃ jano.

Tattha yo ca maṅku hoti; paresaṃ pānabhojane.

Na so divā vā rattiṃ vā; samādhimadhigacchati.

“Do tín tâm, hỷ tâm; loài người mới bỏ thí.

Kẻ sinh lòng đố kỵ; vật thực cũng đến người.

Ngày đêm không an tịnh”.

250- Yassa cetam samucchinaṃ; mūlaghaccaṃ samūhataṃ.

Sa ve divā vā rattiṃ vā; samādhimadhigacchati'ti.

“Những ai đã đoạn tận; dứt trừ tâm ganh tỵ.

⁽¹⁾- JA. Chuyện số 125.

Ban ngày lẫn ban đêm; tâm hằng được tịnh lạc”(HT. TMC d)⁽¹⁾.

C- Đức Moggallāna và các gia chủ.

1- Đại tín nữ Visākhā⁽²⁾.

Khi xây dựng Migāramātipāsāda (Giảng đường mẹ Migāra)⁽³⁾, đại tín nữ Visākhā tuy mến mộ Đức Sāriputta, nhưng bà khâm phục năng lực thần thông của Đức Moggallāna.

Bà Visākhā trình lên Đức Thế Tôn: “Xin Đức Moggallāna trợ giúp bà xây dựng Migāramātipāsāda (Giảng đường mẹ Migāra)”. Và Đức Thế Tôn đồng ý.

Với năng lực thần thông của mình, Đức Moggallāna trợ giúp bà tín nữ Visākhā xây dựng nhanh chóng Giảng đường mẹ Migārabằng cách rút ngắn con đường vận chuyển vật liệu đến nơi xây dựng ...

2- Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc).

Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc) hai lần lâm trọng bệnh, theo lời thỉnh cầu của trưởng giả, Ngài Sāriputta cùng với Ngài Moggallāna đến viếng thăm trưởng giả Anāthapiṇḍika ở tư gia.

3- Gia chủ Vappa.

Vappa là một vương tử (rājakumāra) thuộc dòng Sakka (ThíchCa), Vappa là đệ tử của phái Nigaṇṭha⁽⁴⁾.

Vương tử Vappa đến viếng thăm Đức Moggallāna nơi vườn Nigrodha (cây Bàng), gần kinh thành Kapilavatthu (Cātṭlavệ), sau những lời chào hỏi thân hữu, Vương tử Vappa ngồi xuống một bên.

Đức Moggallāna nói với Vương tử Vappa rằng:

- Nay Vappa, ở đây có thể có người thân được chế ngự, lời được chế ngự, ý được chế ngự, vô minh được viên ly, minh được sinh khởi.

Người có thấy, người ấy do một nhân duyên nào, các ô nhiễm (āsava) khiến cảm thọ đau khổ có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai?

- Thưa Tôn giả, con có thể thấy trường hợp ấy. Ở đây, thưa Tôn giả, do ác nghiệp tạo từ trước chưa cho quả, do nhân duyên ấy, khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai.

Ghi chú.

Ở đây, Đức Moggallāna nêu ra *khô luân hồi*, nhưng vương tử Vappa lại hiểu là *cảm thọ* của pháp hành.

Câu chuyện đàm luận của hai vị tạm thời bị bỏ dỡ, vì Đức Thế Tôn ngự đến Giảng đường nơi tự viện Nigrodha,

Sau khi ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn, Đức Thế Tôn hỏi Ngài Moggallāna:

- Nay Moggallāna, câu chuyện gì được nói đến khi các người ngồi tụ hội nơi này?

Ngài Moggallāna trình lên Đức Thế Tôn về cuộc đàm luận giữa Ngài và vương tử Vappa bị tạm dừng. Đức Thế Tôn hỏi vương tử Vappa rằng:

- Nay Vappa, có thể có cuộc nói chuyện giữa Ta và người, nếu người có thể chấp nhận điều người có thể chấp nhận, có thể bác bỏ điều đáng được bác bỏ; trong trường hợp *người không thể hiểu biết được rõ ý nghĩa lời nói của Ta*, người hỏi Ta thêm về vấn đề ấy: “Bạch Thế Tôn, lời nói này, ý nghĩa là gì?”.

Vương tử Vappa chấp nhận điều kiện này để có cuộc nói chuyện với Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn hỏi vương tử Vappa rằng:

* Nay Vappa, người nghĩ thế nào? Nếu do duyên *thân khởi động* (kāyasamārambhapaccayā), các ô nhiễm tàn hại, nhiệt não (vighātapariḷāhā) khởi lên. Người ấy chế ngự *thân khởi động* ấy, như vậy những ô nhiễm tàn hại, nhiệt não

(1)- DhpA. Câu số 249 – 250.

(2)- Bản Sớ giải Miến Điện ghi nhận bà chứng đắc Thánh quả Dự Lưu vào hạ thứ hai của Đức Thế Tôn, trong quyển ĐP và 45 năm Hoảng Pháp Độ sinh (tập 6), chúng tôi ghi nhầm là hạ thứ nhất. Xin được đính chính lại.

(3) – Còn được gọi là Pubbārāma (chùa Đông Phương) vì nằm ở phía đông kinh thành Sāvathī (Xávệ).

(4)- AA.ii, 559. Giải thích Vappa là chú (cūlapitā) của Bôtát Siddhattha (SĩĐạtTa).

không có nơi người ấy nữa (evaṃ sa). Người ấy không tạo nghiệp mới, còn nghiệp quá khứ, do *cảm xúc thường xuyên* (phussa phussa = phusitvā) được chấm dứt; con đường đưa đến héo mòn các phiền não (nijjarā = kilesajiranaka paṭipadā) là thiết thực hiện tại (saṅdiṭṭhiko), không có thời gian (ākāliko), đến để mà thấy (ehi-passiko), có khả năng hưởng thượng (opānāyiko), được người trí tự mình hiểu biết (paccattam ve viññūhi).

Này Vappa, người có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các ô nhiễm khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

* Này Vappa, người nghĩ thế nào? Nếu do duyên *lời nói khởi động*, các ô nhiễm tàn hại, nhiệt não khởi lên. Người ấy chế ngự *lời nói khởi động* ấy, như vậy những ô nhiễm tàn hại, nhiệt não *không có nơi người ấy nữa*. Người ấy không tạo nghiệp mới, còn nghiệp quá khứ được người trí tự mình hiểu biết.

Này Vappa, người có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các ô nhiễm khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

* Này Vappa, người nghĩ thế nào? Nếu do duyên *ý khởi động*, các ô nhiễm tàn hại, nhiệt não khởi lên. Người ấy chế ngự *ý khởi động* ấy, như vậy những ô nhiễm tàn hại, nhiệt não *không có nơi người ấy nữa*. Người ấy không tạo nghiệp mới, còn nghiệp quá khứ được người trí tự mình hiểu biết.

Này Vappa, người có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các ô nhiễm khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

* Này Vappa, người nghĩ thế nào? Đối với các ô nhiễm tàn hại, nhiệt não do **duyên vô minh** khởi lên, vô minh được từ bỏ, **minh khởi lên**, như vậy những ô nhiễm tàn hại, nhiệt não *không có nơi người ấy nữa*. Người ấy không tạo nghiệp mới, còn nghiệp quá khứ được người trí tự mình hiểu biết.

Này Vappa, người có thấy trường hợp ấy, do nhân duyên này, các ô nhiễm khiến cảm thọ khổ đau có thể khởi lên cho người ấy trong tương lai không?

- Thừa không, bạch Thế Tôn.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên pháp *diệt trừ các ô nhiễm* bằng cách gìn giữ sáu cửa: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Nghe xong thời pháp thoại này, Vương tử Vappa xin được làm cận sự nam của Tam bảo trọn đời⁽¹⁾.

4- Kỹ nữ Vimalā.

Một kỹ nữ danh tiếng trong thành Vesālī (Quảng Nghiêm) có một người con gái xinh đẹp, được đặt tên là Vimalā. Khi Vimalā lớn lên cô nối nghiệp mẹ, trở thành một kỹ nữ danh tiếng trong thành Vesālī.

Có lần nhìn thấy trưởng lão Moggallāna đang ôm bát đi khất thực trong thành Vesālī, nàng cảm thấy thương yêu vị Samôn đang đi “xin ăn” theo từng nhà, nàng đi đến quyến rũ vị Samôn ấy (có người nói rằng: Nàng bị nhóm ngoại giáo xúi giục, nên làm như vậy).

Đức Moggallāna khiển trách nàng Vimalā với bốn kệ ngôn sau:

1153- Aṭṭhikaṅkalakuṭike; maṃsanhārupasibbite.

Dhiratthu pure duggandhe; paragatte mamāyase.

“Với am, sườn bằng xương; may dính với gân thịt.

Góm thay, đây hơi thú; mang tay chân người khác⁽²⁾”.

1154- Gūthabhaste taconaddhe; uragaṇḍipisācīni.

(1)- A.ii, 196 (HT. TMC dịch). Bản Sớ giải kinh này có cho biết: Sau khi nghe xong thời pháp thoại này, Vương tử Vappa chứng đắc Thánh quả Dự Lưu.

(2)- Paragatte.

Nava sotāni te kāye; yāni sandanti sabbadā.

“Cái bị đưng đây phân; được da bao bọc lại.

Ôi! Con quý cái kia; với vú bị ung nhọt.

Thân người chín dòng nước; luôn luôn được tuôn chảy”.

1155- Tava sarīraṃ navasotaṃ; duggandhakaraṃ paribandhaṃ.

Bhikkhu parivajjayate taṃ; mīḷhaṃ ca yathā sucikāmo.

“Thân người chín dòng nước; hôi thối, tạo trói buộc.

Tỳkhuu tránh thân ấy; như kẻ sạch tránh phân”.

1156- Evañce taṃ jano jaññā, yathā jānāmi taṃ ahaṃ.

Ārakā parivajjeyya; gūthaṭṭhānaṃva pāvuse.

“Nếu người khác biết người; như ta được biết người.

Người ấy tránh xa người; như nước mưa tránh phân”.

Nàng Vimalā cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ Đức Moggallāna rồi thưa rằng:

1157- Evametam mahāvīra; yathā samaṇa bhāsasi.

Ettha ceke visīdanti; paṅkamaḥiva jaraggavo.

“Thật là vậy, đại hùng; như Samôn Ngài nói.

Ở đây có kẻ đấm; như bò già trong bùn”.

Đức Moggallāna nhận thấy tâm của nàng Vimalā hồi cải, Ngài thuyết lên Pháp thoại vẫn tất để cảnh tỉnh nàng, như sau:

1158- Ākāsamhi haliddiyā; yo maññetha rajetave.

Aññena vāpi raṅgena; vighātudayameva taṃ.

“Ai nghĩ có thể nhuộm; bầu trời với màu nghệ.

Hoặc với màu sắc khác; kẻ ấy chỉ thất bại”.

1159- Tadākāsasamaṃ cittaṃ; ajjhattaṃ susamāhitaṃ.

Mā pāpacitte āsādi; aggikhandhaṃva pakkhimā.

“Tâm Ta giống trời ấy; nội tâm khéo định tĩnh.

Chớ đem ác tâm đến; như chim rơi đồng lửa”.

1160- Passa cittaṃ bimbaṃ; arukāyaṃ samussitaṃ.

Āturaṃ bahusaṅkappaṃ; yassa natthi dhuvam ṭhiti.

“Hãy xem bóng trang sức; nhóm vết thương tích tụ.

Bệnh hoạn nhiều tham tưởng; nhưng không gì trường cửu”(HT. TMC d)⁽¹⁾.

Nàng Vimalā nghe lời giáo giới vẫn tất của Đức Moggallāna, nàng xin quy ngưỡng Tam bảo đến trọn đời.

Về sau, bà xin được xuất gia trong Ni đoàn, nhớ lại lời dạy của Đức Moggallāna bà cố tâm quán xét về thể trược của thân ngũ uẩn, chứng đạt Thánh quả Alahán.

Hồi tưởng lại đời mình cùng kết quả đã chứng đạt, hân hoan bà Thánh nữ Vimalā nói lên năm kệ ngôn, tuyên bố lên Thánh trí của mình.

72- Mattā vaṇṇena rūpena; sobhaggena yasena ca.

Yobbanena cupatthaddhā; aññāsamatimaññihaṃ.

“Say mê với giai cấp; với dung sắc tuổi xuân.

Với danh xưng, danh vọng; ta ỷ lại tuổi trẻ”.

73- Vibhūsetvā imaṃ kāyaṃ; sucittaṃ bālalāpanaṃ.

Aṭṭhāsiṃ vesidvāramhi; luddo pāsamivoḍḍiya.

“Thân này ta trang điểm; ta khêu gọi kẻ ngu⁽²⁾.

Ta đứng trong khung cửa; tại cửa hàng buôn sắc.

Như thợ săn ác độc. Đang gieo đặt⁽³⁾ bẫy mồi”.

74- Pīlandhanaṃ vidaṃsentī; guyhaṃ pakāsikaṃ bahuṃ.

Akāsiṃ vividhaṃ māyaṃ; ujjagghantī bahuṃ janaṃ.

(1)- Thag. Kệ ngôn trường lão Moggallāna.

(2)- Bālalāpanaṃ.

(3)- Oḍḍiya.

“Ta khoa trương trang sức; phô bày nhiều chỗ kín⁽¹⁾.
Để chiêm biếm⁽²⁾ nhiều người; Ta làm nhiều ảo thuật.

75- Sājja piṇḍaṃ caritvāna; muṇḍā saṅghāṭipārutā.
Nisinnā rukkhamaṃhi; avitakkassa lābhinī.

“Hôm nay ta khất thực; đâu trọc, đắp đại y.
Ta ngồi dưới gốc cây; ta chứng định không tâm”.

76- Sabbe yogā samucchinnā; ye dibbā ye ca mānūsā.
Khepetvā āsave sabbe; sitibhūtāmaṃhi nibbutā’ti.

“Mọi khổ ách đoạn tận; cả cõi trời, cõi người.
Quảng bỏ mọi lậu hoặc; ta mát lạnh tịch tịnh” (HT.TMC d)⁽³⁾.

5- Thiên cung huy hoàng (Uḷāravimāna).

Trong thành Rājagaha (Vương xá) có một gia đình hộ độ của Đức Moggallāna. Trong gia tộc này có một thiếu nữ được nghe Pháp thoại từ Đức Moggallāna, nàng hoan hỷ với hạnh bố thí, nàng luôn luôn cúng dường hay bố thí phân nửa những gì nàng có.

Khi trưởng thành, nàng được gả về một gia đình ngoại giáo trong thành Rājagaha (Vương xá), một hôm, thấy Đức Moggallāna đang đi khất thực, nàng lấy chiếc bánh của mẹ chồng cúng dường đến Đức Moggallāna.

Khi biết được, bà mẹ chồng của nàng nổi giận và vát chày đập vào người nàng. Do thân mảnh mai yếu đuối, nàng mệnh chung, tái sinh về cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba), là thiên cung chủ một thiên cung có tên là Uḷāravimāna (Thiên cung huy hoàng).

Về sau, Đức Moggallāna lên viếng cõi Tāvātimsa và gặp nàng nơi thiên cung ấy. Khi Đức Moggallāna hỏi về phước sự được thành tựu thiên cung này, nàng thiên nữ trình lên Đức Moggallāna về tiền sự của mình⁽⁴⁾.

6- Thiên cung Cúng dường đường mía (Ucchudāyikāvimāna).

Tương tự như trên, nhưng nàng thiếu nữ này cúng dường đến Đức Moggallāna miếng đường mía dành cho bà mẹ chồng. Bà nổi giận dùng gheo đầu phang vào người nàng, khiến nàng ngã ra chết tức khắc.

Mệnh chung, nàng tái sinh về cõi Tāvātimsa, là cung chủ một thiên cung có tên gọi là Ucchudāyikāvimāna (thiên cung Cúng dường đường mía).

Về sau Đức Moggallāna đến viếng cõi Tāvātimsa, có gặp nàng nơi thiên cung này và trình lên Đức Moggallāna tiền nghiệp của mình⁽⁵⁾.

7- Gia chủ Gopāla.

Có một nam gia chủ là người chăn bò (gopāla) trong thành Rājagaha (Vương xá), là người cận sự của Tam bảo. Vào buổi sáng, Đức Moggallāna đưa trí quán xét, thấy Gopāla (người chăn bò) sẽ mệnh chung, y sẽ rơi vào khổ cảnh.

Đức Moggallāna suy nghĩ: “Ta hãy đến tế độ Gopāla, Gopāla sẽ cúng dường vật thực đến ta, nhờ phước thiện này, Gopāla sẽ sinh về thiên giới”.

Suy xét như vậy rồi, vào buổi sáng, Đức Moggallāna vận y tề chỉnh, tay cầm y bát đi vào thành Rājagaha (Vương xá) khất thực.

Bấy giờ, Gopāla cũng đang chuẩn bị ra đồng để chăn đàn bò cho chủ, Gopāla dùng gạo nấu với sữa bò mà y có được, làm thành món cơm *kumāsa* (cơm nấu với sữa đông đặc). Trên đường ra đồng ruộng để chăn bò, Gopāla nhìn thấy Đức Moggallāna đang ôm bát đi khất thực từng nhà, bấy giờ mặt trời đã lên cao, Gopāla suy nghĩ: “Những con bò không ai chăn, sợ e chúng sẽ đi sang ruộng lúa của người khác, chúng

(1)- Guyhaṃ.

(2)- Ujagghanti.

(3)- Thig. Kệ ngôn trưởng lão ni Vimalā.

(4)- VvA. Uḷāravimānavatthu (chuyện thiên cung Huy hoàng).

(5)- VvA. Ucchudāyikāvimānavatthu (chuyện thiên cung cúng dường đường mía). Một câu chuyện tương tự như trên có tên là Ucchuvimāna (Thiên cung đường mía), nhưng chi tiết có khác là: “Bà mẹ chồng dùng đá ném vào đầu nàng, nàng ngã lăn ra chết”.

ăn những lúa của người khác, như vậy ta sẽ bị chủ đánh. Nhưng giờ đây ta đang gặp Ngài đi khất thực, sở dĩ ta nghèo khổ vì những kiếp trước ta không tạo phước.

Vậy ta nhanh chóng ra ruộng hay cúng dường cơm *kumāsa* mà ta mang theo ăn để chặn bò trong ngày đến Ngài?”.

Rồi Gopāla quyết định rằng: Hôm nay ta có 2 điều hạnh phúc là gặp được Ngài, đồng thời có vật cúng dường. Vậy ta hãy cúng dường vật thực đến Ngài để tạo phước báu cho hiện tại lẫn tương lai, cho dù đàn bò có làm hại ruộng người khác, ta bị chủ đánh chết ta cũng hài lòng.

Quyết định xong rồi, Gopāla đi đến đánh lễ Đức Moggallāna bạch rằng:

- Kính bạch Ngài, con xin được cúng dường món *cơm sữa đông* này đến Ngài.

Đức Moggallāna mở nắp bát ra, khi món cơm sữa được rót vào bát của Ngài được phân nửa, Ngài đưa tay chặn lại nói rằng: Đây gia chủ, thôi vừa đủ rồi.

Gopāla bạch rằng: “Xin Ngài hãy tế độ cho những kiếp sau của con, đừng tế độ cho con kiếp này. Xin Ngài hãy nhận hết phần cơm sữa này đi”.

Rồi Gopāla trút hết phần cơm sữa vào bát của Ngài Moggallāna, Gopāla đánh lễ Đức Moggallāna với tâm cung kính.

Đức Moggallāna đi đến bên vệ đường, Ngài ngồi nơi gốc cây đại thọ, dùng món cơm sữa của Gopāla vừa cúng dường. Nhìn thấy Đức Moggallāna thọ dụng vật thực của mình, tâm Gopāla vô cùng hoan hỷ.

Gopāla nhanh chóng đi đến ruộng để trông coi đàn bò, ông bưng bả đi nhanh chẳng quan sát chi cả, một con rắn độc đang nằm cạnh bờ ruộng, Gopāla giẫm trúng rắn, rắn liền mổ vào chân Gopāla, nọc rắn độc lan nhanh và Gopāla té quy xuống cạnh bờ ruộng. Trong lúc sắp mệnh chung, hình ảnh Đức Moggallāna thọ dụng *cơm sữa đông* hiện lên trong tâm thức của Gopāla.

Mệnh chung, Gopāla sinh về cõi Tāvātimsa, là thiên chủ tòa thiên cung bằng vàng cao rộng 12 do tuần, có 64 nàng thiên nữ xinh đẹp tùy tùng.

Khi Đức Moggallāna viếng thăm cõi Tāvātimsa có đến viếng thiên cung này và thiên tử Gopāla đến đánh lễ Đức Moggallāna.

Thiên tử Gopāla nói lên tiền sự của mình, khi trưởng lão Moggallāna hỏi đến⁽¹⁾.

8- Thiên cung Cúng dường trái cây (Phaladāyaka vimāna).

Đức Thế Tôn khi trú ngụ nơi Veḷuvana (rừng Trúc), gần thành Rājagaha (Vương xá), nơi nuôi dưỡng những con sóc.

Bấy giờ vua Bimbisāra (Bìnhsa) chợt thèm ăn xoài sái mùa, liền cho gọi người giữ vườn Ngự Uyển đến bảo rằng:

- Hãy mang về đây cho ta những trái xoài chín.

- Thưa Đại vương, chẳng tìm đâu ra trái xoài trong mùa này cả. Trong vườn không thể có cây xoài nào ra trái trong mùa này. Tuy nhiên, con sẽ cố gắng hết sức nếu đại vương kiên nhẫn chờ đợi một thời gian ngắn.

- Tốt lắm, người hãy cố gắng làm cho xoài có trái sái mùa đi.

Người giữ vườn đi vào vườn Ngự Uyển, đến gốc những cây xoài, bới đất ra khỏi gốc xoài, rồi đưa vào đó một hỗn hợp dung dịch có tên là phārusaka⁽²⁾, rồi tưới nước vào những gốc cây xoài.

Không bao lâu sau, những cây xoài đã trở lá mới, rồi trở hoa, kết trái rất nhiều; khi trong vườn Ngự Uyển có được 4 trái xoài vừa chín mọng, người giữ vườn hái bốn trái xoài chín mọng này mang vào cung để dâng cho vua Bimbisāra.

Trên đường mang xoài vào cung, người giữ vườn nhìn thấy Đức Moggallāna đang khất thực theo từng nhà, ông suy nghĩ:

- Đức Thế Tôn có dạy: Người bố thí trái cây đầu mùa, gọi là bố thí hợp thời; sẽ nhận được lợi ích lớn, có quả báu lớn. Nhưng đây là những quả xoài ta định mang

⁽¹⁾-Vv. vii. 6; VvA. 308 . Thiên cung “người chặn bò” (Gopālavimāna).

⁽²⁾-Là loại dung dịch kích thích các loại hoa hay trái cây, cho ra hoa hay trái sái mùa.

vào cung dâng cho Đức vua; lễ thường các vị vua thường hung dữ và ngang tàng; nếu biết ta dâng xoài này đến Ngài Moggallāna, Đức vua sẽ hành phạt ta, nhẹ nhất là đuổi ta ra khỏi vườn Ngự Uyển; hoặc có thể tử hình ta.

Hiện tại ta đã già, chẳng còn sống bao lâu nữa, ta là người thiếu phước nên sinh vào dòng nô lệ (caṇḍāla), phải phục dịch cho người hữu phước như đức vua Bimbisāra, gần suốt cuộc đời ta chưa được an nhàn.

Vậy ta hãy tạo phước thiện, để trong tương lai ta sẽ có được cuộc sống an lành, cho dù đức vua Bimbisāra có trừng phạt hay giết chết ta, ta vẫn hài lòng.

Sau khi suy gẫm xong, người giữ vườn quyết định cúng dường bốn trái xoài sái mùa đến Đức Moggallāna. Người giữ vườn đi đến chấp tay đánh lễ Đức Moggallāna bạch rằng:

- Bạch Ngài, con xin cúng dường đến Ngài bốn trái xoài sái mùa này. Xin cho con được an lạc trong kiếp này cùng những kiếp mai hậu. Xin cho con đạt được an lạc pháp mà Ngài đã đạt được.

Rồi đặt vào bát của Đức Moggallāna bốn trái xoài, cung kính đánh lễ Đức Moggallāna. Đức Moggallāna phúc chúc đến người giữ vườn rằng:

“Mong ước nguyện của người mau chóng thành tựu như ý nguyện”.

Người giữ vườn Ngự Uyển nghe được lời chúc phúc của Đức Muckiễnkiên, tâm vô cùng hân hoan, đi đến Hoàng cung. Vua Bimbisāra thấy người giữ vườn Ngự Uyển đến, liền hỏi rằng:

- Này người giữ vườn, hôm nay có xoài chín chưa?

- Thưa Đại vương, hôm nay có bốn trái xoài chín, con mang vào cung để dâng lên Đại vương. Trên đường đến Hoàng cung, con gặp Đức Moggallāna đang đi khất thực, con cúng dường đến Ngài rồi, vì con được biết Đức Thế Tôn có dạy: “Người bố thí hợp thời là bố thí trái cây đầu mùa”.

Thưa Đại vương, trong vườn Ngự Uyển còn rất nhiều xoài, con sẽ mang đến dâng cho Đại vương.

Vua Bimbisāra cho người điều tra xem người giữ vườn có nói đúng sự thật không?

Nói về Đức Moggallāna, những gì suy nghĩ trong tâm của người giữ vườn trước khi cúng dường bốn trái xoài sái mùa, Ngài thấu rõ.

Khi nhận bốn trái xoài sái mùa, Đức Moggallāna suy nghĩ: “Người này không tiếc sinh mạng để tìm cầu phước báu. Tâm lực của người này thật dũng mãnh, ta nên dâng bốn trái xoài sái mùa này đến Đức Thế Tôn, để làm tăng trưởng phước đến người này”.

Đức Moggallāna trở về Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), dâng bốn trái xoài sái mùa lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn thọ dụng một trái, ban cho Ngài Sāriputta một trái, Ngài Moggallāna một trái, Ngài Mahā Kassapa một trái.

Thám tử của vua Bimbisāra biết được việc này, về trình lên vua sự kiện trên.

Vua Bimbisāra hoan hỷ trong tâm rằng: “Người này chẳng màng sống chết, chỉ cố tìm cầu phước báu. Thật là can đảm”.

Vua Bimbisāra nói với người giữ vườn rằng:

- Này người giữ vườn, người đã làm một việc làm rất dũng mãnh, là việc làm đúng đắn được người trí tán thán. Vậy người hãy chia phước báu này đến ta đi.

- Vâng, thưa Đại vương. Xin Ngài hãy nhận phước báu này theo ý của Ngài đi.

Vua Bimbisāra ban thưởng cho người giữ vườn Ngự Uyển một ngôi làng để thu thuế, một toà lâu đài để trú ngụ cùng với xe, ngựa, voi, vàng, ngọc, tôi trai, tớ gái cùng những vật dụng khác.

Chẳng bao lâu sau, người giữ vườn Ngự Uyển mệnh chung, tái sinh về cõi trời Tāvātimsa, là cung chủ toà thiên cung bằng vàng ròng, cột bằng ngọc bích, cao rộng 16 do tuần, có 700 mái cong bằng 7 loại ngọc báu, có ngàn thiên nữ tùy tùng.

Khi Đức Moggallāna đến cõi Trời Tāvātīṃsa, có viếng thăm toà thiên cung này. Và vị thiên tử chủ thiên cung đi đến đánh lễ Đức Moggallāna, rồi tường thuật lên Đức Moggallāna tiền sự của mình⁽¹⁾.

9- Thiên tử Kuṇḍalī (Thiên tử “vòng đeo tai”).

Có lần hai vị Thượng thủ thỉnh văn du hành cùng với 1.000 Tỳkhuu tùy tùng, đến xứ Kāsi. Hai Ngài đến một tự viện vào lúc mặt trời lặn, một cận sự nam đang chăm sóc đồng cỏ của tự viện, được tin hai vị trưởng lão cùng chư Tỳkhuu đến tự viện, cận sự nam đi đến đánh lễ hai vị Trưởng lão, mang nước rửa chân, dầu thoa chân đến cúng dường, rồi sửa soạn chỗ ngụ cho hai vị Trưởng lão cùng các vị Tỳkhuu.

Thời gian sau, người cận sự nam này mệnh chung, tái sinh về cõi Tāvātīṃsa (Ba mươi Ba), là thiên cung chủ tòa thiên cung bằng vàng cao rộng 12 do tuần, thiên tử có đeo vòng hoa tai vàng, nên được gọi là Kuṇḍalīdeva (thiên tử Kuṇḍalī).

Khi Đức Moggallāna đến cõi trời Ba mươi Ba, có đến viếng thiên cung này, thiên tử Kuṇḍalī đến đánh lễ Đức Moggallāna, rồi trình lên trưởng lão Moggallāna về tiền sự của mình⁽²⁾.

10- Nàng Sulasā.

Trong thành Rājagaha (Vương xá) có một đại trưởng giả, thường được gọi là Mahādhana (đại tài sản).

Đại trưởng giả Mahādhana chỉ có một người con trai, nhưng không cho con học nghiệp nghệ chỉ cả vì sợ con mệt nhọc.

Khi con trai trưởng thành, Mahādhana cưới một cô gái là con gái độc nhất của một gia tộc trưởng giả tương xứng về làm vợ cho con, cô gái này cũng được cha mẹ nuông chiều, nên cũng chẳng có học hành gì.

Hai vợ chồng trẻ mãi mê hưởng thụ dục lạc, chẳng quan tâm đến việc tích lũy phước báu cho mình.

Khi cha mẹ qua đời, cả hai thọ hưởng một đại gia sản lớn, nhưng vì giao du với những người bạn xấu, chàng trai lâm vào nghiện rượu, đã phung phí tài sản cho những cô gái, những người ca hát để phục vụ trong buổi tiệc tùng ...

Chẳng bao lâu, tài sản cha mẹ để lại đã khánh tận, cả hai phải dẫn nhau đi ăn xin để sống qua ngày.

Những tên cướp nhìn thấy thân hình của chàng trai lực lưỡng, khoẻ mạnh nên đầu nạ chàng trai vào nhóm.

Một lần nọ, khi đi đánh cướp, chàng trai đã bị quan quân bắt được, bị khép vào tội tử hình, khi dẫn tên cướp đi khắp thành Rājagaha để rao truyền cho chúng dân biết, những người lính dẫn tên cướp đi ngang qua lâu của nàng kỹ nữ Sulasā.

Trước đây, khi còn giàu sang, chàng trai từng giao du với nàng kỹ nữ Sulasā, nàng Sulasā suy nghĩ: “Chàng trai này trước đây sống trong vinh hoa, nay phải ra cảnh cơ hàn và giờ đây lại mang án tử hình. Thật đáng kinh cảm thay cho những nỗi bất hạnh của cuộc đời”.

Nàng mang đến cho tên tử tội bốn cái bánh ngọt cùng với nước uống, nói với những người áp tải tội nhân rằng:

- Xin các Ngài hãy dừng chân, hãy cho người tử tội này dùng ít bánh ngọt và uống nước rồi hãy dẫn đi.

- Được thôi, này cô.

Vào sáng hôm ấy, Đức Moggallāna với thiên nhân quán xét thế gian, thấy được cảnh ngộ của chàng trai, tâm Ngài nổi lên lòng bi mẫn, suy nghĩ:

“Người này không tích lũy phước cho mình, lại tạo thêm ác nghiệp. Mệnh chung y phải rơi vào cảnh giới địa ngục, nhưng khi gặp được ta, y sẽ cúng dường số bánh mà y có được. Nhờ thế y sẽ sinh làm chư thiên địa cầu, đó là việc làm tốt đẹp”.

(1)- VvA. 288. Thiên cung cúng dường trái cây (Phaladāyaka vimāna).

(2) - VvA. 295 . Thiên cung Kuṇḍalī.

Sau khi quán xét xong rồi, vào sáng hôm ấy Ngài Moggallāna vận y tề chỉnh, tay cầm y bát đi vào thành Rājagaha để khất thực.

Ngài đi đến nơi gã tội nhân, khi gã tội nhân sắp dùng bánh, nhìn thấy Đức Moggallāna đang đi đến từng nhà để khất thực, y suy nghĩ: “Ta là người có quả phước, trước đây ta sống trong nhung lụa nhưng không khéo gìn giữ, lại không tạo phước báu để dành trong mai hậu, nên giờ đây ta lâm vào cảnh bất hạnh như thế này. Bữa ăn này chỉ giúp ta no lòng trong thời gian ngắn, rồi ta cũng phải chết, nay ta may mắn gặp Ngài, ta hãy tạo phước cho kiếp sau của mình vậy”.

Suy nghĩ xong rồi, gã tội nhân đi đến Đức Moggallāna, thành kính đặt vào bát của Đức Moggallāna bốn cái bánh ngọt cùng nước uống.

Để làm tăng trưởng niềm hoan hỷ nơi gã tội nhân, Đức Moggallāna đi đến ngồi nơi mà gã tội nhân có thể nhìn thấy, Ngài thọ dụng bánh ngọt ấy với nước uống.

Gã tội nhân bị tử hình, mệnh chung tái sinh là vị *thần cây* (devarukkha) trong khu rừng rậm ngoài thành Rājagaha.

Thật ra, gã tội nhân có thể tái sinh vào cảnh giới cao hơn, nhưng trong lúc sắp bị hành quyết, nhớ đến phước thiện mình vừa tạo gã tội nhân lại nghĩ đến nàng kỹ nữ Sulasā rằng: “Nhờ nàng Sulasā cho ta bốn bánh ngọt và nước uống, nên ta có dịp tạo phước”, rồi y phát sinh ái luyến nàng Sulasā, do phiền não tham ái này, y tái sinh thành *thần cây* (rukkhadeva).

Một hôm, nhìn thấy nàng Sulasā đang đi vào vườn Ngự uyển để du ngoạn, tâm khát ái của vị *thần cây* khởi lên, *thần cây* làm cho trời đất tối sầm lại rồi đưa nàng Sulasā vào cảnh giới của mình, nói cho nàng Sulasā biết rõ tiền sự của mình, rồi cùng nàng Sulasā thọ hưởng dục lạc nơi cảnh giới chư thiên ấy.

Đột nhiên thấy nàng Sulasā mất tích, những người hầu của Sulasā báo tin cho mẹ nàng Sulasā biết, bà đi khắp nơi trong thành Rājagaha (Vương xá) để tìm nàng Sulasā. Những người cận sự trong thành Rājagaha thương tình, báo rằng:

- Đây bà cụ, trưởng lão Moggallāna là bậc có đại thần thông, Ngài có thể thấy được mọi việc. Vậy bà hãy đến hỏi trưởng lão về tung tích của nàng Sulasā.

Vô cùng mừng rỡ, bà đi đến hỏi Đức Moggallāna về tung tích nàng Sulasā.

Với thiên nhãn, Ngài Moggallāna thấy rõ mọi việc, Ngài dạy rằng:

- Đây bà, sau 7 ngày nữa bà sẽ được thấy nàng Sulasā nơi Giảng pháp đường trong Veluvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), gần thành Rājagaha này.

Vào ngày thứ 7, nàng Sulasā chợt nhớ đến mẹ, nàng suy nghĩ: “Chắc hiện tại mẹ ta rất lo lắng vì sự mất tích của ta”. Nàng nói với thiên nhân rằng:

- Thừa thiên nhân, cuộc sống của tôi nơi cảnh giới của N gài thật không thích hợp. Hôm nay là ngày thứ 7 rồi, mẹ tôi không nhìn thấy tôi, bà rất lo lắng và sầu khổ vô cùng. Xin thiên nhân hãy đưa tôi về thế giới loài người, để tôi được gặp lại mẹ tôi.

Và vị *thần cây* đã trả nàng Sulasā trở về nhân giới nơi Veluvana (rừng Trúc), nàng xuất hiện trong đại chúng đang lắng nghe Đức Thế Tôn giảng pháp thoại và mẹ nàng đã nhìn thấy nàng Sulasā. Quá vui mừng, bà kêu lớn rằng:

- Hỡi này Sulasā yêu mến, con đi đâu suốt cả 7 ngày nay?

Nàng Sulasā thuật lại câu chuyện lạ kỳ giữa nàng và vị *thần cây*.

Đức Thế Tôn xác nhận sự thật như nàng Sulasā trình bày, nhân đó Đức Thế Tôn lấy câu chuyện này làm đề tài cho bài pháp thoại, mang lợi ích đến cho thánh chúng⁽¹⁾.

11- Trưởng lão ni Nanduttarā.

Trong thời Đức Phật còn tại tiền, bà sinh ra trong một gia tộc Bàlamôn ở thị trấn Kammāsadamma (còn viết là Kammāsadhama) của xứ Kuru.

Bà học hỏi rồi xuất gia theo giáo phái Niganṭha, rất giỏi biện luận, bà cầm nhánh trâm (jambu) như biểu tượng của mình, đi khắp xứ Ấn cổ để tìm người tranh biện.

(1)- Pv. i. 1; PvA. 3. (Chuyện số 1). Có thể đây là chuyện kể trong Milanda, p. 350, như “hội chúng của Sulasā”.

Thế rồi, khi bà đi đến thành Sāvatti (Xávệ), bà bị Đức Moggallāna đánh bại. Bà tôn Đức Moggallāna là sư phụ.

Theo lời khuyên của Đức Moggallāna, bà xuất gia trong Ni đoàn, không bao lâu bà chứng Đạt Thánh quả Alahán với Tuệ phân tích. Suy tư về thành quả đã đạt được của mình, bà hân hoan nói lên 5 kệ ngôn:

87- Aggim candañca sūriyañca; devatā ca namassiham.

Naditthāni gantvāna; udakam oruhāmiham.

“Trước ta đánh lễ lửa; trăng, mặt trời, chư thiên.

Ta đi đến bên sông; ta xuống nước, lê tắm”.

88- Bahūvatasamādānā; aḍḍham sisassa olikhiṃ.

Chamāya seyyam kappemi; rattim bhattam na bhuñjaham.

“Chấp nhận nhiều giới cấm; ta chỉ cạo⁽¹⁾ nửa đầu.

Ta nằm ngủ dưới đất; cơm tối ta không ăn”.

89 - Vibhūsamaṇḍanaratā; nhāpanucchādanehi ca.

Upakāsim imam kāyam; kāmarāgena aṭṭitā.

“Thích trang điểm, trang sức; ưa tắm rửa, xoa bóp.

Thân này ta cung dưỡng; thoả mãn các dục tham”.

90- Tato saddham labhitvāna; pabbajim anagāriyam.

Disvā kāyam yathābhūtam; kāmarāgo samūhato.

“Từ khi được lòng tin; không nhà ta xuất gia.

Ta thấy thân như Phật; nhờ sạch các dục tham.

91- Sabbe bhavā samucchinnā; icchā ca patthanāpi ca.

Sabbayogavisamyuttā; santim pāpuṇi cetaso’ti.

“Mọi sinh hữu chặt đứt; cả ham muốn hy cầu.

Mọi ách nạn giải tỏa; Ta đạt tâm an tịnh” (HT TMC d)⁽²⁾.

12- Thiên chủ Sakka (Đếthích).

Một thời Đức Thế Tôn trú ở Migāramātupāsāda (Giảng đường mẹ Migāra).

Thiên chủ Sakka đi đến hỏi pháp nơi Đức Thế Tôn⁽³⁾ rằng:

- Bạch Thế Tôn, xin Ngài hãy giảng tóm tắt: Thế nào là một Tỳkhuu ái tận giải thoát, thành tựu mục đích của đời sống phạm hạnh.

Đức Thế Tôn dạy rằng: *“Vị Tỳkhuu sau khi được nghe rằng: “Không có gì đáng nắm giữ”, vị ấy biết rõ tất cả pháp, biết một cách rõ ráo, và nhờ biết rõ ráo tất cả pháp. Mỗi khi một cảm thọ khởi lên, thuộc loại lạc, khổ hay bất khổ bất lạc, vị ấy đều quán vô thường, ly tham, đoạn diệt, từ bỏ.*

Do quán như vậy, vị ấy không **nắm giữ**, do không nắm giữ nên không có phiền não, chứng Nípàn.

Nghe vậy, Thiên chủ Sakka hoan hỷ tín thọ lời Phật dạy, rồi biến mất tại chỗ⁽⁴⁾.

Khi ấy Ngài Moggallāna ngồi cạnh Đức Thế Tôn không xa, suy nghĩ: “Không hiểu vị Dạ xoa (yakkha) kia, sau khi hoan hỷ lời dạy của Đức Thế Tôn, có ghi nhớ hay không? Ta hãy tìm hiểu xem”.

Đức Moggallāna lên đến cõi trời Tāvatisa (Ba mươi Ba), bấy giờ Thiên chủ Sakka cùng 500 thiên nữ đang vui chơi nơi vườn Ekapaṇḍarika (Đóa sen trắng).

Thiên chủ Sakka (Đếthích) cho dừng những loại nhạc khí chư thiên, đi đến đánh lễ Ngài Moggallāna, thỉnh Đức Moggallāna ngồi vào nơi được soạn sẵn ở chỗ cao, còn mình ngồi vào chiếc ghế thấp hơn. Ngài Moggallāna hỏi:

- Nay Kosiya, Đức Thế Tôn thuyết giảng tóm tắt đến người. Lành thay, nếu chúng tôi được nghe lại chỉ một phần những lời dạy ấy?.

(1)- Olikhiṃ

(2)- Thig. Kệ ngôn trường lão ni Nanduttarā.

(3)- Khi ấy Thiên chủ Sakka đã chứng Thánh quả Dự lưu, khi nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng bài kinh “Đếthích hỏi” (Sakkapañhā sutta) ở Trường bộ kinh.

(4)- Bấy giờ là vào lúc đêm gần tàn.

Nhưng vua Trời Sakka từ chối, viện cớ là “*bận nhiều việc phải làm cho các chư thiên*”, nhưng có nói rằng: Những lời dạy của Đức Thế Tôn rất thâm sâu vi diệu, không thể mau quên được.

Tiếp theo, Thiên chủ Sakka giới thiệu thành tích chiến thắng Asura (Atula) của thiên chúng cõi Tāvātimsa, phát sinh điện Vejayanta (Chiến thắng điện), đề nghị Đức Moggallāna đến viếng thăm điện Vejayanta.

Đến điện Vejayanta, Thiên chủ Sakka ngẫm khoe khoang kỳ công chiến thắng Asura (Atula) cùng kiến trúc tuyệt mỹ của Vejayantapasāda. Các thiên nữ đang trú ngụ nơi điện Vejayanta thấy Đức Moggallāna, mắc cỡ như con dâu thấy cha chồng, các nàng lui về biệt phòng của mình.

Để cảnh tỉnh Thiên chủ Sakka, Đức Moggallāna thi triển thần thông lực, Ngài dùng ngón chân cái chạm vào điện Vejayanta, làm rung chuyển cả toà thiên cung cao 1.000 do tuần, tưởng chừng như sắp ngã xuống, khiến Thiên chủ Sakka cùng các thiên nữ, thiên chúng kinh hoàng.

Đức Moggallāna lập lại câu hỏi:

- Này Kosiya, Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp tóm tắt đến người. Lành thay, nếu chúng tôi được nghe lại chỉ một phần những lời dạy ấy?.

Thiên chủ Sakka kinh sợ, không còn dám khước từ như lần trước, lập lại lời Đức Thế Tôn dạy không sót một từ, không sai một chữ⁽¹⁾.

***Vườn Ekapuṇḍarīka** (Đóa sen trắng).

Là khu vườn hoa trên cõi trời Tāvātimsa. Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: “Vườn được gọi tên là Ekapuṇḍarīka (Đóa sen trắng), vì vườn có độc nhất *cây xoài trắng (setambarukkha)*, ở xa trông giống như “*đóa sen trắng*” vườn cao giữa những “*chùm lá xanh*”⁽²⁾.

Vườn cây nơi du sĩ Vacchagotta trú ngụ, cũng có tên là Ekapuṇḍarīka (Đóa sen trắng), vườn ở gần Kūṭāgārasālā (Trùng các giảng đường) trong Mahāvana (Đại Lâm) gần kinh thành Vesālī (Quảng Nghiêm).

Đức Thế Tôn có đến viếng du sĩ Vacchagotta nơi vườn Ekapuṇḍarīka, nơi đây, Đức Thế Tôn thuyết lên bài kinh Tevijja-Vacchagotta⁽³⁾.

Vua Pasenadi (Patunặc) có con voi dùng để cỡi đi du ngoạn, con voi này cũng có tên Ekapuṇḍarīka, vì bên hông voi có “*đốm trắng*” lớn bằng trái thốt nốt⁽⁴⁾.

Lúc vua Pasenadi cỡi voi Ekapuṇḍarīka đi dạo, trông thấy Đức Ānanda, vua Pasenadi theo Ngài Ānanda về đến tự viện, và câu chuyện hỏi đạo giữa vua Pasenada và Đức Ānanda được ghi lại trong kinh Bāhita⁽⁵⁾.

***Điện Vejayanta** (điện Chiến thắng).

Khi Thiên chủ Sakka chiến thắng được Asura (Atula), một toà thiên cung xuất hiện nơi cõi Tāvātimsa, vì chiến thắng chúng Asura nên tòa thiên cung được mang tên Vejayantapasāda (điện Chiến thắng).

Theo Dhammapāda-atthakathā (Sớ giải kinh Pháp cú): “Đây là phước báu của Thiên chủ Sakka, trong kiếp là nhân loại có tên là Magha, thanh niên Magha có xây dựng một An dưỡng đường dành cho những người lỡ đường trú ngụ”⁽⁶⁾.

Và như thế thì vị Thiên chủ Sakka này là hậu duệ của vị Thiên chủ Sakka đầu tiên, vì thanh niên Magha chính là tiên thân của Đức Thế Tôn.

Điện Vejayanta có 100 tháp, mỗi tháp có 7 tầng, mỗi tầng có 7 tiên nữ, mỗi tiên nữ có 7 thiên nữ tùy tùng phục vụ.

(1)- M.i. “Ái tận tiểu kinh” (Cūḷatanhāsāṅkhasutta). Kinh số 37.

(2)- MA. ii. 673.

(3)-M.i, 481.

(4)- MA.752.

(5)- M.ii, 112.

(6)-DhpA. Câu số 30; DA.iii, 698.

Điện cao 1.000 dotuần, được trang trí với nhiều cờ xí, mỗi cây cờ cao 300 dotuần, cột cờ bằng vàng thì lá cờ bằng ngọc maṇi, lá cờ bằng vàng thì cột cờ bằng ngọc maṇi; cột cờ bằng san hô thì lá cờ bằng trân châu, lá cờ bằng trân châu thì cột cờ bằng san hô; lá cờ bằng thất bảo thì cán cờ cũng bằng thất bảo. Toàn cung điện Vejayanta được làm bằng 7 thứ ngọc báu.

Khi Đức Thế Tôn cùng Tôn giả Nanda đến viếng cõi trời Tāvatiṃsa⁽¹⁾, thiên chủ Sakka cùng 500 tiên nữ có bàn chân hồng(*kakūṭapādiniyo*) như chân chim Bồ câu, từ điện Vejayanta ra đánh lễ Đức Thế Tôn.

Khi vua Nemi đến viếng cõi trời Tāvatiṃsa, đức vua Nemi sống trong điện Vejayanta 7 ngày đêm (# 700 năm tính theo cõi nhân loại)⁽²⁾.

Vejayantapāsāda được khắc trên phù điêu trong Bharhut Tope⁽³⁾.

***Ngài Saṅgharakkhita.**

Điện Vejayanta còn bị Ngài Sadi Thánh Tăng Alahán tên là Saṅgharakkhita làm rung chuyển.

Cháu của Ngài Thánh tăng Alahán Mahānāga⁽⁴⁾, khi vừa cạo tóc để xuất gia Sadi, giới tử quán tưởng các thể trước theo lời thầy dạy, chứng Thánh quả Alahán.

Khi thọ giới Sadi xong, trong ngày hôm ấy Ngài khởi ý nghĩ: “Ta hãy làm rung chuyển điện Vejayanta của Thiên chủ Sakka, vì nghe nói *chưa có ai làm rung chuyển được lâu dài này*”.

Ngài Saṅgharakkhita dùng thần thông đi đến cõi trời Tāvatiṃsa, Ngài thử làm rung chuyển lâu dài Vejayanta, nhưng không thành công, các tiên nữ trong toà thiên cung Vejayanta cười chế nhạo Ngài.

Ngài Saṅgharakkhita trở về nhân giới tìm thầy là Ngài Mahānāga để thỉnh giáo, bấy giờ Ngài Mahānāga đang nghỉ trưa trong một hang động gần biển.

Ngài Mahānāga dạy Sadi Saṅgharakkhita hành thiền với *biển xứ nước* (*āpokasina*). Khi thành tựu rồi, Ngài Saṅgharakkhita trở lên cõi trời Tāvatiṃsa đi đến thiên cung Vejayanta. Thấy Sadi Saṅgharakkhita đi đến, các tiên nữ lại cười chế giễu, Ngài Saṅgharakkhita làm cho thiên cung Vejayanta chìm trong nước, rồi dùng ngón chân chạm vào đỉnh thiên cung, khiến thiên cung Vejayanta rung động. Các tiên nữ kinh hoàng, xin sám hối Ngài Saṅgharakkhita⁽⁵⁾.

Và việc này có khả năng xảy ra trước khi Đức Moggallāna làm rung chuyển điện Vejayanta.

***Xe Vejayanta.**

Chiếc xe để Thiên chủ Sakka dùng để ra trận, hay đón rước những người hữu phước như vua Nemi, nhạc sĩ Guttila, Sādhina ... lên viếng thăm cõi trời Tāvatiṃsa, chiếc xe này cũng mang tên *Vejayanta*.

Xe Vejayanta dài 150 dotuần⁽⁶⁾, được kéo đi bởi 1.000 con ngựa trời Sindhu và được thiên thần Xa phu Mātali điều khiển.

Trong *Sudhābhajana Jātaka* ⁽⁷⁾, Vejayanta được mô tả như có gọng bằng vàng và thùng xe có chạm hình chim muông. Lúc xe di chuyển cả cõi trời Tāvatiṃsa đều nghe tiếng bánh xe lăn.

Vua Chuyển luân Mahā Sudassana (Đại Thiện kiến) cũng có cỗ xe mang tên Vejayanta tối thắng trong 84 ngàn cỗ xe ⁽¹⁾, cỗ xe này được mô tả là: Ổ trục xe làm

(1)- DhpA. Câu số 13 – 14.

(2)- JA. Chuyện số 541.

(3)- Cunningham, Bharhut Tope, p. 137.

(4)- Không phải là Ngài Mahānāga (Đại Long) con của Bàlamôn Madhusevāsetṭhi ở Sāketa. Vị Mahānāga ở Sāketa thấy được năng lực thần thông của Đức Gavampati ngăn chặn nước sông Sarabhū, nên xuất gia trong giáo đoàn này (xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh tập 3). Vị Mahānāga thầy của Ngài Sadi Saṅgharakkhita còn được gọi là *Sāmuḍḍika-Mahānāga* (Mahānāga vị ở biển).

(5)- DA. ii, 558.

(6)- DA. ii. 481; SA. i. 261; JA. i. 202.

(7)- JA. v. 408. Chuyện số 535.

bằng ngọc bích, trục xe làm bằng bạc, cảm xe làm bằng 7 thứ ngọc quý, vành xe làm bằng ngọc Xacừ, được trang sức bằng những cờ xí bằng vàng, được bao bọc bởi lưới bằng vàng⁽²⁾.

13- Thiên nữ Lakhumā.

Có một nữ nhân sống trong làng Kevattadvāra gần Bārāṇasī (Balanại), rất sùng tín nơi Tam Bảo, bà thường cúng dường đến các Tỳkhuu và nghe thuyết pháp, chứng đắc được Thánh quả Dự lưu.

Khi mệnh chung, bà tái sinh về cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba), là thiên cung chủ tòa thiên cung. Khi Đức Moggallāna viếng cõi trời Tāvātimsa, Ngài đi đến tòa thiên cung này, thiên nữ Lakhumā đến đánh lễ Ngài.

Đức Moggallāna thuyết lên Pháp thoại và thiên nữ Lakhumā chứng đạt Thánh quả Nhất lai⁽³⁾.

D- Năng lực thần thông của Đức Moggallāna.

1- Biến hoá thông.

Nổi bật nhất trong các loại thần thông mà Đức Moggallāna thường thực hiện là Biến hoá thông.

Trong lãnh vực Biến hoá thông, Đức Moggallāna rất thuần thực, như Ngài tự nhận định trong Kệ ngôn trưởng lão Tăng (Theragāthā):

1.191- Sāriputtova paññāya; sīlena upasamena ca.

Yopi pāraṅgato bhikkhu; etāvaparamo siyā.

“Sāriputta với tuệ; giới hạnh, an tịnh tâm.

Tỳkhuu đến bờ kia; vị ấy thật tối thượng”.

1.192-Koṭisatasahassassa; attabhāvaṃ khaṇena nimmine.

Ahaṃ vikubbanāsu kusalo; vasībhūtomhi iddhiyā.

“Nhưng Ta, ngay giây phút; đến trăm ngàn triệu lân.

Biến hoá tự thân được; Ta thiện xảo biến hoá.

Thuần thực với thần thông” (HT. TMC d)⁽⁴⁾

Trong lần chiến thắng rồng chúa Nandopananda, Ngài hoá thành Kim xí điều (suppanna), khiến rồng chúa Nandopananda kinh sợ quy phục.

Đức Moggallāna hoá ra cầu thang từ lầu 7 của trưởng giả Kosiya keo kiệt đến cổng Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên).

Theo Dhammapāda-atthakathā (Sớ giải kinh Pháp cú), Ngài Moggallāna có xin Đức Thế Tôn cho Ngài thi triển thần thông để nhiếp phục chúng ngoại đạo, Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Moggallāna, người sẽ thực hiện điều gì?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ đặt núi Sineru (Tudi) ở giữa bàn tay, rồi bóp nát núi Sineru như bóp nát hạt đậu⁽⁵⁾.

- Nay Moggallāna, người còn thực hiện được điều gì nữa?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ đặt tất cả sinh chúng trên trái đất vào lòng bàn tay phải, trái đất vào lòng bàn tay trái, rồi quay trái đất xoay tít trên ngón tay như bình gốm xoay tít trên bàn quay của người thợ gốm.

- Nay Moggallāna, người còn thực hiện điều gì nữa?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ đặt trái đất trên đỉnh núi Sineru như cái lọng che cho núi Sineru, rồi một tay cầm lấy chân núi Sineru như cầm cán lọng, đi kinh hành giữa hư không, đại chúng đều xem thấy.

- Nay Moggallāna, người còn thực hiện được điều gì nữa?

(1)- S.iii, 145; D.ii, 187.

(2)- SA. iii, 237.

(3)- Vv. ii. 2; VvA. 97.

(4)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Moggallāna

(5)- Theo bản dịch của Ngài trưởng lão Pháp Minh thì: “Đặt núi Sineru giữa hai hàm răng, rồi nhai núi Sineru như nhai hạt cái”.

- Bạch Thế Tôn, con sẽ trái trái đất ra như tấm thảm, rồi cuốn tròn lại.
- Nay Moggallāna, Như Lai biết người có thể làm được những điều trên, nhưng đây không phải là phận sự của người⁽¹⁾.

Trong Tạng Luật, tập Phân tích Giới Tỳkhuu I. Vào lần an cư mùa mưa thứ 12, Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu ngụ gần gốc cây *Nimba* của đạxa Nāleru (Nālerupucimanda), trong thị trấn Verañjā.

Bấy giờ nạn đói phát sinh nơi thị trấn Verañjā, các Tỳkhuu tìm vật thực rất khó khăn, có những người buôn ngựa từ Uttarāpātha (Bắc Ấn) dùng chân nơi thị trấn Verañja, họ cúng dường lúa *sālī* (lúa mạch) dành cho ngựa ăn đến các Tỳkhuu, các vị Tỳkhuu phải dùng lúa *Sālī* ấy để sống.

Ngài Moggallāna đi đến Đức Thế Tôn, xin với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, hiện nay thị trấn Verañja đang gặp khó khăn về vật thực. Bạch Thế Tôn, bên trong trái đất có dưỡng tố (ojā) như mật ong tinh chất.

Bạch Thế Tôn, thật tốt đẹp, nếu con lật ngựa trái đất ra, để các Tỳkhuu thọ dụng dưỡng tố ấy.

- Nay Moggallāna, người sẽ giải quyết như thế nào về chúng sinh đang sống trên mặt trái đất?

- Bạch Thế Tôn, con sẽ hoá một tay thành như trái đất, di chuyển chúng sinh trên trái đất vào bàn tay ấy. Bàn tay còn lại, con dùng lật ngựa trái đất ra⁽²⁾.

- Nay Moggallāna, thôi đủ rồi. Người chớ có thích thú lật ngựa trái đất ra, khiến chúng sinh sẽ gánh chịu xáo trộn⁽³⁾.

Sở dĩ vào mùa an cư này, Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu dùng *lúa mạch* (*sālī*) dành cho ngựa, là do quá ác nghiệp quá khứ của Ngài cùng các vị Tỳkhuu.

Vào thời Đức Thế Tôn Phussa, Bôtát là một vị vua tên là Vijitāvi, Trước khi xuất gia trong giáo pháp của Đức Phật Phussa, Bôtát thấy các vị Tỳkhuu của Đức Phật Phussa dùng những vật thực thượng vị, Bôtát đã khinh thường các vị Tỳkhuu và miệt thị rằng: “Các ông Samôn này chỉ xứng đáng dùng *yến mạch* (*yava*)⁽⁴⁾. Bấy giờ 500 tùy tùng của Vajitāvi cũng đồng tình rằng: Đúng là như vậy.

Bôtát nay là Đức Thế Tôn, 500 tùy chúng nay là 500 vị Tỳkhuu.

Nhưng chư thiên mang vật thực trời trộn vào lúa mạch để Đức Thế Tôn dùng⁽⁵⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) trong Samantapāsādikā (Sớ giải Luật Tạng) có giải thích:

- *Verañjā là tên thị trấn*. Vị trấn trưởng là Balamôn Verañja, ông có tên là Udaya, nhưng vì sinh ra và lớn lên ở thị trấn Verañjā nên được gọi là Verañja⁽⁶⁾.

***Nālerupucimanda.**

Đây là vườn cây gần thị trấn Verañjā, trong vườn cây có một cây chánh là Pucimanda (cây *Nimba*), dưới tàn cây rất đẹp của cây này có đền thờ đạxa Nāleru, nên vườn cây được mang tên là *Nālerupucimanda*⁽⁷⁾.

Con đường lên Bắc Ấn (Uttarāpātha) phải đi ngang qua thị trấn Verañja⁽⁸⁾.

- *Pucimanda là cây Nimba*. Từ điển Pāli-English của *Pali Text Society* cho biết: Đó là một loại cây có lá đắng và gỗ cứng (tương tự như cây *Sầu đâu* ở VN). Đức Thế Tôn ngụ ở khu vực cây *Nimba* đó⁽⁹⁾.

2- Chú nguyện thông.

(1)- DhpA. Câu số 181.

(2)- Ví như người ta bỏ trái cam ra làm đôi, rồi lấy vị chất bên trong trái cam.

(3)- ĐĐ Indacando (d). Phân tích Giới Tỳkhuu I. Chương Verañja, số 6.

(4)- Là loại thực phẩm được trộn vào rượu để cho ngựa uống, làm ngựa hùng chí phi nhanh.

(5)- Ap.i, 301; ApA.i, 103; UdA. 265.

(6)- Sp.i, 111.

(7)- Sp. i, 106.

(8)- Sp.i, 184.

(9)- ĐĐ Indacando (d). Phân tích Giới Tỳkhuu I. Chương Verañja, số 1 (phần cước chú).

Với Chú nguyện thông, Đức Moggallāna làm rung chuyển Migāramātipāsāda (Giảng đường mẹ Mirāga), làm rung chuyển điện Vejayanta ở cõi trời Tāvātimsa.

Trong việc thu phục rồng chúa Nandopananda, rắn chúa Ahichatta, Ngài Moggallāna cũng sử dụng Chú nguyện thông như: Làm cho làn hơi độc tan biến, lửa, khói bị đẩy lui ...

Trong việc thu phục trưởng giả Kosiya keo kiệt thì: Đứnng, đi, ngồi trên hư không, phun khói.

**Làm xa trở thành gần.*

Như đưa đại chúng rộng 12 do tuần đi đến thành Saṅkassa dài 30 do tuần, rút ngắn đường từ lâu của trưởng giả Maccharikosiya với cổng Jetavanavihāra xa 45 do tuần gần lại với nhau.

Trong lần Đức Thế Tôn an cư mùa mưa nơi thị trấn Varāṅjā, Ngài Moggallāna xin Đức Thế Tôn cho các Tỳkhu đi khát thực ở Uttararakuru (BắcCầuLư châu), Đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Moggallāna, người sẽ giải quyết như thế nào với các Tỳkhu không có thần thông?

- Bạch Thế Tôn, bằng cách nào mà các Tỳkhu đều đi được thì con sẽ làm theo cách ấy.

- Nay Moggallāna, thôi vừa đủ rồi, người chớ thích thú việc đưa các Tỳkhu đến xứ Uttarakuru khát thực⁽¹⁾.

Sách Samantapāsādikā (Sớ giải Tạng Luật) giải thích: Ngài Moggallāna thực hiện Chú nguyện thông *làm xa trở thành gần*.

Trong việc trợ giúp bà Visākhā xây dựng Migārapāsāda (Giảng đường mẹ Migāra), Ngài Moggallāna cũng chú nguyện *xa trở thành gần*, trợ giúp những người vận chuyển mang vật liệu đến chỗ xây dựng nhanh chóng.

Ngài Moggallāna làm *nhỏ hoá lớn* như hoá ra rồng quấn quanh mình rồng chúa Nandopananda 14 vòng.

Lớn thành nhỏ như làm núi Sineru (TuDi) nhỏ lại, đặt vào giữa hai hàm răng. Làm cho trái đất nhỏ lại đặt trên ngón tay xoay tít trái đất như bình gốm xoay tít trên bàn quay của người thợ gốm.

Ngài Moggallāna dùng thần thông *tự thân đến* hồ Mandākinī, tìm cọng sen mang về trị bệnh nóng sốt của Đức Sāriputta⁽²⁾.

Dùng thần thông *tự thân đến* Bodhigayā (Bồ đề đạo tràng), hứng quả Bồ đề mang về Jetavanavihāra trao lại cho Ngài Ānanda chỉ trong chốc lát.

Ngài Moggallāna còn *tự thân đến* cõi Phạm thiên Quảng quả (Vehapphala)(đã trình bày ở trên), Ngài còn *tự thân đến* các cõi Phạm thiên khác như:

**Đến cõi của Phạm thiên Tissa (1).*

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ ở Jetavanavihāra gần thành Sāvatti của trưởng giả Anāthapiṇḍika cúng dường.

Một vị Tỳkhu Tissa⁽³⁾ vừa mệnh chung không lâu, tái sinh về cõi Phạm thiên, Đức Moggallāna tự thân đến cõi Phạm thiên này, gặp Phạm thiên Tissa hỏi:

- Nay Tissa, có bao nhiêu thiên nhân có trí như sau: “Chúng ta là bậc Dự lưu không còn bị thối đoạ, chắc chắn đạt đến giải thoát trọn vẹn”.

Và Phạm thiên Tissa đã trả lời những câu hỏi của Đức Moggallāna⁽⁴⁾.

**Đến cõi của Phạm thiên Tissa (2).*

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ tại núi Gijjhakūṭa (Kê kê), gần thành Rājagaha.

Khi đêm gần mãn, có hai thiên nhân đến bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, những Tỳkhu ni này được giải thoát⁽¹⁾.

(1)- ĐĐ Indacando (d). Phân tích Giới Tỳkhu I. Chương Veraṅja, số 6.

(2)- Mh.Chương VI, 55.

(3)- Bản Sớ giải giải thích: Vị Tissa này là đệ tử của Đức Moggallāna.

(4)- A.iii, 331.

Vị thiên nhân khác bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, những Tỳkhuu ni này khéo giải thoát, *không có dư y* (anupādisesā).

Đức Thế Tôn im lặng chấp nhận, hôm sau, Đức Thế Tôn thuật lại sự kiện này đến các Tỳ khuru.

Bấy giờ Đức Moggallāna ngồi không xa Đức Thế Tôn, Ngài suy nghĩ rằng: “Những thiên nhân nào có trí biết: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y”?”

Có vị Tỳkhuu Tissa vừa mệnh chung không bao lâu tái sinh về Phạm thiên giới. Đức Moggallāna tự thân đi đến cõi Phạm thiên ấy, hỏi Phạm thiên Tissa rằng:

- Nay Tissa, những thiên nhân nào có trí biết rằng: “Có dư y là có dư y” hay “không có dư y là không có dư y?”.

Phạm thiên Tissa đã trả lời những câu hỏi của Đức Moggallāna⁽²⁾.

Có khả năng hai vị chỉ là một và Đức Moggallāna tự thân đến cõi ấy hai lần.

Ngoài những cõi Phạm thiên được nêu trên, Đức Moggallāna còn *tự thân đến* các cõi Trời dục giới nhiều lần, như:

- *Cõi trời Catuttha mahārājā (Tứ đại vương)*. Nơi đây, nhiều lần thiên tử Candana⁽³⁾ cùng các thiên nhân đến đánh lễ Đức Moggallāna⁽⁴⁾.

- *Cõi trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba)*. Nơi đây, nhiều lần vua trời Sakka (Đế Thích) cùng các thiên nhân cõi Tāvātimsa đến đánh lễ Đức Moggallāna⁽⁵⁾.

- *Cõi Yāma (DạMa)*. Nơi đây, nhiều lần vua trời Suyāma cùng các thiên nhân cõi Yāma đến đánh lễ Đức Moggallāna⁽⁶⁾.

Cõi Yāma là tầng trời thứ 3 trong cõi Dục. Chư thiên cõi này không có sự nóng bức, đây là do khi làm việc thiện có tâm vui thích và mát mẻ.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích:

Dibbaṃ yālā payātā sampattā ti Yāmā:

“Thiên nhân luôn có sự hỷ lạc, gọi là Dạma” hay:

“Thiên nhân không có sự nóng bức, gọi là Dạma”⁽⁷⁾.

***Thiên tử Suyāma.**

Suyāma là danh hiệu chung, chỉ cho vị thiên chủ cõi này.

Khi Đức Thế Tôn từ cung trời Tāvātimsa trở về nhân giới nơi cổng thành Saṅkassa, vị thiên chủ này theo hầu Đức Thế Tôn với phát trần lông đuôi bò Tây Tạng (yak).

Bò Yak có đặc tính là bảo vệ lông đuôi của mình, nó thà mất mạng chứ không để mất lông đuôi. Phát trần lông đuôi bò Yak có giá trị rất cao, nó biểu tượng cho sự gìn giữ Giới luật không để bị vi phạm.

Nàng kỹ nữ Sirimā (em gái của lương y Jīvaka) sau khi mệnh chung, tái sinh về cõi này và là thiên hậu của thiên chủ Suyāma.

- *Cõi Tusita (Đâu suất)*. Nơi đây, nhiều lần vua trời Santusita cùng thiên chúng cõi Tusita đến đánh lễ Đức Moggallāna.

Cõi Tusita là tầng trời thứ tư trong Dục giới. Thiên nhân cõi này thường hưởng quả phước Balamật (pāramī).

***Thiên tử Santusita.**

Santusita là danh hiệu chung chỉ cho vị thiên chủ cõi này, Bồ tát khi Ngài ở cõi này kiếp chót, rồi giáng sinh về cõi người thành bậc Chánh giác Ngài cũng được gọi là Santusita⁽¹⁾.

(1)- Bản Sớ giải giải thích: Đó là bà trưởng lão ni Mahāpajāpati Gotamī cùng 500 trưởng lão ni dòng ThíchCa viên tịch tập thể.

(2)- A.iv, 74.

(3)- Xem Đức Phật và 45 năm hoàng pháp độ sinh. Tập 2.

(4)- S.iv, 280. Tương ưng Moggallāna (Moggallānasamyutta).

(5)- S.iv, 269. Tương ưng Moggallāna (Moggallānasamyutta).

(6)- S.iv, 280. Tương ưng Moggallāna (Moggallānasamyutta).

(7)- VibhA. 519; PSA. 441.

Thiên chủ Santusita luôn xuất hiện trong những cuộc lễ lớn với phát trần lông đuôi bò Yak cầm trên tay⁽²⁾.

- *Cõi Nimmānarati (Hoá lạc)*. Nơi đây, thiên chủ Sunimmita nhiều lần cùng thiên chúng cõi này đến đánh lễ Đức Moggallāna⁽³⁾.

Cõi Nimmānarati là tầng trời thứ năm trong cõi Dục.

Chư thiên cõi này được gọi là Nimmānarati (*hoá lạc*) vì rất thích thú những gì mà vị ấy hoá ra. Vị thiên nhân trong cõi này có thể hoá thân nhiều dạng, nhiều màu sắc khác nhau⁽⁴⁾.

***Thiên tử Sunimmita.**

Sunimmita là danh hiệu chung chỉ cho vị chúa trời cõi này.

Bà đại tín nữ Visākhā mệnh chung tái sinh về cõi này, là thiên hậu của vị chúa trời Sunimmita⁽⁵⁾.

- *Cõi Paranimmitavasavatti (Tha hoá tự tại)*. Nơi đây, nhiều lần thiên chủ Vasavattī cùng thiên chúng cõi này đến đánh lễ Đức Moggallāna (sđd).

Paranimmitavasavatti là tầng trời cao nhất trong cõi Dục (tầng trời thứ 6).

Chư thiên cõi này được nói là “muốn tạo ra chư thiên khác để đặt dưới quyền lực của mình”.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: Chư thiên cõi này khao khát với sự “biết được ý của thiên nhân khác”, như thế họ sẽ biết được điểm yếu của vị thiên nhân ấy.

Ví như người đầu bếp của Đức vua biết được sở thích của Đức vua, sẽ chế biến thực phẩm phù hợp với ý thích của Đức vua, thế là người đầu bếp này được Đức vua trọng dụng. Như thế, Đức vua gián tiếp nắm trong quyền lực của người đầu bếp⁽⁶⁾.

Hậu Sớ giải (Tīkā) còn nói rằng: “Sự thoả mãn dục tình của chư thiên cõi này chỉ là cái nhìn đơn thuần hay chỉ là nụ cười đơn thuần. Nhưng quan điểm này không được các vị Giáo thọ sư tiền bối chấp nhận.

***Thiên tử Vasavattī.**

Vasavattī là danh hiệu chung chỉ cho vị thiên chủ cõi này. Nhờ làm thật nhiều phước nghiệp bố thí, do có giới hạnh và tu tập thiên tịnh (đạt đến cận định), thiên chủ Vasavattī vượt thắng chư thiên cõi này 10 điểm: Thiên tuổi thọ, thiên dung sắc, thiên an lạc, thiên danh tiếng, thiên sức mạnh, thiên sắc, thiên thanh, thiên hương, thiên vị và thiên xúc lạc⁽⁷⁾.

Ma vương (Māra) cũng trị vì một phần cõi này, nhưng được xem là một chư hầu chống lại thiên chủ Vasavattī⁽⁸⁾.

Vasavattī cũng là tên gọi khác của Māra⁽⁹⁾.

Bà Đại tín nữ Visākhā sau khi mệnh chung từ cõi Nimmānarati (Hoá lạc), tái sinh về cõi Paranimmitavasavatti (Tha hoá tự tại), là vị thiên hậu của chúa trời Vasavattī.

Sách Mahāvastu (Đại sự) cho rằng: Đức Moggallāna có xuống viếng thăm các địa ngục⁽¹⁰⁾.

Bản Sớ giải kinh Pháp cú, Sớ giải kinh Bốn sự (Jātaka-atthakathā) cũng ghi nhận: Đức Moggallāna có xuống viếng các địa ngục, thấy phần lớn các dị giáo rơi vào khổ cảnh⁽¹⁾.

(1)- BuA. 45; JA. i. 48.

(2)- Mhv. Mhv. xxxi. 78.

(3)- S.iv, 280.

(4)- NidA. 109; ItA. 234; VibhA. 519.

(5)- VvA. 189.

(6)- DA. iii. 1001; ItvA. 243 ; xem thêm MNidA. i. 109; PSA. 441; VibhA. 519.

(7)- A.iv, 243.

(8)- MA.i, 28.

(9)- JA. i. 63, 232; JA. iii. 309; MA. ii. 538

(10)- Mtu. 4.

Đức Sāriputta thấu hiểu năng lực Chú nguyện thông của Đức Moggallāna, nên có lời tán thán Đức Moggallāna như sau:

1187- Ete sambahulā devā; iddhimanto yasassino.

Dasa devasahassāni; sabbe brahmapurohitā.

Moggallānaṃ namassantā; tiṭṭhanti pañjalikatā.

“Đây có nhiều thiên nhân; danh tiếng đại uy lực.

Đến mười ngàn thiên nhân; tất cả Phạm phụ thiên.

Đánh lễ Muckiễnliên; đứng hai tay chấp lại”.

1188 - Namō te purisājañña; namō te purisuttama.

Yassa te āsavā khīṇā; dakkhiṇeyyosi mārīsa.

“Đánh lễ bậc cao quý; đánh lễ bậc tối thượng ng.

Bậc diệt trừ mọi ô nhiễm; bậc xứng đáng cúng dường”.

1189- Pūjito naradevena; uppanno maraṇābhibhū.

Puṇḍarīkaṃva toyena; saṅkhārenupalippati.

“Người, thiên nhân đánh lễ; bậc chiến thắng sinh tử.

Như sen không dính nước; bậc ra khỏi các hành”⁽²⁾.

Chính những lần viếng thăm thiên giới (nhất là cõi trời Tāvatiṃsa), Đức Moggallāna viếng thăm các thiên cung trên cõi trời, hỏi về tiền nghiệp của những thiên nhân ấy. Khi trở về nhân giới, Ngài bạch trình lên Đức Thế Tôn, và bộ Vimānavatthu (Chuyện thiên cung) được các vị Kết tập sư thành lập trong lần kết tập Phật ngôn lần I.

Trong Dhammapāda-atthakathā (Sớ giải kinh Pháp cú) có ghi nhận câu chuyện như sau:

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ tại Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên), bấy giờ Ngài Moggallāna viếng thăm cõi Tāvatiṃsa (Ba mươi Ba), đến một thiên cung thấy một thiên nữ cung chủ có đại uy lực, Ngài hỏi rằng:

- Này thiên nữ, sự vinh hiển của nàng thật kỳ diệu, chẳng hay nàng đã tạo thiện nghiệp gì mà nhận được quả lành thù diệu này?

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng hỏi tôi những việc phước nhỏ nhoi này.

Tuy nhiên, Ngài Moggallāna gặng hỏi, nàng thiên nữ cung chủ thưa rằng:

- Bạch Ngài, khi còn là nhân loại, tôi không có bố thí, cúng dường hay nghe pháp chi cả. Tôi chỉ giữ hạnh nói lời chân thật mà thôi.

Đức Moggallāna lần lượt đến viếng các thiên cung khác, hỏi thăm các thiên nữ cung chủ về tiền nghiệp của các nàng, lần lượt các thiên nữ cung chủ thưa rằng:

- Bạch Ngài, khi còn là nhân loại tôi không có bố thí chi cả. Vào thời Giáo pháp của Đức Phật Kassapa (CaDiếp), tôi là một nữ hầu. Chủ tôi là người hung bạo, thường cầm gậy gộc đánh vào người vào đầu những người nô lệ của ông.

Có lúc tôi nổi giận, nhưng nghĩ lại rằng: *“Ông ấy là chủ của ta, ông có quyền xẻo mũi, cắt tai ... của ta, thì xá gì chuyện đánh đập ta. Ta không nên nổi giận với chủ của mình”.*

Tôi tự khuyến cáo mình như vậy và kèm chế không sân hận với chủ. Mệnh chung tôi tái sinh về nơi này và được vinh hiển như Ngài đã thấy.

Một thiên nữ cung chủ khác bạch rằng:

- Thưa Ngài, khi còn là nhân loại, tôi là người giữ ruộng mía, tôi có dâng đến vị Tỳkhuu một cây mía ...

Nàng thiên nữ cung chủ khác bạch rằng:

- Thưa Ngài, khi còn là nhân loại, tôi có cúng dường đến vị Tỳkhuu trái Timbarasaka (một loại trái cây ở vùng nhiệt đới) ...

Thiên nữ khác thì: *“Tôi có cúng dường trái dưa chuột ...”*

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 137 – 140.; JA. Đạo sư Sarabhaṅga (Chuyện số 522).

⁽²⁾- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Moggallāna.

Các nàng thiên nữ cung chủ nói lên phước lành của mình.

Khi trở về nhân giới, nơi Giảng pháp đường của Jetavanavihāra, Ngài Moggallāna đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, có thể nào chỉ với lời chân thật, không nóng giận hay cúng dường một trái cây như trái dưa chuột, trái Timbarasaka ... mà được sinh về cõi trời chăng?

- Nay Moggallāna, chẳng phải người đã chứng kiến sự vinh hiển của các thiên nữ cung chủ ấy và nghe các nàng thuật lại tiền nghiệp của mình rồi hay sao? Sao người còn hỏi Như Lai điều ấy?

Này Moggallāna, chỉ với lời chân thật, không nóng giận, hay cúng dường một trái cây nhỏ như trái Timbarasaka, trái dưa chuột ... cũng đủ sinh lên thiên giới.

Và Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

224-Saccaṃ bhaṇe na kujjheyya, dajjā appampi yācito.

Etehi tīhi thānehi; gacche devāna santike.

“Nói thật, không phẫn nộ; của ít, thí người xin.

Nhờ ba việc lành này; người đến gần thiên giới” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

*** Cận sự nam Nandiya.**

Khi Đức Thế Tôn trú ở Isipatana (Tiên nhân rơi xuống), gần thành Bārāṇasī (Balanaī) của xứ Kāsi.

Tương truyền trong thành Bārāṇasī (Balanaī) có cận sự nam tên là Nandiya, con của một gia tộc trưởng giả, Nandiya là người có niềm tin trong sạch nơi Tam bảo.

Khi trưởng thành, mẹ của Nandiya tìm một người nữ tương xứng với giai cấp trưởng giả của mình là nàng Revatī về làm vợ của Nandiya.

Nhưng nàng Revatī là người không có niềm tin nơi Tam bảo, lại nữa nàng có tính bòn xén, không giữ giới hạnh, nên thanh niên Nandiya không hài lòng, không muốn cưới nàng Revatī..

Mẹ của Nandiya nói với nàng Revatī rằng:

- Nay con, chồng con là người có niềm tin nơi Tam bảo. Trong nhà này, nơi ngồi của chư Tăng, con nên lau chùi sạch sẽ; khi các vị Tỳkhuu đến nhận vật thực, con nên cung kính, phục vụ các vị Tỳkhuu như tiếp rước bát, dâng nước uống đến các Ngài ... Làm được như thế, con mới có thể thừa hưởng gia tài này.

Nàng Revatī nghe theo lời mẹ chồng dạy, thanh niên Nandiya hài lòng cưới nàng Revatī làm vợ, nhưng nàng chỉ có niềm tin theo hình thức.

Nàng Revatī có với Nandiya hai người con, khi mẹ Nandiya qua đời, nàng Revatī trở thành nữ chủ, nắm trọn quyền trong nhà.

Nandiya trở thành một đại trưởng giả khi cha mẹ đã qua đời, chàng thường xuyên cúng dường đến chư Tăng cũng như bố thí cho những người nghèo khổ ...

Được nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng *“ai cho chỗ trú xứ, người ấy cho tất cả”*⁽²⁾. Cận sự nam Nandiya cho kiến tạo tự viện Isipatana cúng dường đến tăng chúng có Đức Phật là vị Thượng thủ.

Ngay khi nước thí rơi vào tay Đức Thế Tôn, nơi cõi Tāvātimsa xuất hiện tòa thiên cung bằng 7 loại ngọc báu, thiên cung này cao 100 dotuần, dài rộng 12 dotuần, những thiên nữ xinh đẹp trú ngụ trong thiên cung ấy.

Khi Đức Moggallāna viếng thăm cõi Tāvātimsa, Ngài đi đến thiên cung này, đứng trước cửa thiên cung, hỏi những thiên nhân đi theo Ngài:

- Nay các thiên nhân, ai là cung chủ tòa thiên cung này vậy?

- Bạch Ngài, cung chủ tòa thiên cung này là thiên gia tử Nandiya. Cận sự nam Nandiya cúng dường tự viện Isipatana đến chư Tăng có Đức Thế Tôn là vị thượng thủ, thiên cung này phát sinh từ thiện nghiệp ấy.

(1)- DhpA. Câu số 224.

(2)- S.i, 32.

Các thiên nữ trong tòa thiên cung nhìn thấy Đức Moggallāna đứng trước cửa thiên cung, cùng nhau đi đến đánh lễ Đức Moggallāna, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài, chúng con là những nàng hầu của thanh niên Nandiya, chúng con tái sinh về đây nhưng chưa được gặp Nandiya. Bạch Ngài, chúng con rất mong mỗi gặp được cung chủ Nandiya, xin Ngài hãy nhắn cung chủ Nandiya nhanh chóng về nơi này, ví như người đập bỏ bát đất để nhận lại bát vàng.

Đức Moggallāna khi trở về nhân giới, nơi Giảng pháp đường của tự viện Isipatana, Ngài Moggallāna đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, có phải khi còn sống ở cõi người, nhưng thiện nghiệp mà người ấy tạo đã có kết quả nơi thiên giới?

- Này Moggallāna, chẳng phải người đã thấy thiên cung của Nandiya rồi sao? Vì sao người lại hỏi Như Lai điều ấy?

Này Moggallāna, ví như người xa quê hương lâu ngày, khi về đến cổng làng, người ta thấy người ấy liền thông báo cho thân quyến người này và thân quyến người này vui mừng chào đón người thân từ xa mới trở về.

Cũng vậy, khi người nam hay nữ tạo thiện nghiệp, mệnh chung tái sinh về thiên giới, thiên nhân mang lễ vật trời đến chúc mừng như thấy người thân từ xa mới về.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

219- Cirappavāsiṃ purisaṃ; dūrato sotthimāgataṃ.

Ñātimittā suhajjā ca; abhinandanti āgataṃ.

“Khách lâu ngày lỵ hương; an toàn từ xa về.

Bà con cùng thân hữu; hân hoan đoán chào mừng”.

220-Tatheva katapuññampi; asmā lokā paraṃ gataṃ.

Puññāni paṭigaṇhanti; piyaṃ ñātiva āgataṃ.

“Cũng vậy các phước nghiệp; đón chào người làm lành.

Đời này đến đời kia; như thân nhân đón chào” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

3- Thiên nhĩ thông.

Ngoài đoạn kinh văn đã nêu: Khi Ngài hỏi pháp với Đức Thế Tôn bằng Thiên nhân thông và Thiên nhĩ thông.

Trong tập Luật Phân tích Giới Tỳkhuu I, Điều học Pārājika (Trục xuất) số 4, có ghi nhận: “Đức Moggallāna nghe được những tiếng động của các con rồng đang trôi lên hụp xuống và gầm lên tiếng rống ở sông Sappinikā”.

Các vị Tỳkhuu cho rằng Ngài Moggallāna nói dối, khoe pháp thượng nhân mà mình không chứng đắc.

Đức Thế Tôn xác nhận đó là loại định không an tịnh (aparissuddho)⁽²⁾. Và Moggallāna vô tội.

Với Thiên nhĩ thông, Đức Moggallāna nghe và hiểu được ngôn ngữ chư thiên, Phạm thiên, Ngài giảng pháp đến thiên nhân các cõi trời Dạ, hỏi về tiền nghiệp của các thiên nhân ...

4- Tha tâm thông.

Vào ngày lễ Uposatha (Bồ tát), khi Đức Thế Tôn tuyên bố “hỏi chúng hôm nay không trong sạch”, Đức Moggallāna với tâm mình, biết tâm ô trược của vị Tỳkhuu không trong sạch, đã dùng thần thông đưa vị ấy ra khỏi Giảng đường (đã nêu ở trên).

Khi ác ma đi vào trú trong bao tử của Ngài, Ngài thấy được ác ma bảo rằng: “Hãy đi ra ác ma, hãy đi ra ác ma. Chớ có phiền nhiều Như Lai và đệ tử Như Lai”.

Ác ma suy nghĩ: “Vị Samôn này không biết ta, không thấy ta, lại bảo: Hãy đi ra, ác ma, hãy đi ra, ác ma. Chớ có phiền nhiều Như Lai và đệ tử Như Lai”.

(1)- DhpA. Câu số 219 – 220.

(2)- ĐĐ Indacando (d). Luật Phân Tích Giới Tỳkhuu I. Chương Pārājika, số 298.

Đức Moggallāna với tâm mình biết được tâm của ác ma, nên nói rằng: “Này ác ma, ta biết ngươi, ngươi đừng nghĩ rằng:Vị ấy không biết ta”. Và Ngài nói lên ý nghĩ của ác ma⁽¹⁾.

Một thời Đức Thế Tôn trú nơi sườn núi Isigili, gần thành Vương xá (Rājagaha), nơi Kāḷasilā (*tàng đá đen*) cùng với 500 vị Tỳkhuu, tất cả là bậc Alahán.

Đức Moggallāna với tâm mình biết được tâm của các vị Tỳkhuu ấy đã giải thoát mọi trói buộc. Hiểu được tâm của Đức Moggallāna, Tôn giả Vaṅgisa sau khi xin phép Đức Thế Tôn đã nói lên kệ ngôn tán thán Đức Moggallāna như sau:

Nagassa passe āsīnaṃ; munīṃ dukkhassa pāraḡaṃ.

Sāvakaṃ payirupāsanti; tevijjā maccuhāyino.

“Ngồi nơi sườn núi cao; ẩn sĩ vượt đau khổ.

Các đệ tử hầu hạ; Tam mình vượt thần chết”.

Te cetasā anupariyeti; moggallāno mahiddhiko.

Cittaṃ nesaṃ samannesam; vip̄pamuttaṃ nirūpadhiṃ.

“Biết rõ tâm kẻ khác;Mục̄ckiênliên đại uy lực.

Tâm người này người kia; giải thoát không còn tái sinh”.

Evaṃ sabbaṅgasampannaṃ; munīṃ dukkhassa pāraḡaṃ.

Anekākārasampannaṃ; payirupāsanti gotama’nti.

“Như vậy mọi chi phần trọn vẹn; ẩn sĩ vượt đau khổ.

Mọi phận sự tròn đủ; hầu hạ Đức Gotama”⁽²⁾.

***Kāḷasilā** (tàng đá đen).

Là tảng đá lớn màu đen, nằm trên sườn núi Isigili (nuốt đạo sĩ). Tại Kāḷasilā (tàng đá đen) này, Ngài Godhika⁽³⁾, Ngài Vakkali⁽⁴⁾ đã tự sát vì không chịu đựng nổi cơn bệnh hành hạ, cũng chính tại Kāḷasilā Đức Moggallāna bị nhóm côn đồ (do các Nigaṅṭha Nātaputta thuê) giết chết⁽⁵⁾.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) cho biết: “Nơi Kāḷasilā có một tự viện mang tên Kāḷasilāvihāra”⁽⁶⁾.

Nơi đây rất vắng vẻ, các Tỳkhuu phương xa thường đến thành Rājagaha (Vương xá) vào xế chiều và yêu cầu Ngài Dabba Mallaputta tìm chỗ cư ngụ ở *Tàng đá đen* (Kāḷasilā), vì các vị muốn tận mắt thấy được thần thông hóa giới của Ngài Dabba Mallaputta⁽⁷⁾.

Cũng tại Kāḷasilā, Đức Thế Tôn ban cho Đức Ānanda cơ hội thỉnh Đức Thế Tôn sống trọn kiếp, nhưng Đức Ānanda do phiền não chi phối trước cơn bệnh của Đức Thế Tôn, nên đã đánh mất cơ hội này⁽⁸⁾.

Trong kinh Tiểu Khổ uẩn (Cūḷadakkhakkhandhasuttaṃ)⁽⁹⁾ có cho biết: Kāḷasilā cũng là trú xứ của các đệ tử Nigaṅṭha Nātaputta, nhóm đạo sĩ này tu tập khổ hạnh, họ không bao giờ ngồi, đồng thời chịu đựng những cơn đau khốc liệt. Kinh này còn được thuyết cho vương tử Mahānāma thuộc dòng ThíchCa (Sakya)⁽¹⁰⁾.

***Núi Isigili** (Nuốt đạo sĩ).

Là một trong năm ngọn núi vây chung quanh thành Rājagaha (Vương xá), đồng thời cũng là địa điểm xinh đẹp của kinh thành⁽¹¹⁾.

(1)- M.i, Kinh Hàng phục ác ma. Kinh số 50

(2)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Vaṅgisa; S.i, 194.

(3)- S.i, 120; DhpA. i, 431.

(4)- S. iii. 124.

(5)-JA. v, 125 ; DhpA. iii, 65 ; ApA. i, 206.

(6)- SA. ii. 229.

(7)- Vin. ii. 76; iii. 159.

(8)- D.ii, 116.

(9)- M.i, 92.

(10)- M. i. 91.

(11)- D. ii. 116.

Trong kinh Isigilisutta⁽¹⁾, Đức Thế Tôn dạy rằng: Trong năm ngọn núi vây quanh thành Rājagaha (Vương xá), bốn ngọn núi: Vebhāra, Paṇḍava, Vepulla và Gijjhakūṭa đều thay đổi tên, riêng Isigili vẫn giữ nguyên tên gọi cũ.

Một thời có 500 vị Phật Độc giác trú ngụ nơi núi này trong một thời gian dài. Vào một hôm dân chúng thấy các Ngài đi vào núi và không thấy trở ra nữa, nên họ gọi là: *Núi Nuốt các đạo sĩ* (Isī gilatīti = Isigili).

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích: Khi chư Phật Độc giác đi khất thực về, đá mở ra như cánh cửa đón các Ngài đi vào bên trong.

Giữa lòng núi là một hang động, các Ngài tạo những chỗ ngồi riêng cho mình...⁽²⁾. Do đó mới gọi là Gila (nuốt).

5- Túc mạng thông.

Đức Moggallāna là một trong bốn vị nhớ lại các kiếp sống quá khứ nhiều nhất trong hàng Thánh tinh vân.

Bốn vị này có thể nhớ được 1 Atăngkỳ (asaṅkheyya) và 100 ngàn kiếp trái đất, đó là: Ngài Sāriputta, Ngài Moggallāna, Ngài Bakula và bà Thánh nữ Yasodharā⁽³⁾.

Chẳng những nhớ lại các kiếp sống của mình, Ngài Moggallāna còn nhớ đến các kiếp sống của người khác.

Trong kinh Hàng phục ác ma (Māratajjanīyasutta), Ngài cho ác ma biết: Khi tiền thân Ngài là ác ma Dūsi, Ngài có người chị là nữ ác ma Kālī, ác ma hiện tại là con của nữ ác ma Kālī, là cháu của Ngài. Ác ma này chính là Vasavattī (tức là Ma vương kẻ quấy nhiễu Đức Thế Tôn cùng các Thánh tinh vân), nên Ngài dạy ác ma rằng: *“Chớ có phiền nhiễu Như Lai và đệ tử Như Lai”* (mā Tathagataṃ vihesesi mā Tathāgatasāvakaṃ). Và ác ma suy nghĩ: *“Chính vị Đạo sư cũng chưa biết ta mau như vậy, làm sao vị đệ tử này lại biết ta”* (yo pi’ssa so satthā so pi maṃ n’eva khippaṃ jāneyya, kuto pana maṃ ayaṃ sāvako jānissatīti).

Hai điều nêu trên cho thấy ác ma này chính là Ma vương kẻ đã quấy nhiễu Đức Thế Tôn.

Cũng chính trong kinh này, Ngài Moggallāna cho ác ma biết:

* Thượng thủ tinh vân tay phải của Đức Thế Tôn Kakusandha không ai sánh bằng về phương diện thuyết pháp nên được gọi là Vidhura (Vô song).

* Vị sao Thượng thủ tinh vân tay trái của Đức Phật Kakusandha được gọi là Sañjīva (đã giải thích ở trên).

* **Chuyện ma đói “Cây mía”** (Ucchupetavatthu).

Khi Đức Thế Tôn ngụ trú ở Veluvana (rừng Trúc). Có một người đàn ông vác trên vai một bó mía, ông vừa đi vừa ăn một khúc mía; một thiện nam có giới hạnh có những hạnh lành tốt đẹp đang theo sau gã đàn ông đó với đứa con nhỏ.

Nhìn thấy mía, đứa bé khóc đòi xin ăn mía, thiện nam đi nhanh để theo kịp gã đàn ông, xin một khúc mía cho đứa con nhỏ của mình.

Người thiện nam tìm cách nói chuyện với gã đàn ông, gã đàn ông suy nghĩ: “Nếu ta trả lời người này, y sẽ xin ta cây mía, ta khó lòng từ chối”.

Do tính bòn xén, y không muốn bắt chuyện với thiện nam, thiện nam chỉ đưa bé đang khóc, nói rằng:

- Này anh, đứa bé này thèm ăn mía, xin anh hãy cho nó một khúc mía đi.

Không thể khước từ lời xin chính đáng, y khinh bỉ, lảng nhục thiện nam với những lời thô bỉ, rồi vứt khúc mía đang ăn cho đứa bé.

Mệnh chung, y tái sinh thành hạng ma đói (peta) do ác nghiệp lảng mạ bậc có giới hạnh, nhưng do quả cho khúc mía đến bậc có giới hạnh, nên ma đói này làm chủ một ruộng mía rộng 8 karīsa (1 karīsa # một mẫu)⁽⁴⁾.

(1)- M.iii. Kinh số 116.

(2)- MA. ii. 889.

(3)- AA. i. 205.

(4)- Karīsa, theo bản Sớ giải giải thích: Là vùng đất có thể trồng hết một karīsa hạt giống.

Những cây mía to bằng cây thốt nốt (tāla) có màu nâu đen bóng và ma đói được gọi là Ucchupeta (ma đói cây mía).

Nhưng khi con ma đói đi vào rừng mía muốn ăn mía, nó đến cây mía định bẻ mía ăn, tay vừa chạm vào thân mía, cây mía đánh vào đầu nó thật mạnh, nó bất tỉnh ngã xuống. Tuy làm chủ một ruộng mía rộng lớn nhưng nó chẳng hưởng lợi ích chi cả.

Một ngày nọ, Đức Moggallāna đi ngang qua ruộng mía ấy để vào thành Rājagaha (Vương xá) khát thực, Ngài nhìn thấy con ma đói, con ma đói đi đến Đức Moggallāna, nó bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, khu ruộng mía rộng lớn này của tôi, nó xuất hiện chắc chắn là do phước báu của tôi, nhưng nó chẳng mang lại ích lợi gì cho tôi cả. Bạch Ngài, hãy nói cho tôi biết kết quả này do đâu mà ra?

Đức Moggallāna đưa tâm quán xét về tiền nghiệp của ma đói Ucchu, Ngài đáp rằng:

- Đây ma đói Ucchu, kiếp trước người mắng chửi bậc có giới hạnh nên mệnh chung tái sinh làm ma đói, nhưng người có cúng dường khúc mía đến bậc có giới hạnh ấy nên người được làm chủ khu ruộng mía này. Do người bố thí với tâm khinh miệt người thọ thí, nên dù có làm chủ ruộng mía này, cũng chẳng mang lại lợi ích gì cho người.

Rồi Đức Moggallāna dạy ma đói Ucchu (Ucchupeta): Hãy bẻ khúc mía cúng dường đến Ta với tâm hoan hỷ đi.

Ma đói Ucchu làm theo lời dạy. Sau khi cúng dường đến Đức Moggallāna khúc mía, ma đói Ucchu bẻ khúc mía đi theo phía sau Đức Moggallāna, nó nhai ngấu nghiến khúc mía trên tay với vẻ hài lòng thoả mãn.

Hoan hỷ ma đói Ucchu bẻ một bó mía lớn cúng dường đến Đức Moggallāna, để trợ giúp cho ma đói Ucchu, Đức Moggallāna bảo ma đói mang bó mía ấy theo Ngài đến Veluvana (rừng Trúc) cúng dường đến Đức Thế Tôn.

Ma đói Ucchu đánh lễ Đức Thế Tôn, cúng dường mía đến Ngài với tâm tịnh tín. Kể từ khi ấy trở đi, ma đói Ucchu thọ dụng mía không còn bị trở ngại, nó luôn được no đủ thoát khỏi sự đói khát triền miên như trước đây.

Chẳng bao lâu sau, nghiệp ma đói bị đoạn tận, mệnh chung nó sinh về cõi trời Tāvātimsa⁽¹⁾.

6- Thiên nhãn thông (dibbacakkhu).

Đức Moggallāna rất thiện xảo trong lãnh vực Biến hoá thông, trong lãnh vực Thiên nhãn thông Ngài cũng không kém.

Đức Sāriputta có tán thán khả năng Thiên nhãn thông của Đức Moggallāna:

1190- Yassa muhuttana saḥassadhā loko, saṃvidito sabrahmakappo vasi.

Iddhigūṇe cutupapāte kāle; passati devatā sa bhikkhu.

“Vị ấy, giây phút cả ngàn thế giới; thấu rõ như Phạm thiên sống trọn kiếp.

Thời sống chết, khả năng như ý; Tỳkhuu thấy rõ như thiên nhân”⁽²⁾.

Ngoài những điểm đã được trình giải ở trước như: Thấy dạ xoa Nanda đánh chùy vào đầu Đức Sāriputta, thấy nàng Sulasā bị vị thần cây bắt đi, với Thiên nhãn thông và Thiên nhĩ thông hỏi pháp nơi Đức Thế Tôn ...

a- Nhìn thấy nước dòng sông Tapodā chảy ngang địa ngục.

Ngài nhìn thấy nước sông Tapodā chảy ra từ hồ lớn mát lạnh ở núi Vebhāra trở nên nóng.

Các vị Tỳkhuu cho rằng: Tôn giả Moggallāna nói dối, khoe pháp bậc cao nhân mà mình chưa chứng đắc.

(1)- PvA. Ucchupetavatthu (chuyện ma đói Ucchu).

(2)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Moggallāna.Số 1190.

Đức Thế Tôn xác nhận: Nước sông Tapodā từ hồ lớn mát mát lạnh chảy ra, trở nên nóng vì chảy qua khe giữa của hai địa ngục Đồng sôi (Lohakumbhiniraya) nằm dưới thành Rājagaha (Vương xá)⁽¹⁾.

***Núi Vebhāra.**

Là một trong năm ngọn núi bao quanh thành Rājagaha (Vương xá), nơi sườn núi Vebhāra có hang động Sattapaṇṇi, là địa điểm kết tập Phật ngôn lần thứ I⁽²⁾.

b- Thấy vua Bimbisāra thắng vua Licchavi.

Cũng trong điều học Pārājika⁽³⁾ thứ tư. Khi vua Bimbisāra giao chiến với các Licchavi, bị các vị Licchavi đánh tan tác, vua Bimbisāra thu góp các đạo binh hậu bị, tái chiến với các vị Licchavi và đánh bại các vị Licchavi.

Đức Moggallāna nhìn thấy được sự kiện trên, nên nói với các vị Tỳkhuu rằng:

- Nay chư hiền, vua Bimbisāra bị các vị Licchavi đánh tan tác, nhưng sau khi gom góp đạo quân hậu bị, tái chiến đã đánh bại các vị Licchavi.

Các vị Tỳkhuu cho rằng: Đức Moggallāna khoe pháp bậc cao nhân, nói không đúng sự thật.

Các vị Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về vấn đề này; Đức Thế Tôn dạy rằng: “Nay các Tỳkhuu, Moggallāna đã nói sự thật, Moggallāna vô tội” (sđd, số 297).

c- Thấy chúng sinh ma đói (peta).

Lần khác, Đức Moggallāna cùng Đức Lakkhaṇa từ trên Gijjhakūṭa (núi Kên kên) đi xuống để vào thành Rājagaha khát thực.

Trên đường xuống núi, Ngài Moggallāna đã nhìn thấy những con ma đói (peta) Ngài mỉm cười. Rồi Ngài Moggallāna trình lên Đức Thế Tôn về những ma đói này.

Đức Thế Tôn xác nhận có những hạng ma đói như thế, và Đức Thế Tôn nói lên những ác nghiệp cùng tiền tích của chúng⁽⁴⁾.

Trong Dhammapāda-atthakathā (Sớ giải kinh Pháp cú) có ghi nhận những mẫu chuyện về ma đói mà Đức Moggallāna trông thấy.

1'- Chuyện ma đói mình rắn (Ahipetavatthu).

Khi Đức Thế Tôn ngụ tại Veḷuvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), Ngài Moggallāna cùng Ngài Lakkhaṇa từ núi Gijjhakūṭa (núi Kên kên) đi xuống để vào thành Rājagaha (Vương xá) khát thực.

Ngài Moggallāna nhìn thấy con ma đói (peta) mình như con rắn nên mỉm cười, Ngài Lakkhaṇa hỏi:

- Nay hiền giả Moggallāna, do nhân chi duyên chi mà hiền giả mỉm cười?

- Nay hiền giả Lakkhaṇa, hãy mang câu hỏi này hỏi trước Đức Thế Tôn.

Thật ra, vì không chú ý nên Ngài Lakkhaṇa không nhìn thấy con ma đói này (chứ không phải Ngài Lakkhaṇa không có Thiên nhãn thông), riêng Ngài Moggallāna luôn rèn luyện bốn pháp như ý (iddhipāda) nên khi đi khát thực Ngài chú tâm vào 4 pháp này, nên đã nhìn thấy những con ma đói.

Ngài Lakkhaṇa là 1 trong 1.000 vị Tỳkhuu Uruvelā Kassapa, Ngài Lakkhaṇa là bậc Alahán Lục thông, là một trong 1.250 Tỳkhuu hội chúng của Đức Thế Tôn khi thành lập Tăng đoàn.

Sự thành lập Tăng đoàn phải hội đủ bốn yếu tố:

- Vào ngày trăng tròn tháng Māgha (tháng giêng theo lịch VN).

- Các vị Tỳkhuu không mời, tự động tề tựu lại.

(1)- ĐĐ Indacando (d). Phân tích Giới Tỳkhuu tập I. số 296.

(2)- Vin. ii. 76; Vin. iii. 159; Sp. i. 10

(3)- Pārājika nghĩa là: Người sống bên ngoài. Tức là không thể sống chung với các Tỳkhuu trong Tăng đoàn.

(4)- Xem ĐĐ Indacando (d). Phân tích Giới Tỳkhuu tập I. Chương Pārājika. Điều học thứ tư.

Xem thêm S.ii, Tương ưng Lakkhaṇa (Lakkhaṇasaṃyutta) và *Chuyện ngạ quỷ* Đại trưởng lão Bửu Chơn dịch.

- Những vị Tỳkhuu này xuất gia theo cách Ehibhikkhu (Hãy đến đây này Tỳkhuu) hay Etha bhikkhavo (Hãy đến đây, này các Tỳkhuu).

- Tối thiểu là bậc Alahán lục thông.

Vào buổi chiều nơi Giảng pháp đường trong Veluvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), trước Đức Thế Tôn, Ngài Lakkhaṇa hỏi Ngài Moggallāna rằng:

- Này hiền giả Moggallāna, khi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, hiền giả đã mỉm cười. Này hiền giả Moggallāna, do nhân chi do duyên chi mà hiền giả mỉm cười?

- Thưa hiền giả Lakkhaṇa, khi từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy con ma đỏi dị hình, đầu là người nhưng mình dài suông đuột giống như mình con rắn, mình nó dài ước độ 25 dotuần tôi gọi là *ma đỏi mình rắn* (ahipeta).

Lửa bốc cháy từ đầu nó cháy dài đến đuôi, rồi cháy lan ra hai bên, rồi bắt đầu từ đuôi cháy ngược lên đầu; hoặc ngọn lửa bốc cháy ở giữa mình rồi lan ra hai bên từ hai bên cháy vào ở giữa.

Tương truyền về giống ma đỏi này có hai con mình dài đến 25 dotuần, những con khác chỉ dài khoảng ba phần tư do tuần.

Cả hai con này, Ngài Moggallāna đều trông thấy khi Ngài từ núi Kên kên đi xuống. Có một con ma đỏi khác, có đầu giống như đầu con quạ, nên gọi là *ma đỏi quạ* (kākapeta), thấy nó bị lửa thiêu đốt, nó kêu khóc giữa hư không, Ngài Moggallāna hỏi nó rằng:

Pañcayojanikā jivhā; sīsaṃ te navayojanam.

Kāyo accuggato tuyham; pañcavīsatiyojanam.

Kiṃ nu kammaṃ karitvāna, pattosi dukkhamīdisa’nti.

“Lưỡi người dài năm dotuần; đầu người dài chín dotuần.

Người có mình rất dài, hai mươi lăm dotuần.

Người tạo nghiệp gì kiếp trước; nay phải thọ khổ như vậy”.

Con ma đỏi đáp.

Aham bhante moggallāna; kassapassa mahesino.

Saṅghassa ābhatam bhattam; āhāresim yadicchaka’nti.

“Thưa Ngài Mụckiênliên; vào thời Phật CaDiếp hiện tiền.

Tăng chúng chưa nhận bát; con lại dùng trước tiên”.

Rồi nó nói lên tiền sự của mình như sau:

* *Tiền sự ma đỏi mình quạ.*

Vào thời Đức Thế Tôn Kassapa còn tại tiền, các vị Tỳkhuu đi vào một ngôi làng khất thực, dân làng trông thấy các Ngài, hân hoan đến đánh lễ các Ngài, thỉnh các ngài đến khách đường của làng.

Dân làng cúng dường cháo điểm tâm cùng các loại nước giải khát đến các Ngài.

Trong khi chờ đợi thọ thực vào buổi trưa, các Ngài giảng pháp đến dân làng, một số người còn lại lo vật thực để cúng dường vật thực vào buổi trưa đến các Ngài. Bấy giờ, có con quạ đậu trên mái khách đường, nhìn thấy những loại vật thực dành để cúng dường đến các Ngài, nó hiểu biết rằng: “Đây là những vật thực dành để dâng đến các vị Tỳkhuu”, nhưng mùi thơm của vật thực làm nó chịu đựng không nổi. Con quạ lén xuống nơi chứa vật thực, nó ăn vụng ba vắt cơm.

Do ác nghiệp này, sau khi mệnh chung, con quạ tái sinh làm ma đỏi quạ.

Khi Ngài Moggallāna trình bày trước Đức Thế Tôn về con ma đỏi mình rắn, Đức Thế Tôn xác nhận rằng:

- Này các Tỳkhuu, Moggallāna đã nói đúng sự thật. Khi Như Lai ngồi nơi cõi Bồ đề, đã nhìn thấy loại ma đỏi này, nhưng vì chưa có ai trông thấy nên Như Lai không thuyết, vì những ai không tin lời Đấng Như Lai, lại xuyên tạc lời dạy của Đấng Như Lai thì sẽ gặp nhiều bất hạnh.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên 20 điều liên hệ đến phận sự của bậc xuất gia.

Sau thời pháp thoại các Tỳkhuu muốn biết tiền nghiệp của ma đỏi mình rắn, nên thỉnh Đức Thế Tôn nói lên tiền sự của nó.

**Tiên sự ma đói mình rắn.*

Vào thời quá khứ, các cư dân trong thành Bārāṇasī (Balanại) cùng nhau kiến tạo một Hương thất cúng dường đến Đức Phật Độc giác ở ngoài thành Bārāṇasī, thỉnh Đức Phật Độc giác cư ngụ nơi Hương thất này.

Rồi cư dân thành Bārāṇasī sáng chiều đi đến Hương thất cúng dường đến Đức Phật Độc giác. Con đường dẫn đến Hương thất phải đi qua mảnh ruộng của một người nông dân trong thành Bārāṇasī, đại chúng khi đi trên bờ ruộng vô ý trượt chân xuống ruộng, đã dẫm đạp lên lúa của người nông dân ấy.

Người nông dân liền nhắc nhở đại chúng “đừng dẫm đạp lên lúa của tôi”, nhưng vô hiệu.

Người nông dân suy nghĩ: “Nếu không có Hương thất của vị Samôn kia, đại chúng sẽ không lui tới nơi này. Như vậy lúa của ta sẽ không bị họ dẫm đạp”.

Nhân lúc Đức Phật Độc giác đi vào thành Bārāṇasī khát thực, người nông dân đến Hương thất đập phá những vật dụng trong Hương thất, rồi nổi lửa đốt cháy Hương thất.

Đức Phật Độc giác thấy trú xứ của mình bị đốt bỏ, Ngài đi nơi khác trú ngụ.

Khi Đại chúng mang lễ vật đến Hương thất cúng dường đến Đức Phật Độc giác, thấy Hương thất của Ngài bị cháy thiêu rụi, hỏi rằng:

- Vì sao Hương thất này bị cháy vậy.

Người nông dân cũng có mặt trong đại chúng, nói rằng:

- Chính ta đã đốt Hương thất ấy, để các người khỏi đến đây. Các người đến đây đã dẫm đạp lên lúa của ta nhiều lần.

Đại chúng phân nộ đánh chết người nông dân, mệnh chung y rơi vào địa ngục Avīci (Atỳ) với khoảng thời gian khi trái đất dày thêm một dotuần, y thoát ra khỏi địa ngục Avīci, y tái sinh làm ma đói mình rắn này.

Tiếp theo Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, như sữa tươi mới vắt ngọt ngào, nhưng để lâu sẽ biến chất trở thành hư thối. Cũng vậy, ác nghiệp khi mới làm, người tạo ác nghiệp cảm thấy hài lòng như sữa tươi mới vắt, nhưng về sau khi quả ác nghiệp trở, bấy giờ người ấy chịu thống khổ không thể tả xiết.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

71- Na hi pāpaṃ kataṃ kammaṃ; sajjukhīraṃva muccati.

Ḍahantaṃ bālaṃanveti; bhasmacchannova pāvako'ti.

“Nghiệp ác như sữa bò; mới vắt chưa nôi dục.

Như lửa ngùn dưới tro; ngấm theo đốt kẻ quấy” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

2'- Chuyện ma đói mình trần (Ajagarapetavatthu).

Khi từ trên núi Gijjhakūṭa (Kên kên) đi xuống, Đức Moggallāna thấy con ma đói mình trần dài 25 do tuần. Từ đầu ngọn lửa bốc lên cháy đến đuôi, từ đuôi ngọn lửa bốc lên cháy đến đầu, rồi từ hai bên thân mình ngọn lửa cháy vào bên trong, rồi từ bên trong ngọn lửa cháy ra hai bên.

Con ma đói trôi nổi giữa hư không kêu khóc rất khổ sở.

Ngài Moggallāna trình lên Đức Thế Tôn về hình ảnh con ma đói mình trần mà Ngài thấy được. Đức Thế Tôn xác nhận rằng: “Có hạng chúng sinh như thế”.

Các vị Tỳkhuu thỉnh Đức Thế Tôn giải về tiền sự của con ma đói này.

**Tiên sự ma đói mình trần.*

Vào thời Đức Phật Kassapa (CaDiếp), có một trưởng giả tên là Sumaṅgala trải vàng trên khoảng đất rộng 20 usabha⁽²⁾, rồi trưởng giả Sumaṅgala bỏ ra số vàng tương đương để kiến tạo một ngôi tự viện cúng dường đến Đức Thế Tôn Kassapa.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 71.

⁽²⁾- Một usabha khoảng 140 cubit, một cubit khoảng 22 ngón tay.

Một hôm vào sáng sớm, trưởng giả Sumaṅgala ra cổng thành đến viếng Đức Thế Tôn Kassapa. Trưởng giả nhìn thấy tên trộm nằm trong Giàng đường (sālā), đầu trùm kín bằng chiếc y vàng, nhưng hai chân lấm đầy bùn. Trưởng giả nói:

- Người có chân lấm đầy bùn, chắc đi rong vào ban đêm rồi.

Tên trộm giờ y ra, nhìn thấy trưởng giả Sumaṅgala, cho rằng trưởng giả nói y “đi ăn trộm ban đêm”, y cột oan trái với trưởng giả rằng:

- Ta sẽ đối phó với lời miệt thị của ông.

Tên trộm lén đốt ruộng lúa của trưởng giả Sumaṅgala 7 lần, lén vào chuồng bò của trưởng giả chặt chân đàn bò 7 lần và lén đốt nhà trưởng giả 7 lần.

Nhưng y thấy trưởng giả vẫn điềm nhiên không có chút sân hận gì cả, y tìm cách lân la với những người hầu của trưởng giả, hỏi rằng:

- Chủ của chúng ta quý trọng nhất cái gì?

- Nay anh, chủ của chúng ta rất quý trọng Hương thất của Đức Phật.

Nghe vậy tên trộm nhân lúc Đức Thế Tôn Kassapa đi khất thực, y đốt Hương thất của Đức Phật.

Được tin Hương thất của Đức Thế Tôn bị cháy, trưởng giả Sumaṅgala cấp tốc đến xem, nhìn Hương thất đang bị lửa thiêu cháy, trưởng giả không buồn phiền mà còn vỗ tay cười lớn, đại chúng ngạc nhiên hỏi:

- Nay trưởng giả, ông đã bỏ ra tài sản lớn để kiến tạo Hương thất, vì sao Hương thất bị cháy ông lại vỗ tay cười?

- Nay các người, tài sản mà ta kiến tạo Hương thất, đó là tài sản ta đã chôn vào Phật pháp, không có một tai hại nào từ lửa, nước, trộm cướp hay vua quan có thể chiếm được. Hương thất của Đức Thế Tôn bị cháy, nhân dịp này ta có cơ hội xuất ra số tài sản tương đương lần trước để kiến tạo lại Hương thất, cúng dường đến Đức Thế Tôn, nên ta hoan hỷ vỗ tay cười.

Khi xuất ra số vàng nhiều hơn lần trước để xây dựng Hương thất cúng dường đến Đức Thế Tôn Kassapa. Trước khi khánh thành Hương thất, trưởng giả Sumaṅgala tổ chức cúng dường trọng thể đến Đức Phật cùng 20 ngàn vị Tỳkhuu liên tục 7 ngày.

Tên trộm rất bức tức suy nghĩ: “Ta phải giết trưởng giả này mới hả giận ta được”, y dấu dao vào người quanh quần trong tự viện cả 7 ngày để tìm cơ hội giết trưởng giả Sumaṅgala, nhưng không được.

Vào ngày thứ 7 khánh thành Hương thất, trưởng giả Sumaṅgala đánh lễ tác bạch cúng dường Hương thất đến Đức Thế Tôn Kassapa, rồi ông thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, phước báu này con chia đến người đã đốt Hương thất. Nhờ người này con có cơ hội tạo phước thiện tốt đẹp này.

Tên trộm nghe trưởng giả Sumaṅgala nói như thế, y suy nghĩ rằng:

- Ôi! Ta đã tạo một ác trọng nghiệp rồi, ta đã đốt ruộng lúa 7 lần, chặt chân đàn bò 7 lần, đốt nhà trưởng giả 7 lần; lại còn đốt Hương thất này. Nhưng trưởng giả không giận ta mà còn chia phước đến ta nữa.

Nếu ta không sám hối người như thế, hình phạt của chư thiên sẽ giáng xuống đầu của ta.

Tên trộm đi đến trước trưởng giả Sumaṅgala, quỳ xuống thưa rằng:

- Thưa chủ, xin chủ hãy tha tội cho con.

- Nay người kia, việc gì thế?

- Thưa chủ, con là người đã đốt ruộng của chủ 7 lần, chặt chân đàn bò 7 lần, đốt nhà chủ 7 lần. Lại đốt bỏ Hương thất của Đức Thế Tôn, nhưng chủ không giận con, còn chia phước đến con. Xin chủ hãy tha thứ tội lỗi của con.

- Nay người kia, ta chưa từng gặp người, vì sao người cảm thù ta như thế?

Tên trộm thuật lại những lời nói vô tình của trưởng giả. Trưởng giả nhớ lại những lời nói mình, nên nói rằng:

- Nay người kia, thật ta có nói những lời như thế. Vậy người hãy cho ta xin lỗi những lời ấy, và ta tha thứ những lỗi lầm của người đối với ta. Thôi người hãy đi đi.

- Thừa chủ, nếu chủ tha thứ tội lỗi của con, chủ hãy nhận con cùng gia đình của con là nô lệ đi. Con cùng gia đình con sẽ đến ở nơi chủ để phục vụ cho chủ.

- Nay người kia, ta tha thứ tội lỗi của ngươi, xem như mọi việc đã giải quyết xong. Ta không thể nhận ngươi là nô lệ trong gia tộc của ta được; ta chỉ nói những lời vô ý mà ngươi đã cảm hận ta như thế. Khi nhận ngươi vào ở trong nhà, nếu ta nói những lời nặng nề hơn hay đánh đập ngươi, thì ngươi còn cảm hận ta như thế nào nữa. Thôi ngươi hãy đi đi.

Mệnh chung tên trộm rơi vào địa ngục Avīci (Atỳ) thọ khổ từ thời Đức Phật Kassapa đến thời hiện tại, khi thoát ra khỏi địa ngục, phải tái sinh thành ma đói hình trăn, bị lửa thiêu đốt khốc liệt như thế.

Sau khi nói lên tiền sự của ma đói mình trăn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, hạng người ngu khi làm các nghiệp ác thì không tự biết, nhưng về sau chính những nghiệp của họ đã tạo thiêu đốt họ như lửa rừng tự bốc cháy thiêu hoại khu rừng.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

136- Atha pāpāni kammāni; karam bālo na bujjhati.

Sehi kammehi dummedho; aggidaḍḍhova tappati.

“Ngươi ngu làm điều ác; không ý thức việc làm.

Do tự nghiệp người ngu; bị nung nấu như lửa” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

3’- Chuyện ma đói đầu heo (Sūkarapetavatthu).

Khi từ núi Gijjhakūṭa (Kên kên) đi xuống, Ngài Moggallāna nhìn thấy một con ma đói (peta) mình dài 3 gāvuta (tigāvuta= 12 km), có đầu như đầu heo, trong miệng mọc ra cái đuôi, từ đó dòi bò ra lúc nhúc.

Đức Thế Tôn giải thích: Đây là vị Tỳkhuu vào thời Giáo pháp của Đức Phật Kassapa, đã nói lời chia rẽ hai vị Tỳkhuu để chiếm đoạt ngôi tự viện.

Về sau hai vị trưởng lão gặp lại nhau và hiểu ra vị Tỳkhuu nọ đã ly gián hai vị.

Hai vị trưởng lão trở về nơi cũ, tấn xuất vị Tỳkhuu gây chia rẽ ra khỏi tự viện.

Mệnh chung, vị Tỳkhuu nói lời chia rẽ rơi vào địa ngục Atỳ suốt một thời vị Phật, thoát khỏi cảnh giới địa ngục, tái sinh làm hạng ma đói (peta) này.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

281- Vācānurakkhī manasā saṣaṃvuto; kāyena ca nākusalaṃ kayirā.

Ete tayo kammapathe visodhaye; ārādhaye maggamisippaveditaṃ.

“Ý điều lời thận trọng; thân không làm điều ác.

Ba nghiệp này thanh tịnh; chúng đạo Thánh nhân dạy” (HT. TMC d)⁽²⁾.

4’- Chuyện ma đói búa đập đầu (Saṭṭhikūṭapetavatthu).

Khi Đức Moggallāna cùng Đức Lakkhaṇa từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, Đức Moggallāna nhìn thấy con ma đói có thân hình cao khoảng ba phần tư dotuần (=12km), trôi nổi giữa hư không, trên đầu nó có 60 ngàn búa sắt cháy đỏ, bay lên đập xuống đầu nó không ngớt; khi sọ óc của nó bể tan vụn thì hườn đầu lại như cũ.

Ngài Moggallāna trình lên Đức Thế Tôn về hạng chúng sinh này, Đức Thế Tôn xác nhận: “Có hạng chúng sinh như thế”.

Các Tỳkhuu thỉnh cầu Đức Thế Tôn giải thích tiền nghiệp của hạng chúng sinh này, Đức Thế Tôn nói lên tiền tích như sau:

Thuở quá khứ khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại), trong thành Bārāṇasī có một anh què, tuy què nhưng anh có tài bún sỏi rất chính xác.

Hằng ngày anh đến ngồi nơi cội cây cổ thụ nơi cổng thành, những đứa bé vây quanh anh, yêu cầu anh bún sỏi vào những lá cây, tạo thành những con vật như voi, ngựa ... nhóm trẻ thù lao cho anh bằng những vật thực mà chúng có được.

(1)- DhpA. Câu số 136.

(2)- DhpA. C6au số 281.

Một hôm, vua Brahmadata cùng tùy tùng đi du ngoạn, đến cổng thành nơi có gốc cổ thụ, bọn trẻ đưa anh què vào trốn vào bụi cây, rồi chúng bỏ chạy hết.

Đức vua đi đến cội cổ thụ để nghỉ, nhìn thấy những lá cây loang lổ những hình con vật, Đức vua suy nghĩ: “Sao những lá cây này có những hình con vật?”.

Đức vua hỏi các quan tùy tùng: “Ai đã làm ra những hình ảnh này?”.

Trong nhóm các quan tùy tùng có người biết được việc làm của anh què nên thưa rằng: “Thưa Đại vương, đây là do một người què bún sỏi tao ra”.

Đức vua cho người đi tìm anh què, bắt gặp anh đang trốn trong bụi cây, các quan tùy tùng đưa anh què đến trình diện Đức vua.

Nguyên Đức vua có vị Cố vấn đại thần (purohita), vị này rất ham nói, ông cướp lời ngay cả Đức vua; khi họp bàn một vấn đề gì của quốc độ thì vị Cố vấn đại thần dành nói tất cả, không ai có thể nói được lời nào.

Đức vua tuy khuyên ngăn nhiều lần nhưng đều vô hiệu, Đức vua rất khó chịu về tật nói nhiều của vị Cố vấn đại thần, nhưng chưa biết phải làm sao trị tật nói nhiều của vị ấy.

Anh què đến đánh lễ Đức vua Brahmadata rồi ngồi yên, đức vua hỏi:

- Nay người kia, ta có vị đại quan ham nói, người có cách gì để trừ tật nói nhiều của ông ta chẳng?

Suy nghĩ một lát, anh què thưa rằng:

- Thưa Đại vương, con có thể bún phân dê vào miệng của vị ấy khi vị ấy mở miệng, nhờ đó vị ấy sẽ không còn ham nói nữa.

- Người làm như thế nào?

- Thưa Đại vương, Đại vương hãy cho con ngồi sau tấm rèm, trên tấm rèm có khoét lỗ nhỏ. Đại vương ngồi bên ngoài rèm, khi vị Cố vấn đại thần mở miệng con sẽ bún phân dê vào miệng vị ấy.

Đức vua làm y theo kế của anh què. Ngồi sau tấm rèm, anh què dùng dao khoét một lỗ nhỏ, khi vị Cố vấn đại thần mở miệng để lý luận, anh què bún viên phân dê vào miệng quan Cố vấn, quan Cố vấn ham lý luận để thuyết phục đức vua, khi viên phân dê vào miệng ông vội nuốt đi để nói.

Khi bún hết một cân phân dê, anh què lay động tấm rèm báo cho đức vua biết “đã hết phân dê”. Đức vua nói với quan Cố vấn đại thần rằng:

- Nay quan Cố vấn, chỉ vì ham nói mà người nuốt hết một cân phân dê rồi đấy.

Vị Cố vấn đại thần vô cùng hổ thẹn, từ đó không còn dám mở miệng cướp lời hay tranh luận nữa.

Đức vua hài lòng ban thưởng cho anh què bốn ngôi làng ở bốn cổng thành để thu thuế cùng với những vật ban thưởng khác.

Nghe được việc này bậc có trí nói lên kệ ngôn:

Sādhu kho sippakannāma; api yādisakīdisaṃ.

Passa khañjappahārena; laddhā gāmā catuddisāti.

“Tốt thay nghề tinh xảo; nghề nào cũng tốt đẹp.

Như người què bún sỏi; nhận được bốn ngôi làng”.

(Bậc có trí nay là Đức thế Tôn).

Có một thanh niên thấy anh què nhờ tài bún sỏi mà được vinh hiển, nên tìm đến anh què xin học nghề búng sỏi.

Thành tài rồi, y muốn thử nghệ thuật búng sỏi của mình, khi đi vào cổng thành, y thấy Đức Phật Độc giác đang đứng trị bình khất thực, y suy nghĩ:

- Ông này không có thân bằng quyến thuộc, nếu ông có chết chẳng có ai bồi thường ta cả. Ta hãy thử tài nghệ búng sỏi của mình.

Y búng sỏi vào lỗ tai của vị Phật Độc giác, Ngài dùng thiên tịnh chế ngự cơn đau, đi về nơi cư ngụ của mình ở ngoài thành Bārāṇasī, rồi viên tịch.

Cư dân thành Bārāṇasī than khóc khi hay tin vị Samôn mà họ thương kính đã mệnh chung. Cư dân thành Bārāṇasī lập giàn hoả để thiêu xác vị Samôn, thanh niên bún sỏi muốn khoe khoang tài nghệ nên nói rằng:

- Các người có biết vì sao ông Samôn này chết không?

- Này anh, vì sao vậy?

- Chính ta đã bún sỏi vào trong lỗ tai của ông ấy đấy.

Cư dân thành Bārāṇasī nổi giận:

- Thì ra chính người đã sát hại vị samôn mà chúng ta kính trọng.

Cư dân thành Bārāṇasī đánh chết gã thanh niên ấy, mệnh chung y rơi vào địa ngục Avīci (Atỳ), khi quá địa cầu dày thêm một dotuần, y mới thoát ra khỏi địa ngục Avīci, tái sinh làm ma đói có 60 ngàn búa sắt đủ các loại, chấy đỏ bay lên bay xuống đập vào đầu, khi đầu vỡ ra thì huờn lại như cũ.

Trong Petavatthu (Chuyện ma đói) có kệ ngôn như vậy:

Saṭṭhī kūṭasahassāni; paripuṇṇāni sabbaso.

Sīse tuyhaṃ nipatanti; obhindanteva matthakanti.

“Sáu mươi ngàn búa sắt; đủ tất cả các loại.

Rớt xuống trên đầu người; đầu của người nát tan”.

Sau khi nói lên tiền nghiệp của ma đói búa đập đầu, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳkhuu, phạm người ngu có nghề tinh xảo hay quyền chức lớn thì tự hại lấy bản thân.

Rồi Đức thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

72- Yāvadeva anattāya; ñattaṃ bālassa jāyati.

Hanti bālassa sukkaṃsaṃ; muddhamassa vipātayaṃ.

“Trí danh và tai hại; đồng đến với kẻ dại.

Phá thiện pháp để dành; đập đầu y tan hoại” (HT. TMC d)⁽¹⁾.

Theo Sớ giải kinh Trường bộ, thị giả của Đức Thế Tôn là Sadi Sunakkhatta không thể luyện được Thiên nhĩ thông, cũng do tiền nghiệp là bún sỏi vào lỗ tai của Đức Phật Độc giác. Vậy hai sự kiện này là hai người hay chỉ là một?.

d- Thấy ác ma trong bụng mình.

Sự kiện này xảy ra khi gần cuối đời của Đức Moggallāna.

Khi Đức Moggallāna trú giữa dân xứ Bhagga, tại Sumsumāragira, nơi rừng Bhesakaḷā, ác ma đi vào người Ngài trú nơi bao tử.

Ngài Moggallāna nhìn thấy ác ma đang trú nơi bao tử của mình, đã bảo ác ma hãy đi ra.

Khi ác ma ra khỏi miệng của Ngài Moggallāna đứng dựa cửa tự viện, Ngài cũng trông thấy ác ma⁽²⁾.

Trong Theragāthā (Kệ trường lão Tăng), Đức Moggallāna giáo giới ác ma với những kệ ngôn như sau:

1196- Kīdiso nirayo āsi; yattha dussī apaccatha.

Vidhuraṃ sāvakaṃsajja; kakusandhañca brāhmaṇaṃ.

“Địa ngục ấy ra sao; Dūsi bị nấu sôi như vậy.

Vì đánh Vidhura đệ tử; Balamôn Kakusandha”.

1197- Sataṃ āsi ayosaṅkū; sabbe paccattavedanā.

Īdiso nirayo āsi; yattha dussī apaccatha.

Vidhuraṃ sāvakaṃsajja; kakusandhañca brāhmaṇaṃ.

“Trăm cộc sắt nhọn này; mọi cảm thọ nung nấu.

Địa ngục ấy như vậy; Dūsi bị nấu sôi.

Vì đánh Vidhura đệ tử; Balamôn Kakusandha”.

1198- Yo etamabhijānāti; bhikkhu buddhassa sāvako.

(1)- DhpA. Câu số 72.

(2)- M.ī,kinh Hàng phục ác ma (Māratajjanīyasuttaṃ) (kinh số 50).

Tādisaṃ bhikkhumāsajja; kaṇha dukkhaṃ nigacchasi.
*“Ai hiểu điều cao tột này; Tỳkhuu đệ tử bậc Giác ngộ.
 Người đánh vị Tỳkhuu; ác xấu đến địa ngục khô”*.
 1199- Majjhesarasamim tiṭṭhanti; vimānā kappathāyino.
 Veḷuriyavaṇṇā rucirā, accimanto pabhassarā.
 Accharā tattha naccanti; puthu nānattavaṇṇiyo.
*“Nơi giữa biển dựng lên; thiên cung đứng vững chắc.
 Ngọc lưu ly chói sáng; ánh sáng rực huy hoàng.
 Nơi đây thiên nữ ca múa; trang sức đủ các loại”*.
 1200- Yo etamabhijānāti; bhikkhu buddhassa sāvako.
 Tādisaṃ bhikkhumāsajja; kaṇha dukkhaṃ nigacchasi.
*“Ai hiểu điều cao tột này; Tỳkhuu đệ tử bậc Giác ngộ.
 Người đánh vị Tỳkhuu; ác xấu đến địa ngục khô”*.
 1201- Yo ve buddhena codito; bhikkhusaṅghassa pekkhato.
 Migāramātupāsādaṃ; pādaṅgutṭhena kampayi.
*“Người nào, Đức Phật dạy; Tăng chúng chứng kiến rõ.
 Giảng đường mẹ Migāra; ngón chân làm rung chuyển”*.
 1202- Yo etamabhijānāti; bhikkhu buddhassa sāvako.
 Tādisaṃ bhikkhumāsajja; kaṇha dukkhaṃ nigacchasi.
*“Ai hiểu điều cao tột này; Tỳkhuu đệ tử bậc Giác ngộ.
 Người đánh vị Tỳkhuu; ác xấu đến địa ngục khô”*.
 1203- Yo vejyantapāsādaṃ; pādaṅgutṭhena kampayi.
 Iddhibalenupatthaddho; saṃvejesi ca devatā.
*“Ai, giảng đường Vejayanta; ngón chân làm rung chuyển.
 Đầy đủ như ý lực; thiên chúng cũng kinh hoàng”*.
 1204- Yo etamabhijānāti; bhikkhu buddhassa sāvako.
 Tādisaṃ bhikkhumāsajja; kaṇha dukkhaṃ nigacchasi.
*“Ai hiểu điều cao tột này; Tỳkhuu đệ tử bậc Giác ngộ.
 Người đánh vị Tỳkhuu; ác xấu đến địa ngục khô”*.
 1205- Yo vejyantapāsāde; sakkam so paripucchati.
 Api āvuso jānāsi; taṇhakkhayavimuttiyo;
 Tassa sakko viyākāsi; pañhaṃ puṭṭho yathātathaṃ.
*“Ai nơi điện Vejayanta; vị ấy hỏi Sakka.
 Hiền giả, người biết thế nào; diệt ái được giải thoát.
 Sakka, vị ấy thành thật; trả lời câu hỏi ấy”*.
 Yo etamabhijānāti; bhikkhu buddhassa sāvako.
 Tādisaṃ bhikkhumāsajja; kaṇha dukkhaṃ nigacchasi.
*“Ai hiểu điều cao tột này; Tỳkhuu đệ tử bậc Giác ngộ.
 Người đánh vị Tỳkhuu; ác xấu đến địa ngục khô”*.
 1206- Yo etamabhijānāti; bhikkhu buddhassa sāvako.
 Tādisaṃ bhikkhumāsajja; kaṇha dukkhaṃ nigacchasi.
*“Ai hiểu điều cao tột này; Tỳkhuu đệ tử bậc Giác ngộ.
 Người đánh vị Tỳkhuu; ác xấu đến địa ngục khô”*.
 1207- Yo brahmānaṃ paripucchati, sudhammāyaṃ ṭhito sabhaṃ.
 Ajjāpi tyāvuso sā diṭṭhi; yā te diṭṭhi pure ahu.
 Passasi vītivattaṃ; brahmaloke pabhassaraṃ.
*“Ai đã hỏi Phạm thiên; nơi hội chúng thiện pháp.
 Nay hiền giả còn giữ; các tà kiến khi xưa.
 Người có thấy rực sáng; hào quang đây cõi Phạm thiên”*.
 1208- Tassa brahmā viyākāsi; pañhaṃ puṭṭho yathātathaṃ.
 Na me mārisa sā diṭṭhi; yā me diṭṭhi pure ahu.
“Phạm thiên ấy thành thật; trả lời câu hỏi ấy”.

Tôn giả, tôi không còn thấy thê; như xưa tôi đã thấy”.

1209- Passāmi vītivattantaṃ; brahmaloke pabhassaraṃ.

Sohaṃ aṃja kathaṃ vajjaṃ; ahaṃ niccomhi sassato.

“Tôi đã thấy rực sáng; hào quang đây cõi Phạm thiên.

Vì sao tôi nói được; tôi thường hằng bất biến”.

1210- Yo etamabhijānāti; bhikkhu buddhassa sāvako.

Tādisaṃ bhikkhumāsajja; kaṇha dukkhaṃ nigacchasi.

“Ai hiểu đều cao tột này; Tỳkhuu đệ tử bậc Giác ngộ.

Người đánh vị Tỳkhuu; ác xấu đến địa ngục khô”.

1211- Yo mahāneruno kūṭaṃ; vimokkhena aphassayi.

Vanaṃ pubbavidehānaṃ; ye ca bhūmisayā narā.

Ai nơi đỉnh núi cao; thoát ra không xúc chạm.

Nơi rừng phía đông Videha; vị ấy nằm trên đất”.

1212- Yo etamabhijānāti; bhikkhu buddhassa sāvako.

Tādisaṃ bhikkhumāsajja; kaṇha dukkhaṃ nigacchasi.

“Ai hiểu đều cao tột này; Tỳkhuu đệ tử bậc Giác ngộ.

Người đánh vị Tỳkhuu; ác xấu đến địa ngục khô”.

1213- Na ve aggi cetayati; ahaṃ bālaṃ ḍahāmīti.

Bālova jalitaṃ aggiṃ; āsajja naṃ paḍayhati.

“Lửa không nghĩ thật sự; ta đốt cháy kẻ ngu.

Kẻ ngu tấn công lửa; tự mình bị đốt cháy”.

1214- Evameva tuvaṃ māra; āsajja naṃ tathāgataṃ.

Sayaṃ ḍahissasi attānaṃ; bālo aggiṃva samphusaṃ.

“Này ác ma, cũng thế đấy; người xúc phạm Đấng Như Lai.

Tự mình đốt cháy mình; như kẻ ngu chạm với lửa”.

1215- Apuññaṃ pasavī māro; āsajja naṃ tathāgataṃ.

Kiṃ nu maññasi pāpima; na me pāpaṃ vipaccati.

“Ác ma tạo vô phước; vì quấy nhiễu Như Lai.

Kẻ ác xấu, người nghĩ sao, ta không nhận được ác?”.

1216- Karato te cīyate pāpaṃ; cirarattāya antaka.

Māra nibbinda buddhamhā; āsaṃ mākāsi bhikkhusu.

“Điều ác xấu người đã làm; từ lâu đã chất chứa.

Ác ma hãy tránh Phật; chớ quấy nhiễu Tỳkhuu”.

1217- Iti māraṃ atajjesi; bhikkhu bhesakalāvane.

Tato so dummano yakkho; tatthevantaradhāyathā’ti.

“Tỳkhuu quả ác ma như vậy; tại rừng Bhesakāḷa.

Đạo buồn khổ thất vọng; biến mất tại nơi ấy”⁽¹⁾.

E- Đức Moggallāna và kinh điển.

Số lượng kinh điển do Đức Moggallāna thuyết giảng được ghi nhận trong Kinh điển Pāli không nhiều lắm.

I- Trung bộ kinh. Có hai bài kinh.

1- Anumāna sutta (Kinh Tư lượng).

Do Đức Moggallāna thuyết tại Bhesakalāvana ở Suṃsumāragiri trong xứ Bhagga. Nói về sự khiển trách Tỳkhuu và sự tự quán xét.

Trong bản kinh Đức Thế Tôn không được đề cập đến, đây là điểm cần chú ý.

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) nói rằng kinh được các vị Cổ đức (porāṇā) xem như Bikkhupaṭimokkha (giới bốn Tỳkhuu) và sự tự xét mình phải được lập lại mỗi ngày ba lần, tối thiểu cũng phải một lần⁽²⁾.

Đức Moggallāna dạy: Vị Tỳkhuu trở thành kẻ khó nói khi có 16 tật xấu, đó là:

(1)- Thag. Kệ ngôn trưởng lão Moggallāna.

(2)- MA.i, 294.

Ác dục (pāpiccha), khen mình chê người (attukaṃsaka), phẫn nộ (kodhana), thù hận (upanāhi), cố chấp (abhisāṅgī), nói giận dữ (vācaṃ nicchāretā), chống đối (paṭippharati), chỉ trích (apasādeti), chất vấn (paccāropeti), nói lảng (là tránh né vấn đề với một vấn đề khác), không giải thích (na sampāyati), hư nguy não hại (makkhī paḷāsī), tạt đổ xan tham (issukī maccharī), lừa đảo (māyāvī), tăng thượng mạn (atimānī), không buông bỏ (ādhānagāhī dupaṭinissaggī).

Ngược lại là vị Tỳkhuu dễ nói, được các bậc đồng phạm hạnh tin tưởng, giáo giới, nhắc nhở⁽¹⁾.

Trong Samantāpasādikā (Sớ giải Tạng luật), hình ảnh vị Tỳkhuu có tâm khó nói thường được trích dẫn⁽²⁾.

2- *Māratajjanīyasutta* (kinh Hàng phục ác ma).

Xem ở trên,

II- *Tương ưng kinh*.

1- *Aññatarabrahmasutta* (kinh Phạm thiên khác).

Một Phạm thiên có tà kiến rằng: “Không một chúng sinh nào có thể đến cõi của ta”. Đức Thế Tôn, Ngài Mogallāna, Ngài Mahā Kassapa, Ngài Mahā Kappina, và Ngài Anuruddha đều đến đây và phá tà kiến của Phạm thiên ấy (xem ở trên)⁽³⁾.

2- *Avassutapariyāyasutta*.

Đức Thế Tôn khi trú ở Kapilavatthu (Catỳlavệ), dạy Ngài Moggallāna thuyết giảng đến các Tỳ Khưu.

Ngài Moggallāna thuyết lên pháp môn *ô nhiễm do các dục và không ô nhiễm*⁽⁴⁾.

3- *Moggallānasutta* (Kinh Moggallāna).

Du sĩ Vacchagotta đến viếng Đức Moggallāna hỏi về các vấn đề:

- Thế gian (loka)⁽⁵⁾ thường còn?
- Thế gian không thường còn?
- Thế gian là hữu biên?
- Thế gian là vô biên?
- Sinh mạng (jīva)⁽⁶⁾ và thân thể (sārīra) là một?
- Sinh mạng và thân thể là khác?
- Chúng sinh (tathāgato) tồn tại sau khi chết?
- Chúng sinh không tồn tại sau khi chết?
- Thế giới không thường còn cũng không không thường còn?

Đức Moggallāna trả lời: Đức Thế Tôn không trả lời những vấn đề này.

Du sĩ Vacchagotta hỏi: Do nhân gì duyên gì Đức Thế Tôn không trả lời những vấn đề trên?

Đức Moggallāna đáp:

- Vì các du sĩ ngoại đạo xem các xứ (āyatana) như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là *tôi* là của *tôi* nên chấp nhận các luận đề trên. Còn Đấng Như lai không xem các xứ là *tôi* là của *tôi*, nên không trả lời những vấn đề trên.

(Vì rằng ngã vốn không có thì làm sao có thể xem là còn hay không còn. Ví như không có tài sản thì làm sao nói rằng “còn tài sản hay mất tài sản”).

Du sĩ Vacchagotta đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, hỏi Đức Thế Tôn những vấn đề trên, Đức Thế Tôn đáp: Như Lai không trả lời những vấn đề trên.

Du sĩ Vacchagotta tán thán rằng:

(1)- M.i, Anumāna sutta (Kinh Tư lượng), kinh số 15.

(2)- Sp. iii, 612.

(3)- S.i, 144.

(4)- Xem S.iv, 182.

(5)- Loka (thế gian) ở đây chỉ cho danh sắc.

(6)- Sinh mạng (jīva) chỉ cho “tiểu ngã”, theo quan niệm của Bàlamôn giáo Đại phạm thiên là “đại ngã”, đại ngã thường hằng bất biến, do vậy “tiểu ngã” là một phần của đại ngã, nên tiểu ngã cũng thường hằng bất biến.

Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả Gotama, thật vi diệu thay tôn giả Gotama. Vì rằng giữa Đạo sư với nam đệ tử: Ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn, có sự tương đồng, có sự tương hoà, không có sự mâu thuẫn. Tức là tối thượng văn cú⁽¹⁾.

Trong Saṃyutta Nikāya (Tương ưng bộ kinh) có một phẩm đề cập đến những pháp thoại của Đức Moggallāna, gọi là Moggallāna saṃyutta (Tương ưng Moggallāna), như sau:

1- *Paṭhamajhānapañhāsutta* (kinh Nói đến thiền thứ nhất).

Một thời Đức Moggallāna trú ở Sāvatti (Xá-vệ) nơi Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên) của trưởng giả Anāthapiṇḍika cúng dường.

Đức Moggallāna dạy các Tỳkhuu tu tập thiền thứ nhất.

Thế nào gọi là Sơ thiền?

Ở đây vị Tỳkhuu ly dục, ly bất thiện pháp chúng và trú *thiền thứ nhất*, một trạng thái hỷ lạc do **ly dục sinh, có tâm có tứ**. Đây gọi là thiền thứ nhất.

Và Ngài nói cho các Tỳkhuu biết:

- Nay chư hiền, ta ly dục, ly bất thiện pháp chúng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sinh, có tâm có tứ.

Rồi này chư hiền, do ta trú với sự an trú: Tác ý đến các tướng liên hệ với dục đang hiện khởi (kāmasahagatā saññāmanasikāra samudācaranti).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt Ngài Moggallāna, dạy rằng:

- Nay Moggallāna, nay Moggallāna, nay Balamôn chớ có xem thường thiền thứ nhất (paṭhamajhānaṃ pamādo). Hãy trú tâm vào thiền thứ nhất, hãy có **một tâm trú vào thiền thứ nhất**.

Rồi này chư hiền, thời gian sau, ta chúng và trú vào thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sinh, có tâm có tứ⁽²⁾.

Như vậy, sự thành đạt thiền thứ nhất của Ngài Moggallāna được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽³⁾.

2- *Dutiyajhānapañhā* (kinh Nói đến Nhị thiền).

Đức Moggallāna dạy các Tỳkhuu tu tập Nhị thiền.

Thế nào gọi là thiền thứ hai?

Ở đây, vị Tỳkhuu làm yên lặng tâm tứ (vitakkavicārānaṃ vūpasamā), chúng và trú thiền thứ hai một trạng thái hỷ lạc do **định sinh**, nội tinh nhất tâm không tâm không tứ. Đây gọi là thiền thứ hai.

Và Ngài nói cho các Tỳkhuu biết:

-- Nay chư hiền, ta làm yên lặng tâm tứ, chúng và trú thiền thứ hai một trạng thái hỷ lạc do **định sinh**, nội tinh nhất tâm không tâm không tứ.

Rồi này chư hiền, do ta an trú với sự an trú: Tác ý đến các tướng liên hệ với tâm đang hiện khởi (vitakkasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt ta, dạy rằng:

- Nay Moggallāna, nay Moggallāna, nay Balamôn chớ có xem thường thiền thứ hai. Hãy trú tâm vào thiền thứ hai, hãy có **một tâm trú vào thiền thứ hai**.

Rồi này chư hiền, thời gian sau, ta chúng và trú vào thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sinh, nội tinh nhất tâm, không tâm không tứ⁽⁴⁾.

Như vậy, sự thành đạt thiền thứ hai của Ngài Moggallāna, được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽⁵⁾.

(1)- S.iv, 391.

(2)- Đoạn kinh văn trước cho biết Ngài Moggallāna chúng đạt được thiền thứ nhất, nhưng chưa an trú tâm vào thiền thứ nhất với thời gian dài, gọi là nhập định. Đoạn kinh văn sau cho biết: Ngài Moggallāna trú tâm vào định thứ nhất với thời gian dài.

(3)- S.iv, 262.

(4)- Đoạn kinh văn trước cho biết Ngài Moggallāna chúng đạt được thiền thứ hai, nhưng chưa an trú tâm vào thiền thứ hai với thời gian dài. Đoạn kinh văn sau cho biết Ngài Moggallāna trú tâm vào định thứ hai với thời gian dài.

(5)- S.iv, 263.

3- *Tatīyajhānapañhāsutta* (kinh Nói đến thiền thứ ba).

Đức Moggallāna dạy các Tỳkhuu tu tập thiền thứ ba.

Thế nào gọi là thiền thứ ba?

Ở đây, vị Tỳkhuu lìa bỏ hỷ, trú xả (pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati), ghi nhận và biết rõ (sato ca sampajāno), nhận thức thân an lạc (sukhañca kāyena paṭisaṃvedeti), được bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú. Đây gọi là thiền thứ ba.

Và Ngài nói cho các Tỳkhuu biết:

-- Đây chư hiền, ta lìa bỏ hỷ, trú xả, ghi nhận và biết rõ, nhận thức thân an lạc, chứng và trú thiền thứ ba, được bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú.

Rồi này chư hiền, do ta an trú với sự an trú: Tác ý đến các tướng liên hệ với hỷ đang hiện khởi (pītisahagatā saññāmanasikārā samudācaranti).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt ta, dạy rằng:

- Đây Moggallāna, đây Moggallāna, đây Balamôn chớ có xem thường thiền thứ ba. Hãy trú tâm vào thiền thứ ba, ***hãy có một tâm trú vào thiền thứ ba.***

Rồi này chư hiền, thời gian sau, ta lìa bỏ hỷ, trú xả, ghi nhận và biết rõ, nhận thức thân an lạc, chứng và trú thiền thứ ba, được bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú⁽¹⁾.

Như vậy, sự thành đạt thiền thứ ba của Ngài Moggallāna, được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽²⁾.

4- *Catutthajhānapañhāsutta* (kinh Nói về thiền thứ tư).

Đức Moggallāna dạy các Tỳkhuu tu tập thiền thứ tư.

Thế nào gọi là thiền thứ tư?

Ở đây, vị Tỳkhuu cắt đứt khổ - lạc (sukhassa ca pahānā dukkhassa), và cắt đứt hỷ - ưu đã cảm thọ từ trước (pahāna pubbeva somanassadomanassānaṃ), thành tựu không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây gọi là thiền thứ tư.

Và Ngài nói cho các Tỳkhuu biết:

-- Đây chư hiền, ta cắt đứt khổ - lạc và cắt đứt hỷ - ưu đã cảm thọ từ trước, thành tựu không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng và trú thiền thứ tư.

Rồi này chư hiền, do ta an trú với sự an trú: Tác ý đến các tướng liên hệ với lạc đang hiện khởi (sukhasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt ta, dạy rằng:

- Đây Moggallāna, đây Moggallāna, đây Balamôn chớ có xem thường thiền thứ tư. Hãy trú tâm vào thiền thứ tư, hãy có ***một tâm trú vào thiền thứ tư.***

Rồi này chư hiền, thời gian sau, ta cắt đứt khổ - lạc và cắt đứt hỷ - ưu đã cảm thọ từ trước, thành tựu không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng và trú thiền thứ tư.

Như vậy, sự thành đạt thiền thứ tư của Ngài Moggallāna, được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽³⁾.

5- *Ākāśānañcāyatanapañhāsutta* (kinh Nói về Không vô biên xứ).

Đức Moggallāna dạy các Tỳkhuu tu tập thiền Không vô biên xứ.

Thế nào là thiền Không vô biên xứ?

Ở đây, vị Tỳkhuu hoàn toàn vượt qua sắc tướng, đối ngại tướng, không tác ý đến sai biệt tướng, nhận biết “Cái không là vô biên”, chứng và trú Không vô biên xứ. Đây gọi là thiền Không vô biên xứ.

Và Ngài cho các vị Tỳkhuu biết:

(1)- Đoạn kinh văn trước cho biết Ngài Moggallāna chứng đạt được thiền thứ ba, nhưng chưa an trú tâm vào thiền thứ ba với thời gian dài. Đoạn kinh văn sau cho biết Ngài Moggallāna nhập vào định thứ ba với thời gian dài.

(2)- S.iv, 264.

(3)- Đoạn kinh văn trước cho biết Ngài Moggallāna chứng đạt được thiền thứ ba, nhưng chưa an trú tâm vào thiền thứ ba với thời gian dài. Đoạn kinh văn sau cho biết Ngài Moggallāna nhập vào định thứ ba với thời gian dài.

- Nay các chư hiền, ta hoàn toàn vượt qua sắc tướng, đối ngại tướng, không tác ý đến sai biệt tướng, nhận biết “Cái không là vô biên”, chứng và trú Không vô biên xứ.

Rồi này chư hiền, ta an trú với sự an trú: Tác ý với các tướng liên hệ với sắc đang hiện khởi (rūpasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt ta, dạy rằng:

- Nay Moggallāna, này Moggallāna, này Balamôn chớ có xem thường Không vô biên xứ. Hãy trú tâm vào thiền Không vô biên xứ, hãy có một tâm trú vào Không vô biên xứ với thời gian dài.

Rồi này chư hiền, thời gian sau ta hoàn toàn vượt qua sắc tướng, đối ngại tướng, không tác ý đến sai biệt tướng, nhận biết “Cái không là vô biên”, chứng và trú Không vô biên xứ.

Như vậy, sự thành đạt thiền Không vô biên xứ của Ngài Moggallāna, được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽¹⁾.

6- *Viññāṇañcāyatapañhāsutta* (kinh Nói về Thức vô biên xứ).

Thế nào là thiền Thức vô biên xứ?

Ở đây, vị Tỳkhuu hoàn toàn vượt qua Không vô biên xứ, nhận biết “Thức là vô biên”, chứng và trú Thức vô biên xứ. Đây gọi là thiền Thức vô biên xứ.

Và Ngài cho các vị Tỳkhuu biết:

- Nay các chư hiền, ta hoàn toàn vượt qua Không vô biên xứ, nhận biết “Thức là vô biên”, chứng và trú Thức vô biên xứ.

Rồi này chư hiền, ta an trú với sự an trú: Tác ý với các tướng liên hệ với Không vô biên xứ đang hiện khởi (ākāsāṇañcāyatanasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt ta, dạy rằng:

- Nay Moggallāna, này Moggallāna, này Balamôn chớ có xem thường Thức vô biên xứ. Hãy trú tâm vào thiền Thức vô biên xứ, hãy có một tâm trú vào Thức vô biên xứ với thời gian dài.

Rồi này chư hiền, thời gian sau ta hoàn toàn vượt qua Không vô biên xứ, nhận biết “Thức là vô biên”, chứng và trú Thức vô biên xứ.

Như vậy, sự thành đạt thiền Thức vô biên xứ của Ngài Moggallāna, được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽²⁾.

7- *Ākiñcaññāyatanapañhāsutta* (kinh Nói về Vô sở hữu xứ).

Thế nào là thiền Vô sở hữu xứ?

Ở đây, vị Tỳkhuu hoàn toàn vượt qua Thức vô biên xứ, nhận biết “không có gì cả”, chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đây gọi là thiền Vô sở hữu xứ.

Và Ngài cho các vị Tỳkhuu biết:

- Nay các chư hiền, ta hoàn toàn vượt qua Thức vô biên xứ, nhận biết “không có gì cả”, chứng và trú Vô sở hữu xứ.

Rồi này chư hiền, ta an trú với sự an trú: Tác ý với các tướng liên hệ với Thức vô biên xứ đang hiện khởi (viññāṇañcāyatanasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt ta, dạy rằng:

- Nay Moggallāna, này Moggallāna, này Balamôn chớ có xem thường Vô sở hữu xứ. Hãy trú tâm vào thiền Vô sở hữu xứ, hãy có một tâm trú vào Vô sở hữu xứ với thời gian dài.

Rồi này chư hiền, thời gian sau ta hoàn toàn vượt qua Thức vô biên xứ, nhận biết “không có gì cả”, chứng và trú Vô sở hữu xứ.

Như vậy, sự thành đạt thiền Thức vô biên xứ của Ngài Moggallāna, được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽¹⁾.

(1)- S.iv, 266.

(2)- S.iv, 266.

8- *Nevasaññānāsaññāyatanapañhāsutta* (kinh Nói về Phi tướng phi phi tướng xứ).

Thế nào là thiên Phi tướng phi phi tướng xứ?

Ở đây, vị Tỳkhuu hoàn toàn vượt qua Vô sở hữu xứ, nhận biết “dường như có tướng dường như không có tướng”, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây gọi là thiên Phi tướng phi phi tướng xứ.

Và Ngài cho các vị Tỳkhuu biết:

- Nay các chư hiền, ta hoàn toàn vượt qua Vô sở hữu xứ, nhận biết “dường như có tướng dường như không có tướng”, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ.

Rồi này chư hiền, ta an trú với sự an trú: Tác ý với các tướng liên hệ với Vô sở hữu xứ đang hiện khởi (*ākiñcaññāyatanasahagatā saññāmanasikārā samudācaranti*).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt ta, dạy rằng:

- Nay Moggallāna, này Moggallāna, này Balamôn chớ có xem thường Phi tướng phi phi tướng xứ. Hãy trú tâm vào thiên Phi tướng phi phi tướng xứ, hãy có một tâm trú vào Phi tướng phi phi tướng xứ với thời gian dài.

Rồi này chư hiền, thời gian sau ta hoàn toàn vượt qua Vô sở hữu xứ, nhận biết “dường như có tướng dường như không có tướng”, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ.

Như vậy, sự thành đạt thiên Phi tướng phi phi tướng xứ của Ngài Moggallāna, được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽²⁾.

9- *Animittapañhāsutta* (kinh Nói về vô tướng).

***Thế nào là Vô tướng tâm định* (*animitto cetosamādhi*)?**

Ở đây, vị Tỳkhuu không tác ý đến tất cả tướng, chứng và trú định Vô tướng. Đây gọi là Vô tướng tâm định

Và Ngài cho các vị Tỳkhuu biết:

- Nay các chư hiền, ta không tác ý đến tất cả các tướng, chứng và trú định Vô tướng.

Rồi này chư hiền, ta an trú với sự an trú: Tùy thuận tướng của thức (*nimittānusari viññāṇam*).

Và Đức Thế Tôn với thần thông xuất hiện trước mặt ta, dạy rằng:

- Nay Moggallāna, này Moggallāna, này Balamôn chớ có xem thường định Vô tướng. Hãy trú tâm vào định Vô tướng, hãy có một tâm trú vào định Vô tướng với thời gian dài.

Rồi này chư hiền, thời gian sau ta không tác ý đến tất cả tướng, chứng và trú định Vô tướng.

Như vậy, sự thành đạt định Vô tướng của Ngài Moggallāna, được Đức Thế Tôn chỉ dạy và trợ giúp⁽³⁾.

Những bài kinh trên đã giải thích vì sao Đức Moggallāna không thể an trú vào định diệt thọ tướng.

Vì rằng vị Thánh Alahán hay Anahàm muốn thành đạt định diệt thọ tướng phải có hai điều kiện:

- Chứng đạt Tứ thiên hay thiên Vô sắc trước khi chứng Thánh đạo Alahán.
- Thành tựu thiên Phi tướng phi phi tướng xứ.

Mặt khác, bài kinh “Vô tướng tâm định” cho thấy: Có khả năng Ngài Moggallāna thành tựu Thánh quả Siêu thế bằng cách quán xét tướng vô thường”.

9- *Sakkasutta* (kinh Sakka).

Bài kinh này ghi nhận bốn cuộc đàm luận giữa Đức Moggallāna và thiên chủ Sakka (ĐếThích).

(1)- S.iv, 267.

(2)- S.iv, 268.

(3)- S.iv, 268.

Khi Đức Moggallāna trú ở Jetavanavihāra, Ngài biến mất ở Jetavanavihāra xuất hiện ở cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba).

a- Thiên chủ Sakka cùng 500 đi đến đánh lễ Đức Moggallāna. Đức Moggallāna nói với thiên chủ Sakka rằng:

- Lành thay, này thiên chủ là nương nhờ Đức Phật. Này thiên chủ, do nhân nương nhờ Đức Phật, một số chúng sinh sau khi thân hoại mệnh chung tái sinh về thiên giới.

Lành thay, này thiên chủ là nương nhờ Đức Pháp ...

Lành thay, này thiên chủ là nương nhờ Đức Tăng. Này thiên chủ, do nhân nương nhờ Đức Tăng, một số chúng sinh sau khi thân hoại mệnh chung tái sinh về thiên giới.

Thiên chủ Sakka hoan hỷ chấp nhận lời dạy của Đức Moggallāna.

* Thiên chủ Sakka cùng với 600 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng với 700 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng với 800 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng với 8.000 thiên nhân ...

b- Thiên chủ Sakka cùng 500 thiên nhân đi đến đánh lễ Đức Moggallāna. Đức Moggallāna nói với thiên chủ Sakka rằng:

Lành thay, này thiên chủ, có niềm tin bất động trọn vẹn (aveccapasādana) với Đức Phật. Đây là Thế Tôn (Itipi so Bhagavā) bậc Alahán Chánh đẳng giác (Arahāṃ sammāsaṃbuddho), Minh hạnh túc (vijjācaraṇasampanno), Thiện thế (Sugato), Thế gian giải (Lokavidū), bậc Vô thượng Điều ngự trượng phu (Anuttaro purisadammasārathī), Thiên nhân sư (Satthā devamanussānaṃ), Phật (Buddho), Thế Tôn (Bhagavā).

Này thiên chủ, do nhân có niềm tin bất động trọn vẹn với Đức Phật, một số chúng sinh sau khi mệnh chung tái sinh về thiên giới.

Lành thay, này Thiên chủ, có niềm tin bất động với Đức Pháp. Pháp do Đức Thế Tôn khéo thuyết (Svākkhāto bhagavatā dhammo), thiết thực hiện tại (Sanditṭhiko), phi thời gian (Akāliko), đến để thấy (Ehipassiko), có khả năng hưởng thượng (Opanayiko), chỉ đường người trí tự mình hiểu biết (Paccattaṃ veditabbo viññūhi).

Này thiên chủ, do nhân có niềm tin bất động trọn vẹn với Đức Pháp, một số chúng sinh sau khi mệnh chung tái sinh về thiên giới.

Lành thay, này Thiên chủ có niềm tin bất động với Đức Tăng. Thiện hạnh là các đệ tử Đức Thế Tôn (suppatipanno bhagavato sāvakaṅgho), trực hạnh là các đệ tử Đức Thế Tôn (ujupatipanno bhagavato sāvakaṅgho), chánh hạnh là các đệ tử Đức Thế Tôn (ñāyappatipanno bhagavato sāvakaṅgho), thanh tịnh hạnh là các đệ tử Đức Thế Tôn (sāmicippatipanno bhagavato sāvakaṅgho). Tức là bốn đôi tính cặp (Yadidaṃ cattāri purisayugāni), tính chiếc có tám (attha purisapuggalā) đó là các đệ tử Đức Thế Tôn. Là bậc đáng cung kính (āhuneyyo), bậc đáng cúng dường (pāhuneyyo), bậc đáng tôn trọng (dakkhineyyo), bậc đáng chấp tay đánh lễ (añjalikaraṇīyo), là ruộng phước cao tốt nhất trong thế gian (ānuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa).

Này thiên chủ, do nhân có niềm tin bất động trọn vẹn với Đức Tăng, một số chúng sinh sau khi mệnh chung tái sinh về thiên giới.

Thiên chủ Sakka hoan hỷ tiếp nhận lời dạy của Đức Moggallāna.

* Thiên chủ Sakka cùng 600 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 700 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 800 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 8.000 thiên nhân ...

c- Thiên chủ Sakka cùng 500 thiên nhân đi đến đánh lễ Đức Moggallāna. Đức Moggallāna nói với thiên chủ Sakka rằng:

- Lành thay, này thiên chủ, do nương nhờ ân Đức Phật, một số chúng sinh khi mệnh chung tái sinh về thiên giới. Nơi đây, chúng thù thắng hơn các thiên nhân khác về 10 phương diện là: Thiên tuổi thọ (dibbena āyuna), thiên dung sắc (dibbena vaṇṇena), thiên an lạc (dibbena sukkena), thiên danh tiếng (dibbena yasena), thiên quyền lực (dibbena ādhipateyyena), thiên màu sắc (dibbehi rūpehi), thiên âm thanh (dibbehi saddehi), thiên mùi hương (dibbehi gandhehi), thiên vị chất (dibbehi rasehi), thiên xúc chạm (dibbehi phoṭṭhabbehi).

Lành thay, này thiên chủ, do nương nhờ ân đức pháp

Lành thay, này thiên chủ, do nương nhờ ân đức Tăng, một số chúng sinh khi mệnh chung tái sinh về thiên giới. Nơi đây, chúng thù thắng hơn các thiên nhân khác về 10 phương diện là: Thiên tuổi thọ, thiên dung sắc, thiên an lạc, thiên danh tiếng, thiên quyền lực, thiên màu sắc, thiên âm thanh, thiên mùi hương, thiên vị chất, thiên xúc chạm.

Thiên chủ Sakka hoan hỷ tiếp nhận lời dạy của Đức Moggallāna.

* Thiên chủ Sakka cùng 600 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 700 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 800 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 8.000 thiên nhân ...

d- Lành thay, này thiên chủ, có niềm tin bất động trọn vẹn với Đức Phật. Đây là Đức Thế Tôn, bậc Alahán Chánh đẳng giác ...

Này thiên chủ, do nhân có niềm tin bất động trọn vẹn với Đức Phật, một số chúng sinh sau khi mệnh chung tái sinh về thiên giới. Nơi đây, chúng thù thắng hơn các thiên nhân khác về 10 phương diện là: Thiên tuổi thọ, thiên dung sắc Thiên xúc chạm.

Này thiên chủ, do nhân có niềm tin bất động trọn vẹn với Đức Pháp ...

Này thiên chủ, do nhân có niềm tin bất động trọn vẹn với Đức Tăng, một số chúng sinh sau khi mệnh chung tái sinh về thiên giới. Nơi đây, chúng thù thắng hơn các thiên nhân khác về 10 phương diện là: Thiên tuổi thọ, thiên dung sắc Thiên xúc chạm ...

Thiên chủ Sakka hoan hỷ tiếp nhận lời dạy của Đức Moggallāna.

* Thiên chủ Sakka cùng 600 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 700 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 800 thiên nhân ...

* Thiên chủ Sakka cùng 8.000 thiên nhân ... ⁽¹⁾.

Những bài kinh này cũng được Đức Moggallāna thuyết giảng cho các thiên nhân ở cõi Catutthamahārājā (Tứ Đại vương), cõi Yāma (Dama), cõi Tusita (Đầusuất)... ⁽²⁾

Ngoài ra trong Khuddaka Nikāya (Tiểu bộ kinh), tập Theragāthā (kệ ngôn trường lão Tăng), có ghi nhận những kệ ngôn của Đức Moggallāna.

F- Liên hệ tiền thân.

Đức Moggallāna được đề cập nhiều trong những câu chuyện tiền thân.

1-Bốn sự Indriya (chuyện Uy lực dục tham).

Duyên sự. (xem tập 6).

Câu chuyện.

Con vị đại thần tế lễ của vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại) có tên là Jotipāla. Vì khi sinh ra hài tử tất cả vũ khí trong thành Bārāṇasī (Balanại) đều chiếu sáng rực, do sự kiện này hài tử được đặt tên là Jotipāla (người gìn giữ ánh sáng).

Khi lớn lên, Jotipāla thành tựu nghiệp nghệ ở kinh thành Takkaṣilā, là một đại cung thủ nên được gọi là Sarabhaṅga.

(1)- S. iv, 269.

(2)- Xem S,iv, 280.

Ngài Jotipāla xuất gia làm ẩn sĩ, trú ở Kavittthaka nên được gọi là Sakkadatiya, Ngài chứng đắc 8 thiên chứng cùng các thần thông phàm.

Rất nhiều Balamôn hiền trí đến thảo am của ẩn sĩ Sarabhaṅga để theo học.

Đạo sư Sarabhaṅga có 7 đại đệ tử là:

- Ẩn sĩ Sālissara cùng vài ngàn đệ tử rời thảo am Kavittthaka, đến xứ Surattha, trú cạnh bờ sông Sātodikā.

- Ẩn sĩ Mendissara cùng vài ngàn đệ tử đến sống nơi thị trấn Lambacūlaka trong quốc độ của vua Pajjaka.

- Ẩn sĩ Pabbata cùng vài ngàn đệ tử đến sống ở miền núi rừng.

- Ẩn sĩ Kāladevala cùng vài ngàn đệ tử đến sống trong vùng núi rừng của xứ Avanti và Decan.

- Ẩn sĩ Kisavaccha sống độc cư ở vườn Ngự Uyển gần kinh thành Kumbhavatī của vua Daṇḍakī của vương quốc Kalinga.

- Ẩn sĩ Anussisa là thị giả của đạo sư Sarabhaṅga, ở nơi thảo am Kavittthaka.

- Ẩn sĩ Nārada là em của ẩn sĩ Kāladevala độc cư nơi hang động ở giữa quốc độ Arañjara nhiều núi rừng của vùng Trung thổ.

***Ẩn sĩ Kisavaccha⁽¹⁾.**

Một thứ phi bị vua Daṇḍakī bỏ rơi, nàng vào Ngự uyển để giải buồn, tình cờ gặp ẩn sĩ Kisavaccha.

Cho rằng mình bị xui xẻo, nàng thứ phi dùng nước nhổ lên đầu ẩn sĩ, ném chiếc tấm đang xia răng lên đầu ẩn sĩ để giải trừ hắc vận. Ngay chiều hôm ấy, nàng Thứ phi lại được vua Daṇḍakī triệu hồi về cung.

Rồi vị đại thân tế lễ của vua Daṇḍakī cũng bị thất sủng, ông đến hỏi nàng Thứ phi làm cách nào mà trước đây nàng bị thất sủng rồi được phục hồi như cũ, nàng Thứ phi bày cho quan tế lễ cách thức của mình đã làm đối với ẩn sĩ Kisavaccha, và quan Tế lễ lại được phục hồi như trước.

Về sau, khi ra dẹp loạn ở ngoài biên cương, quan Tế lễ khuyên vua Daṇḍakī cùng các tướng sĩ ra trận cũng làm cách thức nhổ nước, ném tấm xia răng lên đầu ẩn sĩ Kisavaccha.

Vị tướng quân hộ độ ẩn sĩ Kisavaccha khi hay tin thì đã muộn, ông đến tắm rửa cho thầy mình nói rằng:

- Thưa thầy, xin thầy đừng giận nhóm người ngu xuẩn ấy.

- Này con, ta không giận bọn họ, nhưng chư thiên đang nổi giận, họ quyết định tiêu diệt quốc độ này.

- Bạch thầy, có cách nào giải cứu tai nạn này chăng?

- Vua Daṇḍakī phải sám hối tội lỗi đối với ta thì chư thiên mới tha thứ.

Vị tướng quân trình lại với vua Daṇḍakī những điều trên, nhưng vua không tin.

Chư thiên thành Kumbhavatī tiêu diệt quốc độ rộng 60 do tuần của vua Daṇḍakī, chỉ có một số người sống sót, đó là: Gia đình vị tướng quân nhờ ẩn sĩ Kisavaccha thông báo trước nên trốn khỏi kinh thành trước khi tai họa đến, Đạo sư Sarabhaṅga sai hai đệ tử đến thành Kumbhavatī kiêu ẩn sĩ Kisavaccha về thảo am⁽²⁾. Và một người có tên là Matuposaka Rāma, người này rất có hiếu với cha mẹ, nên chư thiên dùng thần lực mang ra khỏi thành Kumbhavatī.

Chuyện này thường được kể trong dân gian xứ Ấn cổ⁽³⁾.

Kisavaccha được xếp vào 11 nhà hiền giả của Ấn cổ⁽⁴⁾.

Nhận diện tiên thân.

Ẩn sĩ Sālissara nay là Ngài Sāriputta (Xá lợi phất); ẩn sĩ Mendissara nay là Ngài Mahā Kassapa; ẩn sĩ Pabbata nay là ngài Anuruddha; ẩn sĩ Kāladevala nay là Mahā

(1)- J. iii. 463, 469; v. 133-6; MA. ii. 599

(2)- JA. v, 267.

(3)- J. v. 267; DA. i. 266.

(4)- JA.iv, 99.

Kaccāna, ấn sĩ Anusissa nay là Ngài Ānanda, ấn sĩ Kisavaccha nay là ngài Moggallāna.

Đạo sư Sarabhaṅga nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

2- Bốn sự Illisa (xem ở trên).

Trong Bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là thiên chủ Sakka.

3- Bốn sự Kakkāru⁽²⁾.

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là vị thiên tử thứ II.

4- Bốn sự Kuruṅgamiga (con Nai núi) (Xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là con rùa.

5- Bốn sự Bīlārikosiya (Trưởng giả keo kiệt) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là thiên tử Suriya.

6-Bốn sự Tittira (con chim trĩ) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là con voi.

7- Bốn sự Saccaṅkira (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là con chuột.

8- Bốn sự Rājovāda (Giáo giới vua) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là người đánh xe của vua Mallika.

9- Bốn sự Catumatta (bốn vẻ đẹp) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là con ngỗng trời.

10- Bốn sự Tittira (chuyện con gà Gô) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là con cọp.

11- Bốn sự Vaṇṇāroha (chuyện sắc đẹp) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là con cọp.

12- Bốn sự Kurudhamma (pháp Kuru).

Duyên khởi. (Xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là người giữ kho lương thực, chi tiết như sau:

Tám Bàlamôn xứ Dantapura được Vị trưởng giả giới thiệu rằng:

- Nay các vị, người giữ kho lương thực, giữ pháp Kuru trong sạch hơn tôi. Các vị hãy đến tìm hiểu pháp Kuru nơi vị ấy đi.

Tám Bàlamôn xứ Dantapura tìm đến người giữ kho lương thực, xin được truyền pháp Kuru để họ ghi chép vào bảng vàng, người giữ kho lương thực nói:

- Thật ta có giữ gìn pháp Kuru, nhưng pháp Kuru của ta bị tỳ vết, không được trong sạch lắm.

Theo lời yêu cầu của đoàn sứ giả, người giữ kho lương thực thuật chuyện như sau:

Một hôm người giữ kho lương thực ngồi trước cửa kho, đếm số thóc nộp thuế cho đức vua, ông dùng hạt thóc để ghi dấu số lượng cân thóc nộp cho đức vua.

Bất chợt trời chuyển mưa, người giữ kho lương thực đếm số hạt thóc bỏ bên ngoài đánh dấu số lượng đóng thóc đã đóng được rồi hết bỏ vào đống thóc. Sau đó đến trú mưa nơi nhà người giữ cổng thành, ông chợt suy nghĩ: “Số thóc dùng để đánh dấu ta gom vào đống thóc nào nhỉ? Nếu ta bỏ vào đống thóc đã được đóng đếm thì Đức vua sẽ có lợi, còn những chủ ruộng bị thiệt, như vậy ta đã trộm cắp của những người chủ ruộng rồi. Ta là người gìn giữ pháp Kuru, nay đã bị lem ố rồi”. Và người giữ kho lương thực nói với đoàn sứ giả rằng:

- Nay các vị, do việc này mà tâm ta luôn ray rứt, pháp Kuru của ta bị lem ố, nên ta không thể truyền pháp Kuru đến các vị được.

- Thừa Ngài, Ngài không có cố ý lấy trộm những hạt thóc của những người chủ ruộng, chỉ vì vô ý mà thôi. Với việc nhỏ như vậy không thể làm lem ố phẩm hạnh của Ngài được, nhưng chỉ một việc nhỏ như vậy, Ngài còn cảm thấy ray rứt thì làm sao

(1)- JA. Chuyện số 423.

(2)- Xem Đức Phật và 45 năm Hoàng pháp độ sinh (tập 6).

Ngài có thể vi phạm tội lỗi lớn được. Xin Ngài hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi đi.

- Nếu vậy thì, này các vị hãy ghi chép đi: Không sát sinh, không lấy của không cho, không làm sai quấy trong dục, không nói dối, không uống rượu và các chất say.

Người giữ kho lương thực là tiền thân của Đức Moggallāna⁽¹⁾.

13- Bốn sự *Dasaṇṇaka* (chuyện Nuốt lưỡi kiếm) (xem tập 6).

Trong bốn sự này tiền thân Ngài Moggallāna là đại thần Āyura.

14- Bốn sự *Javanahaṃsa* (chuyện Thiên nga thần tốc) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là con thiên nga thứ 1.

15- Bốn sự *Mahā Ukkusa* (chuyện chim Ưng chúa) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là rùa cha.

16- Bốn sự *Pañcuposatha* (chuyện 5 vị thực hành uposatha) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là chó rừng.

17- Bốn sự *Bhisa* (chuyện củ sen) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là em trai của Bôđát.

18- Bốn sự *Vvyaggha* (chuyện con cọp) (xem tập 6).

Trong bốn sự này, tiền thân Ngài Moggallāna là con cọp.

19- Bốn sự *Khaṇḍahāla* (còn gọi là bốn sự Candakumāra).

Duyên khởi.

Khi tôn giả Devadatta (Đềbàđạtđà) xin Đức Thế Tôn giao Tăng đoàn để mình lãnh đạo, Đức Thế Tôn thẳng thắn từ khước rằng:

- Này Devadatta, ngay cả Sāriputta hay Moggallāna, Như lai còn chưa giao Tăng đoàn đến hai người ấy lãnh đạo thì làm sao Như lai có thể giao tăng đoàn đến người liếm lại nuốt bọt của mình đã nhổ ra như người.

Tôn giả Devadatta suy nghĩ: “Samôn Gotama không giao Tăng đoàn đến ta thì thôi, lại nói nhục ta trước Tăng chúng, ta sẽ trả lại mỗi nhục này”.

Tôn giả Devadatta im lặng từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi, Tôn giả Devadatta đi đến thái tử Ajātasattu (Axàthê), xúi giục Ajātasattu thí cha là vua Bimbisāra để đoạt ngôi.

Khi Ajātasattu thành vị vua xứ Magadha (Makiệtđà), tôn giả Devadatta đi đến vua Ajātasattu nói rằng:

- Thưa Đại vương, ý nguyện của Ngài 9đã thành tựu, nhưng ý nguyện của ta chưa thành.

- Thưa Ngài, ý nguyện của Ngài ra sao?

- Thưa Đại vương, ta muốn lãnh đạo Tăng chúng, nhưng còn Samôn Gotama là chướng ngại.

- Vậy chúng ta phải làm sao?

- Hãy cho tập hợp các cung thủ thiện xạ đến đây, ta sẽ cho người ám sát Samôn Gotama, khi Samôn Gotama mệnh chung ta mới có thể lãnh đạo Tăng đoàn.

- Vâng, thưa tôn giả Devadatta.

Vua Ajātasattu cho triệu tập 500 cung thủ thiện xạ có tài bắn nhanh chớp, lại tuyển 30 cung thủ đặc sắc trong nhóm 500 cung thủ, cùng người trưởng đoàn cung thủ, đưa đến cho tôn giả Devadatta sử dụng.

Tôn giả Devadatta nói với người trưởng đoàn cung thủ rằng:

- Này hiền hữu, hiện nay Samôn Gotama đang sống trên núi Gijjhakūṭa (núi Kên kên), hằng ngày Samôn Gotama thường đi kinh hành quanh liêu thất của mình. Hiền hữu hãy bao mặt đến nơi ấy, vào thời điểm thích hợp hãy bắn Samôn Gotama với mũi tên tẩm thuốc độc cực mạnh, vì Samôn Gotama có sức mạnh bằng 10 con voi chúa. Sau khi Samôn Gotama trúng tên độc ngã chết, hãy theo con đường này trở về.

⁽¹⁾- JA. Kurudhamma (chuyện Pháp Kuru). Chuyện số 276.

Rồi tôn giả Devadatta cho hai cung thủ khác đi đường khác, bảo rằng: Khi thấy người đàn ông xuất hiện, lập tức bắn tên tẩm thuốc độc vào người y, rồi theo con đường này trở về.

Tôn giả Devadatta lại cử 4 thiện xạ theo con đường khác đến núi Gijjhakūṭa, phục kích bắn chết hai cung thủ kia.

Theo cách thức ấy, tôn giả Devadatta cho 8 cung thủ sát hại 4 cung thủ, rồi 16 cung thủ sát hại 8 cung thủ. Như vậy, trong việc ám sát Đức Thế Tôn, tôn giả Devadatta sử dụng 31 cung thủ đại tài, đồng thời cố ý giết chết những cung thủ để che dấu hành động phản sư của mình.

Người trưởng đoàn cung thủ nai nịt gọn gàng, buộc kiếm bên sườn trái, lưng đựng ống tên tẩm thuốc độc cực mạnh, tay cầm cây cung bằng sừng dê, đi đến núi Gijjhakūṭa. Y nhìn thấy Đức Thế Tôn đang đi kinh hành quanh liêu thất, y lấp tên tẩm thuốc độc vào cây cung bằng sừng dê, giương mạnh để buông tên, nhưng tay chân của y chột cứng đờ, không thể cử động được, toàn thân của y như biến thành khối đá cứng, y kinh hoàng với nỗi sợ chết tăng dần, thậm chí miệng y muốn kêu to cũng không thể kêu lên được.

Đức Đạo sư nhìn thấy gã cung thủ, Ngài nói với giọng dịu dàng:

- Nay người kia, hãy đến đây đừng có sợ.

Tay chân của gã cứ động lại, lập tức gã ném bỏ cung tên đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn với tư thế “năm chi chạm đất”, xin sám hối tội lỗi của mình với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn giảng pháp thoại “các sự thật” đến y,

Nghe xong thời pháp, người trưởng cung thủ chứng Thánh quả Dự lưu, và xin quy ngưỡng Tam bảo đến trọn đời. Đức Thế Tôn dạy:

- Nay gia chủ, chớ có theo con đường của Devadatta, hãy theo con đường khác trở về nhà.

- Vâng bạch Thế Tôn.

Hai người cung thủ chờ đợi mãi không thấy người cung thủ trưởng toán xuất hiện, băn khoăn không hiểu vì sao. Hai người lần bước đi đến chỗ ngụ của Đức Thế Tôn, bấy giờ Đức Thế Tôn đang ngồi nơi gốc cây cổ thụ.

Hai người đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, Đức Thế Tôn giảng về “bốn sự thật”, hai cung thủ nghe xong thời Pháp thoại chứng Thánh quả Dự lưu, xin quy ngưỡng Tam bảo đến trọn đời, Đức Thế Tôn bảo hai người theo con đường khác với con đường của tôn giả Devadatta chỉ định, trở về nhà.

Tương tự như thế với 8 cung thủ, rồi 16 cung thủ. Tất cả được Đức Thế Tôn an trú vào Thánh quả Dự lưu.

Người trưởng cung thủ đến gặp tôn giả Devadatta, nói rằng:

- Thưa tôn giả Devadatta, tôi không thể sát hại Đức Thế Tôn được vì Ngài là bậc có đại thần lực, đại uy lực.

- Thật vậy, người không thể sát hại được Samôn Gotama. Việc ấy phải do chính ta làm.

Các cung thủ khác về trình lên tôn giả Devadatta rằng

- Thưa tôn giả Devadatta, chúng tôi không thấy người kia xuất hiện.

*Thưa tôn giả devadatta, chúng tôi không thấy hai người kia xuất hiện.

*Thưa tôn giả Devadatta, chúng tôi không thấy bốn người kia xuất hiện.

*Thưa tôn giả Devadatta, chúng tôi không thấy tám người kia xuất hiện.

- Được rồi, thôi các người hãy trở về với vua Ajātasattu (Axathê) đi, Việc này phải do chính ta đảm nhận.

Những người cung thủ nhận ra rằng: “Ta thoát chết nhờ ân đức của Đức Thế Tôn”. Tất cả xin được xuất gia trong Giáo đoàn và trở thành bậc Alahán sau thời gian kiên trì nỗ lực hành pháp.

Sự kiện tôn giả Devadatta cho người ám sát Đức Thế Tôn được truyền lan trong Tăng đoàn.

Một hôm các Tỳkhuu bàn luận về đề tài này, Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường trong Veluvanavihāra. Nhân đó, theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên bốn sự Khaṇḍahāla.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi kinh thành Bārāṇasī có tên gọi là Pupphavatī. Con vua Vasavatti nối ngôi vua, cai trị thành Pupphavatī, Ngài có vương hiệu là Ekarāja (vua độc nhất) vì vua Vasavatti chỉ có độc nhất một người con trai.

Bấy giờ Bôtát là con trưởng của vua Ekajāra, Ngài có tên là Candakumāra, là vị phó vương của quốc độ. Vợ Ngài là nàng Candadevī con vua xứ Pañcāla.

Khi Candakumāra biết đi, hoàng hậu Gotamī sinh một hoàng tử thứ hai là Suriya. Khi Suriya biết đi, hoàng hậu sinh ra một công nương là Selā.

Vua Ekarāja có nàng thứ phi thuộc tộc họ Vāma, sinh cho đức vua hai người con trai khác là Bhaddasena (còn gọi là Candasena) và Sūrakumāra

Một tế lễ sư của vua Ekarāja là Balamôn Khaṇḍahāla, tuy là người tài trí nhưng tâm tính tà vạy, ông được cử là phán quan.

Phán quan Khaṇḍahāla là người tham nhũng, xử án bất công, không theo luật quốc độ mà xử theo ý riêng của mình.

Có lần trong một vụ kiện tụng, phán quan Khaṇḍahāla nhận của hối lộ đã xử án bất công, người thua kiện phẫn uất.

Ra khỏi tụng đình trên đường trở về nhà, y gặp Phó vương Candakumāra đang trên đường đến Hoàng cung yết kiến vua cha, y đi đến trước Phó vương Candakumāra, quỳ xuống đánh lễ, rồi vật mình than khóc. Phó vương Candakumāra hỏi rằng:

- Này người kia, vì sao người sầu thảm như vậy?

- Thừa đại vương, vì Phán quan Khaṇḍahāla nhận hối lộ, xử án bất công. Khiến con phải thua kiện, nên con sầu khổ.

Rồi người ấy thuật lại cho Phó vương Candakumāra việc kiện tụng ấy.

- Vậy người hãy cùng ta đến tụng đình.

- Vâng thưa Đại vương.

Nơi tụng đình Candakumāra cho xét xử lại vụ án, Ngài tự mình xét xử theo chánh pháp cùng luật quốc độ một cách công minh, trả lại công bằng cho người khiếu tụng.

Đại chúng chứng kiến việc xử án công minh của Phó vương Candakumāra, nên hoan hỷ tán thán Ngài vang dội.

Tiếng reo hò tán thán Candakumāra đi đến tai của vua Ekarāja, sau khi biết con mình được đại chúng tán thán vì xử án công minh, vua Ekarāja hoan hỷ, cho đòi Candakumāra đến dạy rằng:

- Này Candakumāra con, kể từ nay con hãy là vị Phán quan, thay thế tế lễ sư Khaṇḍahāla. Con hãy xử án theo chánh pháp cùng luật quốc độ một cách công minh đi.

- Vâng, thưa cha.

Mất chức Phán quan, Khaṇḍahāla không còn thu nhận lợi nhuận bất chánh như trước, y buộc tâm oan trái với Candakumāra, chờ dịp để trả thù.

Một đêm nọ, vào lúc gần sáng vua Ekarāja nằm mộng thấy mình đến cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba). Trong giấc mơ, vua thấy được những thiên cung diệu kỳ, cùng với điện Vejayanta hùng vĩ, rừng hoa xinh đẹp Nandavana ngào ngạt hương, những thiên nữ với bàn chân hồng xinh đẹp tuyệt trần cùng những thiên nam với hào quang rực sáng đang du ngoạn.

Tỉnh mộng, vua Ekarāja nhớ lại thiên giới mà mình được gặp, vua Ekarāja suy nghĩ: “Ta hãy tìm con đường lên thiên giới này”.

Sáng hôm sau, quan tế lễ Khaṇḍahāla đến vấn an đức vua. Đức vua thuật lại điềm mộng vào lúc gần sáng, rồi hỏi rằng:

- Này quan tế lễ, có con đường nào dẫn đến thiên giới này chăng?

Đây là câu hỏi rất vi diệu, chỉ Đức Chánh giác, hay các môn đệ của Ngài hoặc vị Bô tát mới có khả năng giải đáp. Vua Ekarāja hỏi Khaṇḍahāla chẳng khác nào người đi lạc đã 7 ngày lại hỏi đường người đi lạc đã nửa tháng.

Được vua Ekarāja hỏi, Khaṇḍahāla suy nghĩ:

- Đây là cơ hội giúp ta trả thù Candakumāra, nhưng nếu ta chỉ chọn riêng Candakumāra, người ta sẽ cho rằng “ta ganh ghét Candakumāra”. Vậy ta hãy ghép chung vào Candakumāra những người khác nữa.

Y trả lời rằng:

- Thưa Đại vương, có. Nhưng phải là người can đảm, phải hiến dâng lễ vật đến thần lửa, phải tế lễ thần lửa.

- Nay quan tế lễ, lễ vật tế thần lửa như thế nào?

- Thưa Đại vương, nếu Đại vương muốn lên thiên giới Tāvātimsa cần phải cúng dường thần lửa bằng các lễ phẩm đặc biệt.

Thưa Đại vương, các vị Đế vương khi xưa muốn sinh về thiên giới cũng tế thần lửa như vậy. Những sự bố thí đến những người cô đơn, nghèo khổ chỉ là vô ích vì thần lửa không tiếp nhận được những lễ vật ấy.

- Nay quan tế lễ, những lễ phẩm đặc biệt để tế thần lửa gồm những gì?

- Thưa Đại vương, lễ vật đặc biệt để tế thần lửa là: Bốn vương hậu, bốn Hoàng tử, bốn công nương, bốn trưởng giả, bốn voi, bốn ngựa, bốn bò đực.

Nghe Khaṇḍahāla thưa với vua Ekarāja những lời này, những người trong hoàng cung kinh hoàng kêu khóc vang động cả hoàng cung, như có kệ Pāli:

987. Taṃ sutvā antepure; kumārā mahesiyo ca haññantu.

Eko ahoṣi nigghoso; bhikkhā accuggato saddo’ti.

“Trong cung nghe được lời ấy; vương tử và vương hậu bị giết chết.

Tiếng than khóc đã vang dội; tiếng khẩn cầu bốc cao lên”.

Cả Hoàng cung náo loạn như thể rừng cây Sālā bị bão kéo đến làm rung chuyển, thấy vậy Khaṇḍahāla hỏi rằng:

- Đại vương có thể tế thần lửa như vậy được chăng?

- Được rồi, nay quan tế lễ, hãy chuẩn bị tế thần lửa để ta được lên thiên giới.

- Thưa Đại vương, những kẻ yếu lòng chẳng tế lễ thần lửa được đâu, Đại vương hãy triệu tập các tế phẩm đặc biệt về đây đi, tôi sẽ lo việc tế lễ.

Rồi Balamôn mang lực lượng của mình ra khỏi thành, thiết lập tế đàn, tế đàn được bao quanh bởi hàng rào kiên cố, vì các Balamôn thuở xưa sợ các vị ẩn sĩ biết được tế đàn sát sinh man rợ sẽ tìm đến ngăn cản.

Vua Ekarāja cho người gọi bốn vương tử đến là: Candakumāra, Suriyakumāra, Bhaddasenakumāra và Surakumāra như có kệ Pāli:

988. Gacchatha vadetha kumāre; candaṃ sūriyañca bhaddasenañca.

Sūrañca vāmagottañca, pacurā kira hotha yaññatthāyā’ti.

“Hãy gọi các vương tử đến; Canda, Suriya, Bhaddasena.

Và Sūra họ Vāma; chúng phải hy sinh đây đủ.”

Các quan thị vệ đến tìm Phó vương Candakumāra trước, thưa rằng:

- Thưa Phó vương, đức vua muốn về thiên giới nên cho bắt Ngài về Hoàng cung để tế thần lửa.

- Nay các đại quan, việc này là thế nào?

- Thưa Phó vương, quan tế lễ có thưa với đại vương rằng: Nếu đại vương muốn về thiên giới, cần phải làm lễ tế thần lửa đặc biệt.

- Chỉ bắt mình ta thôi sao?

- Thưa Phó vương, tế phẩm đặc biệt gồm bốn vương tử, bốn vương hậu, bốn công nương, bốn trưởng giả, bốn voi, bốn ngựa và bốn bò đực.

Phó vương candakumāra suy nghĩ: “Đây là do Balamôn Khaṇḍahāla muốn trả thù ta, nhưng làm liên lụy đến những chúng sinh vô tội”. Ngài nói rằng:

- Các người hãy thi hành lệnh đức vua đi.

Các quan thị vệ bắt đủ 4 vương tử trói chặt mang đặt trước sân Hoàng cung, vua Ekarāja lại ra lệnh:

- Hãy mang đến đây bốn công nương: Upasenā, Kokilā, Muditā và Nandā.

Như có kệ Pāli:

989. Kumāriyopi vadetha; upasenam kokilañca muditañca.

Nandañcāpi kumāriṃ; pacurā kira hotha yaññatthāyā'ti.

“Hãy gọi công nương là: Upasenā, Kokilā, Mudittā.

Và công nương Nandā; chúng phải hy sinh đây đủ”.

Rồi đức vua cho bắt bốn vị vương hậu nhan sắc sinh đẹp là: Vijayā, Erāvati, Kesinī, và Rūpanandā. Như có kệ Pāli:

990. Vijayampi mayham mahesiṃ; erāvatiṃ kesiniṃsunandañca.

Lakkhaṇavarūpapannā, pacurā kira hotha yaññatthāyā'ti.

“Vương hậu của ta là Vijayā; Eravati, Kesinī và Sunandā.

Sắc tướng thật tuyệt trần; chúng phải hy sinh đây đủ”.

Tiếp đến đức vua cho bắt bốn trưởng giả là: Puṇṇamukha, Bhaddiya, Singāla và Vaḍḍha. Như có kệ Pāli:

Gahapatayo ca vadetha, puṇṇamukham bhaddiyam siṅgālañca.

Vaḍḍhañcāpi gahapatiṃ, pacurā kira hotha yaññatthāyā'ti.

“Hãy cho gọi các gia chủ; Puṇṇamukha, Bhaddiya, Singala.

Và gia chủ Vaddha; chúng phải hy sinh đây đủ”.

Khi vua Ekarāja cho bắt bốn vương tử, bốn công nương, bốn vương hậu, cư dân trong thành Pupphavatī chưa có phản ứng gì, nhưng khi cho bắt bốn trưởng giả thì cư dân bất bình, họ kêu vang rằng:

- Đức vua vô cớ bắt bốn trưởng giả của chúng ta.

Cư dân kéo đến bao vây hoàng cung, yêu cầu vua thả bốn trưởng giả, đồng thời thân tộc cùng bạn hữu của bốn trưởng giả kêu khóc xin vua thả bốn trưởng giả.

Nhưng vô ích, vì vua muốn lên thiên giới nên thản nhiên trước những tiếng than khóc van xin ấy.

Tiếp đến vua cho bắt bốn voi là: Voi Abhaya, voi Nālāgiri, voi Accuggata và voi Varuṇa.

Cho bắt bốn ngựa là: Ngựa Kesi, ngựa Surāmukha, ngựa Puṇṇaka và ngựa Vinataka.

Cho bắt bốn bò đực là: Bò Yūthapati, bò Anoja, bò Nisabha và bò Gavampati⁽¹⁾.

Khắp hoàng cung kinh hoàng náo động với những tiếng than khóc cùng, tiếng voi rống, tiếng ngựa hí, tiếng bò rống vì sợ chết hoả lãn vào nhau thành những âm thanh hỗn loạn. Khắp kinh thành Pupphavatī kinh động với tiếng van xin hoà cùng những lời nguyện rủa vua Ekarāja.

Nhưng vua Ekartāja vẫn thản nhiên nói rằng:

- Sáng mai ta sẽ cho tế thần lửa, để ta được về thiên giới.

Khi ấy cha mẹ của vua Ekarāja còn sống, các đại thần liền thông tin đến Thái hoàng cùng Thái hậu rằng:

- Thưa các Ngài, Đại vương Ekarāja nghe lời quan tế lễ Khaṇḍahāla, cho giết bốn Vương hậu, bốn tử hoàng, bốn công nương, bốn trưởng giả, bốn voi quý, bốn ngựa quý và bốn bò quý để lên thiên giới.

Hiện nay khắp kinh thành đang kêu vang cùng phẫn uất, khắp hoàng cung tràn đầy nước mắt vì việc làm của đại vương.

Nghe tin này, hai vị thái hoàng đưa tay than rằng: “Ôi hành động này ác độc”, Thái hậu đi liền đi đến sân hoàng cung, gặp vua Ekarāja hỏi rằng:

- Nay vương nhi, vì sao vương nhi lại giết những người này?

⁽¹⁾- Mỗi loại trên đều có Pāli, xin miến chép ra. Xin độc giả hãy xem kệ số 993, 994, 995 trong Candakumārājātaka.

- Thừa mẹ, vì con muốn được lên thiên giới nên cần phải hy sinh những người này.

- Nay vương nhi, sát hại chúng sinh khác là tạo ác nghiệp, không phải thiện nghiệp thì làm sao có thể lên thiên giới được. Vương nhi hãy thả những người này ra đi.

- Thừa mẹ, quan tế lễ Khaṇḍahāla có nói: Những tiên vương thời xưa muốn được lên thiên giới, cần phải can đảm dứt bỏ những người mình thương mến nhất để tế thần lửa, nhưng vậy mới được lên thiên giới. Đó là những người có tâm cam đảm bậc nhất.

Vua Ekarāja quá tin lời Khaṇḍahāla, nên bỏ ngoài tai lời khuyên tốt đẹp này, Thái hậu than thở rồi đành trở về cung.

Tiếp đến Thái hoàng Vasavatti đến khuyên giải vua Ekarāja rằng:

- Nay vương nhi, hành động giết vợ con là việc làm vô luân, đánh mất đi nhân tính. Vương nhi muốn về thiên giới hãy bố thí, giữ giới, có tâm từ bi với mọi sinh chúng, như thế vương nhi sẽ được sinh về thiên giới, Vương nhi không nên hành ác như thế, đừng nghe lời cuồng dại của Khaṇḍahāla. Vương nhi hãy thả những người cùng chúng sinh vô tội này đi.

- Thừa cha, quan tế lễ Khaṇḍahāla có lời chỉ dẫn chân thành, muốn giúp con lên thiên giới. Khaṇḍahāla đâu có thù hiềm gì với những người này mà muốn sát hại họ.

Thái hoàng khuyên giáo thêm rằng:

- Nay vương nhi, những vị vua hiền đức thường cai trị quốc độ theo 10 vương pháp là:

1- *Dāna* (Bố thí). Là cho tài sản đến những người khác như: Cúng dường đến các Samôn, Bàlamôn, bố thí đến người nghèo khổ, kẻ tật nguyền ...

2- *Sīla* (giữ giới). Là gìn giữ thân, lời nói, ý không cho rơi vào điều ác.

3- *Pariccāga* (dứt bỏ). Là không có tâm vì tư lợi, có tâm tìm lợi ích đến người khác.

4- *Ajjava* (chính trực). Là có tâm ngay thẳng, liêm chính, không tham của phi pháp.

5- *Mudduka* (nhu hoà). Là tâm nhu thuận, thương xót đến chúng dân.

6- *Ātappa* (tinh cần). Là cố gắng diệt trừ những điều ác trong quốc độ.

7- *Akkodha* (không ác độc). Là không làm khổ người khác.

8- *Avihimsa* (vô hại). Là không làm hại đến chúng sinh khác.

9- *Khanti* (nhẫn nại). Là chịu đựng mọi nghịch cảnh, luôn hành động thích hợp với hoàn cảnh đang có.

10- *Avirodhanā* (không sai lệch). Là giữ đúng pháp, giữ gìn những truyền thống tốt đẹp của tiên nhân.

Wương nhi hãy là vị vua hiền đức, chớ có theo lời tà vạy của Khaṇḍahāla.

Nhưng vua Ekarāja vẫn đứng đưng bỏ ngoài tai những lời khuyên tốt đẹp này, Thái hoàng đành thở dài quay về nội cung của mình.

Wương tử Candakumāra thấy vì mình mà làm liên lụy đến những người khác, Ngài đi đến quỳ trước vua cha nói rằng:

- Thừa Vương phụ, Khaṇḍahāla nói “để lên thiên giới cần phải giết vợ con tế thần lửa”, vậy vì sao hần không giết vợ con mình tế thần lửa để được lên thiên giới?. Vậy Vương phụ hãy cho giết vợ con của Khaṇḍahāla tế thần lửa, giúp hần lên thiên giới trước đi, rồi hãy cho giết chúng con, thử xem Khaṇḍahāla có đồng ý hay không? Hay hần không cần phải lên thiên giới mà cần vợ con sống với hần?.

Chính hần đã không màng đến thiên giới, chỉ muốn gần gũi với vợ con, vậy vì sao phụ vương lại mong muốn lên thiên giới, đành lòng sát hại chúng con?

Thật ra, Khaṇḍahāla muốn trả thù con trong việc xử án bất minh của hần, nhưng hần đã làm liên lụy đến những người vô tội khác.

Nếu muốn, vương phụ hãy bắt con làm nô lệ cho hần, hay bắt con làm nô lệ cho bất kỳ ai. Vương phụ hãy tha mạng cho những người vô tội đi, oan trái này do con gây ra con bằng lòng nhận lãnh hậu quả của nó, xin vương phụ hãy tha mạng cho những người vô tội đi.

Nghe Vương tử Candakumāra than khóc như vậy, vua Ekarāja cảm động nói rằng:

- Thôi ta chẳng cần lên thiên giới làm gì nữa, hãy thả tất cả những người này cùng các con vật ra đi.

Nghe vua Ekarāja nói vậy, nhóm thị vệ cời trời cho những vương tử, vương hậu, công nương cùng các trưởng giả ... khởi đầu là vương tử Candakumāra.

Khaṇḍahāla đang bận rộn chuẩn bị cho tế đàn, những người biết được tin này đến nói rằng:

- Đây lão Balamôn ác độc kia, đức vua đã thả hết những người vô tội rồi. Lão hãy giết vợ con của lão để được sinh về thiên giới đi,

Nghe vậy Khaṇḍahāla kinh hoàng kêu lên rằng: “Sao có thể thế được”.

Y vội vã đến sân hoàng cung, quỳ thưa với vua Ekarāja rằng:

- Vì sao đại vương không giữ vững ước vọng lên thiên giới của mình, trong khi mọi lễ vật đã sẵn sàng, chỉ chờ giờ tốt tế thần lửa. Đến thiên giới của đại vương chỉ còn trong gang tấc, vì sao đại vương lại hủy bỏ nó đi.

Những cảnh thiên cung lại tái hiện trong tâm của vua Ekarāja, vua Ekarāja lại ra lệnh bắt lại vợ con cùng các trưởng giả, voi ngựa, bò như trước.

Vương tử Candakumāra lại van xin lần nữa, nhưng lần này vua Ekarāja chẳng chút động tâm, thấy thế em gái của vương tử Candakumāra là công nương Selā thấy anh mình van xin vua cha nhưng không thành công, nàng động lòng đi đến quỳ xuống trước vua Ekarāja thưa rằng:

- Vương phụ giết vợ con mình để được về thiên giới, Vương phụ cần dùng cái chi mà phải lên thiên cung? Sao vương phụ lại đành lòng giết vợ con mình?

Nghe công nương Selā nói như vậy, vua cảm thấy xấu hổ nhưng vẫn im lặng. Bấy giờ trẻ Vāsula là con trai của Vương tử Candakumāra thấy cha đang bị khổ sầu, trẻ Vāsula đi đến vua nội khóc thưa rằng:

- Thưa vua nội, nếu vua nội không thương cha cháu, xin vua nội hãy thương cháu. Sao vua nội để cho cháu phải chịu mồ côi khi cháu đang còn trẻ dại.

Nghe cháu nội Vāsula của mình than khóc nói như vậy, vua Ekarāja lòng đau như dao cắt, ôm cháu nội vào lòng nói rằng:

- Đây cháu thân yêu, cháu hãy yên tâm. Ta sẽ thả cha cháu cùng mọi người ra.

Rồi vua Ekarāja ra lệnh thả hết mọi người ra.

Một lần nữa, Balamôn Khaṇḍahāla lại đến khuyến dụ vua Ekarāja hãy nhanh chóng đến thiên cung vì thời gian không còn nhiều. Quá ham muốn đến thiên cung, vua Ekarāja lại ra lệnh bắt mọi người lại, Balamôn Khaṇḍahāla suy nghĩ:

- Vua này tâm rất yếu mềm, đã dối ý hai lần, ta nhanh chóng giết chết Candakumāra. Nếu chần chờ, vua lại dối ý thì âm mưu của ta sẽ thất bại.

Balamôn Khaṇḍahāla thưa rằng:

- Thưa Đại vương, tế đàn đã sẵn sàng, xin đại vương hãy ngự đến tế đàn để tế thần lửa.

Vua Ekarāja trang điểm bằng 7 loại ngọc quý rồi cùng balamôn Khaṇḍahāla ra hầm tế thần lửa, balamôn Khaṇḍahāla cho dẫn các lễ phẩm tế thần lửa đến trước hầm lửa rộng lớn.

Vương hậu Gotamī thấy thế, đánh liều đến van xin chồng tha cho con trai mình là Candakumāra cùng với mọi người, nhưng vua Ekarāja chẳng để vào tai những lời van xin ấy. Van xin không được Vương hậu Gotamī quay sang khiển trách Khaṇḍahāla rằng:

- Nay lão bàlamôn Khaṇḍahāla ác độc kia, người mang các con ta để tế thần lửa vô tri của người, người làm cho chúng ta phải đau khổ cùng cực. Nỗi đau khổ này sẽ quay lại với người, người sẽ phải xa lìa vợ con thân yêu của người, người sẽ phải sống trong tù đầy đau khổ để trả lại những gì người đã gieo rắc đau khổ đến những người vô tội

Vợ vương tử Candakumāra là nàng công nương Candādevī xót thương chồng liền đi đến van xin cha chồng rằng:

- Thưa cha, xin cha hãy nghĩ đến tình thâm phụ tử, xin cha đừng sát hại những người thân của mình, đừng sát hại những chúng sinh vô tội. Xin cha hãy tha cho chồng con đi. Hay cha hãy giết con mà tha mạng cho chồng con đi, con bằng lòng thế mạng cho chồng con.

- Nay Candādevī con, con là dâu thảo của ta, tuy ta rất thương con. Nhưng ta muốn sinh về thiên giới nên phải chấp nhận sự hy sinh lớn như vậy. Con không thể thay thế cho Candakumāra được, con chớ lo ngại vì vắng chồng, ta sẽ đưa con đến với em chồng của con.

Nghe vậy nàng Candādevī ngã xuốngg than khóc vật vã. Bấy giờ hăm tế thần lửa đã hoàn tất, lão bàlamôn Khaṇḍahāla mời đức vua Ekarāja khai mở đại tế đàn, bằng cách châm ngọn lửa vào những khúc gỗ to lớn cùng các vật dẫn hoả dưới hăm sâu.

Ngọn lửa bùng cháy bốc lên cao, bàlamôn Khaṇḍahāla lấy chiếc mâm vàng để hứng máu, tay cầm cây đao bóng sáng bén bngót đi đến trước mặt vương tử Candakumāra, nở nụ cười thâm hiểm, đưa cao ngọn đao bén định chém vào cổ vương tử Candakumāra.

Khi thấy bàlamôn Khaṇḍahāla tay cầm mâm vàng, tay cầm đao bén đi đến trước vương tử Candakumāra, nàng Candādevī kinh hoàng suy nghĩ rằng: “Giờ đây chẳng còn ai giúp được ta cả, chỉ có pháp chân thật là nơi nương nhờ”.

Lập tức nàng quý giữa trời phát nguyện lời chân thật rằng:

- Thưa chư thiên, Khaṇḍahāla là kẻ ác độc, không trí, kẻ không giới hạnh, đã hại người vô tội, đây là sự thật. Giờ đây chúng tôi không còn ai có thể hộ trì, chỉ còn uy lực của Tứ đại vương cùng thiên vương Sakka, xin uy lực của các Ngài hãy hộ trì chồng tôi thoát khỏi tai ách này, Đây là lời chân thật.

Lời nguyện chân thật của nàng Candādevī làm nóng ran ngai vàng của vua trời Sakka, với thiên nhân vua trời thấu rõ sự việc, ngay tức khắc vua trời xuất hiện giữa hư không nơi đang làm lễ tế đàn, trên tay vua trời Sakka là trái chùy đồng cháy đỏ, hét lớn rằng:

- Nay tên vua bất minh, tên bàlamôn hiểm ác kia, người thấy rõ nơi nào từ xưa đến nay, ai cúng dường thần lửa bằng máu sinh vật, rồi được sinh về thiên giới?

Này gã bàlamôn độc ác kia, nếu người chạm vào các chúng sinh vô tội ta sẽ đập nát đầu người bằng trái chùy đồng này.

Vua Ekarāja cùng Khaṇḍahāla thấy vua trời Sakka hiện giữa hư không với hào quang sáng rực, kinh hoàng cho thả những vương tử, vương hậu công nương cùng trưởng giả và các gia súc ra.

Đại chúng đang vây quanh tế đàn với sự căm phẫn nhưng còn e ngại quyền lực của vua Ekarāja nên chưa dám hành động, nay thấy có vua trời Sakka xuất hiện, nổi uất hận được cơ hội khai mở tuôn trào ra, đại chúng xông đến ném đá đánh chết Khaṇḍahāla, ném xác hắn vào hăm lửa mà hắn tốn công xây dựng.

Khaṇḍahāla chết rồi, đại chúng như nước vỡ bờ, tràn đến vua Ekarāja miệng hét lên: “Hãy tiêu diệt tên vua độc ác này đi”.

Vương tử Candakumāra vội ôm lấy cha, dùng thân che chở cho cha, nói rằng:

- Chớ nên giết cha ta, hãy tha mạng cho cha ta.

Đại chúng nói rằng:

- Chúng tôi bằng lòng tha chết cho tên vua ngu muội ác độc này, nhưng không chấp nhận quyền thống trị của hắn nữa, hãy đuổi hắn ra khỏi hoàng thành và hắn trở thành dân nô lệ.

Đại chúng xông vào lột hết vương phục của Ekarāja, mặc vào người y chiếc áo choàng màu vàng nghệ (màu của giai cấp nô lệ), rồi trực xuất ra khỏi hoàng cung, đưa đến làng nô lệ.

Mọi việc tạm ổn, đại chúng đồng đề cử vương tử Cadakumāra cai trị quốc độ, trong cuộc lễ tôn vương này có thiên vương Sakka cùng thiên hậu Sujātā đến dự.

Vua Candakumāra vẫn chu cấp cho cha là Ekarāja vật dụng đầy đủ để sống, nhưng không cho đến hoàng cung. Khi muốn thăm cha, Ngài đi du ngoạn đến vườn Ngự Uyển rồi sau đó đến thăm cha, nhưng không đánh lễ nữa, ngược lại Ekarāja phải đánh lễ vị vua của quốc độ mình.

Vua Candakumāra trị nước theo 10 vương pháp, mệnh chung tái sinh về thiên giới.

Nhận diện tiên thân.

Bà la môn Khaṇḍahāla nay là tôn giả Devadatta (Đềbàđạtđà), Vương hậu Gotamī nay là bà Hoàng Māyā (mẹ Bồ tát Siddhattha), nàng Candādevī nay là Rāhulamātā (mẹ Rāhula tức là nàng Bimbādevī), công nương Selā nay là Thánh nữ Uppalavaṇṇā, Vāsula nay là Ngài Rāhula⁽¹⁾, vương tử Surā thuộc tộc họ Vāma nay là Ngài Mahā Kassapa, vương tử Bhaddasena nay là Ngài Moggallāna, vương tử Suriya nay là Ngài Sāriputta, Candakumāra nay là Đức Thế Tôn⁽²⁾.

Câu chuyện này còn được tìm thấy trong Cariyapiṭaka (Hạnh Tạng) là Candakumāracariyā, nói lên hạnh nhân nại cao tột (khantiparamatthapāramī) của Bồ tát.

20- Bốn sự Cullasutasoma (Tiểu Sutasoma).

Duyên khởi.

Khi Đức Thế Tôn ngự tại Jetavānavihāra (Đại tự Kỳên) của trưởng giả Anāthapiṇḍika cúng dường.

Nơi Giảng pháp đường trong Jetavanavihāra, các Tỳkhuu bàn luận với nhau về sự xuất gia kỳ diệu của Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, đây không phải là lần đầu tiên Như Lai lìa bỏ đại tài sản của vương quốc đi xuất gia, trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi vua Sudassana (Thiện kiến) trị vì thành Bārāṇasī (Balanại), Chánh cung của vua Sudassana sinh ra một hài tử có gương mặt trong sáng sinh đẹp như trăng rằm, nên được đặt tên là Somakumāra.

Khi đến tuổi trưởng thành Somakumāra nối ngôi vua, vì có thói quen tưới rượu lễ vào nước trái cây để uống, nên Ngài được gọi là Sutasoma.

Vua Sutasoma có đến 16 ngàn cung phi mỹ nữ, chánh hậu của Ngài là nàng Candadevī. Vương quốc của Ngài càng ngày càng rộng lớn, nhưng Ngài chỉ muốn xuất gia làm ẩn sĩ.

Vua Sutasoma bảo người thợ cạo rằng:

- Khi nào người thấy sợi tóc bạc xuất hiện trên đầu ta, người hãy báo cho ta biết.

Khi sợi tóc trắng xuất hiện, vua Sutasoma suy nghĩ: “Sợi tóc bạc đã xuất hiện, như vậy ta đã già. Ta hãy xuất gia làm ẩn sĩ”.

(1)- TrongThập độ (tập2) do Ngài Hộ Tông dịch, ghi: Vāsulakumāra là tiên thân Ngài Ānanda.

(2)- JA. Candakumārajātaka (chuyện số 542). Xem thêm Đại trưởng lão Hộ Tông (d). Thập độ (tập 2). Bồ tát tu hạnh nhân nục Balamật (chuyện Candakumāra).

Ngài cho triệu tập 80 ngàn đại thần có vị Đại tướng thống lĩnh, cùng 60 ngàn bàlamôn có vị Tế lễ sư cầm đầu, trước đại chúng, vua Sutasoma tuyên bố ý nghĩ quyết định xuất gia của mình, mọi người đều ngăn cản Ngài.

Thái hoàng Sudassana cùng mẹ của Ngài khuyên Ngài từ bỏ ý nghĩ ấy, Ngài ôn tồn giải thuyết pháp đến hai người.

Bấy giờ Chánh hậu Candadevī đang mang thai sắp đến ngày sinh, khẩn cầu Ngài từ bỏ ý định xuất gia, vua Sutasoma đáp:

- Ta sẽ chờ nàng sinh con, sau đó ta sẽ xuất gia.

Nghe vậy nàng Candadevī buồn khổ, lên lầu thượng ngồi than khóc, người con trưởng của vua Sutasoma thấy mẹ buồn khổ, đi đến hỏi thăm, khi biết sự việc vua cha Sutasoma quyết định xuất gia, thái tử cũng sầu não như mẹ.

Bấy giờ người con trai thứ hai của vua Sutasoma mới được 7 tuổi, thấy mẹ và anh sầu não than khóc, nên hỏi rằng:

- Thừa mẹ và anh, vì sao mẹ và anh buồn khổ?

Khi hiểu ra duyên sự, vương tử 7 tuổi nói rằng:

- Xin mẹ và anh đừng buồn khổ nữa, con sẽ làm cho cha không đi xuất gia đâu.

Vương tử 7 tuổi cùng với người nhũ mẫu đến yết kiến vua Sutasoma, vương tử ôm lấy cổ cha nài nỉ rằng:

- Mẹ và anh con đang sầu khổ, xin cha hãy thương con đừng đi xuất gia.

Vua Sutasoma suy nghĩ: “Thằng bé này là dây trời buộc của ta đây”.

Vua Sutasoma lấy viên ngọc quý đang đeo nơi cổ ra, nói với người nhũ mẫu rằng:

- Đây nhũ mẫu của vương tử, hãy nhìn viên ngọc quý này, ta cho người đẩy, người hãy mang vương tử ra khỏi nơi này đi.

Nhũ mẫu nhận quà thưởng, đồ dành vương tử 7 tuổi mang đi nơi khác.

Vị đại tướng suy nghĩ: “Có lẽ đức vua không biết được tài sản đang có của mình vô số kể”, vị đại tướng trình lên Đức vua tài sản của vương quốc, vua Sutasoma vẫn đứng đưng.

Đệ nhất trưởng giả thành Bārāṇasī là Kulavaddhana xin hiến dâng toàn bộ gia sản của mình đến vua Sutasoma để đức vua đừng đi xuất gia, nhưng vua Sutasoma vẫn giữ nguyên ý định, từ chối đại tài sản.

Vua Sutasoma nhường ngôi cho em là Somadatta, lia hoàng cung đi vào núi Tuyết xuất gia làm ẩn sĩ, rất đông cư dân thành Bārāṇasī xuất gia theo vua Sutasoma. Thiên vương Sakka (Đế Thích) phải sai thiên thần kiến trúc là Vissakamma kiến tạo nơi cư ngụ cho ẩn sĩ Sutasoma cùng các môn đệ, nơi ẩn cư này rộng 30 dotuần.

Nhận diện tiên thân.

Vua Sudassana nay là vua Suddhodana (Tịnh Phạn), Thái hậu nay là bà Hoàng Mâyā, nàng Candadevī nay là Rāhulamātā, Thái tử nay là Ngài Sāriputta, vương tử 7 tuổi nay là Ngài Rāhula, nhũ mẫu nay là bà Khujjuttarā, trưởng giả Kulavaddhana nay là Ngài Mahā Kassapa, Somadatta nay là Ngài Ānanda, vị đại tướng nay là Ngài Moggallāna, vua Sutasoma nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾

21- Bôn sự Mahānārada (chuyện bậc Đại trí Mahānārada).

Duyên khởi.

Khi Đức Thế Tôn cùng 1000 vị Tỳkhuu Uruvelākassapa đi đến thành Rājagaha (Vương xá) trú nơi rừng Laṭṭhivana (rừng chồi) ở phía Tây nam thành Rājagaha, nơi đền Supatiṭṭha.

Vua Bimisāra cùng 120 ngàn tùy tùng đến viếng Đức Thế Tôn.

Đại chúng phân vân: Tôn giả Gotama là đạo sư của đạo sĩ tóc bện Uruvelākassapa hay Uruvelākassapa là đạo sư của tôn giả Gotama”.

Sau khi Đức Uruvelākassapa tự nhận “mình là đệ tử của Đức Thế Tôn”, đại chúng đàm luận rằng:

⁽¹⁾- JA. Cullasutasoma . Chuyện số 525.

- Thật hy hữu thay, thật kỳ diệu thay. Đạo sĩ tóc bện Uruvelākassapa tự cho mình là bậc Alahán, cũng phải phá bỏ những tà kiến quy ngưỡng Tôn giả Gotama, sự xuất gia của Tôn giả Gotama là điều kỳ diệu, thu phục được những đạo sĩ tóc bện thờ thần lửa là điều kỳ diệu khác.

Đức Thế Tôn nghe đại chúng bàn luận xôn xao như vậy, khi đại chúng yên lặng, Ngài dạy rằng:

- Nay đại chúng, hiện tại ta là Chánh giác nên việc phá bỏ tà kiến của Uruvelākassapa không có gì là kỳ diệu. Khi xưa, còn là phàm nhân ta đã từng phá bỏ tà kiến của (tiền thân) Uruvelākassapa rồi.

Theo lời thỉnh cầu của đại chúng, Đức Thế Tôn thuật lại bốn sự này.

Câu chuyện.

Vua Aṅgati là vị minh quân cai trị thành Mitthilā của quốc độ Videha, trị nước theo chánh pháp.

Trong một đêm trăng đầy thi vị, vua Aṅgati hỏi các đại thần nên hưởng lạc thú gì với đêm trăng xinh đẹp này?

Đại tướng Alāta thưa:

- Thưa đại vương, nên tập trung binh lực để thôn tính các nước lân bang.

Vua Aṅgati không vừa lòng với lời ấy, nên đã ngăn cấm.

Đại thần Sumāna thưa rằng:

- Thưa đại vương, nên cho sửa soạn các món cao lương mỹ vị, cho các nhạc công, mỹ nữ xinh đẹp ca múa để phục vụ, rồi cùng nhau hưởng thụ các dục lạc ấy.

Vua Aṅgati im lặng, không vui cũng không buồn.

Đại thần Vijaya thấy vua Aṅgati không vui thích với năm dục lạc, nghĩ rằng: “Đại vương là bậc trí nên không vui thích với dục lạc. Lẽ thường người trí thường thích nghe pháp”. Nên thưa rằng:

- Thưa Đại vương, trong đêm trăng xinh đẹp này, chúng ta nên tìm đến các Samôn hay Balamôn có trí để hỏi pháp.

Vua Aṅgati hân hoan rằng:

- Lành thay, lành thay, nay đại thần Vijaya. Nhưng chúng ta sẽ đến vị Samôn hay Balamôn có trí nào để nghe pháp?

Đại thần Vijaya nghĩ thầm: “Ông nội ta là lòả thể Guṇa (Guṇājivaka) đang trú ngụ trong vườn Ngự Uyển, ta nên giới thiệu ông nội với vua Aṅgati. Nếu đức vua hài lòng ông nội ta, ông nội ta trở thành thầy của đức vua thì ta sẽ có rất nhiều ân sủng”. Đại thần Vijaya thưa rằng:

- Thưa Đại vương, có ả sĩ Guṇa thuộc tộc họ Kassapa, vị ấy đang trú ngụ nơi vườn Ngự Uyển, có rất nhiều môn đệ theo học, được đại chúng tán thán là bậc đại trí. Chúng ta hãy đến hỏi pháp nơi Ngài, Ngài sẽ phá tan lưới nghi của chúng ta.

Vua Aṅgati hài lòng, dạy các quân hộ giá dọn dẹp đường xá để đến vườn Ngự Uyển ngay trong đêm ấy.

Khi đến vườn Ngự Uyển, vua dừng xe, đi bộ bằng chân trần đến nơi trú ngụ của lòả thể Guṇa Kassapa, các balamôn, các trưởng giả, các gia chủ tháp tùng theo vua Aṅgati rất đông.

Đến thảo lư của lòả thể Guṇa, vua Aṅgati chấp tay đánh lễ Guṇa, rồi ngồi xuống một bên hợp lễ, sau những lời thăm hỏi thân tình, đức vua Aṅgati hỏi rằng:

- Thưa Tôn giả Guṇa, chúng tôi đến đây hỏi tôn giả về những điều còn nghi hoặc, xin tôn giả hãy giải thích cho chúng tôi biết.

1- Thế nào là thiện pháp với triêu thần?

2- Như thế nào là phụng sự cha mẹ, các bậc thầy tổ và các bậc trưởng thượng đúng pháp?

3- Đối với vợ con được tốt đẹp phải theo pháp nào?

4- Phải thực hành như thế nào đối với các Samôn, Balamôn?

5- Đối với chúng dân phải thực hành theo pháp nào?

6- Tu tập như thế nào để được sinh về thiên giới?

7- Người trong thế gian khi mệnh chung, được sinh về thiên giới bằng nghiệp lành nào?

8- Do nhân ác gì phải rơi xuống khổ cảnh?

Với những câu hỏi vi diệu và thâm sâu như thế, chỉ có bậc Chánh giác và đệ tử của Ngài mới giải đáp thông suốt.

Vua Āṅgati lại hỏi loa thể Guṇa chẳng khác nào người trong đêm tối lại hỏi đường nơi người mù.

Không biết cách trả lời, loa thể Guṇa lại thuyết lên vô quả luận, rằng:

- Thưa đại vương, không có quả báo chi cả, không có tội phước chi cả. Những kẻ vô trí mới nói thực hành ác là có tội, bố thí, trì giới ... là có phước. Tình tấn, bố thí, trì giới là vô ích, chỉ nhọc sức và tiêu hao tài sản mà thôi.

Không có thiên giới hay địa ngục chi cả, cha mẹ, thầy tổ hay ông bà cũng chẳng có, tốt hay xấu, lành hay dữ đều như nhau.

Không có sát sinh, không có người bị giết, thân này do 7 yếu tố kết hợp mà thành, đó là: Đất, nước, lửa, gió, vui, khổ và sự sống (jīva).

Khi mệnh chung đất trở về với đất, nước trở về với nước, gió trở về với gió, lửa trở về với lửa, vui, khổ và sự sống trở về với hư không. Như thế làm gì có người giết, người bị giết?

Cho dù dùng đao bén chém vào người khác, cũng không thể hủy hoại được 7 yếu tố này thì làm sao có người giết hay có người bị giết? Chỉ có 7 yếu tố hợp lại gọi là chúng sinh (satta), khi 7 yếu tố tan rã trở về với gốc của chúng thì gọi là chết.

Thưa đại vương, con người trải đi 84 ngàn kiếp trái đất thì hết hạn kỳ, sẽ giải thoát, ví như cuộn chỉ lặn mãi đến lúc nào đó thì cuộn chỉ sẽ hết. Cho dù là thiện hay ác cũng không có quả báo chi cả, số phận của mỗi chúng sinh đã được tiền định như đuôi thuyền phải theo mũi thuyền.

Nghe vậy, đại tướng Alāta tán đồng rằng:

- Lời giảng của Đạo sư Guṇa rất hợp ý ta, ta nhớ lại kiếp trước ta là thợ săn có tên là Piṅgala ở trong một thị trấn, ta đã giết rất nhiều thú rừng, làm nhiều tội lỗi trong kinh thành Bārāṇasī, mệnh chung, ta tái sinh vào gia tộc đại tướng và trở thành đại tướng như hôm nay. Thật vậy, chẳng có quả của tội phước chi cả.

Một nô lệ nghèo khổ tên là Bijaka đang thực hành giới Uposatha (Bồ tát), đứng trong hội chúng bỗng bật khóc, vua Āṅgati hỏi:

- Này người kia, vì sao ngươi khóc? Vì sao ngươi sầu thảm?

- Thưa đại vương, con cũng nhớ lại kiếp trước của con là trưởng giả Bhaya (Bhayasetthi) trong thành Sāketa. Trưởng giả Bhaya thường bố thí đến mọi người, cúng dường đến các Samôn, Bàlamôn, giữ gìn giới hạnh, tạo nhiều thiện nghiệp.

Nhưng khi mệnh chung lại tái sinh vào thai bào của một kỹ nữ, khi sinh ra bị vất bỏ trở thành kẻ nô lệ nghèo khổ như hôm nay.

Thưa đại vương, trong cuộc chơi xúc xắc này con là người thua cuộc, còn đại tướng Alāta là kẻ thắng cuộc.

Theo lời giảng của đạo sư Guṇa, đường về thiên giới của con không có, tuy vậy, con không từ bỏ giới Uposatha (Bồ tát) mà con đang thực hành.

Nghe vậy, vua Āṅgati nói rằng:

- Theo lời giảng của Tôn giả Guṇa thì chẳng có quả của phước hay tội chi cả, chúng sinh dù là thiện nhân hay ác nhân, trải qua 84.000 kiếp trái đất đều giải thoát như nhau. Vậy ta còn tạo phước thiện làm gì chứ.

Nói xong, vua Āṅgati từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, khi đến, vua Āṅgati chấp tay chào hỏi loa thể Guṇa Kassapa rất cung kính, nhưng khi ra về chẳng chào hỏi một tiếng, chẳng chấp tay đánh lễ chi cả, cũng chẳng cúng dường tài vật.

Do thuyết phi pháp nên loa thể Guṇa Kassapa mất cả lợi ích.

Bản Tīkā có giải thích:

*Nếu Alāta nhớ được thêm một kiếp nữa, ông sẽ biết được rằng: Trong kiếp ấy, ông là người giữ Bảo tháp thờ Xá Lợi Đức Phật Kassapa, ông thường xuyên quét dọn sạch sẽ bảo tháp, trang hoàng Bảo tháp xinh đẹp. Do phước ấy, tuy kiếp sau ông là thợ săn Piṅgala, nhưng quả ác nghiệp ấy chưa kịp trở mà quả thiện nghiệp giữ gìn bảo tháp thờ Xá Lợi Đức Phật trở quả nên ông được sinh vào giòng dõi cao sang, trở thành đại tướng Alāta như hiện tại.

*Nếu nô lệ Bijaka nhớ thêm một kiếp nữa, trong kiếp ấy ông cũng là một trưởng giả. Trong kiếp này tuy tạo phước thiện nhiều, nhưng có lần do bực tức ông đã gọi vị Đốc giác mà ông xem như một samôn bình thường là “con của người kỹ nữ, thuộc giòng nô lệ”. Tuy kiếp làm trưởng giả Bhava, ông tạo nhiều phước thiện, quả phước này chưa kịp trả thì quả khinh miệt Đức Độc giác trở sinh, nên ông phải tái sinh làm nô lệ Bijaka.

Nói về vua Aṅgati trở về hoàng cung, sáng hôm sau cho triệu tập các đại thần đến, nói rằng:

- Kể từ hôm nay, không một ai bàn chuyện công đức với ta. Theo lời tôn giả Guṇa Kassapa chẳng có quả phước hay quả tội chi cả, Ta chỉ có một việc duy nhất là hưởng thụ dục lạc. Quan đại thần Candaka sẽ trông coi quốc sự cùng sự trợ giúp của ba đại thần Alāta, Sunāma và Vijaya. Các người hãy thay ta điều xử công việc quốc độ, ta chẳng còn bận tâm đến việc gì khác, hãy giải tán các phước xá.

Và vua Aṅgati đắm chìm trong dục lạc, chẳng còn thân cận đến các Samôn, Balamôn, các trưởng giả, các hiền trí như trước.

Vua Aṅgati có một công nương duy nhất là Rujā (có nơi viết là Rucā), vua Aṅgati rất thương người con gái duy nhất của mình.

Vào ngày Uposatha trăng tròn (ngày 14 âm, theo lịch VN), công nương Rujā trang điểm thật xinh đẹp cùng các cung nữ hầu cận đến viếng cha, công nương Rujā xin cha ngàn đồng vàng để tạo phước thiện.

Vua Aṅgati bảo:

- Ta sẵn sàng cho con số tiền này để con vui hưởng dục lạc, nhưng không chấp nhận cho con hành phước thiện như bố thí, hay trì giới .. vì những việc làm này phí sức hao tổn tài sản mà không có kết quả chi.

Rồi vua Aṅgati thuật lại cuộc viếng thăm tà sư Guṇa Kassapa cùng với lời của đại tướng Alāta và nô lệ Bijaka.

Công nương Rujā thấy cha rơi vào tà kiến vô quả luận của tà sư lửa thể Guṇa Kassapa, nên khuyên cha hãy từ bỏ tà kiến ấy, hãy tin vào quả của nghiệp, hãy lánh xa dục lạc, hãy tích cực tạo thiện nghiệp.

- Thừa cha, đại thần Alāta cùng nô lệ Bijaka chỉ nhớ được một kiếp quá khứ, nếu nhớ được nhiều kiếp sẽ thấy quả của nghiệp lành hay nghiệp ác hiển lộ.

Rồi nàng thuật cho vua cha biết các tiền kiếp mà nàng nhớ được.

Trước đây 7 kiếp quá khứ, tiền thân công chúa Rujā là con trai người thợ bạc trong thành Rājagaha của xứ Magadha, người này đã thông dâm với vợ con người khác.

Khi mệnh chung ác nghiệp này chưa trả quả, nghiệp lành những kiếp trước trả quả, y tái sinh là con một trưởng giả trong thành Kosambi của xứ Vamsa, có tài sản là 800 triệu tiền vàng, trong kiếp này con người trưởng giả tạo các thiện nghiệp như bố thí, trì giới, tinh cần thọ trì giới Uposatha (Bồ tát) ...

Mệnh chung, thiện nghiệp này chưa trở quả, ác hạnh tà dâm kiếp trước đến thời cho quả, con trai người trưởng giả rơi vào địa ngục Roruva, chịu khổ khốc liệt trong thời gian rất dài.

Thoát khỏi địa ngục Roruva, tái sinh làm con lừa của vị đại thần trong thành Bheṇṇakata của vua Nakata, bị thiến và phải kéo xe rất nặng nề khổ nhọc. Mệnh chung, tái sinh làm khỉ trong rừng, bị người bắt được bán cho người dạy thú, người dạy thú cho thiến con khỉ, mặc cho nó đau thét kêu la inh ỏi. Mệnh chung

kiếp khi, tái sinh làm bò đực ở thành Dasañña, bị người thiện để cày ruộng, tải xe...

***Dasañña.** Là một quốc độ ở miền Trung Ấn, nổi tiếng là nơi rèn kiếm quý⁽¹⁾. Trong xứ này có kinh thành Ekaracca là sinh quán của trưởng giả keo kiệt Dhanapāla. Mệnh chung, ông tái sinh làm ma đói (peta), những thương buôn đi đến Uttarapātha, con ma đói Dhanapāla này hiện ra, cầu khẩn những người thương buôn cứu giúp. Những thương buôn nhận lời, họ nhân danh ma đói cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng và Dhanapāla thoát khỏi cảnh giới ma đói⁽²⁾. Vua trị vì xứ Dasañña được gọi là Dasaññā.

Dasañña được kể là 1 trong 16 quốc độ ngoại biên trong Mahāvastu (Đại sự)⁽³⁾, Dasañña được xác định là vùng Bhisā hay Vidisā thuộc Trung Ấn hiện nay).

Mệnh chung kiếp bò, tái sinh sinh làm người lưỡng tính⁽⁴⁾ trong xứ Vajjī ở phía Bắc sông Gaṅgā (sông Hằng).

Sau kiếp đó, quả của thiện nghiệp trở sinh, con tái sinh làm thiên nữ trong rừng Nandavana của cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba), được thiên vương Sakka chọn là cung nữ trong thiên cung.

Liên tục 7 kiếp con là thiên nữ và nay là công nương Rujā, hiện nay có thiên tử Java đang hái hoa làm vòng hoa trang điểm cho con.

Mười sáu năm nhân loại chỉ hơn nửa ngày ở cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba)⁽⁵⁾. Sau kiếp này con không còn tái sinh làm nữ nhân nữa.

Tuy nghe công nương Rujā giải thích như vậy, nhưng vua Aṅgati vẫn không từ bỏ tà kiến vô quả luận. Thấy vậy, nàng chấp tay lên đầu đánh lễ 10 phương nguyện rằng:
- Trong thế gian này chắc chắn có những vị Samôn, Balamôn, chư thiên và Phạm thiên chánh kiến, có uy lực, có đại thần lực. Hiện nay cha con là vua Aṅgati rơi vào tà kiến quá nặng. Xin các ngài mở lòng bi mẫn đến giải thoát tà kiến ấy cho cha con.

Thuở ấy có Đại phạm thiên Nārada thường đưa tâm quán xét để hộ trì thế gian, thấu hiểu được tâm nguyện cùng lời khẩn cầu của công nương Rujā.

Đại Phạm thiên Nārada xuống nhân giới, hoá thân thành một ẩn sĩ theo đường hư không xuất hiện trước vua Aṅgati và đã tế độ được vua Aṅgati thoát khỏi tà kiến.

Nhận diện tiên thân.

Đại tướng Alāta nay là tôn giả Devadatta (Đềbàđạtđà), đại thần Sumāna nay là tôn giả Bhaddaji, đại thần Vijaya nay là Ngài Sāriputta, nô lệ Bijaka nay là Ngài Moggallāna, lỏa thể Guṇa nay là Sunakkhatta người Licchavī, công nương Rujā nay là Ngài Ānanda. Đại phạm thiên Nārada nay là Đức Thế Tôn⁽⁶⁾.

22- Bôn sự Bhūridatta.

Duyên sự.

Một thời Đức Thế Tôn trú ngụ ở Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên) của trưởng giả Anāthapiṇḍika cúng dường, gần thành Sāvatti (Xá vệ).

Vào ngày Uposatha các cư sĩ thành Sāvatti nguyện thọ trì giới Uposatha (Bố tát), rồi đi đến Jetavanavihāra cúng dường, thiền tịnh, nghe pháp ...

Đức Thế Tôn thấy được sự thực hành giới tốt đẹp của các cư sĩ trong thành Sāvatti, khi ngự đến Giảng đường nơi Jetavanavihāra ngồi vào nơi được soạn sẵn, Đức Thế Tôn hỏi các cư sĩ rằng:

- Nay các gia chủ, các người có giữ giới Uposatha chăng?

(1)- JA.iii, 338.

(2)- PvA. 99.

(3)- Mhvt. i, 34.

(4) là người có cả tính nam lẫn tính nữ. Khi gần người nam thì nữ căn hiện ra, khi gần người nữ thì nam căn hiện ra.

(5)- Một ngày một đêm cõi Tāvātimsa = 100 năm cõi nhân loại.

(6)- JA. Mahānārada-kassapa (chuyện số 544). Xem thêm Đại trưởng lão Hộ Tông (d).Thập độ II. Chuyện Nārada. Bố tát tu hạnh xá Balamật.

- Bạch Thế Tôn, chúng con có giữ giới Uposatha.
- Lành thay, lành thay này các gia chủ. Này các gia chủ, ngày nay có được vị Chánh giác là bậc Đạo sư Như Lai và thực hành giới Uposatha thì không có gì đáng ngạc nhiên. Các bậc hiền trí khi xưa không có bậc Đạo sư, đã từ bỏ những lạc thú để thực hành giới Uposatha.

Theo lời thỉnh cầu của các gia chủ, Đức Thế Tôn nói lên bốn sự này.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī, có người con trai cũng đặt tên là Brahmadata, khi Thái tử trưởng thành vua Brahmadata ban cho Thái tử địa vị Phó vương. Nhưng khi thấy sự vinh quang của Thái tử lên cao, vua Brahmadata e ngại con mình soán ngôi vua, nên bảo Thái tử rằng:

- Con hãy tìm nơi thích ý để trú ngụ, khi ta mệnh chung con hãy trở về kế vị vương quyền.

Thái tử theo lời dạy của cha, từ giả kinh thành đi đến khu rừng cạnh sông Yamunā, xuất gia làm ẩn sĩ, cất một thảo am trú ngụ nơi ấy.

***Ẩn sĩ Brahmadata cùng long nữ Mānavikā.**

Có một long nữ là Mānavikā chồng chết, thấy các long nữ khác vui thú với chồng, nên buồn tủi phận mình ra khỏi long cung đến sông Yamunā.

Thấy dấu chân người, long nữ theo dấu chân đến thảo am của ẩn sĩ, bấy giờ ẩn sĩ vào rừng để tìm trái cây. Thấy các vật dụng của bậc xuất gia, long nữ suy nghĩ:

- Đây là nơi cư trú của bậc xuất gia, ta hãy thử ẩn sĩ này xem có phải thật sự là bậc xuất gia chăng?

Long nữ mang hoa tươi trang hoàng khắp thảo am, rắc hoa lên giường cùng các nước thơm, rồi trở về cõi rồng.

Ẩn sĩ trở về thấy thảo am của mình được trang hoàng bằng các loại hoa xinh đẹp, đồng thời giường trái đầy hoa cùng nước thơm nên rất vừa ý, nằm ngủ trên đó. Sáng hôm sau lại vào rừng tìm trái cây.

Long nữ trở lại thảo am, thấy hoa nhàu úa, biết rằng: “Người này thật sự chưa có tâm lý xuất gia”.

Nàng dọn những hoa cũ đi, thay thế những hoa mới xinh đẹp rồi trở về long cung, ẩn sĩ trở về, lại tiếp tục nằm trên giường hoa, suy nghĩ rằng: “Ai đã vào am thất của ta, trang hoàng và rải hoa trên giường? Hẳn có dụng ý gì đây”.

Hôm sau ẩn sĩ không vào rừng tìm trái cây, ẩn núp vào nơi kín đáo để tìm xem ai đã đến trang hoàng lư thất của mình.

Long nữ mang hoa cùng nước thơm đến, nhìn thấy long nữ xinh đẹp, tâm ẩn sĩ phát sinh duyên ái, theo long nữ vào am thất, thấy long nữ Mānavikā đang thu dọn hoa héo, rải hoa tươi cùng nước thơm lên giường, ẩn sĩ hỏi:

- Nàng là ai? Sao lại đến đây?

- Thưa Ngài, tôi là long nữ Mānavikā.

- Nàng có chồng chưa?

- Thưa Ngài, tôi đã có chồng, nhưng chồng tôi đã mất rồi.

- Vì sao nàng đến nơi này?

- Thưa Ngài, tôi thấy các long nữ khác vui thú với chồng, nên tôi tủi phận mình tìm đến nơi vắng vẻ để giải khuây.

Long nữ hỏi ẩn sĩ rằng:

- Thưa Ngài, Ngài là ai? Sao tìm đến nơi này trú ngụ?

- Ta là phó vương Brahmadata của xứ Kāśi, cha ta bảo hãy tìm nơi thích hợp trú ẩn, khi cha ta mệnh chung hãy trở về kế vị vương quyền.

Thế rồi, hai người kết hợp với nhau, long nữ Mānavikā hoá ra dinh thực cùng những vật dụng để hai người hưởng thụ, thái tử không còn vào rừng tìm trái cây nữa. Thời gian sau, long nữ sinh ra một trai là Sāgarabrahmadatta, khi

Sāgarabrahmadatta biết đi thì nàng sinh thêm một bé gái trên bờ biển, nên đặt tên là Samuddajā.

Một người thợ rừng tình cờ đi lạc đến nơi trú ngụ của thái tử, nhận ra là vị Phó vương của mình. Sau khi trú ngụ vài ngày, người thợ rừng trở về kinh thành Bārāṇsī, vừa lúc ấy vua Brahmadata mệnh chung, triều thần muốn tìm Phó vương để thỉnh Ngài về trị nước, nhưng chẳng biết Phó vương đang ở đâu, triều thần ra thông báo ai biết được nơi ngụ của Phó vương sẽ được thưởng 1.000 đồng vàng, và người thợ rừng đến hoàng cung báo tin nơi ngụ của Thái tử.

Triều thần cùng nhau đến nơi ngụ của Thái tử, thỉnh Ngài về trị nước, Thái tử bảo long nữ cùng về kinh thành Bārāṇasī với mình, nhưng long nữ từ chối rằng:

- Thưa Thái tử, vì tôi hay phẫn nộ lại có nọc rất độc, khi giận dữ chỉ tia mắt cũng đủ làm chết người, xin Thái tử hãy trở về kinh thành một mình đi. Hai đứa con này thuộc giống rồng, xin Ngài hãy chăm sóc chúng cẩn thận, khi chúng bị khát hay khô da thì chúng sẽ chết ngay, Thái tử hãy cho đào ao để chúng tắm mát cùng vui đùa.

Thái tử về kinh thành Bārāṇasī để kế vị vương quyền còn long nữ Mānavikā trở về long cung.

Vua Brahmadata cho đào hồ sâu dẫn nước từ sông vào cho hai con mình tắm mát và vui chơi.

Một ngày kia có con rùa Cittacūla theo dòng nước vào trong ao, hai đứa trẻ trông thấy con rùa nên kinh sợ, thưa lại với cha. Vua Brahmadata cho người bắt con rùa, thả xuống vực xoáy của sông Yamunā (một hình phạt thời bấy giờ).

Theo dòng nước xoáy rùa đến cõi rồng Dhatarattha, nó bị những con rồng nhỏ bắt, bị thẩm vấn rùa xáo quyết đáp:

- Ta là sứ giả của vua Brahmadata cử xuống đây.

- Vua Brahmadata cử người xuống đây để làm gì?

- Để tỏ tình thân hữu với long cung Dhatarattha, vua Brahmadata muốn gả công chúa Samuddajā cho vua rồng Dhatarattha.

Nghe vậy vua rồng Dhatarattha vui thích, thả rùa ra rồi cho sứ giả đến thành Bārāṇasī (Balanai) cầu hôn công chúa Samuddajā.

Bàng hoàng và phẫn nộ, vua Brahmadata từ chối, vua rồng Dhatarattha vây thành Bārāṇasī để trả thù. Nhằm mục đích tránh tang thương, nàng Samuddajā sau cùng được gả cho vua rồng Dhatarattha, nhưng nàng không biết mình đang sống trong cõi rồng, vì theo lệnh vua rồng, tất cả đều hiện thân làm người.

Samuddajā sanh được bốn người con: Sudassana, Datta, Subhaga và Ariṭṭha. Một hôm có người cho Ariṭṭha biết: “Samuddajā là người không phải là rồng”, Ariṭṭha suy nghĩ: “Ta sẽ tìm hiểu mẹ ta là người hay rồng?”.

Một hôm đang bú sữa mẹ, Ariṭṭha hiện nguyên hình con rồng, đuôi ve vẩy vút chân mẹ, bất ngờ thấy con rắn đang ngậm vú mình, nàng Samuddajā kinh hoàng la lên, ném con xuống đất lấy móng tay cào vào mắt rồng đến rách mắt. Và Ariṭṭha bị hư một mắt nên còn có tên là Kānāriṭṭha (Ariṭṭha một mắt).

Vua rồng Dhatarattha có người con gái riêng là Accimukhī.

****Danh hiệu Bhūridatta.***

Khi các vương tử rồng trưởng thành, vua rồng Dhatarattha ban cho mỗi người một vương quốc để trị vì. Vương tử Datta cứ mỗi nửa tháng thường đến vấn an cha mẹ, và thường đến viếng Đại thiên vương Virūpakkha (vị thiên vương cai quản loài rồng).

Một hôm, Datta cùng Thiên vương Virūpakkha đến viếng Thiên chủ Sakka (Đế Thích). Thiên chủ hoan hỷ với câu trả lời của Datta trong buổi đại hội chư thiên, nên vua trời Sakka hoan hỷ nói rằng:

- Nay Datta, người có trí rộng như trái đất, ta ban cho người danh hiệu là Bhūri, người được gọi là Bhūridatta.

Thấy vẻ huy hoàng của cõi Tāvātimsa (Ba mươi Ba), Datta muốn mau được sanh lên cảnh giới này nên trở về cõi rồng phát nguyện giữ 10 giới (là 10 giới của Sadi), Ngài bảo long nữ là vợ Ngài rằng:

- Ta sẽ lên nhân giới để tu tập giới hạnh nơi cây đa gần sông Yamunā.

Bhūridatta lên tổ kiến khoanh tròn trì giới phát nguyện rằng: “Kẻ nào cần máu, thịt, xương, da của ta thì cứ lấy”. Ngài nằm trong tổ kiến trọn đêm, đến sáng thì các long nữ đến rước Ngài về long cung.

***Hai cha con người thợ săn.**

Có hai cha con thợ săn thú, người con tên là Somadatta leo lên cây gần đó rình nai, họ nghe tiếng nhạc và ca hát của các long nữ dâng sảng toạ cho Bhūridatta đang nằm trong tổ kiến, nên tìm đến.

Bhūridatta hiện thân người nói thật gốc gác mình, sợ họ báo thầy bắt răn, Bhūridatta đề nghị đưa họ về cõi rồng và thiết đãi họ thật thịnh trọng để họ không báo cho thầy bắt răn.

Nhưng sống ở long cung được một năm, người cha ít phước nên ngán ngẫm cảnh long cung, xin Ngài Bhūridatta trở về nhân giới (trong khi người con là Somadatta vẫn muốn ở lại long cung). Ngài Bhūridatta nài nỉ, tặng cho ngọc Maṇi (Như ý) để họ ở lại long cung, nhưng người cha từ chối.

Thấy người cha quyết ý như vậy, Ngài Bhūridatta tặng cho họ nhiều lễ vật rồi đưa hai cha con người thợ săn trở về nhân giới.

Do ít phước, khi trở về nhân giới, hai cha con đi đến hồ nước tắm, khi trở lên thì thiên y cùng những tặng phẩm quý giá của Bhūridatta tặng cho đều biến mất, chỉ còn lại áo quần nghèo khổ. Và hai cha con trở lại nghề săn thú như trước.

***Gã bắt răn và ngọc Như ý (Maṇi).**

Thờ ấ có Kim xí điều vương (suppanna)⁽¹⁾ ở vùng Tuyết sơn (Hymalaya) trong rừng Simbali (Gòn gai) phía Đông bờ biển, thường rẽ nước biển để bắt rồng ăn thịt. Một ngày nọ, Điều vương bắt được rồng đem về tổ để ăn thịt, khi bay ngang qua cây đa lớn, rồng dùng đuôi quấn chặt lấy cây đa để mong thoát chết. Điều vương không hay biết, dùng hết sức mình búng luôn cây đa đi, mang về tổ mổ bụng rồng ăn mở xong rồi ném xác xuống biển, cây đa rớt xuống biển đánh ầm một tiếng lớn.

Điều vương nhìn theo thấy là cây đa có xác rồng quấn, Điều vương suy nghĩ: “Cây đa này là nơi cư ngụ của vị ẩn sĩ, như vậy ta có tội không nhỉ? Ta hãy đến hỏi ẩn sĩ về vấn đề này”.

Nguyên thời ấy có người thợ săn tên là Kosiya, xuất gia làm ẩn sĩ trú ngụ trong vùng Hymālapson, ẩn sĩ cắt một thảo lư cạnh cây đa lớn làm chỗ trú ngụ đồng thời cũng là nơi kinh hành.

Điều vương Garuda hoá thân thành một thanh niên, đến gần ẩn sĩ, thấy ẩn sĩ đang sửa sang lại chỗ cây đa bị trốc gốc cho bằng phẳng, giả vờ như không biết thanh niên hỏi ẩn sĩ:

- Thưa Ngài, do nguyên nhân gì mà nơi này bị loang lổ như thế?

- Đây thanh niên, có một đại bàng bắt được rồng bay ngang qua đây, rồng sợ chết dùng đuôi quấn chặt lấy cây đa. Đại bàng dùng sức kéo trốc gốc cây đa mang đi, do vậy đất nơi này bị loang lổ.

- Bạch Ngài, vậy đại bàng có tội chăng?

- Không, đây thanh niên, vì đại bàng vô ý.

- Vậy rồng có tội chăng?

- Không, đây thanh niên, rồng muốn thoát chết nên phải làm như thế.

Hài lòng với câu trả lời của ẩn sĩ, thanh niên thú thật mình là Điều vương hoá thân đến đây. Để tạ ơn ẩn sĩ, Điều vương truyền cho ẩn sĩ chú thuật bắt rồng, ẩn sĩ từ chối nhưng Điều vương nài nỉ và ẩn sĩ nhận lấy loại chú thuật này.

⁽¹⁾- là loại chim thần có đầu minh như người, nhưng cánh và móng như chim ưng có màu vàng.

***Bhūridatta bị bắt.**

Có một Bàlamôn trú ngụ trong thành Bārāṇasī, nghèo khổ mang nợ rất nhiều bị các chủ nợ vây khốn, y bỏ trốn vào rừng, đi lang thang đến chỗ trú ẩn của ẩn sĩ.

Y tình nguyện phục vụ cho ẩn sĩ để sống qua ngày, sau một thời gian ẩn sĩ suy nghĩ: “Bàlamôn này rất siêng năng, phục vụ ta rất chu đáo, ta gầy đên ơn cho y”.

Ẩn sĩ truyền cho Bàlamôn chú thuật bắt rồng, học xong chú thuật này rồi, Bàlamôn suy nghĩ:

- Giờ đây ta có thể sinh sống được rồi, ta hãy trở về kinh thành, nơi đây thanh vắng buồn tẻ, không thích hợp với ta.

Y lấy cớ là sức khoẻ suy nhược, cần về kinh thành để tìm thuốc trị bệnh, y từ giả ẩn sĩ ra đi.

Các long nữ vào sáng sớm đêm trăng rằm, có phận sự lên rước Ngài Bhūridatta về long cung, các long nữ mang theo viên ngọc Maṇi (Như ý) là vật trang điểm của Bhūridatta.

Trời còn sớm nên các long nữ xuống sông tắm, đùa giỡn cùng nhau, để viên ngọc Như ý trên bờ sông.

Bàlamôn vừa đi vừa lẩm nhẩm chú thuật để khỏi quên, nghe tiếng chú thuật bắt rồng, các long nữ ngỡ Điều vương đến nên sợ hãi chạy trốn về Long cung.

Bà lamôn nhặt được viên ngọc Như Ý mang đi, gả đặc ý rằng:

- Chú thuật của ta linh nghiệm rồi, loài rồng đã chạy trốn, bỏ lại viên ngọc quý này.

Và gã tự xưng là Ālambāyana (thầy bắt rắn).

Hai cha con thợ săn Somadatta trở lại nghề cũ, đang đi tìm thú rừng, nhìn thấy Ālambāyana cầm viên ngọc Như ý mà hai cha con không nhận khi trước, nên đến làm thân với Ālambāyana, hỏi rằng:

- Đây anh, viên ngọc quý này anh có từ đâu vậy?

- Đây anh, hồi sáng này tôi nhặt được ngọc trên bãi biển.

- Đây anh Ālambāyana, đây là viên ngọc hạnh phúc. Người nào có đức mới giữa được, kẻ không đức mang vào sẽ gặt lấy tai hại. Anh hành nghề bắt rắn, như vậy không có đức, anh hãy trao cho cha con chúng tôi đi.

- Đây anh, tôi không tin lời anh, viên ngọc này tôi không cho anh, nhưng cũng không bán.

- Vậy anh cần gì để đánh đổi viên ngọc này?

- Ai cho tôi biết chỗ trú ngụ của loài rồng, tôi sẽ biếu viên ngọc này để đền ơn.

- Vậy tôi sẽ chỉ chỗ rồng chúa đang ngụ cho anh, anh hãy cho tôi viên ngọc Như ý đã hứa đấy.

- Đúng như thế.

Con của gã thợ săn bạc ân là Somadatta phản đối việc làm vô ơn của cha rằng:

- Thưa cha, cha không thể làm như thế, vì chúa rồng đối với cha con chúng ta rất hậu hỷ, chỉ vì chúng ta vô phúc nên không thể hưởng được những an lạc mà chúa rồng đã cho chúng ta.

Nay chúng ta lại hành động phản phúc như vậy, chư thiên sẽ phẫn nộ trừng trị chúng ta mà thôi.

Nhưng dù Somadatta nói như thế nào, gã thợ săn vì mê thích viên ngọc Như ý, cương quyết chỉ chỗ Bhūridatta trú ngụ cho Ālambāyana.

Somadatta tuyên bố tách ly với cha cho chư thiên ngụ trong rừng chúng giám rằng:

- Thưa chư thiên trong rừng chúng minh, ta không thể đồng hành với kẻ vô ơn bạc nghĩa, dù đó là cha sinh ra ta. Ta sẽ đi đường khác một mình, không đi cùng người vô nghĩa như thế này.

Rồi Sommadatta theo đường khác ra đi, Somadatta đi sâu vào rừng xuất gia làm ẩn sĩ, tu tập thiền định. Mệnh chung tái sinh về Phạm thiên giới.

Gã thợ rừng vô ân dân Ālamayāna đế tổ kiến của Bhūridatta trú ngụ, chỉ rờng chúa đang nằm khoan tròn trong tổ kiến nói rằng:

- Nay Ālabayāna, hãy bắt rờng chúa này đi, trước khi những rờng tùy tùng đến.

Ngài Bhūridatta mở mắt ra, nhìn thấy gã thợ rừng vô ân, Ngài suy nghĩ:

- Ta đã đối đãi với cha con hãn thật chu đáo, nay hãn dẫn thầy bắt rắn đến bắt ta. Nhưng nếu ta phẫn nộ với hãn thì công hạnh bấy lâu của ta vút xuống nước. Ta có nguyện: “Ai cần xương, da, gân, thịt của ta thì hãy đến lấy”, vậy ta hãy giữ đúng lời nguyện của mình.

Rồi Ngài nằm im lặng, nhắm mắt lại, gã thợ rừng nói rằng:

- Nay Ālabayāna, hãy đưa cho ta ngọc Như ý đi.

Thấy được rờng chúa, Balamôn Ālabāyana vui mừng, nên đưa viên ngọc Maṇi lên tay gã thợ rừng.

Gã thợ rừng loay hoay làm rớt viên ngọc xuống đất, ngọc Maṇi biến mất, trở về cõi rờng, gã thợ rừng cùng một lúc mất ba thứ:

- Mất ngọc quý Maṇi.

- Người con bỏ đi mất.

- Mất người bạn lành là Bhūridatta.

Balamôn Ālabāyana phun thuốc vào người Bhūridatta, dần xương rồi bỏ vào giỏ, mang giỏ rắn đến một ngôi làng nhỏ, truyền rao rằng:

- Ai muốn xem rờng chúa thì ra xem.

Ālabāyana mở giỏ rắn ra, bắt Bhūridatta nhảy múa, làm những điều theo yêu cầu của Ālabāyana như phình bụng to ra, thu nhỏ người lại bằng cách cuộn tròn sát người ... Bhūridatta suy nghĩ: “Ta làm theo lời của hãn, khi có được nhiều tiền chắc hãn sẽ thả ta ra”.

Chẳng những bảo Bhūridatta biểu diễn, hãn còn đánh đập Bhūridatta thật tàn nhẫn, khiến thôn dân xem biểu diễn có người không cầm được nước mắt.

Tuy bị hành hạ rất dã man, nhưng Bhūridatta cố dần tâm, không cho khó chịu, bất bình hay phẫn nộ nổi dậy, tuy mắt mở ra nhưng Ngài không giương to đôi mắt vì Ngài biết rằng: “Khi ta giương to đôi mắt, lửa độc sẽ xẹt ra, trúng vào ai người đó sẽ chết, ta chỉ giương to đôi mắt thì gã balamôn ác độc sẽ chết ngay. Nhưng làm như thế thì giới hạnh của ta sẽ không còn”.

Buổi biểu diễn ấy Ālabāyana thu được 100 ngàn tiền vàng, ban đầu Ālabāyana suy nghĩ: “Khi thu được 1.000 đồng vàng, ta sẽ thả rờng chúa này ra”. Nhưng khi thu được 100 ngàn đồng vàng, Ālabāyana suy nghĩ:

- Chi ở ngôi làng nhỏ mà ta thu được 100 ngàn đồng vàng, nếu biểu diễn nơi kinh thành thì lợi nhuận sẽ như thế nào?.

Hãn mang vật thực như ếch, nhái ... đến cho Ngài rờng chúa ăn, nhưng Bhūridatta không dùng những con vật sống ấy.

Ālabāyana để gia đình ở lại làng, y mang Bhūridatta đến kinh thành Bārāṇasī để biểu diễn.

***Bhūridatta được giải cứu.**

Vào hôm Bhūridatta bị bắt, vương hậu Samuddajā nằm mộng, thấy một người da đen mắt đỏ vung kiếm, chặt đứt bàn tay của bà, máu chảy rờng rờng. Tỉnh dậy bà lấy làm lo sợ rằng:

- Các con của ta đều ở Long cung an toàn, chỉ có Bhūradatta lên cõi người thọ trì giới. Có lẽ có điều nguy hiểm xảy đến cho con ta rồi

Thường mỗi nửa tháng Bhūridatta đến vấn an cha mẹ, nửa tháng sau không thấy con viếng thăm mình, vương hậu sầu thảm.

Vương tử Sudassana an ủi mẹ rồi cùng các em đi tìm Bhūridatta, vương tử Sudassana suy nghĩ:

- Nếu tất cả đi tìm Bhūridatta một hướng thì phí công, ta hãy cho Kānāriṭṭha lên cõi trời tìm, vì Kānāriṭṭha bản tính rất hung hăng, nó sẽ tàn phá những châu quận

hay thành phố khi nó tìm thấy Bhūridatta, Subhaga lên núi Hymaya (Hymālapson). Còn ta đến cõi loài người.

Cô long nữ Acimukkhī thường ngày rất thương mến Bhūridatta, nghe các anh đi tìm Bhūridatta thì xin anh Sudassana cho mình đi theo.

Sudassana hoá thân làm đạo sĩ, Acimukkhī hoá thân thành con nhái trú trong búi tóc đạo sĩ Sudassana, lên nhân giới tìm Bhūridatta.

Bấy giờ, Ālambāyana đến kinh thành Bārāṇasī đang chuẩn bị cho vua Brahmadata cùng đại chúng xem rồng chúa biểu diễn theo lệnh của y.

Đạo sĩ Sudassana cùng Acimukkhī cũng tìm đến kinh thành Bārāṇasī, vì Sudassana thăm hỏi:

- Nơi này có vị thầy bắt rắn nào cho rắn chúa biểu diễn chẳng?

Đến làng đầu tiên mà Ālambāyana cho Bhūridatta biểu diễn, cư dân cho biết:

- Có vị thầy bắt rắn cho rắn chúa biểu diễn.

- Vị thầy đó đang ở đâu?

- Nghe nói, vị thầy bắt rắn mang rắn chúa đến kinh thành Bārāṇasī để biểu diễn.

Sudassana đi đến kinh thành Bārāṇasī và có mặt trong buổi biểu diễn.

Khi Ālambāyana cho rồng chúa Bhūridatta ra biểu diễn, Bhūridatta bò ra khỏi giỏ đưa cao đầu nhìn quanh đám đông.

Rồng chúa trước khi biểu diễn thường nhìn quanh đám đông với hai lý do:

1- Xem có Điều vương Garuda trà trộn trong đám đông chẳng? Nếu có, rồng sợ hãi không dám biểu diễn.

2- Có thân tộc là loài rồng không? Nếu có, sẽ hổ thẹn không biểu diễn.

Bhūridatta thấy anh mình là Sudassana đang đứng trong đám đông, Bhūridatta cố ngăn dòng lệ, bò đến anh, đại chúng thấy rồng chúa bò ra đang tiến đến đạo sĩ, liền tránh giạt ra, Bhūridatta bò đến anh, đặt đầu vào chân anh khóc.

Đạo sĩ Sudassana cũng rơi lệ, rồi Bhūridatta bò trở lại giỏ, nằm khoanh trong giỏ, không ra nữa.

Cho rằng đạo sĩ đã bị rắn chúa cắn phải, Ālambāyana đi đến an ủi rằng:

- Có phải đạo sĩ bị rắn cắn chẳng? Đạo sĩ đừng sợ, vì tôi là thầy bắt rắn đại tài, tôi sẽ bảo rắn hút độc lại ngay.

- Đây gã bắt rắn độc ác kia, rồng chúa của người chẳng làm được gì ta đâu. Ta cũng là thầy bắt rắn giỏi nhất, chẳng có ai sánh bằng ta đâu.

Nghe vậy, Ālambāyana nổi giận, nói với đại chúng rằng:

- Xin đại chúng nghe rõ đây, tại đạo sĩ này gây chuyện, đại chúng đừng khiển trách tôi.

- Đây gã bắt rắn kia, người đừng phân bua làm gì với đại chúng, nếu người cho “mình đại tài”, hãy cùng ta so tài để đại chúng xem xét. Người dùng rồng chúa, ta chỉ dùng con nhái mà thôi.

Số tiền đánh cược sẽ là năm ngàn đồng tiền vàng đấy. Ta là người giàu có, ta chỉ sợ người là kẻ không tiền nên không dám đánh cược thôi.

- Đây đạo sĩ kia, trông dáng hình của ông là kẻ nghèo khổ, ông chỉ khoe khoang, dám thách thức đánh cược năm ngàn đồng vàng. Vậy ai là người hộ độ cho ông? Ông là kẻ xuất gia đi xin ăn, làm gì ông có tiền bạc mà đòi đánh cược, ông hãy mang tiền ra đi.

- Đây Ālambāyana, ta thật sự có hơn số tiền đó nữa. Đừng nói là năm ngàn đồng vàng mà gấp 10 lần ta cũng có.

Đạo sĩ Sudassana đi đến vua Saraga Brahmadata (là vua cậu), đánh lễ rồi thưa với đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, đại vương là bậc cao cả, Đại vương hãy cho tôi ngay năm ngàn đồng vàng đi.

Kính thỉnh đại vương ngự ra xem cuộc thi tài giữa tôi và gã bắt rắn ác độc Ālambāyana.

Nghe vậy, vua Sāgara Brahmadata suy nghĩ: “Đạo sĩ này đến xin tiền ta, chẳng lẽ là thân thích của ta, hay là người được ta hứa ban thưởng? Ta sẽ hiểu rõ điều này sau, thôi ta hãy ra quảng trường chứng kiến việc thi tài có một không hai này”.

Thấy vua Sāgara Brahmadata cùng đạo sĩ ra quảng trường, Ālambāyana suy nghĩ: “Đạo sĩ này thỉnh được Đức vua cùng ngự ra đây, hẳn là thân tộc của Đức vua rồi”. Gã bồng kinh sợ, nói với đạo sĩ Sudassana rằng:

- Tôi không muốn thi tài cùng Ngài, cũng không muốn đánh cược cùng Ngài. Nhưng Ngài đừng khinh thị rồng chúa có nọc độc này, Ngài sẽ bị thất bại đấy.

Đạo sĩ Sudassana tuyên bố giữa đại chúng rằng:

- Nay đại chúng, con rắn ấy không có nọc độc, gã bắt rắn này khoác lác để lừa gạt đại chúng đấy. Nay Ālambāyana, những con rắn khác còn có nọc độc hơn con rắn của người nữa.

Nghe vậy, Ālambāyana tức giận nói rằng:

- Nay ông đạo sĩ, ta sẽ cho rắn chúa mổ ông chết ngay bây giờ đây.

- Nay Ālambāyana, người có tài sản hãy tạo phước ngay đi, con nhái của ta sẽ thổi người thành tro bụi ngay. Nay em Acimukkhī hãy ra đây.

Nghe anh gọi, nàng Acimukkhī nhảy ra nằm trên tay anh, đạo sĩ Sudassana hét lên ba lần: Biên thù tiêu tan. Tiếng hét của đạo sĩ Sudassana kinh động cả cõi Diêm-phù (Jambu) (chỉ Ấn độ cổ)

Vua Sāgara Brahmadata cũng kinh hoàng hỏi rằng:

- Nay đạo sĩ, vì sao biên thù tiêu tan?

- Thưa Đại vương, vì tôi không thấy chỗ nào có thể để cho con nhái này phun nọc độc, khi nó phun nọc độc ra, kinh thành sẽ tiêu tan thành bụi ngay tức khắc, nên phải cho phun độc ở vùng biên địa.

- Vậy cho phun độc xuống đất đi.

- Như vậy sẽ sinh ra loại độc mới càng nguy hại hơn.

- Vậy cho phun vào nước.

- Như vậy sẽ làm hạn hán 7 năm.

- Nay đạo sĩ, hãy làm sao cho cư dân thành phố được an toàn đi.

- Vậy Đại vương hãy cho đào ba hố thật sâu, chôn đầy củi trong đó.

Nhái Acimukkhī phun nọc độc vào hố thứ nhất, lửa bùng lên rồi lan đến hầm thứ hai, rồi thứ ba.

Do ác nghiệp đến thời trở quả, Ālambāyana lại đứng cạnh hầm thứ ba, khi lửa nọc độc bốc cháy hơi độc lan đến y khiến y trúng độc, thân thể trở nên trắng toát.

Kinh hoàng y la lớn: “Ta thả rồng chúa này đây, hãy tha mạng cho ta”.

Nhưng ngọn lửa tràn tới cuốn y rơi xuống hầm.

Từ trong giỏ Bhūridatta bò ra hoá thân thành một vương tử xinh đẹp, với xiêm y lộng lẫy, đi đến đánh lễ đức vua, tường thuật lên đức vua Sāgara Brahmadata về lai lịch của anh em mình.

Vua Sāgara vô cùng hoan hỷ, đưa các cháu mình về cung tiếp đãi trọng hậu. Ở cung nội vài ngày, rồi tất cả từ giả vua Sāgara Brahmadata trở về cõi rồng.

***Bhūridatta bác bỏ Veda (Vệ đà).**

Nói về Subhaga lên Himaya tìm Bhūridatta, thấy gã thợ rừng vô ơn đang lang thang trong rừng, Subhoga suy nghĩ: “Bhūridatta bị tai hại hẳn do gã thợ rừng này”. Nên bắt gã về long cung trị tội.

Bấy giờ Kānāriṭṭha người canh giữ cửa phòng dưỡng bệnh của Bhūridatta, thấy Subhoga lôi kéo gã thợ rừng, Kānāriṭṭha trách anh sao thô bạo với một Bàlamôn. Kānāriṭṭha thuyết cho hội chúng rồng nghe các tế lễ hy sinh và kinh Veda (Vệ đà) của giáo hệ bàlamôn.

Ngài Bhūridatta cho gọi em vào, chấn chỉnh lại tri kiến của Kānāriṭṭha.

Nhận diện tiền thân.

Ālambāyana nay là tôn giả Devadatta, Somadatta nay là Ngài Ānanda, Acimukkhi nay là Thánh nữ Uppalavaṇṇā, Sudassana nay là Ngài Sāriputta, Subhaga nay là Ngài Moggallāna, Kānāriṭṭha nay là Tỳkhuu Sunakkhatta.

Bhuuridatta nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Chuyện Bhūridatta còn được tìm thấy trong Cariyapiṭaka (hạnh Tạng), trong phần trì giới Balamật cao tột (sīlaparamatthapāramī)⁽²⁾. Bốn sự Bhūridatta còn được trường lão Raṭṭhasāra ở Ava phổ thi vào thế kỷ 15⁽³⁾.

23- Bốn sự Sasa (chuyện con thỏ).

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ tại Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên) của trưởng giả Anāthapiṇḍika cúng dường, gần thành Sāvatti (Xávệ).

Một chủ ruộng trong thành Sāvatti cúng dường vật thực đến Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳkhuu liên tục 7 ngày.

Vào ngày thứ 7, Đức Thế Tôn tùy hỷ phước đến gia chủ ấy bằng pháp thoại rằng:

- Nay gia chủ, người đã tạo thiện nghiệp bố thí đúng theo chánh pháp. Vì đây là truyền thống của bậc trí khi xưa, đã bố thí ngay cả sinh mạng của mình cho người nghèo khổ, đói khát.

Theo lời thỉnh cầu của gia chủ, Đức Thế Tôn thuyết lên bốn sự như sau:

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại).

Trong một khu rừng gần chân một núi lớn, phía bên kia là dòng sông, một phía là ngôi làng vùng biên địa, có bốn con vật kết bạn với nhau là: Thỏ, chó rừng và rái cá, chúng rất thông minh. Ban ngày chúng tìm vật thực riêng cho mình, chiều họp lại với nhau.

Thỏ rất thông tuệ, thường giảng đạo lý cho các bạn nghe, khuyên các bạn nên bố thí, sống đạo đức, khi, chó rừng và rái cá thường nghe theo lời thỏ khôn ngoan.

Một hôm, thỏ nhìn các vì sao và trăng trên bầu trời, biết rằng hôm sau là ngày uposatha. Ngày hôm sau, thỏ nói với các bạn rằng:

- Nay các bạn, mai này là ngày trăng tròn, là ngày tốt đẹp, chúng ta hãy thực hành bố thí hạnh, giữ gìn giới hạnh đi. Nếu ai có đến xin, bạn hãy cho chính vật thực mà bạn tìm đúng pháp.

Hôm sau, chúng ra đi rất sớm, rái cá đi đến bờ sông tìm cá. Một người đánh cá đánh bắt được 7 con cá hồng xâu lại rồi vùi xuống đồng cát, con rái cá đánh hơi biết được dưới đồng cát là xâu cá, nó liền kêu lên ba lần:

- Xâu cá này của ai?

Khi không thấy ai trả lời, rái cá moi cát lên mang xâu cá về chỗ ngụ của mình, nằm suy gẫm đến sự tìm vật thực đúng pháp của mình.

Chó rừng cũng đi tìm thực phẩm, nó đến một chòi lá của người nông dân, thấy hai xiên thịt nướng, một con rắn mối chết và một hũ sữa đông. Chó rừng kêu lên ba lần:

- Những vật này của ai?

Không thấy có chủ nhân, chó rừng mang hai xiên thịt, con rắn mối cùng hũ sữa đông về chỗ ngụ của mình, nằm suy gẫm đến vật thực tìm đúng pháp của mình.

Khi tìm được những trái xoài trên một cây xoài, mang về chỗ ngụ của mình.

Riêng thỏ tìm được cỏ non, thỏ suy nghĩ:

(1)- JA. Chuyện Bhūridatta (Chuyện số 543).

(2)- Cyp. ii, 2.

(3)- Sās. p. 99.

-Ta chẳng có trái cây hay cá chi cả, chỉ có cỏ non; nếu có người đến xin ta, ta không thể cho cỏ non đến người ấy. Ta hãy cho người ấy chính thân mạng của ta vậy.

Rồi thỏ phát nguyện rằng: Ai đến xin vật thực nơi ta, ta sẽ cho ngay cả mạng sống này.

Lời nguyện của thỏ làm cho ngại vàng của thiên chủ Sakka (Đế Thích) nóng lên, đưa thiên nhãn quán xét, thiên chủ Sakka biết được hạnh nguyện của bốn con thú. Thiên chủ Sakka hoá thân thành một Balamôn nghèo khổ

Trước tiên Balamôn nghèo khổ đến chỗ ngụ của rái cá. Rái cá hỏi:

- Này ông, ông cần gì mà đứng đấy.

- Này rái cá, hôm qua ta giữ Uposatha nên giờ đói quá, người có gì cho ta ăn không?

- Lành thay, lành thay, tôi sẽ cho ông vật thực của tôi là xâu cá hồng 7 con này.

Và rái cá cho Balamôn xâu cá của mình.

Balamôn lại đi đến chó rừng, chó rừng cũng hoan hỷ cho Balamôn hai xiên thịt nướng, con rắn mỗi cùng hũ sữa đông.

Balamôn lại đi đến con khỉ, khỉ cũng cho Balamôn tất cả những trái xoài của mình có được.

Rồi Balamôn lại đi đến thỏ, thỏ hỏi rằng:

- Này ông, ông cần gì mà đứng đó?

Balamôn trả lời như trên, thỏ đáp rằng:

- Lành thay, lành thay, tôi sẽ cho ông món vật thực mà chưa ai dám cho. Nhưng ông sẽ không phạm giới đâu, ông hãy nhóm lửa lên đi.

Nghe vậy, vua trời Sakka dùng thần lực tạo ra một đồng lửa lớn, rồi nói rằng:

- Này thỏ, ta đã nhóm lên đồng lửa lớn rồi.

Thỏ từ chỗ nằm của mình đứng dậy. đi đến đồng lửa đang cháy đỏ, nó rung mình ba lần cho những con vật nhỏ đang bám trong thân nhảy ra, rồi thỏ nhảy thẳng vào đồng lửa, nhưng lửa mát lạnh và tắt ngay khi thân thỏ rơi vào.

Ngạc nhiên, thỏ hỏi:

- Này Balamôn, đồng lửa của ông sao chẳng nóng chút nào cả.

- Này hiền giả, ta chẳng phải là Balamôn, ta là vua trời Sakka đến đây để thử lời phát nguyện của các người.

Sau đó, vua trời Sakka ép một trái núi, lấy nước vẽ hình con thỏ lên mặt trăng. Và đây là một trong bốn điều bất di dịch trọn kiếp trái đất, bốn điều đó là:

1- Hình con thỏ trên mặt trăng.

2- Địa điểm con chim cú là tiền thân của Bồ tát phát nguyện chân ngôn, lửa không bao giờ xâm phạm đến.

3- Những cọng lau rộng ruột do Bồ tát phát nguyện chân ngôn.

4- Địa điểm là ngôi nhà của Ngài Ghatikāra, mưa không hề rơi xuống.

Nhận diện tiên thân.

Rái cá nay là Ngài Ānanda, chó rừng nay là Ngài Moggallāna, khỉ nay là Ngài Sāriputta. Thỏ nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Trong Cariyāpitaka⁽²⁾ có đề cập đến chuyện này, xem như hạnh bố thí tròn đủ của Bồ tát (dānaparamatthapāramī).

24- Bốn sự Mahājanaka (chuyện Đại vương Mahājanaka).

Duyên sự.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ tại Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên).

Nơi Giảng pháp đường của Đại tự, các vị Tỷ khưu đàm luận về sự xuất gia cao thượng của Ngài.

(1)- JA. Sasa (chuyện con thỏ) (chuyện số 316).

(2)- Cyp. i, 10.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường đường, ngồi vào chỗ được soạn sẵn, nhân đó Ngài thuyết lên bốn sự này.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi vua Mahājanaka trị vì kinh thành Mithilā của quốc độ Videha.

Vua Mahājanaka có hai vương tử là Ariṭṭhajanaka và Polajanaka.

Vương tử Ariṭṭhajanaka kế nghiệp cha, còn vương tử Polajanaka là vị đại tướng quân. Vua Ariṭṭhajanaka bị người dèm xiểm nhiều lần rằng: “Đại tướng quân Polajanaka có ý mưu phản”, nên nghi ngờ em mình, cho người bắt Polajanaka giam trong ngục không xa hoàng cung, Polajanaka phát nguyện chân ngôn rằng: “Nếu ta có ý mưu phản đức vua thì cho xiềng xích này không ai mở được, còn nếu ta không có ý đó thì xiềng xích này tự động tháo mở”.

Lập tức xiềng xích đứt ra từng khúc, Polajanaka trốn thoát đi đến một làng biên địa sinh sống.

Thôn dân nhận ra: “Đây là vị đại tướng quân của ta”, nên đến phục vụ vương tử Polajanaka, vì thế vua Ariṭṭha không thể bắt được Polajanaka.

Dần dà thế lực của Polajanaka lớn mạnh, Polajanaka suy nghĩ:

- Trước đây ta không phải là kẻ thù của anh ta, nhưng anh ta nghe lời những kẻ phản thần có ý muốn giết ta. Giờ đây binh lực của ta hùng hậu, ta sẽ trở về kinh thành Mithilā, chiếm lại vương quốc của cha ta.

Khi vua Ariṭṭha sắp ra chiến trận, Ngài từ giả Hoàng hậu đang có mang rằng:

- Nay Hoàng hậu, không ai biết trước được sự thắng bại trong cuộc chiến. Nếu ta có mệnh hệ nào, nàng hãy bảo vệ đứa con trong thai bào cho tốt đẹp.

Và vua Ariṭṭhajanaka tử trận ngay giữa chiến trường khốc liệt. Tin Đức vua tử trận loan đến kinh thành Mithilā, lập tức sự hỗn loạn sinh khởi khắp hoàng cung, Hoàng hậu cải trang mang theo nhiều vật quý trốn ra khỏi kinh thành theo hướng Bắc, nhưng nàng chưa từng ra khỏi Hoàng cung nên không biết đường đi, nàng ngồi bên vệ đường để chờ người chỉ nàng đường đến Kālacampā của vương quốc Aṅga.

Ngai vàng của thiên chủ Sakka (Đế Thích) chợt nóng lên, đưa thiên nhân xem xét, biết rõ sự tình. Thiên chủ Sakka hoá thân thành người đánh xe, đưa Hoàng hậu đến Kālacampā cách xa kinh thành Mithilā 60 do tuần.

Nơi đây nàng gặp một Bàlamôn Udicca, là một danh sư có đông môn đệ.

Nhân biết nàng là Hoàng hậu của vua Ariṭṭhajanaka, Bàlamôn Udicca nhận bà là em gái út thất lạc từ xưa, chăm sóc bà thật chu đáo trong tư dinh của ông.

Không lâu sau, nàng sinh ra một hài tử, đặt tên theo họ tổ phụ là Mahājanaka.

Khi lớn lên, cậu bé thường chơi đùa với các bạn đồng trang lứa, bị các bạn gọi là: “Đứa trẻ không cha”. Cậu bé hỏi cha mình là ai, Hoàng hậu không dám tiết lộ lai lịch của Mahājanaka vì e ngại nguy hiểm đến Mahājanaka.

Mahājanaka nhân khi bú sữa mẹ, nói rằng:

- Mẹ hãy cho con biết cha của con là ai. Nếu không con sẽ cắn đứt vú của mẹ.

Hoàng hậu đành nói thật lai lịch của Mahājanaka, từ đó cậu bé không còn tức giận khi bị gọi là “đứa trẻ không cha” nữa.

Khi được 15 tuổi Mahājanaka đã thông thạo ba Tạng Veda (Vệ đà) cùng nhiều môn nghệ thuật khác. Khi được 16 tuổi, Mahājanaka rất khôi ngô xinh đẹp, cậu suy nghĩ: “Ta hãy chiếm lại vương quốc của cha ta”.

Cậu nói với mẹ rằng:

- Thừa mẹ, con muốn chiếm lại vương quốc của cha con. Nhưng phải có tiền mới chiêu mộ dũng sĩ được, mẹ có tiền cho con không?

- Nay con, trước khi rời kinh thành Mithilā, mẹ có mang theo rất nhiều ngọc quý, đủ sức cho con chiêu mộ dũng sĩ để chiếm lại vương quốc của cha con.

Bà đưa số tài sản mang theo cho Mahājanaka, nhưng Mahājanaka nói:

- Mẹ hãy cho con một nửa thôi, con sẽ đi buôn ở xứ Suvaṇṇabhūmi (Kim địa), con sẽ dùng tiền lời ấy để chiêu mộ quân lính.

Nhưng ngay chuyến buôn đầu tiên, thương thuyền ra khơi được 7 ngày thì bão lớn nổi lên, đánh nhận thương thuyền chìm xuống đại dương.

Các thủy thủ kinh hoàng, riêng Mahājanaka bình tĩnh dùng các vật thực để lấy sức, leo lên cột buồm cao nhất, nhảy thật xa nơi thương thuyền bị đắm, cũng đúng vào lúc ấy vua Polajanaka mệnh chung.

Mahājanaka bơi ròng rả trên biển 7 ngày, nhìn thấy trăng tròn Mahājanaka biết là ngày Uposatha, dùng nước biển súc miệng rồi nguyện thọ trì giới Uposatha.

Có nữ thần biển là Manimekhālā (Ngọc đởi) được Tứ đại vương giao nhiệm vụ cứu giúp những người hiếu hạnh, những thiện nhân bị đắm thuyền, 7 ngày qua nàng không nhìn ra biển, có thuyết nói là: “Nàng đang dự đại hội chư thiên”, thuyết khác nói: “Nàng đang hưởng thụ dục lạc, nên xao lãng bốn phận”.

Vào ngày thứ 7, nữ thần biển Manimekhālā nhìn ra biển thấy Mahājanaka đang bơi trên biển cả, nữ thần biển xuất hiện trước Mahājanaka giữa hư không, hỏi rằng:

- Này thanh niên, vì sao ngươi bị đắm thuyền vậy.

Mahājanaka suy nghĩ: “Có lẽ đây là nữ thần biển, bà xuất hiện để cứu ta”.

- Thừa nữ thần, vì con muốn khôi phục lại vương nghiệp của cha con là quốc độ Videha, chiếm lại kinh thành Mithilā nên con đi buôn để lấy lời. Dùng tiền này chiêu mộ quân để khôi phục vương nghiệp, nhưng bão lớn nổi lên đánh chìm thương thuyền. Xin mẹ hãy cứu con.

Nghe vậy, nữ thần biển rất cảm động, nói rằng:

- Con hãy an tâm, ta sẽ giúp con đến kinh thành Mithilā.

Nữ thần biển bồng Mahājanaka như ẵm bồng đứa con của mình, vừa xúc chạm đến thiên xúc, Mahājanaka ngủ thiếp ngay. Nữ thần biển đưa Mahājanaka đến vườn Ngự Uyển của hoàng gia trong kinh thành Mithilā, đặt Mahājanaka trên tấm đá bằng phẳng.

Vua Polajanaka không có con trai, chỉ có một công nương là Sivalīdevī. Công nương Sivalī là người thông minh tài trí, nên vua Polajanaka rất thương yêu.

Trước khi vua Polajanaka mệnh chung, triều thần có hỏi rằng:

- Thừa Đại vương, ngai vàng này sẽ trao lại cho ai?

- Này các Đại thần, ngôi vua này sẽ trao lại cho người nào làm hài lòng công nương Sivalī, hoặc người nào biết được đầu của ngự sàng, hoặc người nào giương nổi cây cung bằng sức của một ngàn người khiêng, hoặc người nào tìm được 16 kho báu.

- Thừa đại vương, hãy cho chúng tôi biết mật ngữ chỗ có 16 kho tàng.

- Này các đại thần, đó là:

1- Nơi mặt trời mọc.

2- Nơi mặt trời lặn.

3- Ở bên trong.

4- Ở bên ngoài.

5- Không ở trong cũng không ở ngoài.

6- Nơi bước lên.

7- Nơi bước xuống.

8- Ở bốn trụ cột bằng gỗ Sālā (có bốn kho tàng).

9- Ở vòng dây cương yojana.

10- Ở đầu răng.

11- Ở mút đuôi.

12- Ở trong nước Kebula.

13- Ở ngọn cây.

Khi hoá táng thi hài của vua Polajanaka hoàn tất, triều thần hội nhau tìm người làm hài lòng công nương Sivalī, họ đề cử vị đại tướng được vua Polajanaka tin dụng nhất.

Viên đại tướng đi vào hoàng cung, xin được gặp công nương Sivalī.

Công nương hiểu ngay ý định của viên đại tướng, nên nói:

- Hãy gọi đại tướng vào.

Ước mong làm hài lòng cô công nương xinh đẹp và tài trí nên viên đại tướng liền đi vào nội cung đứng cạnh nàng Sivalī, nàng Sivalī bảo:

- Người hãy chạy ra ngoài sân nhanh lên.

Viên đại tướng liền chạy nhanh ra sân.

- Người hãy xoa bóp chân ta.

Viên đại tướng ngồi xuống xoa bóp chân Sivalī cho nàng hài lòng, nhưng Sivalī co chân đạp viên đại tướng ngã bổ nhào, bảo các cung nữ:

- Hãy tống cổ tên ngu ngốc này ra khỏi nội cung.

Lần lượt các quan giữ kho, quan giữ lọng, quan giữ kiếm ... tất cả đều bị nàng dùng mưu trí hạ nhục như thế cả.

Không tìm được người làm hài lòng công nương Sivalī. Không ai biết được nơi nào là đầu ngựa sừng, triều thần tìm người giương nổi cây cung ngàn người khiêng cũng không có, không ai hiểu được mật ngữ nơi chôn dấu 16 kho tàng.

Triều thần hội nhau lại bàn rằng:

- Nước không thể vắng đức vua cai trị, bây giờ chúng ta phải làm sao?

Vị Tế sư nói rằng:

- Giờ đây chúng ta hãy nhờ đến chư thiên chọn giúp, hãy cho trang hoàng thành phố cùng vương xa cho xinh đẹp.

Vương xa được kéo đi bởi bốn con ngựa Sindhu màu đỏ tía, khi vương xa dừng trước người nào thì đó là người chư thiên chọn.

Và giải pháp này được thực hiện. Kinh thành Mithilā được trang hoàng lộng lẫy, vị tế sư làm lễ tế chư thiên rồi cho vương xa thông dong chạy đi, trên xe không có người ngồi hay người đánh xe chi cả.

Bốn con ngựa Sidhu màu đỏ tía kéo vương xa chạy thông dong trên đường phố, dẫn dẫn nó tăng cước lực, theo sau vương xa là triều thần.

Vương xa chạy quanh thành Mithilā ba vòng, rồi lao nhanh đến vườn Ngự Uyển, dừng trước tảng đá nơi Mahājanaka đang nằm ngủ, như chờ đợi chủ nhân bước lên xe.

Triều thần cùng nhau đi đến vườn Ngự Uyển nhìn thấy vương xa dừng lại nơi tảng đá, trên tảng đá một thanh niên tướng mạo khôi ngô đang nằm ngủ, họ bàn luận với nhau rằng:

- Người nằm trên tảng đá có tướng mạo đoan trang, nhưng không biết có tài trí để nhận lãnh vương quốc này chăng? Nếu là bậc đại nhân, dù nghe tiếng đông như ngựa hí, voi rống ... cũng không hốt hoảng vội ngồi dậy, trái lại thường nhân thì giật mình ngồi chối dậy nhìn bên này, nhìn bên kia rồi bỏ chạy đi. Chúng ta hãy đánh trống, thổi kèn để đánh thức thanh niên xem sao?

Nghe tiếng trống tiếng kèn, Mahājanaka thức giấc mở mắt nhìn thấy vương xa, nghĩ rằng: “Ngai vàng đã đến với ta rồi”, nhưng không vội ngồi dậy lại xoay người vào trong ngủ tiếp. Vị Tế sư quan sát chân của Mahājanaka, nói rằng:

- Đây là bàn chân của bậc đại nhân.

Triều thần quý xuống đánh lễ Mahājanaka, Mahājanaka ngồi dậy hỏi rằng:

- Nay các người, các người đang làm gì vậy?

- Chúng tôi đến đây để rước Ngài về hoàng cung, chúng tôi tôn Ngài là vị Đại vương của chúng tôi. Đây là vương xa, xin thỉnh Ngài hãy ngự lên.

- Thế còn vua của các người đâu rồi?

- Đại vương của chúng tôi đã mệnh chung cách nay đã 7 ngày rồi.

- Các người không có Phó vương sao?

- Đại vương của chúng tôi chỉ có một công nương Sivalī.

- Đại vương của các người di chiếu ra sao?

Triều thần thuật lại những lời di chiếu cùng các việc đã xảy ra đến Mahājanaka, nghe xong Mahājanaka nói:

- Thôi được, ta sẽ nhận ngai vàng.

Rồi Mahājanaka ngồi lên, xếp bằng trên tảng đá, triều thần mang vương phục cùng các biểu tượng của một vị vua đến. Ngay tại nơi ấy, họ làm lễ tôn vương cho Mahājanaka.

Mahājanaka bước lên vương xa với vẻ uy nghi của vị đế vương, cùng các đại thần trở về Hoàng cung.

Vua Mahājanaka nói rằng:

- Trước đây các đại thần ở phẩm vị nào, cứ như thế không có gì thay đổi cả.

Tin các đại thần tìm được tân vương nhanh chóng lan truyền đến nội cung, công nương muốn thử tài trí của Tân vương, nên sai một thị vệ đến báo rằng:

- Thưa Đại vương, công nương Sīvalī muốn gặp Đại vương.

Nhưng Ngài Mahājanaka giả như không nghe, không chú ý đến tên thị vệ, Ngài ung dung bàn luận với các đại thần rằng:

- Nên sửa sang lại nơi này, nơi này ...

Không biết phải làm sao, thị vệ trở về báo lại cho công nương Sīvalī, nàng suy nghĩ: “Đây quả thật là bậc tài trí, vì không say mê sắc đẹp cũng không run sợ trước quyền lực”.

Nàng gọi thị vệ thứ hai, rồi thị vệ thứ ba với lời thỉnh rằng:

- Thưa Đại vương, công nương Sīvalī thỉnh Ngài ngự đến nội cung của nàng.

Khi ấy, đức vua Mahājanaka mới bằng lòng đến nội cung của công nương Sīvalī. Như sư tử vương thông dong đi vào hang động của mình với dáng uy nghi đường bệ, Ngài cùng các đại thần ngự đến nội cung của công nương Sīvalī.

Công nương Sīvalī không thể ngồi yên trước phong cách uy mãnh của vua Mahājanaka, nàng đứng lên tiếp rước Đức vua, đưa tay ra cho Ngài vịn để bước lên, ngồi vào vương ngai được che bên trên là cây lọng trắng 9 tầng.

Vua Mahājanaka hỏi rằng:

- Này các Đại thần, tiên vương di chiếu như thế nào?

- Thưa Đại vương, vương quốc được trao cho người nào làm hài lòng công nương Sīvalī.

- Này các đại thần, có phải Sīvalī đưa tay ra cho ta vịn để bước lên vương ngai không?

- Vâng, thưa đại vương.

- Như vậy có phải nàng hài lòng làm việc này không?

- Vâng thưa đại vương.

- Này các đại thần, việc thứ hai là gì?

- Vương quốc này được trao lại cho người tìm được đầu vương sàng hình vuông này.

- Điều này khó thật.

Vua Mahājanaka rút cây kim vàng cài trên đầu ra, trao cho nàng Sīvalī, nói rằng: “Nàng hãy đặt vật này vào đúng chỗ của nó đi”.

Nàng Sīvalī nhận cây kim vàng đặt trên vương sàng, vua Mahājanaka nói:

- Này các đại thần, nơi cây kim vàng đặt chính là đầu vương sàng. Thông thường trước khi nằm vào vương sàng, những vật trang điểm trên đầu được tháo ra và đặt trên bệ ở đầu sàng.

Này các đại thần, tiên vương còn di chiếu điều gì nữa?

- Thưa đại vương, vương quốc được trao cho người giương nổi cây cung có sức nặng một ngàn người khiêng.

- Vậy hãy mang cây cung ấy đến đây.

Và Ngài giương cây cung ấy dễ dàng khi ngồi trên vương sàng.

- Này các đại thần, còn điều gì nữa.

- Thưa đại vương, là tìm được 16 kho tàng được chôn dấu.

Các đại thần nói lên các mật ngữ chỉ chỗ chôn dấu kho tàng, trong khi các đại thần nói lên các mật ngữ, vua Mahājanaka suy gẫm thấy hiện lộ rõ những bí ẩn như thể vầng trăng hiển lộ giữa bầu trời, Ngài nói rằng:

- Hôm nay đã trễ rồi, mai ta sẽ đi lấy 16 kho tàng.

Hôm sau, vua Mahājanaka cho họp các đại thần đến, hỏi rằng:

- Trước đây, tiên vương có thường cúng dường đến vị Samôn nào chẳng?

- Thừa đại vương, có.

(Đó là những vị Phật Độc giác mà vua Polajanaka thường cúng dường vật thực)

- Hãy đưa ta đến đó.

Khi đến nơi vua Polajanaka thường cúng dường vật thực đến các vị Phật Độc giác, nơi các vị Phật Độc giác đứng, vua Mahājanaka cho đào lên, tìm được một hủ châu báu.

Vì vua Mahājanaka suy nghĩ: “Các vị Samôn mà vua Polajanaka thường cung kính cúng dường, đó là ý nghĩa “*nơi mặt trời mọc*”, vì hình tướng của các Ngài như ánh sáng mặt trời”.

- Nơi nào tiên vương đứng để tiễn các vị samôn ra về?

- Thừa Đại vương, là nơi này.

- Hãy đào nơi đó lên.

Và họ tìm được hủ châu báu thứ hai, đây là ý nghĩa “*nơi mặt trời lặn*” (tức là các vị samôn ra về).

Lần lượt vua Mahājanaka tìm đủ các kho báu còn lại như sau:

3- *Ở bên trong*. Ngài cho đào bên trong cửa lớn đi vào nội cung của vua Polajanaka.

4- *Ở bên ngoài*. Ngài cho đào bên ngoài cửa lớn đi vào nội cung của vua Polajanaka.

5- *Không ở trong cũng không ở ngoài*. Ngài cho đào dưới thềm cửa lớn.

6- *Ở nơi bước lên*. Ngài cho đào nơi đặt chân cầu thang để vua bước lên vương tượng.

7- *Ở nơi bước xuống*. Ngài cho đào nơi vua Polajanaka bước xuống từ vương tượng.

8- *Ở bốn trụ gỗ Salā*. Nơi vương sàng có bốn khúc gỗ Salā làm chân chống đỡ, Ngài cho đào bốn nơi ấy.

9- *Vòng dây cương yojana*. Thuở ấy yojana chỉ cho vòng dây cương ngựa. Ngài lấy vòng dây cương ngựa do phía đầu vương sàng, rồi đào nơi ấy.

10- *Ở đầu răng*. Ở hoàng cung có hình con vương tượng đang đứng, Ngài cho đào ở trước hai ngà voi.

11- *Ở mút đuôi*. Nơi hình con vương mã đứng, phía sau đuôi Ngài cho đào lên.

12- *Trong nước Kebula*. Bấy giờ nước trong hồ sen của Hoàng cung gọi là Kebula, Ngài cho tát cạn hồ sen, đào dưới hồ sen.

13- *Ở ngọn cây*. Trong vườn Ngự Uyển có một tàn cây cổ thụ rất lớn che mát cho khu vườn, Ngài cho đào trong khoảng tàn cây đó.

Khi thu hồi 16 hủ châu báu, vua Mahājanaka mang tất cả ra bố thí cho chúng dân thành Mithilā, lập nàng Sivali làm Hoàng hậu.

Cho người rước mẹ cùng Balamôn Udicca ở Kālacampā về kinh thành Mithilā.

Vua Mahājanaka trị nước theo 10 vương pháp. Về sau Hoàng hậu Sivali sinh được một thái tử là Dīghāyukumāra (Trường thọ), vua Mahājanaka lập Thái tử Dīghāyu là Phó vương.

Thuở ấy tuổi thọ con người là 10 ngàn năm, khi vua Mahājanaka được 7 ngàn tuổi, một hôm Ngài cùng các triều thần đến du ngoạn nơi vườn Ngự Uyển.

Đi du ngoạn đến nơi có xoài chín, khi ấy một cây có trái chín, một cây không có trái, vua Mahājanaka bảo quan giữ vườn hái xoài chín cho Ngài dùng, trước đây vua Mahājanaka chưa dùng xoài thì không ai dám dùng xoài trước Ngài.

Khi thấy Ngài đã dùng xoài rồi, thì Phó vương, các đại thần ... tranh nhau hái xoài để dùng.

Sau khi du ngoạn trong vườn ngự uyển, vào buổi chiều vua Mahājanaka trở về Hoàng cung, đi ngang cây xoài có trái ban sáng giờ đây bị xác xơ, trái lại cây xoài không trái thì vẫn sum suê xanh tốt, vua Mahājanaka hỏi:

- Nay các đại thần, vì sao cây xoài này ban sáng xanh tươi giờ lại xác xơ, trong khi cây xoài kia vẫn tươi tốt?

- Thưa Đại vương, đây là cây xoài có trái. Khi đại vương chưa dùng xoài thì không ai dám dùng trước đại vương, khi Ngài dùng xoài rồi, tiếp theo là Phó vương, các vị Đại thần cũng cho hái xoài để dùng, nên giờ này nó xác xơ. Còn cây xoài kia vì không có trái nên không ai đụng đến, do vậy nó vẫn xanh tốt như ban sáng.

Nghe vậy, vua Mahājanaka cảm thán rằng:

- Ta được ngôi vua chẳng khác chi cây xoài có trái kia, nhiều người sẽ giành lấy ngôi vua này khi có cơ hội. Nếu ta muốn tránh khỏi tai hại, nên xuất gia làm ẩn sĩ sống một mình như cây xoài không trái kia.

Khi về đến Hoàng cung, vua Mahājanaka cho triệu tập các đại thần đến nói rằng: “Ta muốn tịnh cư nơi thanh vắng, các đại thần hãy cùng nhau đảm nhận quốc sự. Kể từ nay chỉ có người mang vật thực cùng những vật phục vụ được gặp ta mà thôi”.

Vua Mahājanaka lui vào một biệt điện để tịnh cư cả bốn tháng, thời gian ấy vua Mahājanaka nhớ lại hình ảnh những vị Samôn (là những vị Phật Độc giác) mà mình thường cúng dường trước đây, nếp sống thong dong an bình của các Ngài đã hấp dẫn tâm vua Mahājanaka.

Một hôm vua Mahājanaka bảo người hầu bí mật sắm cho mình y, bát của bậc xuất gia. Trong đêm ấy, Ngài cạo bỏ râu tóc, cởi bỏ vương phục đắp lên mình y vàng của bậc xuất gia, tâm Ngài vô cùng hoan hỷ lên rằng:

Aho sukham paramam sukham:

“Ôi ! Thật an lạc, an lạc tốt cùng”.

Trong đêm Ngài đi kinh hành quanh biệt điện của mình, đến sáng sớm Ngài ra khỏi biệt điện, rồi thẳng đường ra khỏi hoàng cung.

Hoàng hậu Sivalī nhớ thương đức vua, bà dạy 700 cung phi được vua sủng ái trước đây:

- Các nàng hãy trang điểm thật xinh đẹp, rồi cùng ta đến viếng thăm đức vua.

Khi các nàng đến biệt điện, thấy từ trên lầu một vị Samôn đang đi xuống, các nàng ngỡ là vị Samôn mà đức vua thường cúng dường,

Khi đi vào biệt điện nhìn thấy vương bào cùng tóc vua bỏ trên vương sàng, các nàng chợt hiểu ra: “Vị Samôn mà chúng ta thấy khi này là đức vua, Ngài đã đi xuất gia rồi”.

Hoàng hậu Sivalī cùng 700 cung phi than khóc cùng nhau chạy tìm đức vua. Triều thần khi nghe tin đức vua xuất gia, đều bâng hoàng cùng nhau theo Hoàng hậu Sivalī, thỉnh cầu vua Mahājanaka trở lại kinh thành để trị vì.

Rồi chúng dân hay tin đức vua bỏ hoàng cung đi xuất gia, họ chạy theo van xin đức vua quay về hoàng cung, nhưng vua Mahājanaka cương quyết ra đi xuất gia.

Hoàng hậu Sivalī bày mưu kế, cho người mang củ khô đến đốt giả như hoàng cung bị lửa cháy, van xin đức vua quay trở lại, nhưng Ngài vẫn đứng vững.

Hoàng hậu Sivalī cho người giả giặc cướp tấn công kinh thành Mithilā, thỉnh vua trở lại kinh thành dẹp giặc cướp. Vua Mahājanaka suy nghĩ:

- Từ lâu kinh thành luôn an ổn, vì sao nay lại có giặc cướp? Đây là mưu kế của Hoàng hậu Sivalī.

Đức vua vẫn tự tại chẳng quan tâm đến cứ thẳng đường tiến bước. Chúng dân, triều đình cùng đoàn cung phi và Hoàng hậu Sivalī cứ theo sau vua Mahājanaka.

Ra khỏi kinh thành Mithilā khoảng nửa dotuần, vua Mahājanaka suy nghĩ:

- Những người này cứ theo sau ta, làm sao ta có thể sống độc cư để tu tập được.

Ngài hỏi đại chúng rằng:

- Đất này là của ai?

- Thừa, của đại vương.

Vị Samôn lấy cây vạch một đường ngang, nói rằng:

- Đây là ranh giới, người nào vượt qua đường ranh này sẽ bị trị tội.

Rồi Ngài hướng về rừng Hymã cất bước, không một ai dám vượt qua ranh giới, ngay cả Hoàng hậu Sivali

Quá sâu khổ, Hoàng hậu Sivali ngắt xiêu ngã xuống vượt qua ranh giới, chúng dân kêu lớn rằng:

- Ranh giới đã bị phá vỡ rồi.

Đại chúng vượt ranh giới tiếp tục đi theo sau vua đến 60 do tuần.

Bấy giờ trong núi Hymālapson có một ẩn sĩ tên là Nārada, ẩn sĩ vừa xuất khỏi thiền tịnh, đã hân hoan thốt lên: “Ô! Thật an lạc. Ôi! Thật an lạc”.

Ẩn sĩ suy nghĩ: “Trong thế gian có ai đi tìm an lạc thiền tịnh chẳng?” đưa thiên nhãn xem xét, ẩn sĩ Nārada thấy vua Mahājanaka đang thực hiện cuộc xuất gia vĩ đại, nhưng triều thần cùng Hoàng hậu Sivali đang theo sau gây chướng ngại cho vua Mahājanaka, ẩn sĩ suy nghĩ: “Ta hãy tiếp trợ cho vị vua hiền đức này”.

Ẩn sĩ Nārada theo đường hư không đến đứng trước Samôn Mahājanaka, hỏi:

253-Kimheso mahato ghoso; kā nu gāmeva kīḷiyā.

Samaṇa teva pucchāma; kattheso abhisato jano’ti.

“Vì sao tiếng huyên náo từ xa; như lễ hội trong làng.

Vậy ta hỏi vị samôn; về đại chúng huyên náo này”.

Vua Mahājanaka đáp rằng:

Mamaṃ ohāya gacchantam, ettheso abhisato jano.

Simātikkanamaṃ yantaṃ, munimonassa pattiyā;

Missam nandīhi gacchantam, kim jānamanupucchasi’ti.

“Ta bỏ đi đến đây; đại chúng theo ta đến nơi này.

Ta đã vượt qua ranh giới; để trở thành ẩn sĩ yên tịnh.

Đạt đến sự an lạc; Ngài đã biết sao hỏi ta?”.

Ẩn sĩ Nārada giáo giới vua Mahājanaka rằng:

- Nay Samôn, người chớ nghĩ rằng “đã vượt qua ranh giới”, chẳng phải đáp y cạo sạch tóc là “vượt qua ranh giới”, bên trong vẫn còn phiền não, phiền não là con đường nhân thiên.

- Thừa Ngài, tôi đã lìa bỏ ngai vàng, quốc độ, không mong mỏi được năm dục lạc cõi người, cõi trời, thì có gì nguy hiểm đến tôi đâu.

- Nay Samôn, điều nguy hiểm đang tiềm ẩn trong thân người, sẵn sàng cảm dỗ người khi có dịp. Đó là:

1- Ưa ngủ nghỉ là điều nguy hiểm.

2- Lười nhác là điều nguy hiểm.

3- Mơ tưởng đến năm dục là điều nguy hiểm.

4- Thích hưởng thụ năm dục là điều nguy hiểm.

5- Ham ăn là điều nguy hiểm.

Này Samôn, chớ nên khinh thường, người đừng nghĩ có được phẩm mao xuất gia, là vượt ra khỏi phiền não.

- Lành thay, lành thay. Thừa Ngài ẩn sĩ, xin cảm tạ Ngài đã đến đây nhắc nhở tôi. Xin được hỏi tôn hiệu của Ngài.

- Nay Samôn, ta là Nārada.

Rồi ẩn sĩ Nārada theo đường hư không trở lại nơi cư ngụ của mình.

Một ẩn sĩ khác là Migājina vừa xuất khỏi thiền tịnh, cũng đi đến trước vị Samôn Mahājanaka khích lệ, sách tấn Ngài.

Hoàng hậu Sivali, triều thần cùng đại chúng vẫn tiếp tục theo sau vua Mahājanaka đến thành Thūṇā, tại đây Samôn Mahājanaka thấy miếng thịt nướng

của con chó tha trộm bỏ rơi, Ngài nhặt lấy miếng thịt ấy để ăn vì cho rằng: “Không có của bố thí nào tốt hơn miếng vật thực này”.

Hoàng hậu Sīvalī kinh tởm rằng:

- Ôi! Đức vua dùng miếng thịt nướng ghê tởm này, Ngài thật sự không còn nghĩ mình là vị vua nữa rồi.

Đến cổng thành, Ngài thấy cô bé đang sàng lúa, một tay cô đeo hai chiếc vòng nó chạm vào nhau kêu lên leng keng, tay kia có một chiếc vòng nên yên lặng.

Ngài suy nghĩ: “Hoàng hậu Sīvalī cứ theo ta mãi như thế này thì không ổn, nữ nhân là chướng ngại của bậc xuất gia, người đời sẽ dèm siểm “hai người này không thể xa rời nhau được”. Ngài hỏi cô bé rằng:

- Đây con, vì sao một tay có tiếng kêu leng keng, tay kia thì không?

- Thưa Ngài, vì có hai vòng nên nó chạm nhau, ví như hai người thì có lời qua tiếng lại dẫn đến tranh cãi. Tay kia chỉ có một vòng nên nó yên lặng, Ngài là bậc xuất gia vì sao có nữ nhân theo cùng, cho dù là em ruột cũng không nên đi cùng; bậc xuất gia phải sống đơn độc một mình.

Nghe vậy, Ngài Mahājanaka vô cùng hoan hỷ, nói với Hoàng hậu Sīvalī rằng:

- Đây Hoàng hậu Sīvalī, nàng có nghe lời cô bé này nói chẳng? Ta đã bị cô bé nhỏ này chê trách, vậy nàng hãy trở về Hoàng cung đi, đừng nên theo ta nữa.

Nghe Ngài nói như thế, Hoàng hậu Sīvalī rất đau khổ, nàng xin đức vua đi về hướng phải còn bà đi về hướng trái, nhưng chỉ một khoảng ngắn bà không chịu đựng nổi, trở lại đi theo phía sau Ngài.

Vào thành Thūṇa Ngài đi đến một cửa hàng của người thợ chuốt tên, nhìn thấy người thợ chuốt tên nheo một mắt để ngắm mũi tên, Ngài hỏi rằng:

- Đây người thợ chuốt tên, vì sao người nhắm mũi tên chỉ một mắt?

- Thưa Ngài samôn, nhìn mũi tên với hai mắt, hai mắt tranh nhau ngó mũi tên, nên không thể thấy mũi tên cong vẹo được. Ngài là bậc xuất gia, nên sống một mình mới có kết quả, Ngài dẫn vợ trang điểm xinh đẹp theo sau, thì tu tập làm sao có kết quả được.

Nghe vậy, Ngài nói với Hoàng hậu Sīvalī rằng:

- Nàng có nghe người thợ chuốt tên này nói chẳng, y là thù hạ của ta mà còn chê trách ta như vậy. Vậy nàng hãy trở lại kinh thành Mithilā đi.

Nhưng Hoàng hậu không thể xa lìa vua Mahājanaka được, vẫn cứ lèo đèo theo phía sau. Đến chân núi Hymālapson, vua Mahājanaka ngồi xuống nhổ cọng cỏ lên nói rằng:

- Đây Sīvalī, cọng cỏ này không còn dính liền với đất như thế nào, ta với nàng không còn là vợ chồng như thế ấy. Nàng hãy trở về kinh thành Mithilā đi, còn ta sẽ vào sâu trong núi Tuyết tu tập, sống đời sống phạm hạnh.

Nghe vua Mahājanaka nói lời tuyệt tình như thế, Hoàng hậu Sīvalī quá đau khổ ngất xỉu, nhân cơ hội vua Mahājanaka đi nhanh vào vùng núi Tuyết.

Khi triều thần đến, thấy Hoàng hậu ngất xỉu, đã cứu tỉnh bà dậy, nhưng họ không tìm thấy vua Mahājanaka nơi nào nữa.

Than khóc chán chê rồi, Hoàng hậu cùng triều thần đành phải quay về kinh thành Mithila, làm lễ tôn vương cho Phó vương Dīghāyu.

Hoàng hậu Sīvalī cho xây những tháp kỷ niệm nơi vua Mahājanaka dùng chân như: Nơi vua xuất gia, nơi đàm luận với hai ẩn sĩ, nơi nhặt miếng thịt nướng, nơi nói chuyện với cô bé, nơi nói chuyện với người thợ chuốt tên.

Rồi bà cũng xuất gia sống tu tập trong vườn Ngự Uyển nơi kinh thành Mithilā.

Ngài Mahājanaka vào núi Tuyết tu tập, chứng đạt thiên tịnh, mệnh chung sinh về Phạm thiên giới.

Nhận diện tiền thân.

Nữ thần biển Manimekhālā nay là bà Thánh nữ Uppalavaṇṇā, ẩn sĩ Nārada nay là Ngài Sāriputta, ẩn sĩ Migājina nay là Ngài Moggallāna, cô bé nay là bà thánh nữ

Khemā, người thợ chuốt tên nay là Ngài Ānanda, Hoàng hậu Sīvalī nay là bà Rāhulamātā, vương tử Dīghāyu nay là Ngài Rāhula.

Đại vương Mahājanaka nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

25- Bốn sự Hatthipāla (chuyện người giữ voi).

Duyên sự.

Đức Thế Tôn khi ngự trú tại Jetavanavihāra. Đề cập đến sự xuất gia cao thượng của Ngài.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Ekukārī cai trị vương quốc Kāsi có kinh thành là Bārāṇasī (Balanaī), vị Tế sư của vua Esukārī là người bạn thân của Ngài từ khi còn là thiếu niên. Cả hai vị đều không có con.

Một hôm trong lúc vui yến tiệc cùng nhau, vua Esukārī nói rằng:

- Nay hiền hữu, chúng ta đều không có con. Nếu hiền hữu có con trai, ta không có con trai thì con trai hiền hữu sẽ cai trị vương quốc này; nếu ta có con trai, hiền hữu không có con trai thì con trai của ta sẽ là chủ tài sản của hiền hữu.

- Vâng, thưa Đại vương.

Hai vị đính ước nhau như thế.

Một hôm vị Tế sư đi đến ngôi làng được đức vua ban cho mình để thu thuế, ở ngoài cổng làng phía Nam, vị tế sư thấy một nữ nhân nghèo khổ lại có đến 7 người con trai, tất cả đều khoẻ mạnh.

Vị tế sư hỏi:

- Nay nữ nhân, cha các đứa trẻ này là ai?

- Thưa Ngài, chúng không có cha.

- Vậy làm thế nào bà có đến 7 đứa con trai khoẻ mạnh như vậy?

- Thưa Ngài, con cầu xin vị thần cây đa cổ thụ ở cổng làng, vị ấy cho con 7 đứa con trai này.

- Được rồi, bà hãy đi đi.

Vị Tế sư đi đến cây đa cổ thụ, nắm một cành cây lắc mạnh, nói rằng:

- Nay thần cây (rukkhadeva), Đức vua thường tế lễ người với những lễ phẩm quý trọng trị giá cả ngàn đồng vàng. Nhưng người chẳng ban cho đức vua vị vương tử nào cả, trái lại người cho người đàn bà nghèo khổ kia 7 đứa con trai khoẻ mạnh.

Trong vòng 7 ngày, người phải cho đức vua một đứa con trai, nếu không ta sẽ hạ thân cây này xuống, cho cưa xẻ từng khúc đấy.

Sau khi trách mắng xong, vị tế sư bỏ đi. Suốt sáu ngày, vị tế sư cứ làm như thế; đến ngày thứ 7, vị Tế sư nói rằng:

- Nay thần cây, chỉ còn đêm nay nữa thôi, nếu người không cho đức vua đứa con trai thì sáng hôm sau thân người phải ngã xuống nơi đây.

Trú trong thân cây ấy là một nữ thần, trải qua 6 ngày nằng bình thản, nhưng đến hôm nay thấy vẻ quyết liệt của vị Tế sư, nữ thần cây suy nghĩ:

- Balamôn này chắc chắn sẽ phá nát căn nhà của ta, nếu như không đạt ý nguyện. Nhưng ta biết làm cách nào cho đức vua một hài tử đây.

Nữ thần cây đến hỏi Tứ đại vương, Tứ đại vương cũng không biết phải làm sao, nằng đi đến hỏi vua trời Sakka (Đế Thích).

Vua trời Sakka dùng thiên nhãn quán xét, thấy có bốn thiên tử cõi Tāvatisa (Ba mươi Ba) sắp mệnh chung, tái sinh về cõi Yāma (Dạma).

Nguyên bốn thiên tử này trước đây là những người thợ dệt trong thành Bārāṇasī (Balanaī), họ cùng làm việc chung với nhau. Lợi tức thu được chia làm 5 phần, mỗi người nhận một phần, còn phần thứ năm thì bố thí đến những người nghèo khổ, hay cúng dường đến các vị Samôn, Balamôn.

⁽¹⁾- JA. Chuyện Đại vương Mahājakana (chuyện số 539).

Khi mệnh chung, bốn người tái sinh về cõi Tāvātīṃsa (Ba mươi Ba), mệnh chung cõi Tāvātīṃsa họ tái sinh về cõi Yāma (Dạma), cứ như thế rất nhiều lần. Lần này họ lại tái sinh về cõi Yāma nữa.

Vua Trời Sakka đi đến nói với bốn vị thiên tử rằng:

- Lành thay, này các thiên tử, nếu các thiên tử tái sinh về nhân giới, là con của vua Esukārī.

- Thưa Thiên chủ, nếu Ngài muốn chúng tôi tái sinh về nhân giới, chúng tôi sẽ tuân lệnh Ngài. Nhưng chúng tôi không muốn sống đời sống thế tục, chúng tôi không sinh vào dòng hoàng tộc, chúng tôi sẽ tái sinh vào gia đình Balamôn, là con của vị tế sư của vua Esukārī, khi trưởng thành chúng tôi sẽ đi xuất gia. Và Ngài hãy trợ giúp chúng tôi.

- Lành thay, lành thay, này các thiên tử.

Vua trời Sakka báo tin này đến nữ thần cây.

Vào sáng hôm sau, vị Tế sư đi đến cội cây đa với rất đông những người lực lưỡng, trên tay là búa, rìu sáng bén, sẵn sàng đốn hạ cây đa cổ thụ.

Vị Tế sư nói:

- Này thần cây, nay đã đến ngày thứ tám. Ta cầu khẩn người ban cho đức vua đứa con trai, nhưng người từ chối. Hôm nay ta sẽ hạ cây đa vô ích này.

Nữ thần cây dùng thần lực làm nứt cây đa cổ thụ, đứng trong bóng cây nàng nói với vị Tế sư bằng giọng ngọt ngào du dương rằng:

- Này tế sư, đức vua không thể có con trai được, nhưng ta sẽ ban cho Ngài bốn người con trai.

- Vậy nàng hãy ban cho đức vua hai đứa, còn ta hai đứa.

- Không được, vì đức vua trong kiếp này không thể có con được. Nếu Ngài không bằng lòng thì ta đành chịu thôi.

- Thôi được, nàng hãy cho ta bốn đứa con trai đi.

- Nhưng cả bốn đứa con này, khi trưởng thành thì chúng sẽ xuất gia, vì chúng không muốn sống đời sống thế tục.

- Được rồi, ta sẽ cố gắng giữ chúng sống đời sống tại gia.

Kể từ hôm ấy, cây đa cổ thụ được tôn vinh long trọng. Vị thiên tử lớn nhất tái sinh vào thai bào của vợ vị tế sư, hài tử được sinh ra. Nhớ lời nữ thần cây, vị Tế sư suy nghĩ: “Ta sẽ đưa con ta nhờ người cai quản đàn voi chăm sóc, để nó cứ ngỡ là dòng hạ tiện, sau này ta sẽ nhận nó làm con, để nó vui thích cách sống nhung lụa, không còn ý muốn xuất gia”. Và hài tử được đặt tên là Hatthipāla (người giữ voi).

Khi Hatthipāla vừa biết đi chập chững thì một hài tử thứ hai sinh ra, vị Tế sư đặt tên là Assapāla (người giữ ngựa) và giao cho người cai quản đàn ngựa chăm sóc. Khi Assapāla vừa biết đi chập chững thì hài tử thứ ba sinh ra, được đặt tên là Gopāla (người giữ bò), được giao cho người cai quản đàn bò chăm sóc.

Khi hài tử Gopāla biết đi chập chững thì hài tử thứ tư sinh ra, được đặt tên là Ajapāla (người giữ dê), được giao cho người cai quản đàn dê chăm sóc.

Lo sợ các hài tử thấy các bậc xuất gia, chúng sẽ xuất gia nên đức vua và vị tế sư cho trục xuất tất cả những samôn ra khỏi thành Bārāṇasī, trong kinh thành Bārāṇasī vắng bóng các vị samôn.

Các đứa trẻ này rất dũng mãnh, chúng đi đến những nơi tế lễ đoạt lấy những lễ phẩm được cúng cho các vị thiên nhân, các vị thiên nhân trong các đền miếu phải kiêng dè 4 đứa trẻ này.

Khi Hatthipāla được 16 tuổi, tướng mạo rất khôi ngô, vị Tế sư suy nghĩ: “Con ta nay đã trưởng thành, nhưng khi làn lễ phong vương cho nó rồi, ta chẳng làm gì được nó. Nếu nó muốn xuất gia thì ta phải làm sao? Vậy ta hãy thử tâm ý nó trước khi làm lễ tôn vương cho nó”.

Vua Esukārī cùng vị Tế sư giả trang là hai ẩn sĩ, đi khất thực đứng trước nhà Hatthipāla. Nhìn thấy hai vị Samôn đang ôm bát đứng trước nhà mình, tâm

Hatthipāla hân hoan, bước ra đánh lễ rất cung kính và tán thán đời sống ẩn sĩ thanh tịnh.

Thấy con mến thích đời sống xuất gia, vị Tế sư tỏ thật:

- Chúng ta không phải là những ẩn sĩ từ núi Tuyết đến. Chúng ta chính là đức vua Esukārī và vị Tế sư. Nếu người học nghiệp nghệ Balamôn, không có ý muốn xuất gia, chúng ta sẽ làm lễ tôn vương cho người.

Nhưng Hatthipāla từ chối vương nghiệp, cương quyết đi xuất gia. Ngay trong ngày ấy, Hatthipāla từ bỏ kinh thành Bārāṇasī ra đi xuất gia cùng với những tùy tùng thân tín.

Hatthipāla cùng hội chúng của mình cư ngụ cạnh sông Hằng, Ngài dùng nước sông Hằng làm đề mục và chứng đắc thiên định.

Vua Esukārī cùng vị Tế sư giả dạng samôn lần lượt thử tâm ý của Assapāla, Gopāla, Ajapāla. Ba vị vương tử này khi trông thấy phẩm mạo bậc Samôn, tâm vô cùng hoan hỷ với đời sống xuất gia và lần lượt tất cả đều từ chối vương nghiệp, theo anh là Hatthipāla đi xuất gia.

Vị Tế sư suy nghĩ:

- Ta có bốn con trai, nay chúng từ bỏ ngay cả vương nghiệp để xuất gia, đó là việc làm cao thượng mà ít ai có thể làm được. Giờ đây ta chẳng còn ai để nương tựa, ta hãy xuất gia để được trông thấy các con ta.

Thế là, vợ chồng vị Tế sư cũng xuất gia theo bốn người con trai. Vua Esukārī thu hồi toàn bộ tài sản của vị tế sư, Hoàng hậu hỏi các cung nữ rằng:

- Nay các em, hiện giờ Đức vua đang làm gì?
- Thưa bà, đang cho người mang tài sản của vị tế sư vào cung.
- Thế còn vị tế sư đâu?
- Thưa bà, gia tộc của vị tế sư đã bỏ hết tài sản đi xuất gia rồi.

Hoàng hậu suy nghĩ:

- Vì sao Đức vua cho người mang những phân uế cùng nước bọt mà vị Balamôn kia đã nhổ ra? Thật là người tối trí mê muội, ta sẽ cảnh tỉnh đức vua.

Hoàng hậu cho người mang những loại thịt dành cho chó đố thành đồng giữa sân hoàng cung đặt cái bẫy vây chung quanh đồng thịt, lối vào bẫy được mở ra xông thẳng lên trời, đủ để con Kên kên bình thường đi vào.

Lú Kên kên đánh mùi thịt thối, chúng bay xuống tìm đường vào đồng thịt, ăn những miếng thịt thối, rồi tìm đường bay ra, nhưng vì thân cứng phòng nên chúng không thể bay ra khỏi cửa bẫy, lúng túng trong bẫy rập.

Những con Kên kên khôn ngoan vội ói vật thực trong bụng ra hết, nhờ đó chúng bay ra thoát khỏi bẫy, còn những con Kên kên ngu muội bị kẹt trong bẫy.

Hoàng hậu bảo một thị vệ bắt một con Kên kên trong bẫy, rồi tự thân mang đến cho vua Esukārī.

Hoàng hậu cho mở cửa sổ nơi lầu cao thỉnh vua Esukārī đến xem đàn Kên kên tham ăn mắc bẫy, không tìm được lối thoát ra.

Đức vua tinh ngộ, nên cùng triều thần và đại chúng đi tìm Hatthipāla sống đời sống xuất gia.

Bấy giờ hội chúng của ẩn sĩ Hatthipāla rất đông, trải dài đến 30 do tuần, Đạo sư Hatthipāla đưa hội chúng của mình đến Himālaya (Hymālapson), vua trời Sakka sai thiên thần kiến trúc là Vissakamma xây dựng trú xứ cho hội chúng của Đạo sư Hatthipāla rộng 36 do tuần dọc bờ sông Hằng.

Nhận diện tiền thân.

Vua Esukārī nay là vua Suddhodana (Tịnh Phạn), Hoàng hậu nay là Hoàng hậu Māyā, vị Tế sư nay là Ngài Mahā Kassapa, vợ vị tế sư nay là Thánh nữ Bhaddā Kapilānī, vương tử Ajapāla nay là Ngài Anuruddha, vương tử Gopāla nay là Ngài Moggallāna, vương tử Assapāla nay là Ngài Sāriputta.

Vùng tử Hatthipāla nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Hội chúng đi theo Đạo sư Hatthipāla được gọi là Hatthipālasamāgama, trong số này, có một số vị về sau chứng đắc Thánh quả Alahán tại Tích Lan như:

- Ngài Phussadeva ở Kaṭṭakandharakāra.
- Ngài Mahāsaṅgharakkhita ở Uparimaṇḍakamalaya.
- Ngài Maliyamahādeva, Mahādeva ở Bhggagiri.
- Ngài Mahāsiva ở Vaamantapabbhāra.
- Ngài Mahānāga ở Kālavallimaṇḍapa⁽²⁾.

Một trưởng lão người Miến Điện ở Ava, tên là Raṭṭhasāra sinh năm 1468, đã chuyển Bốn sự này sang thể thi⁽³⁾.

26- Bốn sự Sambhava (chuyên nam tử Sambhava).

Duyên sự.

Đức Thế Tôn trú ngụ tại Jetavanavihāra (Đại tự Kỳ viên).

Nhân các Tỳkhuu đề cập đến trí tuệ viên mãn của Đức Đạo sư.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Dhanañjaya Korabya trị vì kinh thành Indapatta của vương quốc Kuru. Một hôm vua Dhanañjaya hỏi vị tế sư là Sucīrata:

- Thưa Tế sư, như thế nào là sống đúng pháp, không bị lỗi lầm?

Câu hỏi này thuộc lãnh vực trí tuệ của Đức Chánh giác hay đệ tử của Đức Chánh Giác hoặc vị Bô tát Chánh Giác, nên Sucīrata thú thật:

- Thưa Đại vương, câu hỏi này rất thâm sâu vi diệu. Tôi không thấu triệt được. Để trả lời thông suốt câu hỏi này, ngoài vị hiền trí Vidhura ra, có lẽ không ai có thể trả lời được.

- Thưa Tế sư, hiền trí Vidhura là ai?

- Thưa Đại vương, là người bạn của tôi. Vị ấy nay là Tế sư của vua Brahmadata trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanại).

- Thưa Tế sư, vậy Ngài hãy mang câu hỏi này đến hỏi hiền trí Vidhura đi.
- Vâng thưa Đại vương.

Vua Dhanañjaya gửi lễ phẩm trọng hậu đến biểu hiền trí Vidhura, cùng với tấm bảng bằng vàng dùng để viết lời giải đáp của hiền trí Vidhura.

Tế sư Sucīrata tìm đến gặp tế sư Vidhura, tế sư Vidhura tiếp bạn rất chân tình. Sau khi biết mục đích việc viếng thăm của bạn, khi ấy Vidhura công việc rất nhiều nên không có tâm trí giải đáp câu hỏi của tế sư Sucīrata.

Vidhura giới thiệu tế sư Sucīrata đến con mình là Bhadrakāra:

- Thưa hiền hữu, hiện ta rất nhiều công việc cần phải giải quyết. Ta có người con là Bhadrakāra rất thông tuệ, hẳn tiếp hơn cả ta. Vậy hiền hữu hãy đến hỏi nơi Bhadrakāra, nó sẽ giải đáp cho hiền hữu.

- Vâng thưa hiền hữu.

Tế sư Sucīrata tìm đến Bhadrakāra, Bhadrakāra tiếp đón tế sư Sucīrata rất nồng hậu, khi biết được ý định của vị tế sư, nhưng bấy giờ thanh niên Bhadrakāra có dan díu với vợ người khác, nên tâm trí không thành thoi để giải đáp câu hỏi.

Thanh niên Bhadrakāra giới thiệu tế sư đến em mình là Sañjaya.

Sañjaya lại đang toan tính dan díu với vợ người ở bên kia sông Hằng, sáng sang sông Hằng, chiều trở về nên tâm trí lo tìm mưu kế, không được thanh thản.

Thanh niên Sañjaya giới thiệu vị tế sư đến em mình được 7 tuổi là Sambhava.

Tế sư Sucīrata tìm đến Sambhava, bấy giờ Sambhava đang nô đùa cùng các bạn đồng trang lứa.

(1)- JA. Chuyện Hatthipāla (chuyện số 509).

(2)- Có đề cập trong JA. i, 45.

(3) – Bode, *op.Cit*, 44.

Nghe Tế sư sẽ hỏi mình một vấn đề mà chưa có ai giải đáp được, Sambhava liền ném cục đất đang cầm tay, sửa sang lại y phục cho chỉnh tề, rồi mời tế sư nêu lên vấn đề.

Nghe câu hỏi của tế sư Sucīrata, cậu bé Sambhava giai đáp rành mạch bằng giọng nói du dương êm dịu nhưng vang dội khắp kinh thành Bārāṇasī.

Cậu được thưởng những lễ vật trọng hậu, đồng thời câu giải đáp được ghi chép vào bảng vàng.

Nhận diện tiên thân.

Vua Dhanañjaya nay là Ngài Ānanda, tế sư Sucīrata nay là Ngài Anuruddha, hiền trí Vidhura nay là Ngài Mahā Kassapa, thanh niên Bhadrakāra nay là Ngài Moggallāna, Sañjaya nay là Ngài Sāriputta.

Hiền trí Sambhava nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

27- Bồn sục Sudhābhajana (chuyện vật thực trong sạch).

Duyên khởi.

Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Jetavanavihāra (Đại tự Kỳviên), đề cập đến vị tỳkhuu hào phóng.

Trong thành Sāvatti (Xávệ) có một gia chủ thuộc giòng Balamôn, sau khi nghe được Giáo pháp của Đức Thế Tôn, gia chủ xin gia nhập Tăng đoàn, thọ giới Tỳkhuu. Vị Tỳkhuu này rất hào phóng, thường bố thí những gì mình có được để có được tình thân ái với chư Tăng.

Vị Tỳkhuu này bố thí hết những vật thực mình có được khi có người đến xin, cho dù vị ấy phải nhịn đói, chỉ đến chỉ một ít nước có được để uống nhưng khi có người đến xin, vị ấy vẫn bố thí hết.

Các Tỳkhuu bàn luận về hạnh hào phóng của vị Tỳkhuu này nơi Giảng pháp đường trong Jetavanavihāra. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, thuở xưa vị Tỳkhuu này không hề hào phóng, trái lại là người bòn xén. Nhưng ta đã giáo hoá trở thành người hào phóng tốt đẹp.

Câu chuyện.

Thuở xưa khi vua Brahmadatta trị vì kinh thành Bārāṇasī (Balanaị). Trong thành có một trưởng giả có tài sản là 800 triệu tiền vàng, được vua Brahmadatta phong cho chức vị Thủ kho của Hoàng gia.

Trưởng giả muốn tạo công hạnh cho mình, nên hiến dâng toàn bộ gia sản 800 triệu đồng đến vua Brahmadatta, nhưng vua Brahmadatta không nhận. Trưởng giả thưa rằng:

- Thưa Đại vương, tôi có thể bố thí tài sản của tôi có được chăng?

- Nay trưởng giả, người được bố thí tài sản của mình.

Trưởng giả cho dựng 6 bố thí đường, ở bốn cổng thành, trung tâm kinh thành và ở cổng nhà mình. Trưởng giả dạy các con nên thực hành hạnh bố thí.

Mệnh chung trưởng giả tái sinh thành vua trời Sakka (ĐếThích), con trưởng giả cũng thực hành hạnh bố thí, mệnh chung tái sinh thành thiên tử Canda.

Tiếp nối, con của thiên tử Canda tái sinh thành thiên tử Suriya, con của thiên tử Suriya tái sinh thành thiên tử xa phu Mātali, con của Mātali tái sinh là thiên thân nhạc sĩ Pañcasikha.

Con của Thiên tử Pañcasikha (đời thứ 6 của dòng tộc ấy) lại có tính keo kiệt, nên được gọi là trưởng giả Macchhari Kosiya, gia tài vẫn là 800 triệu tiền vàng.

Trưởng giả Macchhari Kosiya cho phá bỏ 6 bố thí đường, không hề cho ai một cái gì, dù chỉ là một giọt dầu

Một hôm thấy người phó thủ kho (trợ thủ của trưởng giả Maccharikosiya) ăn cháo gạo với đường mịn cùng sữa tươi, Macchhariyakosiya tự nhiên thèm khát món ăn bình dị ấy.

⁽¹⁾- JA. Chuyện Sambhava (chuye65n so16 515).

Trưởng giả Macchariyakosiyā sợ dùng cháo gạo với đường mịn cùng sữa tươi, sẽ bị người nhà xin ăn. Ông lấy một ít gạo cùng với đường, sữa tươi, trộn ra bờ sống nấu cháo để ăn một mình.

Với thiên nhân, vua trời Sakka thấy cháu mình là Maccharikosiya phá vỡ truyền thống bố thí của gia tộc. Vua trời Sakka muốn giáo hoá cháu mình, nên cùng 4 vị thiên tử xuống nhân giới, vua trời Sakka cùng ba vị thiên tử hoá thành bốn lão Bàlamôn đến xin cháo của Maccharikosiya.

Nài nì, thuyết phục mãi Maccharikosiya mới bằng lòng cho mỗi vị một ít cháo, ông hái lá cây nhỏ trao cho mỗi người để đựng cháo, các thiên nhân hoá lá nhỏ thành ra lớn, nhưng cháo trong nôi của ông vẫn còn nhiều.

Khi trưởng giả Maccharikosiya mang nôi cháo đến cội cây ngồi xuống để ăn, thiên tử Pañcasikha hoá ra con chó lớn, chạy đến rượt Macchakosiya, Macchakosiya kinh hoàng bỏ chạy nhưng không thoát khỏi con chó lớn, Macchakosiya chạy đến các Bàlamôn mong nhờ che chở.

Vua trời Sakka cùng các thiên tử hiện thân giữa hư không, giáo hoá cho Maccharikosiya rằng:

Này Macchariyakosiyā, những kẻ keo kiệt không thể sinh về thiên giới, sau khi mệnh chung những người ấy phải rơi vào khổ cảnh như địa ngục, ma đói (peta) ...

Này Kosiya, Ta chính thiên chủ Sakka, là ông tổ năm đời của người, năm đời trước tiền nhân của người nay đã tái sinh về thiên giới nhờ hạnh lành bố thí, đó là: Canda, Suriya, Mātali, cha người chính là thiên thần Pañcasikha đã hoá ra chó lớn trừng trị tính bòn xén keo kiệt của người.

Này Kosiya, nếu người muốn tái sinh về thiên giới để cộng trú với chúng ta, người hãy thực hành hạnh lành bố thí.

Rồi các vị thiên tử trở về cõi trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba).

Macchariyakosiyā trở về nhà, bố thí hết tài sản xuất gia làm ẩn sĩ trú ngụ trong núi Tuyết.

Thiên vương Sakka có bốn người con gái là: Thiên nữ Āsā (Hy vọng), thiên nữ Saddhā (Tín thành), thiên nữ Sirī (Vinh quang), thiên nữ Hirī (Vinh dự).

Có lần bốn thiên nữ đến hồ Anottatta tắm, rồi đến nghỉ ở đỉnh Manosilā, một ẩn sĩ là Nārada có thần lực thường lên cõi Tāvātimsa để nghỉ trưa.

Ẩn sĩ Nārada lên thiên giới nhặt đượ cánh hoa Paricchattaka (Hoa tán lọng hay hoa San hô), mang về ngồi nơi gốc cây ở đỉnh Manosilā.

Bốn thiên nữ ngửi mùi thơm thiên hoa Paricchattaka nên đến xin ẩn sĩ Nārada cánh thiên hoa, ẩn sĩ Nārada nói:

- Ta sẽ tặng cánh thiên hoa này cho người nào có đức hạnh nhất.

Bốn thiên nữ đi tìm vua trời Sakka hỏi:

- Thưa cha, trong bốn đứa con, ai là người đức hạnh nhất?

Vua trời Sakka suy nghĩ: “Đây là bốn ái nữ của ta, nếu ta nói ai là người đức hạnh nhất sẽ làm buồn lòng ba đứa còn lại. Ta sẽ nhờ ẩn sĩ Kosiya phân xử”.

Vua trời Sakka nói:

- Này các con, nơi núi Tuyết có ẩn sĩ Kosiya là người công minh, Ta sẽ gửi cho vị ấy chén thực phẩm trời, vị ấy sẽ không dùng vật thực ấy khi chưa có người xin vật thực. Các con hãy đến xin vị ấy, người nào xin được chén vật thực trời, người đó là đức hạnh nhất.

Vua trời sai thiên thần xa phu Mātali mang đến cho ẩn sĩ Kosiya chén vật thực trời. Nhận chén vật thực trời, nhưng ẩn sĩ Kosiya không ăn, thiên tử Mātali hỏi:

- Vì sao Ngài không dùng?

- Ta có lời nguyện rằng: “Khi có được vật thực, ta sẽ chia sẻ đến người khác, nếu chưa bố thí cho ai thì ta không dùng vật thực đó”.

Bốn thiên nữ đi đến ẩn sĩ theo bốn phương, xuất hiện trước ẩn sĩ Kosiya và thiên thần Xa phu Mātali, xin ẩn sĩ Kosiya chén vật thực trời.

Ấn sĩ Kosiya hỏi thiên nữ Sirī (Vinh quang) đang đứng ở hướng Đông:

- Nàng là ai? Có đức hạnh gì?

- Ta là thiên nữ Sirī, con của thiên vương Sakka. Người nào cầu khẩn đến ta, ta sẽ ban vinh quang đến người ấy.

- Nay thiên nữ, những người tài đức nhưng không chịu van cầu, nàng không giúp đỡ, trái lại kẻ ác xấu van cầu nàng thì nàng giúp đỡ. Như vậy nàng trợ giúp cho kẻ ác, chén vật thực trời này không thể trao cho nàng.

Nghe vậy, thiên nữ Sirī biến mất tại chỗ.

Ấn sĩ hỏi Thiên nữ Āsā (Hy vọng) đứng ở phương Nam rằng:

- Nàng là ai? Có đặc tính gì?

- Ta là thiên nữ Āsā (Hy vọng), con của thiên vương Sakka. Người nào làm ta hân hoan hài lòng, ta sẽ ban hy vọng đến người ấy. Người ấy sẽ thành công theo ước muốn của mình.

- Nay thiên nữ, những ai làm cho nàng hài lòng thì nàng giúp người ấy thành công, cho dù kẻ ấy là ác xấu. Ai không làm cho nàng hài lòng, nàng sẽ tạo chướng ngại cho người ấy, khiến người ấy phải thất bại, cho dù người ấy hiền đức. Như vậy nàng đã tạo ra bất công, giúp cho kẻ ác, chén vật thực trời này không thể đến với nàng.

Nghe vậy, thiên nữ Āsā biến mất.

Ấn sĩ hỏi thiên nữ Saddhā (Tín thành) đứng ở phương Tây rằng:

- Nàng là ai? Có đặc tính gì?

- Ta là thiên nữ Saddhā con của thiên vương Sakka. Ta bảo vệ, che chở cho những người có niềm tin.

- Nay thiên nữ, với người nghe điều nào tin theo điều ấy, không phân biệt chánh tà, nàng cũng bảo vệ, che chở cho người ấy. Như vậy nàng cũng là người bảo vệ kẻ ác xấu, chén vật thực này không thể cho đến nàng.

Và thiên nữ Saddhā biến mất tại chỗ.

Ấn sĩ Kosiya hỏi nàng thiên nữ đứng ở phương Bắc:

- Nàng là ai? Có đặc tính gì?

- Ta là thiên nữ Hirī (Danh dự) con gái của thiên vương Sakka. Với những ai biết hổ thẹn với tội lỗi, lánh xa tội lỗi, tích cực làm những hạnh lành, ta bảo vệ và hộ trì những người ấy.

Nghe vậy, ấn sĩ Kosiya hân hoan trao chén vật thực trời cho nàng Hirī.

Thiên vương Sakka nghe thiên nữ Hirī được chén vật thực trời, nên đến gặp ấn sĩ Kosiya, chưa kịp hỏi chuyện thì ấn sĩ Kosiya mệnh chung sinh về cõi Tāvatiṃsa.

Nhận diện tiên thân.

Macchakosiya nay là vị Tỳkhuu hào phóng, thiên nữ Hirī nay là Thánh nữ Uppalavaṇṇā, thiên thần nhạc sĩ Pañcasikha nay là Ngài Anuruddha, thiên thần Xa phu Mātali nay là Ngài Ānanda, thiên tử Suriya nay là Ngài Mahā Kassapa, thiên tử Canda nay là Ngài Moggallāna, ấn sĩ Nārada nay là Ngài Sāriputta.

Thiên vương Sakka nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

28- Bốn sự Vidhuraṇḍita (hiền trí Vidhura).

Duyên sự.

Đức Thế Tôn khi trú ngụ tại Jetavanavihaara (Đại tự Kỳviên), nhân các Tỳkhuu bàn luận về trí tuệ siêu việt của Đức Thế Tôn như vậy:

- Nay các hiền giả, Bậc Đạo sư của chúng ta là bậc đại trí (mahāpañño), trí tuệ rộng lớn (puthupañño), trí tuệ thâm sâu (gambhīrapañño), trí tuệ nhanh nhạy (javanapañño), trí tuệ tươi nhuận (hāsapañño), trí tuệ sắc bén (tikkhapañño).

Tất cả các câu hỏi của các bậc trí là Samôn, Balamôn, Khattiya (Sátđēly) hay gia chủ, đều được Bậc Đạo sư giải thích rõ ràng. Tất cả đều yên lặng chấp nhận.

⁽¹⁾- JA. Sudhābhojana (chuyện vật thực trong sạch) (chuyện số 535).

Đức Thế Tôn với Thiên nhĩ thông, nghe được sự đàm luận của các Tỳkhuu, Ngài ngự đến Giảng pháp đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, hỏi rằng:

- Nay các Tỳkhuu, các người đang bàn luận về vấn đề gì? Vấn đề gì được khởi lên nơi đây?

Các Tỳkhuu trình lên Đức Thế Tôn về đề tài đang đàm luận, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, nay Như lai là bậc Chánh giác có được trí tuệ như thế không là điều kỳ diệu. Khi còn là phàm nhân được gọi là hiền trí Vidhura (Vô song), Như lai có được trí xuất chúng rồi, đã nhiếp phục được đạoxa Puṇṇaka trên đỉnh Kālapabbata (núi Đen).

Theo lời thỉnh cầu các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn nói lên bốn sự này.

Câu chuyện.

Thuở xưa, khi vua Dhanañjaya Korabya trị vì nơi kinh thành Indapatta thuộc vương quốc Kuru. Đức vua có vị tế sư là Vidhura, có trí tuệ uyên thâm.

Có bốn gia chủ Balamôn ở kinh thành Bārāṇasī của vương quốc Kāsi, xuất gia làm ẩn sĩ tu tập trong núi Tuyết, thành tựu thiền chứng cùng Thắng trí.

Một hôm bốn ẩn sĩ cùng đi đến thành Kālacampā thuộc vương quốc Aṅga, trong thành Kālacampā có bốn gia chủ là bạn thân với nhau, hoan hỷ trước phong cách của bốn ẩn sĩ, mỗi người thỉnh một vị về nhà cúng dường vật thực.

Sau khi thọ thực xong, bốn vị tìm nơi nghỉ trưa. Một vị đến cõi trời Tāvātimsa (Ba mươi Ba), một vị xuống Long cung, một vị đến cõi Kimxí điều vương (suppanna), một vị đến vườn Ngự Uyển nơi kinh thành Indapatta.

Hôm sau bốn vị đến nhà bốn gia chủ hộ độ nhận vật thực. Cả bốn vị đều mô tả cảnh huy hoàng an lạc nơi mình đến nghỉ trưa.

Nghe vị ẩn sĩ mà mình hộ độ mô tả cảnh an lạc như thế, người gia chủ tạo phước mong ước được tái sinh về nơi ấy.

Mệnh chung, một vị tái sinh thành vua trời Sakka, một vị tái sinh là long vương Varuṇa ở cõi rồng, một vị tái sinh là Kimxí điều vương Venateyya của các kimxí điều (suppanna), một vị tái sinh vào hoàng tộc là vua Dhanañjaya Korabya. Bốn ẩn sĩ sinh về Phạm thiên giới.

Một hôm vào ngày Uposatha (Bồ tát), vua Dhanañjaya đi vào Ngự Uyển Migācira để giữ giới hạnh, cùng lúc ấy vua trời Sakka cũng từ bỏ thiên cung, đến vườn Ngự Uyển thực hành giữ giới, long vương Varuṇa cũng rời cõi rồng đến vườn Ngự Uyển thực hành giới hạnh, Kimxí điều vương Venateyya cũng lìa bỏ cõi của mình đến vườn Ngự Uyển giữ giới.

Vào buổi chiều, bốn vị đại vương lại gặp nhau, bốn vị hân hoan đàm đạo cùng nhau, vua trời Sakka nói rằng:

- Bốn chúng ta đều thực hành giới hạnh. Vậy ai là người giới hạnh cao nhất?

Long vương Varuṇa nói rằng:

- Giới hạnh của tôi cao nhất trong các vị. Vì Điều vương là kẻ thù của loài rồng chúng tôi, nhưng tôi vẫn giữ tâm hòa ái, không khó chịu, bất bình hay phẫn nộ với Điều vương.

Điều vương Venateyya nói rằng:

- Giới hạnh của tôi là cao nhất trong các vị. Vì loài rồng là lương thực của tôi, nhưng khi gặp long vương tôi đã áp chế sự đói trong tâm, quyết không làm ác vì miếng ăn.

Vua trời Sakka nói rằng:

- Giới hạnh của tôi là cao nhất trong các vị. Tôi đã bỏ thiên giới thù diệu cùng hằng triệu thiên nữ xinh đẹp, đến nhân giới giữ gìn giới hạnh.

Vua Dhanañjaya nói rằng:

- Giới của tôi cao nhất so với các vị. Tôi từ bỏ các dục lạc nơi hoàng cung, đi vào nơi thanh vắng để hành trì giới hạnh.

Và bốn vị đại vương cho vờ hiền trí Vidhura đến để phân xử, hiền trí Vidhura nhận định xong rồi, thưa rằng:

- Giới hạnh của bốn đại vương ngang nhau, không ai kém ai. Các đại vương đã ngăn chặn được tham dục và sân hận hoàn tất được giới hạnh tốt đẹp.

Hài lòng trước lời phân xử của hiền trí Vidhura, các vị đại vương thưởng công cho hiền trí Vidhura như sau:

- Vua trời Sakka tặng cho Vidhura chiếc thiên y bằng gấm.
- Điều vương tặng Vidhura vòng hoa bằng vàng.
- Long vương tặng cho Vidhura viên ngọc Như ý (maṇi) đeo ở cổ.
- Vua Dhanañjaya tặng Vidhura một ngàn con bò sữa.

Khi trở về Long cung, long hậu Vimāla vợ của long vương Varuṇa không thấy viên ngọc Maṇi, nên hỏi chồng.

Long vương tường thuật lại cuộc hội ngộ trên và khen ngợi tài trí cùng sự thuyết pháp với âm giọng du dương của hiền trí Vidhura, vua trời Sakka tặng tấm y gấm cõi trời, Điều vương tặng vòng hoa bằng vàng, ta tặng viên ngọc Maṇi, vua Dhanañjaya tặng một ngàn con bò sữa .

Long hậu Vimāla mong ước được nghe pháp của Vidhura, nên giả bệnh nặng. Khi long vương Varuṇa đến thăm hỏi, bà nói rằng: “Thèm ăn trái tim của Vidhura, nên bị bệnh”.

Long nữ Irandatī đi đến Kālagiri (núi Đen) , hái đầy hoa trang điểm đỉnh núi, nàng trang điểm thật xinh đẹp, ca múa rằng: “Người nào tìm được trái tim của hiền trí Vidhura, nàng sẽ nhận người ấy là chồng”.

Bấy giờ một đại tướng dāxoa là Puṇṇaka, cháu của đại vương Vessavana (Đa Văn) đang phi ngựa thần Sindhu, trên đường đi dự Đại hội dāxoa.

Ngựa Sindhu phi qua Kālagiri, tiếng hát của long nữ Irandatī theo gió vọng đến tai của dāxoa Puṇṇaka. Nguyên đời trước hai người là vợ chồng, nên trong tâm của dāxoa Puṇṇaka chợt khởi lên niềm thương mến tiếng hát lạ kỳ, dāxoa cho quay ngựa lại, đến đỉnh Kālagiri, nhìn thấy long nữ Irandatī dāxoa Puṇṇaka phát sinh ái luyến, nên tình nguyện đi tìm trái tim của hiền trí Vidhura để làm lễ vật cầu hôn nàng Irandatī.

Nhưng đang đại hội dāxoa, Puṇṇaka không thể vắng mặt đồng thời không được ra đi nếu chưa có lệnh của vua Vessavana, nên dāxoa Puṇṇaka không dám tự tiện đến kinh thành Indapatta.

Dāxoa Puṇṇaka đi đến nơi đại hội dāxoa, nhân vua Vessavana đang xử một vụ tranh chấp cung điện của hai dāxoa, biết một dāxoa nắm chắc phần thắng, dāxoa Puṇṇaka đến đứng gần dāxoa ấy.

Khi phân xử xong, vua Vessavana nói rằng:

- Người hãy trở về cung điện của người đi.

Dāxoa Puṇṇaka nói với những dāxoa bên cạnh rằng:

- Các người làm chứng cho ta, đại vương cho phép ta trở về cung điện đấy nhé.

Dāxoa Puṇṇaka leo lên thần mã Sindhu theo đường hư không đến kinh thành Indapatta, trong lúc phi hành giữa không trung, Puṇṇaka suy nghĩ:

- Hiền trí Vidhura chắc chắn có hằng trăm dũng sĩ bảo vệ, không dễ dàng gì bắt được vị ấy, vua Dhanañjaya nổi tiếng về tài đánh súc xặc, ta sẽ thắng vua Dhanañjaya một ván bài rồi bắt hiền trí Vidhura. Đánh cuộc bằng những bảo ngọc bình thường chắc nhà vua không nhận, ta hãy lấy viên bảo ngọc của vua Chuyển luân vương đang chôn tại núi Vipulla làm vật đánh cuộc.

Dāxoa Puṇṇaka đi đến núi Vipulla gần thành Rājagaha (Vương xá) của xứ Magadha (Makiệtđà), tìm thấy viên bảo ngọc nằm trong lòng núi. Dāxoa nhặt lấy viên ngọc rồi lên đường đến thành Indapatta của vương quốc Kuru.

Dāxoa hoá thân thành một thanh niên xinh đẹp, đi vào hoàng cung lính canh gác không thấy. Bấy giờ 101 vị vua đang hội cùng nhau và đang giải trí bằng những ván

bài súc xắc, đạoxa Puṇṇaka đến đánh lễ vua Korabya, nói lên những lời tán thán đức vua với giọng êm dịu du dương.

Vua Korabya hỏi rằng:

- Nay thanh niên, người là ai vậy?

Đạoxa suy nghĩ: “Nếu ta nói tên họ hiện tại, vua sẽ khinh thường ta. Ta hãy nói dòng họ cao quý của ta ở đời trước”.

- Thưa đại vương, tôi là Kaccāna trú ngụ trong thành Kālacampā của vương quốc Aṅga. Tôi được nghe đại vương có tài đánh súc xắc, tôi muốn được đánh một ván bài với đại vương.

- Nay thanh niên, nếu người thua thì người sẽ trao ta vật gì?

- Thưa đại vương, nếu tôi thua thì tôi sẽ mất ngựa quý cùng ngọc báu này.

- Nay thanh niên, ta có rất nhiều ngựa quý, còn ngọc báu thì ta có cả kho.

- Thưa đại vương, tuy đại vương có nhiều ngựa quý và ngọc báu, nhưng chắc chắn đại vương không thể nào có được ngựa quý cùng ngọc báu này.

- Nay thanh niên, vì sao vậy?

- Thưa đại vương, ngựa quý này phi nhanh còn hơn sức gió.

Đạoxa Puṇṇaka leo lên thân mã phóng lên tường thành bao quanh kinh thành Indapatta 7 do tuần, chỉ trong chốc lát tường thành như có ngàn con ngựa Sindhu đang phi nhanh.

Đạoxa Puṇṇaka trình bày sự đặc biệt của viên bảo châu, viên bảo châu này thu gọn cả khung cảnh 4 châu, luôn cả mặt trời mặt trăng. Khi xoay bảo châu về hướng nào sẽ thấy rõ mọi sinh hoạt của tất cả chúng sinh cùng khung cảnh ở hướng đó.

Đạoxa nói: Thưa Đại vương, nếu tôi thua tôi sẽ mất ngựa báu cùng ngọc báu. Nếu đại vương thua, đại vương sẽ mất cái gì?

- Nay thanh niên, nếu ta thua, ngoài thân ta, chiếc lọng trắng và hoàng tộc ra, nếu muốn người có được cả lãnh thổ này.

-Vâng thưa đại vương. Đại vương hãy bắt đầu đi.

Mẹ của vua Korabya mệnh chung tái sinh thành một nữ thiên nhân địa cầu, thường hộ trì đức vua, mỗi khi đánh súc xắc vua Korabya thường gọi tên bà, nên vua Korabya thường thắng cuộc.

Khi tung súc xắc lên để rơi xuống đúng vị trí, Puṇṇaka dùng thần lực khiến cho lá bài rơi chệch hướng, lập tức vua Korabya đưa tay chụp lấy lá bài rồi ném lại, cả ba lần đều như vậy, Puṇṇaka suy nghĩ: “Thiên nhân nào đã trợ giúp vua Korabya chống lại ta?”. Đạoxa Puṇṇaka trợn mắt nhìn lên thấy nữ thiên nhân đang đứng cạnh vua Korabya, tia mắt của đạoxa vừa chạm đến nữ thiên nhân, khiến bà kinh hoàng bỏ chạy trốn đến tận ranh núi Cakkavāla.

Mất sự hỗ trợ của nữ thiên nhân, vua Korabya ném lá bài không được như ý.

Khi đạoxa Puṇṇaka ném lá bài đúng vào vị trí, Puṇṇaka reo lên: “Ta đã thắng, ta đã thắng”, tiếng reo của đạoxa Puṇṇaka vang động cả cõi Jambu (Diêmphù).

Theo Sớ giải kinh Bốn sự (Jātaka-atthakathā) có ba tiếng làm vang động toàn cõi Ấn cổ là: Tiếng reo của đạoxa Puṇṇaka, tiếng sủa của chó trời lông đen tuyền⁽¹⁾ và tiếng hét thị uy của long vương Sudassana⁽²⁾, ngoài ra còn có tiếng hét của đạoxa Aḷavaka (sẽ đề cập đến ở những tập sau) là tiếng hét thứ tư.

Khi thắng cuộc, đạoxa chỉ nhận phần thưởng là mang hiền trí Vidhura ra đi. Vua Korabya không đồng ý, nói rằng: “Hiên trí Vidhura là hoàng tộc”.

Đạoxa Puṇṇaka nói:

- Thưa đại vương, chúng ta không cần phải tranh cãi. Đại vương hãy cho vời hiền trí Vidhura đến đây. Nếu hiền trí Vidhura nhận mình là người thuộc hoàng tộc, tôi sẽ

(1)- Xem JA. Chuyện Hắc thiên cầu.

(2)- Xem JA. Chuyện Bhūridatta.

đi ngay; nếu hiền trí Vidhura nói “không phải là người thuộc hoàng tộc”, tôi sẽ bắt vị đó đi.

Hiền trí Vidhura được mời đến diện kiến trước trăm lẻ một đức vua đang hội họp, nghe câu hỏi của thanh niên:

- Thưa Ngài hiền trí Vidhura, Ngài có phải là thân tộc của hoàng tộc Korabya chăng?

Hiền trí Vidhura suy nghĩ: Nếu ta nói là quyến thuộc của đức vua, thanh niên này sẽ tin ngay. Nhưng điều cao quý nhất là sự chân thật, ta hãy nói đúng sự thật là điều tốt đẹp nhất.

Hiền trí Vidhura nói rằng:

- Nay thanh niên, thông thường tôi tớ có bốn hạng:

* Tôi tớ sinh ra trong nhà.

* Tôi tớ được mua bằng tiền.

* Tôi tớ do tự nguyện, đến sống nương nhờ nơi chủ.

* Tôi tớ do bị bắt giữ.

Nay thanh niên, ta không phải là quyến thuộc của Đức vua, ta chỉ là vị quan tế lễ mà thôi. Đức vua đã mang ta ra đánh cuộc, ta được xem như tôi tớ được mua bằng tiền hay tôi tớ đến sống nương nhờ nơi chủ.

Nghe vậy, đạxa Punṇaka hoan hỷ rằng: “Lành thay, lành thay. Đây thật sự là bậc hiền trí”.

Có lời giải thích rằng: Hiền trí Vidhura nói lời chân thật như thế, đã tạo ra 10 pháp Balamật (pāramī), là:

1- *Thí balamật*. Ngài không lo ngại đến mất tài sản hay cả sinh mạng, chỉ mong đức vua thoát khỏi nợ.

2- *Giới balamật*. Nói lời chân thật, không giả dối, hư ngụy.

3- *Xuất ly balamật*. Tâm thoát khỏi sự suy nghĩ tà vạy là dối trá.

4- *Trí balamật*. Quán xét một cách đúng đắn rồi mới nói.

5- *Tấn balamật*. Cố gắng thực hành điều cao quý là sự chân thật.

6- *Chân thật balamật*. Là nói lời chân thật.

7- *Nhẫn balamật*. Sẵn sàng chịu đựng khổ do thanh niên gây ra, khi nói lên lời chân thật.

8- *Quyết định balamật*. Không từ bỏ điều cao quý là sự chân thật.

9- *Từ balamật*. Không có tâm phiền giận thanh niên.

10- *Xả balamật*. Điem nhiên chấp nhận mình là tôi tớ của vua Korabya.

Nghe Vidhura nhận là “tôi tớ”, vua Korabya phiền muộn rằng: “Ta đã trọng đãi hiền trí Vidhura, phong quan tước cao trọng, nhưng lại tự cho mình là “tôi tớ”, như vậy vị hiền trí này không hài lòng ta rồi”.

Vua Korabya lại suy nghĩ: “Từ nay ta không còn được nghe pháp nơi hiền trí Vidhura”. Vua Korabya thỉnh cầu rằng:

- Từ nay tôi không còn được nghe pháp nơi Ngài. Vậy xin thỉnh Ngài hãy thuyết pháp lần cuối đi.

Hiền trí Vidhura ưng thuận, khi Ngài ngồi lên Pháp toạ, vua Korabya hỏi rằng:

-Thưa hiền trí Vidhura, người tại gia:

a- *Khemā vutti kathaṃ assa: Làm thế nào được sống an lạc?*

b- *Kathaṃ nu assa saṅgaho: Làm thế nào để thu phục người?*

c- *Abyābajjhaṃ kathaṃ assa: Làm thế nào thoát khỏi khổ?*

d- *Saccavādī ca mānavo, asmā lokā paraṃ lokam; kathaṃ pecca na socati:*

Và nói thật với thanh niên, làm thế nào không sầu muộn khi đến kiếp sau?

Hiền trí Vidhura đáp rằng:

- Nay Đại vương, người tại gia cần phải:

* *Na sādharapadārassa: Không chung chạ vợ người.*

* *Na bhuñje sādumekako: Không dùng vật thực tốt một mình.*

* Na seve lokāyatikaṃ: *Không theo thuyết hư vô, vì không làm tăng trưởng trí tuệ (netam paññāya vaḍḍhanaṃ).*

* Sīlavā sampanno: *Giới hạnh đầy đủ.*

* Appamatto vicakkhaṇo: *Thận trọng, khôn khéo.*

* Nivātavutti atthaddho: *Nhu hòa, bi mẫn.*

* Surato sakilo mudu: *Thân ái, hòa nhã, mềm dịu.*

* Saṅghetā ca mittānaṃ: *Kết hợp bạn lành.*

* Samvibhāgī vidhānavā: *Bố thí rộng rãi, đến đại chúng.*

* Tappeyya annapānena: *Sinh hoạt thích hợp.*

* Sadā samaṇabrahmaṇena: *Cúng dường đến các Samôn, Bàlamôn.*

* Dhammakāmo: *Thích thú pháp.*

* Sutādhāro: *Thường nghe pháp.*

* Bhaveyya : *Thực hành pháp.*

* Paripucchako: *Học tập đầy đủ.*

* Sakkaccaṃ parirupāseyya sīlavante bahusutte: *Phục vụ, hầu hạ bậc có giới hạnh, đa văn.*

Đó là những pháp tốt đẹp của người tại gia.

Thực hành như vậy sẽ có cuộc sống an lạc, thu phục được đại chúng, thoát khỏi những sự khổ, là nói lời chân thật với thanh niên đời sau không bị khổ.

Khi hiền trí Vidhura giảng pháp xong rồi, Puṇṇaka nói:

- Thưa bậc trí Vidhura, chúng ta hãy lên đường.

- Nay thanh niên, người hãy cho ta ba ngày để thu xếp gia đình. Người được ta cũng do lời chân thật của ta.

Đạxa Puṇṇaka suy nghĩ: “Đừng nói là 3 ngày, 7 ngày hay nửa tháng ta vẫn sẵn lòng chờ đợi”.

Bậc trí Vidhura có ba cung điện dành cho ba mùa là: Koñca, Mayūra và Piyaketa. Ngài đưa Puṇṇaka đến ngụ nơi lầu 7 của mình ở cung điện thứ nhất, cho gia nhân phục dịch thanh niên chu đáo.

Hiền trí giáo giới thân tộc là: Vợ Ngài là bà Anujjā, con trưởng là Dhammapāla, con dâu trưởng là Celā cùng thân quyến.

Sau ba ngày, Ngài Vidhura nói với đạxa Puṇṇaka rằng:

- Nay thanh niên, đã hết hạn kỳ, mọi việc ta đã thu xếp xong. Chúng ta đi đâu đây?

- Thưa bậc hiền trí, chúng ta đi rất xa. Chuyển đi này Ngài không mong trở về được đâu.

- Nay thanh niên, ta chẳng có chi lo sợ cả, ác nghiệp thường dẫn chúng sinh đến khổ cảnh, ta không làm ác nghiệp nên ta không hề lo sợ.

Rồi Ngài phát nguyện rằng: “Y phục hãy dính theo người ta, đừng có rơi xuống, cho dù thanh niên này mang ta đến bất cứ nơi nào”. Ngài nắm lấy đuôi ngựa, bảo rằng:

- Nay thanh niên hãy lên đường đi.

Đạxa Puṇṇaka cho ngựa phóng lên không trung hướng về Kālagiri, đạxa không muốn tự tay giết chết Vidhura, chỉ muốn hù dọa cNgài kinh hãi chết khiếp đảm rồi mổ lòng ngực lấy trái tim.

Đạxa phi ngựa dọc theo đường vòng lên núi Tuyết để cây hay đá va chạm vào Vidhura, làm chết Vidhura. Nhưng những cây cổ thụ lẫn những tảng đá lồi lõm đã né tránh thân của Ngài Vidhura.

Phi ngựa khá lâu nhưng nhìn lại vẫn thấy hiền trí Vidhura ở phía sau, Ngài vẫn bình an vô sự. Đạxa Puṇṇaka cho ngựa chạy đến núi Kālagiri, đặt Vidhura ở trên đỉnh Kālagiri, hoá ra nhiều hình tượng ghê rợn để hù dọa Vidhura như: Gầm thét vang động núi rừng, hoá thành sư tử, hổ, voi, mãng xà lớn như chiếc thuyền ...

Ngài Vidhura biết rằng: “Thanh niên này không phải là người mà là phi nhân, những điều này do y hoá ra”, nên Ngài vẫn ung dung bình thản.

Dạ xoa Punṇaka nổi trận cuồng phong kinh khiếp để cuốn Vidhura rơi xuống núi chết, nhưng cuồng phong không chạm được vào thân thể của Ngài.

Dạ xoa tức giận nắm lấy hai chân Ngài, đầu chống xuống đất, xoay tít thân ngài rồi ném lên hư không, hấn đứng chực chờ bên dưới hứng lấy Ngài xem Ngài còn sống không, nhưng Ngài vẫn an lành. Rồi dạ xoa ném tiếp Ngài lên hư không.

Tuy bị dạ xoa hành hạ như vậy, nhưng Ngài Vidhura không phiền giận dạ xoa, Ngài suy nghĩ: “Vì sao thanh niên này hành hạ ta như vậy?”.

Khi rơi vào tay dạ xoa Ngài Vidhura hỏi:

- Đây thanh niên, người có tướng mạo cao sang vì sao hành động của người ác độc như thế? Đây thanh niên, người là ai? Vì sao người muốn giết chết ta?

- Ta là dạ xoa đại thần lực Punṇaka, cháu của thiên vương Vessavana, vì long nữ Irandatī muốn có được trái tim của người để trị bệnh cho mẹ nàng là long hậu Vimālā vợ của long vương Varuṇa. Để chiếm được nàng, ta cần có trái tim của người làm sính lễ.

Nghe vậy, hiền trí Vidhura hiểu ngay rằng: “Thì ra khi long cương Varuṇa trở về cõi rồng, đã thuật lại buổi tương ngộ kỳ diệu của bốn vị đại vương nơi vườn Ngự Uyển, long vương đã tán thán trí tuệ của ta, long hậu Vimālā muốn nghe ta thuyết pháp, nên bày ra trò này. Nhưng long vương, long nữ cùng dạ xoa này không biết được ẩn ý ấy”. Ngài nói rằng:

- Đây thanh niên, người đã hiểu sai ý của long hậu Vimālā rồi. Đây thanh niên, người muốn lấy trái tim ta, người phải biết pháp lành (sādhudhammā) của bậc thiện nhân. Ta biết pháp lành, hãy nghe ta giảng pháp lành rồi người sẽ lấy được trái tim của ta.

Dạ xoa Punṇaka suy nghĩ: “Pháp lành chưa được các thiên nhân biết đến để thuyết giảng. Vậy ta hãy nghe pháp lành trước, rồi lấy trái tim của Vidhura sau cũng không muộn lắm”.

Dạ xoa đặt hiền trí Vidhura xuống đất, chấp tay thưa rằng:

- Thưa bậc hiền trí, hãy thuyết lên pháp lành đi.

- Đây thanh niên, hãy để ta tắm rửa sạch sẽ trước khi thuyết lên pháp lành.

Hiền trí tắm rửa sạch sẽ, dạ xoa Punṇaka mang thiên y đến để Ngài thay đổi, mang vật thực thượng vị đến để Ngài Vidhura dùng, sửa soạn bảo tọa bằng hoa thơm ở trên đỉnh núi Kālagiri.

Hiền trí Vidhura ngồi lên bảo tọa bằng hoa thơm, thuyết rằng:

- Đây thanh niên, pháp lành của bậc hiền trí có bốn chi phần là:

a- Theo con đường của người đi trước.

b- Đừng đốt bàn tay ướt.

c- Đừng phản bạn, làm hại bạn.

d- Đừng rơi vào quyền lực ác pháp của nữ nhân.

Dạ xoa không hiểu các ý nghĩa ấy, nên hỏi rằng:

- Thế nào là “theo con đường của người đi trước”? Thế nào là “đừng đốt bàn tay ướt”? Thế nào là “đừng phản bạn, làm hại bạn”? Thế nào là “đừng rơi vào quyền lực ác pháp của nữ nhân”?

- Đây dạ xoa, người có ân với mình, mình phải tìm dịp để báo ân. Cho dù người ấy chưa từng quen biết, tuy chưa được cho ăn uống, nhưng chỉ niềm nở chào đón, tiếp đãi mình cũng là người ơn của mình. Bậc thiện nhân không hề quên điều tốt đẹp mà người đã dành cho mình và tìm cách báo đáp thịnh tình ấy. Đây gọi là “theo con đường của người đi trước”.

Này dạ xoa, Khi mình cư ngụ nơi nhà của người nào rồi phải nhớ ân, đừng vội quên những điều tốt đẹp mà người đã cho đến mình. Như vậy gọi là “đừng đốt bàn tay ướt”.

Này đạxoa, người đã có ân với mình, đừng tìm cách làm hại người ấy, nên tìm cách làm lợi ích đến người ấy. Đây gọi là “đừng phản bạn, làm hại bạn”.

Này đạxoa, không nên chịu theo ý muốn của nữ nhân để thực hành ác pháp. Thông thường nữ nhân cho dù là vợ của vua Chuyển Luân, nhưng khi có tình nhân sẽ khinh thường chồng, phản bội chồng, chớ nên tin tưởng nữ nhân là chung thủy. Đây gọi là “đừng rơi vào quyền lực ác pháp của nữ nhân”.

Này đạxoa, người nên trú trong bốn pháp lành (sādhudhammā) này.

Nghe vật, đạxoa Puṇṇaka suy nghĩ: “Bậc trí Vidhura đang xin ta tha mạng sống. Thật vậy, ta đã trú ngụ trong nhà của bậc trí Vidhura ba ngày, tuy chưa từng quen biết nhưng đã tiếp đãi ta thật chu đáo, xem ta như một thượng khách quý, dù biết rằng ta sẽ bắt đi làm nô lệ hay sát hại. Nay ta sát hại người tốt đẹp với ta như vậy, ta trở thành người vô ân, phản bạn, làm hại bạn, tất cả điều tội lỗi này chỉ vì ta muốn làm hài lòng nàng Irandatī. Như vậy ta đang ở trong quyền lực ác pháp của nữ nhân.

Càng suy xét, ta thấy mình đi vào ác pháp, là kẻ xấu xa tội lỗi. Nếu các đạxoa có thần lực, các thiên nhân biết được sẽ khiển trách, khinh thường ta, không còn tôn trọng ta nữa. Không được nàng Irandatī thì thôi, ta quyết không rơi vào ác pháp xấu xa này đâu”.

Đạxoa Puṇṇaka nói rằng:

- Thưa bậc trí Vidhura, hãy đến đây. Tôi sẽ đưa Ngài trở về kinh thành Indapatta, Ngài thoát khỏi khổ do biết được pháp lành này. Xin Ngài hãy thứ lỗi cho tôi, tôi đã vô cớ làm khổ Ngài.

- Này đạxoa, người khoan mang ta về kinh thành Indapatta, hãy đưa ta xuống long cung. Ta muốn thấy cảnh vinh hiển tốt đẹp của long vương Varuṇa.

- Này bậc trí tuệ, lẽ thường người trí biết được ai là kẻ thù, họ không muốn đến gần. Long vương Varuṇa đang là kẻ thù của ông, đang tìm cách giết ông để lấy trái tim, tại sao Ngài lại muốn đến long cung?

- Này đạxoa, không nên đến gần kẻ thù, điều này ta đã biết. Nhưng ta không làm ác pháp, vì thế ta không biết ghét hay sợ sự chết xảy đến cho ta.

Đạxoa Puṇṇaka đưa hiền trí Vidhura đến cõi rồng của long vương Varuṇa. Nơi đây hiền trí Vidhura thuyết pháp đến long vương Varuṇa và long hậu Vimālā.

Nghe được pháp thoại của hiền trí Vidhura, hội chúng rồng vô cùng hoan hỷ, long vương Varuṇa gả nàng long nữ Irandatī cho đạxoa Puṇṇaka.

Đạxoa tặng hiền trí Vidhura viên bảo ngọc dùng đánh cuộc với vua Dhanañjaya Korabya, rồi đưa hiền trí Vidhura trở lại kinh thành Indapatta.

Hiền trí Vidhura trình lên vua Dhanañjaya Korabya những điều xảy ra và dâng lên đưác vua viên bảo châu.

Đức vua Dhanañjaya Korabya cho tổ chức lễ hội một tháng để chào mừng hiền trí Vidhura trở về.

Nhận diện tiên thân.

Nàng Anujjā nay là Rāhulamātā; Dhammapāla nay là Ngài Rāhula, long vương Varuṇa nay là Ngài Sāriputta, Kim Xí diểu vương nay là Ngài Moggallāna, vua trời Sakka nay là Ngài Anuruddha, vua Dhanañjaya nay là Ngài Ananada.

Hiền trí Vidhura nay là Đức Thế Tôn⁽¹⁾.

Kinh này còn được gọi là Puṇṇakajātaka⁽²⁾. Trong Bharhut Tope có 4 phù điêu mô tả bốn cảnh của câu chuyện này⁽³⁾.

G- Đức Moggallāna viên tịch.

(1)- JA. Vidhurapaṇḍita (chuyện hiền trí Vidhura) (chuyện số 545).

(2)- JA. iv. 14, 182.

(3)- Cunningham, *Bharhut*, p. 82.

Sau khi tôn trí Xá lợi của Ngài Sāriputta vào bảo tháp ở cổng Jetavanavihāra gần thành Sāvattthi, Đức Thế Tôn biểu lộ ý muốn đến thành Rājagaha (Vương xá), Ngài Ānanda hiểu ý Đức Thế Tôn nên thông báo đến các Tỳkhuu rằng:

- Nay các hiền giả, hãy chuẩn bị du hành cùng với Đức Thế Tôn đến thành Rājagaha.

Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳkhuu du hành từ thành Sāvattthi đến thành Rājagaha, Ngài cùng các Tỳkhuu đến trú ngụ nơi Veluvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), nơi nuôi dưỡng những con sóc.

Lưu ý. Bôtát Siddhattha chứng Vô thượng chánh giác vào ngày trăng tròn tháng Vesākha (tháng 4-5Dl. Theo lịch VN là ngày 15, tháng 4 âm).

Trong năm ấy, vào đầu nửa tháng sau của tháng Māgha (tháng 1-2 Dl. Tính theo lịch VN là ngày 01 tháng giêng âm), Ngài Sāriputta và Moggallāna xuất gia Tỳkhuu trong Giáo pháp này, 8 ngày sau Ngài Moggallāna chứng Thánh quả Alahán; bảy ngày sau Ngài Sāriputta chứng Thánh quả Alahán, đó là ngày trăng tròn tháng Māgha (theo lịch VN là ngày 15, tháng giêng âm) cũng là ngày Đức Thế Tôn thành lập Tăng đoàn.

Vào ngày trăng tròn tháng Kattika (tháng 10-11 Dl. Tính theo lịch VN là ngày 15 tháng 9 âm), Đức Thế Tôn vừa được 45 lần an cư mùa mưa, Ngài Sāriputta và Moggallāna được 44 lần an cư mùa mưa.

Sau khi làm lễ Pavāraṇā (Tự tứ), nửa tháng sau Ngài Sāriputta viên tịch tại sinh quán là làng Nālaka. Tám ngày sau của mùa trăng non (tính theo lịch VN là ngày 8 tháng 2 âm), Ngài Moggallāna viên tịch tại Kāḷasilāvihāra (TỰ viện Tăng đá đen) ở núi Isigili gần thành Rājagaha⁽¹⁾.

Sự viên tịch của Đức Moggallāna như sau:

Khi Đức Thế Tôn trú ngụ nơi Veluvanavihāra (Đại tự Trúc Lâm), Ngài Moggallāna trú ngụ ở Kāḷasilāvihāra của núi Isigili.

Trước đây, vì có năng lực thần thông, Ngài Moggallāna thường đến viếng các cõi chư thiên và địa ngục Ussada. Ngài thấy phần lớn các môn đệ của Đức Thế Tôn sinh về thiên giới, còn phần lớn các ngoại giáo tái sinh về địa ngục. Khi trở về nhân giới, Ngài Moggallāna trình lên Đức Thế Tôn về những điều mình trông thấy. Do đó, các gia chủ quy ngưỡng vào Phật giáo rất đông, bỏ rơi các dị giáo, lực đắc và sự cung kính Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng tăng lên trong khi đối với các dị giáo giảm xuống từng ngày.

Có lần các Nigaṇṭha Nātaputta cùng các môn đệ dị giáo hội nhau, đàm luận rằng:

- Nay các hiền hữu, các hiền hữu có biết vì sao lợi đắc cùng sự cung kính của các cư sĩ đối với chúng ta giảm sút rõ rệt hay chăng?

- Nay hiền hữu, chúng tôi không biết. Hiền hữu có biết chăng?

- Vâng, thưa hiền hữu, tôi biết. Do có tôn giả Moggallāna là đệ tử của Samôn Gotama. Ông này có thần thông, thường lên các cõi trời; khi trở về thưa với Samôn Gotama rằng: “Các gia chủ cận sự của Samôn Gotama, phần lớn sau khi mệnh chung được tái sinh về cõi trời”. Ông Moggallāna lại đi xuống thăm các cõi địa ngục, khi trở về thưa với Samôn Gotama rằng: “Các môn đệ dị giáo, sau khi mệnh chung phần lớn tái sinh về địa ngục”.

Các gia chủ nghe vậy, đã từ bỏ chúng ta, quy ngưỡng Samôn Gotama cùng đệ tử của Samôn Gotama. Do vậy, sự cung kính cùng lợi đắc của chúng ta ngày càng bị giảm thiểu.

Sau khi thảo luận, các dị giáo đi đến quyết định là: “Nếu ông Moggallāna còn sống thì lợi đắc cùng sự cung kính của hàng gia chủ đối với chúng ta sẽ không còn. Bằng mọi cách chúng ta phải sát hại cho được ông Moggallāna”.

⁽¹⁾- SA. iii. 181.

Các du sĩ ngoại giáo đi quyên góp các tín đồ một số tiền lớn là 1.000 đồng vàng, thuê 500 tên côn đồ cầm đầu là Samaṇaguttaka đến Kāḷasilāvihāra sát hại Ngài Moggallāna.

Bọn côn đồ đến vây chung quanh liêu thất của Ngài Moggallāna, rồi xông vào liên thất để bắt Ngài, biết được ý ác của bọn côn đồ, vừa thấy chúng Ngài Moggallāna dùng thần thông theo lối khoá ra bên ngoài bay mất, không thấy Ngài bọn cướp trở về. Sáu ngày trôi qua như thế, đến ngày thứ 7 thì ác nghiệp quá khứ còn dư sót đến hồi trở quả, Ngài Moggallāna không thể dùng thần thông bay đi được.

Dù có năng lực thần thông thu phục được rồng chúa Nandopananda, rắn chúa Ahichatta, làm rung chuyển giảng đường Migāramātu, thiên cung Vejayanta ... năng lực thần thông ấy cũng không còn thể hiện được sức mạnh.

Theo Bản Sớ giải kinh Pháp cú (Dhammapada-atthakathā), bọn côn đồ vây liêu thất của Ngài Moggallāna hai tháng⁽¹⁾.

Ngài Moggallāna suy nghĩ: “Ta chưa xin phép Đức Thế Tôn viên tịch. Vậy ta hãy xin phép Đức Thế Tôn rồi hãy viên tịch”. Ngài dùng thần lực bảo vệ sắc ý vật (hadayavatthu), đưa sắc ý vật ra ngoài thân xác, ví như người rút đi tim của cọng tim bắc, chỉ còn vỏ tim bắc mà thôi, tâm Ngài trú vào sắc ý vật ấy.

Tên cầm đầu nhóm côn đồ là Samaṇaguttaka xông vào liêu bắt được Ngài Moggallāna, chúng đánh đập, nghiền vỡ xương của Ngài ra từng mảnh vụn, ném mảnh vụn xương thịt rải rác khắp nơi.

Bọn côn đồ cho rằng: “Ông Moggallāna đã chết”, chúng kéo nhau trở về lãnh tiền thưởng, khi chúng kéo đi khỏi, Ngài Moggallāna dùng thần lực gom thân xác trở lại như trước, rồi dùng thần thông đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, con đã từ bỏ thọ hành (āyusaṅkhāra). Con đến đánh lễ Đức Thế Tôn, con xin phép Bậc Đạo sư cho phép con được viên tịch.

- Này Moggallāna, người có ý muốn viên tịch sao?.

- Vâng, bạch Thế Tôn.

- Này Moggallāna, người sẽ viên tịch ở nơi nào?

- Bạch Thế Tôn, nơi Kāḷasilāvihāra trong núi Isigili.

- Này Moggallāna, hãy thuyết lên pháp thoại trước khi viên tịch. Như Lai cùng Tăng chúng không còn cơ hội gặp lại người đệ tử ưu tú như ngươi.

- Vâng, bạch Thế Tôn.

Ngài Moggallāna bay lên hư không cao bằng một cây thốt nốt (tāla), rồi hạ xuống đất đánh lễ Đức Thế Tôn. Bay lên cao 2 cây thốt nốt ... ba cây thốt nốt... bay lên cao 7 cây thốt nốt rồi hạ thân xuống đất đánh lễ Đức Thế Tôn.

Trước khi thuyết giảng pháp thoại, Ngài Moggallāna thể hiện nhiều loại thần thông, rồi thuyết lên pháp thoại sau cùng.

Dứt pháp thoại, Ngài Moggallāna đánh lễ Đức Thế Tôn lần cuối cùng, rồi theo đường hư không trở về Kāḷasilāvihāra viên tịch.

Khi Đức Moggallāna viên tịch, quả địa cầu rung chuyển, tiếng ầm ỉ trong lòng đất vang lên như tiếng khóc than sầu muộn trước sự ra đi của vị thầy chư thiên và nhân loại. Tựa như ánh sao băng xé vụn khung trời bình thản, tạo ra những tiếng xé gió truyền đi khắp không gian vô tận.

Chư thiên sáu tầng trời, các Phạm thiên hữu sắc nhận biết tín hiệu ấy, thốt lên rằng: “Thầy của chúng ta, đại trưởng lão Moggallāna đã viên tịch”.

Chư thiên, Phạm thiên cùng nhau tụ hội đến Kāḷasilāvihāra, mang theo hương chiên đàn, hoa trời, hương trời, nước thơm.... đến cúng dường đến di thể của Đức Moggallāna. Một hoá đài bằng gỗ trầm hương được dựng lên, hóa đài cao 99 cubit (# 40 m), hương hoa trời cùng bột thơm phủ kín di hài của vị Đại trưởng lão đệ nhất thần thông.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 137 – 140.

Đức Thế Tôn ngự đến hỏa đài cùng đại chúng Tỳkhuu và đông đảo các cận sự nam nữ, các vị Tỳkhuu đưa di thể của Đức Moggallāna lên hỏa đài, Đức Thế Tôn đứng cạnh hỏa đài khi ngọn lửa trà tỳ được châm lên.

Một trận mưa hoa rơi xuống rộng một dotuần, quanh hỏa đài vô số thiên nhân, Phạm thiên, rồng (nāga), nhân điều (kinnara), dạ xoa (yakkha), hương thần (gandhabba), quạt, lọng, phướn ... hoa, gỗ trầm hương được Phạm thiên, chư thiên, nhân loại ... cúng dường vào hỏa đài. Ngọn lửa trên hỏa đài kéo dài đến 7 ngày mới tàn rụi.

Đức Thế Tôn cho thu gom Xá lợi của Ngài Moggallāna mang về tôn trí vào bảo tháp được xây dựng trước cổng Veḷuvanavihāra⁽¹⁾.

Hỏi. Vì sao biết bọn hung đồ đang tìm cách sát hại mình, Ngài Moggallāna không đi nơi khác trú?

Đáp. Vì Ngài biết rõ quả ác nghiệp đánh chết mẹ cha trong quá khứ đang rượt theo tóm lấy Ngài, dù Ngài đến nơi nào cũng bị đánh tan xác. Ở nơi ấy, Ngài có cơ hội đánh lễ Bậc Đạo sư lần cuối cùng, xin phép Bậc Đạo sư viên tịch.

Trong tập Apadāna có ghi nhận:

389- Pāpamittopanissāya kāmaraḡavasamaḡ gato.

Mātaram pitarañcāpi ghātaviḡ duṭṭhamānaso.

“Lệ thuộc vào bạn ác xấu, tôi đã chịu sự khống chế của ái dục.

Với tâm ý tôi bại, tôi đã giết chết người mẹ và cả người cha nữa”.

390- Yam yam yonupapajjāmi nirayamaḡ atha mānusaḡ.

Pāpakammasamaḡitā bhinnasāso marāmaḡamaḡ.

“Nơi chôn nào tôi đi tái sinh đâu là địa ngục hay nhân loại.

Do bị liên đới đến ác nghiệp tôi chết với đâu bị vỡ”.

391- Idamaḡ pacchimamaḡ mayamaḡ carimo vattate bhavo.

Idhāpiedisamaḡ mayamaḡ maraḡakāle bhavissati.

“Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển.

Thậm chí ở đây, sự việc như thế cũng sẽ xảy ra vào thời điểm tử biệt của tôi”⁽²⁾.

Những kệ ngôn trên cho thấy: “Ngài Moggallāna thấy trước quả ác nghiệp sát hại mẹ cha sẽ tóm lấy Ngài trong kiếp sau cùng”.

Trong Bốn sự Sarabhaḡga ghi nhận: Sau lễ hỏa táng di hài của Đức Moggallāna, các Tỳkhuu đàm luận với nhau nơi Giảng pháp đường của Veḷuvanavihāra rằng:

- Nay chư hiền, vì Tướng quân Chánh pháp viên tịch không diễn ra gần nơi Đức Thế Tôn trú ngụ, nên không nhận được đặc ân từ Đức Thế Tôn. Tôn giả Moggallāna viên tịch gần nơi trú ngụ của Đức Thế Tôn, nên nhận được đặc ân từ Đức Thế Tôn.

Lại nữa, nay các hiền giả, một trận mưa hoa rơi xuống trong buổi lễ hỏa táng ấy, thật là điều kỳ diệu.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, ngồi vào chỗ được soạn sẵn, hỏi các Tỳkhuu rằng:

- Nay các Tỳkhuu, các người đang bàn luận về việc gì? Vấn đề nào được sinh khởi tại nơi đây?

Các Tỳkhuu trình lại vấn đề đang luận bàn đến Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Nay các Tỳkhuu, không phải trong hiện tại Moggallāna nhận được đặc ân từ Như Lai và có trận mưa hoa kỳ diệu rơi xuống. Trong quá khứ tiền thân của Moggallāna cũng đã từng được như thế rồi.

Và theo lời thỉnh cầu của các Tỳkhuu, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn sự Sarabhaḡga.

Trong Bốn sự này ghi nhận:

⁽¹⁾- JA. Sarabhaḡga (Đạo sư Sarabhaḡga) (chuyện số 522).

⁽²⁾- ĐĐ Indacando (đ). Apadāna I (Thánh nhân ký sự I). Mahāmogallānatherāpadānaḡ (Ký sự trưởng lão Mahāmogallāna).

*Khi vua Daṇḍakī bị chư thiên nổi giận, tạo ra mưa lửa đỏ hủy diệt kinh thành Daṇḍakī, Đạo sư Sarabhaṅga sai hai ẩn sĩ mang kiệu đến rước ẩn sĩ Kisavaccha theo đường hư không trở về với Đạo sư Sarabhaṅga. Đó là đặc ân của đạo sư Sarabhaṅga dành cho ẩn sĩ Kisavaccha.

*Khi thiên chủ Sakka cùng với thiên chúng hai cõi Catutthamahārājā (Tứ đại vương) và Tāvatisa (Ba mươi Ba) xuống trần, hội với ba vua là: Vua xứ Kalinga, vua xứ Aṭṭhaka và vua xứ Bhimaratha đến hỏi Đại sĩ Sarabhaṅga về ba vị vua phạm tội với các ẩn sĩ, bị rơi vào địa ngục như thế nào?. Đó là:

- Vua Kalābu sát hại ẩn sĩ Khantivādī bị đất rút.
- Vua Ajjuna có ngàn tay, phạm tội với ẩn sĩ Aṅgīrasa, bị đất rút.
- Vua Nālikīra đem các ẩn sĩ cho chó ăn thịt, bị đất rút.

Vừa khi ấy ẩn sĩ Kisavaccha mệnh chung, lúc cử hành tang lễ, các ẩn sĩ ở nhiều nơi khác nhau đến dựng hỏa đài bằng gỗ chiên đàn để hỏa thiêu di hài. Một trận mưa hoa rơi xuống rộng nửa dotuần.

Ẩn sĩ Kisavaccha là tiền thân của Đức Moggallāna, đạo sư Sarabhaṅga nay là Đức Thế Tôn.

**Những tên sát nhân bị trừng phạt.*

Tin trường lão Mahāmoggallāna bị nhóm côn đồ sát hại lan truyền khắp thành Rājagaha. Vua Ajaatasattu cho thám tử đi khắp hang cùng ngõ hẻm để truy tìm thủ phạm.

Bọn côn đồ sau khi nhận tiền thưởng, chúng đi vào một quán rượu, trong cơn say rượu một tên làm đổ ly rượu của tên côn đồ khác, tên bị làm đổ ly rượu tức giận, mắng rằng:

- Người là tên vô lại, ngu ngốc dám làm đổ ly rượu của ta xuống đất như vậy.

Tên kia không nhận mắng lại rằng:

- Người mới chính là kẻ vô lại, người chết nhất không dám xông đến giết ông Moggallāna. Ta là người đầu tiên đánh đập ông Moggallāna có đại uy lực đấy, người có dám làm như thế không?

Chúng chửi mắng nhau loạn xạ, tên nào cũng tự cho mình là cam đảm, dám đánh đập Ngài Moggallāna trước, người được đại chúng truyền tụng là có đại thần lực, đại uy lực, rồi chúng xô xát, ấu đả lẫn nhau.

Trình thám cùng quan quân của vua Ajātasattu bắt hết nhóm côn đồ có Samaṇagutta cầm đầu. Vua Ajātasattu truyền dẫn nhóm côn đồ đến, hỏi rằng:

- Các người đã giết chết trường lão Moggallāna phải không?

- Vâng, thưa đại vương.

- Vì sao các người sát hại trường lão?

- Thưa Đại vương, nhóm du sĩ Nigaṇṭha thuê chúng con một ngàn đồng vàng.

Vua Ajātasattu truyền bắt 500 du sĩ lửa thể Nigaṇṭha Nātaputta là những kẻ chủ mưu sát hại Đức Moggallāna.

Vua Ajātasattu cho đào 1.000 hố trước sân hoàng cung, chôn các tội nhân vào từng hố ngang đến rún, bên trên phủ đầy rơm rồi châm lửa đốt. Khi tội nhân chết rồi, cho những chiếc cày sắt cày qua cây lại, thi thể các tội nhân nát ra từng mảnh lớn nhỏ khác nhau.

Việc hành hình này, vua Ajātasattu giao cho bốn tên cướp bị bắt giam trong ngục thi hành⁽¹⁾.

**Tiên nghiệp của Đức Moggallāna.*

Các Tỳkhuu hội nhau nơi Giảng pháp đường của Veluvanavihāra, rằng:

- Nay các hiền giả, trường lão Mahā Moggallāna chịu một cái chết không xứng đáng với mình, bị đánh tan xác rồi viên tịch.

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 137 – 140.

Đức Thế Tôn ngự đến Giảng pháp đường, Ngài giải nghi cho các Tỳkhuu qua tiền nghiệp của Ngài Moggallāna, như sau:

Thuở quá khứ, có một thanh niên con nhà gia giáo, cư ngụ trong thành Bārāṇasī. Thanh niên rất có hiếu với cha mẹ, cha mẹ bị mù lòa, hằng ngày thanh niên chăm sóc nuôi dưỡng cha mẹ rất chu đáo.

Thấy con vất vả nên cha mẹ chàng bảo chàng cưới vợ để giúp đỡ chàng, nhưng chàng từ chối. Cuối cùng để làm cha mẹ vui lòng, chàng cưới một cô gái về làm vợ.

Những ngày tháng đầu, nàng còn chăm sóc cha mẹ chồng tốt đẹp, nhưng về sau nàng không muốn phục vụ cha mẹ chồng nữa, nên than vãn với chồng rằng:

- Em không thể sống chung với cha mẹ được nữa.

Nhưng thanh niên gạt bỏ ngoài tai những lời than vãn của vợ. Cô chờ chồng đi vắng, lấy chỉ gai quét với bột cháo trây trét khắp nhà. Khi chồng hỏi:

- Cái gì thế này?

- Cha mẹ cứ mò mẫm khắp nơi, làm đổ vật thực cùng cháo ròi trây trét khắp nhà như thế. Em không thể quét dọn nhà cho sạch sẽ được.

Việc này cứ lập đi lập lại nhiều lần, một chúng sinh dù tích trữ phước balamật nhiều đời, nhưng khi bị ái dục làm tâm đắm nhiễm trở nên mê muội, nên thanh niên khởi ác tâm muốn giết cha mẹ mình.

Một hôm, thanh niên nói với cha mẹ rằng:

- Thừa cha mẹ, thân quyến của chúng ta ở xứ ..., muốn mời chúng ta sang thăm họ. Chúng ta hãy đến thăm viếng họ.

Hằng ngày khi con trai đi vắng, con dâu cứ chì chiết mắng nhiếc mình, nhưng ông bà sợ con trai mình phiền muộn, nên âm thầm chịu đựng. Nay nghe nói có dịp đi xa, ông bà rất vui mừng đồng ý ngay.

Đặt cha mẹ vào cỗ xe nhỏ, thanh niên đánh xe đến bìa rừng, nói với cha mẹ:

- Thừa cha mẹ, trong rừng có rất nhiều tên cướp, con sẽ xuống đi bộ để bảo vệ cha mẹ.

Trao dây cương cho cha, thanh niên đi bộ một quãng, rồi quay trở lại đổi giọng giả làm bọn cướp đánh đập cha mẹ tàn nhẫn.

Tuy bị đánh đập tàn nhẫn, nhưng ông bà la lớn báo động cho con rằng:

- Nay con ơi, con hãy chạy thoát thân đi, đừng lo cho cha mẹ. Bọn cướp này rất hung ác, chúng sẽ giết chết con đấy.

Nghe vậy, thanh niên rất xúc động, suy nghĩ: “Tuy bị đánh đập tàn nhẫn mà hai vị chẳng lo cho mình, chỉ nghĩ đến con mà thôi. Ta đã làm một việc rất xấu hổ và tệ hại nhất”.

Chàng giả vờ như bọn cướp bị đánh đuổi bỏ chạy mất, một lúc sau, chàng đi đến xoa bóp cho cha mẹ, nói rằng:

- Cha mẹ chớ sợ hãi nữa, bọn cướp đã trốn chạy rồi.

Thanh niên đưa cha mẹ về nuôi dưỡng chu đáo, nhưng nghiệp này có tên gọi là aparāpariyakamma (nghiệp thường còn), không có cơ hội trở quả nhưng nó vẫn chờ đợi, như ngọn lửa ấp ủ dưới tro tàn. Và nó bùng lên tóm lấy tôn giả Moggallāna vào kiếp cuối cùng, nên tôn giả Moggallāna bị đánh tan xác ⁽¹⁾.

Trong Sớ giải kinh Pháp cú có khác chi tiết là:

Tuy nghe cha mẹ lo cho mình như vậy, nhưng thanh niên chẳng chút cảm động, đã đánh chết cha mẹ rồi ném xác trong rừng.

Mệnh chung, thanh niên rơi vào địa ngục với nhiều trăm ngàn năm, thoát khỏi cảnh giới địa ngục, quả còn dư sót, khi sinh làm người đã bị đánh tan xác hằng trăm kiếp. Nay tuy là kiếp cuối cùng, nhưng quả dư sót ấy còn theo kịp, nên tôn giả Moggallāna bị đánh tan xác rồi viên tịch.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuật lên các kệ ngôn:

⁽¹⁾- JA. Đạo sư Sarabhaṅga (chuyện số 522).

137- Yo daṇḍena adaṇḍesu; appadutṭhesu dussati.
Dasannamaññataraṃ ṭhānaṃ; khippameva nigacchati.
*“Dùng trượng phật không trượng; làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau; chịu gấp một loại khổ”*.

138- Vedanaṃ pharusāṃ jāniṃ; sarīrassa ca bhedaṇaṃ.
Garukaṃ vāpi ābādhaṃ; cittakkhepaṃ vā pāpuṇe.
*“Hoặc thọ khổ liệt; thân thể bị thương vong.
Hoặc thọ bệnh kịch liệt; hay loạn ý tán tâm”*.

139- Rājato vā upasaggaṃ; abbakkhānaṃ va dārunaṃ.
Parikkhayaṃ va ñātinaṃ; bhogaṇaṃ va pabhaṅgaṇaṃ.
*“Hoặc tai họa từ vua; hay bị vu trọng tội.
Bà con phải ly tán; tài sản bị nát tan”*.

140- Atha vāssa agārāni; aggi dahati pāvako.
Kāyassa bhedaṃ duppañño; nirayaṃ so upapajjati.
*“Hoặc phòng ốc nhà cửa; bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mệnh chung; ác tuệ sinh địa ngục”* (HT. TMC d)⁽¹⁾.
Dứt cuộc đời Ngài Mahāmoggallāna.

Soạn xong ngày 22 - 6- 2011.
(Nhằm ngày 21 – 5 năm Tân mão).

⁽¹⁾- DhpA. Câu số 137 – 140.

Lời nói đầu	4
II - Đức Moggallāna (Mụckiềnliên)	6
*Tiền sự	8
*Sự chứng đắc Thánh quả Alahán của Đức Moggallāna.	10
*Đạt danh hiệu “đệ nhất về thân thông”	11
* Các năng lực thần thông.	12
*Mười loại Thần thông.	14
*Trưởng giả Kākavaliya.	17
*Đức Sañjīva.	22
*Trưởng lão Khāṇu Koṇḍañña.	22
A - Đức Phật và Ngài Moggallāna.	24
1- Tế độ trưởng giả Kosiya keo kiệt (Maccharikosiya)	28
*Thị trấn Sakkara (hay Sakkhara).	31
*Bốn sự Illisa (Trưởng giả Illisa).	31
2- Đi gọi Uggasena	32
*Tiền nghiệp.	35
3- Giải cứu vương tử Sīlavā.....	36
4- Giúp bà Visākhā xây dựng Pubbārāma (chùa Đông phương).....	38
5- Làm rung chuyển Migāramātupāsāda (Giảng đường mẹ Migāra).....	38
*Bốn sự Komāyaputta (Ấn sĩ Komāyaputta).....	39
*Bốn sự Vighāsa (Món tàn thực).	39
*Vùng đất Mejjhārañña.	40
*Bốn sự Mātāṅga (Ấn sĩ Mātāṅga).	40
*Trùng phạt vua Mandavya.	43
*Tế độ ấn sĩ Jātīmanta.....	44
*Sông Vettavatī.....	45
*Ấn sĩ Mātāṅga mệnh chung.	46
6- Đức Phật dạy Đức Sāriputta và Đức Moggallāna.	46
7- Thu phục rồng chúa (nāgarāja)(1) Nandopananda.....	46
8’- Tế độ Cố vấn đại thân Aggidatta	51
9’- Tế độ Đại phạm thiên tà kiến.	56
10’- Đức Moggallāna bị bệnh.....	57
B- Đức Moggallāna với các bậc đồng phạm hạnh.	57
1-Với Đức Sāriputta (Xá lợi phất).....	57
2- Với Đức Ānanda.	59
3-Với Tôn giả Poṭṭhila (hay Poṭṭhila).....	60
4- Với Đức Lakkhaṇa.....	61
5- Thị giả Kakudha.	62
6- Với Tôn giả Vaḍḍhamāna.....	62
7- Trưởng lão Khitaka.....	63
8- Với trưởng lão Tissa.	64
Những Tôn giả Tissa khác.	68
* Tôn giả Tissa (1).....	68
*Trưởng lão Tissa (2).....	70

(1)- Chữ Nāgarāja, các vị Tiên bối thường dịch là “rồng chúa”, một số sách sau này dịch là “rắn chúa”. Chúng tôi giữ nguyên cách dịch của các vị Tiên bối là “rồng chúa” hoặc “long vương” – Ns.

* Trưởng lão Tissa (3).....	71
* Trưởng lão Tissa (4).....	72
*Trưởng lão Tissa (5).....	73
*Trưởng lão Tissa (6).....	74
*Trưởng lão Tissa (7).....	75
*Trưởng lão Tissa (8).	77
*Trưởng lão Tissa (9).....	78
*Trưởng lão Tissa (10).....	80
*Trưởng lão Tissa (11).	80
Bốn sự Akālarāvikkuta.....	81
*Trưởng lão Tissa (12).....	81
*Trưởng lão Tissa (13).	82
*Trưởng lão Tissa (14).....	82
*Bốn sự Varaṇa (Chuyện cây Varaṇa).	83
*Tỳkhưu Tissa (15).	84
*Bốn sự Kaṭāhaka (Nô lệ Kaṭāhaka).	85
C- Đức Moggallāna và các gia chủ.	86
1- Đại tín nữ Visākhā.....	86
2- Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp cô Độc).	86
3- Gia chủ Vappa.	86
4- Kỹ nữ Vimalā.....	87
5- Thiên cung huy hoàng (Uḷāravimāna).....	89
6- Thiên cung Cúng dường đường mía (Ucchudāyikāvimāna).	89
7- Gia chủ Gopāla.	89
8- Thiên cung Cúng dường trái cây (Phaladāyaka vimāna).	90
9- Thiên tử Kuṇḍalī (Thiên tử “vòng đeo tai”).	92
10- Nàng Sulasā.....	92
11- Trưởng lão ni Nanduttarā.	93
12- Thiên chủ Sakka (Đế Thích).	94
*Vườn Ekaṇḍarika (Đóa sen trắng).....	95
*Điện Vejayanta (điện Chiến thắng).....	95
*Ngài Saṅgharakkhita.	96
*Xe Vejayanta.....	96
13- Thiên nữ Lakhumā.	97
D- Năng lực thần thông của Đức Moggallāna.	97
1- Biến hoá thông.....	97
*Nālerupucimanda.	98
2- Chú nguyện thông.	98
*Thiên tử Suyāma.....	100
*Thiên tử Santusita.....	100
*Thiên tử Sunimmita.....	101
*Thiên tử Vasavattī.....	101
* Cận sự nam Nandiya.....	103
3- Thiên nhĩ thông.....	104
4- Tha tâm thông.....	104
*Kāḷasilā (tảng đá đen).	105
*Núi Isigili (Nuốt đạo sĩ).	105
5- Túc mạng thông.	106
* Chuyện ma đoi “Cây mía” (Ucchupetavatthu).....	106
6- Thiên nhãn thông (dibbacakkhu).	107
a- Nhìn thấy nước dòng sông Tapodā chảy ngang địa ngục.	107
*Núi Vebhāra.....	108

b- Thấy vua Bimbisāra thắng vua Licchavi.....	108
c- Thấy chúng sinh ma đói (peta).	108
1'- Chuyện ma đói mình rắn (Ahipetavatthu).	108
2'- Chuyện ma đói mình trăn (Ajagarapetavatthu).	110
3'- Chuyện ma đói đầu heo (Sūkarapetavatthu).	112
4'- Chuyện ma đói búa đập đầu (Saṭṭhīkūṭapetavatthu).	112
d- Thấy ác ma trong bụng mình.	114
E- Đức Moggallāna và kinh điển.....	116
F- Liên hệ tiền thân.	123
1-Bốn sự Indriya (chuyện Uy lực dục tham).	123
*Ăn sĩ Kisavaccha	124
3- Bốn sự Kakkāru	125
19- Bốn sự Khaṇḍahāla (còn gọi là bốn sự Candakumāra).	126
20- Bốn sự Cullasutasoma (Tiểu Sutasoma).	134
21- Bốn sự Mahānāradakassapa (chuyện bậc Đại trí Mahānārada).	135
*Dasaṇṇa.....	139
22- Bốn sự Bhūridatta.	139
*Ăn sĩ Brahmadata cùng long nữ Mānavikā.	140
*Danh hiệu Bhūridatta.	141
*Hai cha con người thợ săn.	142
*Gã bắt rắn và ngọc Như ý (Maṇi).	142
*Bhūridatta bị bắt.....	143
*Bhūridatta được giải cứu.	144
*Bhūridatta bác bỏ Veda (Vêđà).	146
23- Bốn sự Sasa (chuyện con thỏ).	147
24- Bốn sự Mahājanaka (chuyện Đại vương Mahājanaka).	148
25- Bốn sự Hatthipāla (chuyện người giữ voi).	157
26- Bốn sự Sambhava (chuyện nam tử Sambhava).	160
27- Bốn sự Sudhābhojana (chuyện vật thực trong sạch).	161
28- Bốn sự Vidhurapaṇḍita (hiền trí Vidhura).	163
G- Đức Moggallāna viên tịch.	170
*Những tên sát nhân bị trừng phạt.....	174
*Tiền nghiệp của Đức Moggallāna.....	174